

CHỈ ĐẠO CHÍNH LÝ, TÁI BẢN
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ
NHIỆM KỲ 2015-2020

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ
NHIỆM KỲ 1996-2000

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
PHAN CHUNG
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
VÕ DUY CHẤT
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
PHAN THANH SƠN
Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

BIÊN SOẠN
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY
PHAN THANH SƠN (Chủ biên)

BAN CHỈ ĐẠO
NGUYỄN VĂN HÙNG
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh - *Trưởng ban*
PHẠM ĐỨC CHÂU
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy -
Phó Trưởng ban (từ tháng 6/2018 đến tháng 3/2019)
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh -
Phó Trưởng ban (từ tháng 6/2018 đến tháng 01/2020)
NGUYỄN ĐĂNG QUANG
Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy - *Phó Trưởng ban*
HỒ ĐẠI NAM
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - *Phó Trưởng ban*
PHAN VĂN PHỤNG
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy - *Thành viên*
LÊ QUANG CHIẾN
Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy - *Thành viên*
LÊ THỊ HỒNG
Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - *Thành viên*

BAN BIÊN SOẠN, CHỈNH LÝ, TÁI BẢN

HỒ ĐẠI NAM

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy - *Trưởng ban*

LÊ THỊ HỒNG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy -
Phó Trưởng ban, Chủ biên

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Trưởng Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - *Thành viên*

NGUYỄN NGỌC TUẤN

Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - *Thành viên*

LÊ THỊ CHÂU MINH

Chuyên viên Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng,
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - *Thành viên*

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Quảng Trị là vùng đất lịch sử, vùng đất anh hùng, nơi có dòng sông Bến Hải - giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc đã chứng kiến nỗi đau chia cắt đất nước ròng rã 21 năm. Đây cũng là nơi thấp lèn hy vọng và niềm tin bất diệt về độc lập, thống nhất và tương lai tươi sáng của Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân Quảng Trị đã cùng cả nước đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945; kiên cường, anh dũng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đấu tranh và giành chiến thắng trong các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, cùng với cả nước, Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới trên địa bàn tỉnh.

Năm 1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập I (1930-1954)*. Cuốn sách đã lưu lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị từ ngày đầu thành lập đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, nhằm tiếp tục tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Quảng Trị, nhất là thế hệ trẻ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị khóa XVI đã chỉ đạo sưu tầm thêm tài liệu, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng, lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các sở, ban, ngành và cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh để bổ sung, chỉnh lý nội dung và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tái bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập I (1930-1954)***.

Cuốn sách đã khắc họa rõ nét quá trình thành lập và lãnh đạo nhân dân Quảng Trị cùng cả nước chống thực dân, phong kiến và đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Đảng bộ tỉnh; bảo vệ chính quyền của nhân dân và tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh đến ngày thắng lợi năm 1954.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên soạn, chỉnh lý và biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Ban biên soạn chỉnh lý, tái bản và Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Nằm ở khúc ruột miền Trung, Quảng Trị có vị trí địa lý khá đặc trưng trong trường kỳ lịch sử của dân tộc. Nhân dân Quảng Trị vừa phải thường xuyên chống chọi với thiên tai khốc nghiệt, vừa bền bỉ đấu tranh chống lại các thế lực xâm lược. Ý chí gang thép, khí phách anh hùng của nhân dân Quảng Trị càng được biểu hiện rực rỡ qua các thời kỳ cách mạng dưới ngọn cờ chiến đấu vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những năm 20 của thế kỷ XX, ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chiếu rọi tới mảnh đất quê hương Quảng Trị. Từ truyền thống yêu nước nồng nàn đã được hun đúc qua nhiều thế hệ, nhân dân Quảng Trị nhanh chóng tiếp thu tư tưởng cứu nước mới, hình thành các tổ chức tiền thân của Đảng và đi tới thành lập Đảng bộ tỉnh vào tháng 4/1930, một trong những đảng bộ ra đời sớm của Xứ Trung Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, tổ chức đảng được xây dựng từ tỉnh đến cơ sở, vận động quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ các phong trào cách mạng, làm cho những hiểu biết đầu tiên về chủ nghĩa Mác - Lênin, về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lan tỏa trong các tầng lớp nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, nhân dân Quảng Trị đã cùng cả nước tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch khác, cùng cả nước tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới và hội nhập.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Quảng Trị được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam khen tặng tám chữ vàng “*Tấn công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường*”. Tất cả các huyện, thị xã thuộc tỉnh Quảng Trị đều được Đảng và Nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Hơn bốn mươi năm, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong hơn 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh lập nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị. Đảng bộ tỉnh luôn vững vàng trước những thách thức mới, xứng đáng là một tổ chức đảng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là hạt nhân lãnh đạo chính trị của nhân dân Quảng Trị.

“Ôn cố, tri tân”, càng trân trọng, tự hào về quá khứ vẻ vang, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị càng nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc giữ gìn, phát huy những

giá trị truyền thống, những di sản tinh thần vô giá mà các thế hệ cách mạng đã để lại; đồng thời tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, cùng cả nước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Năm 1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị khóa XI, nhiệm kỳ 1991-1995 đã xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập I (1930-1954)*.

Việc xuất bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, tập I (1930-1954)* có ý nghĩa to lớn sau khi tỉnh Quảng Trị được tái lập, góp phần quan trọng vào công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, thực hiện chế độ chính sách đối với người có công với nước; đồng thời là tài liệu nghiên cứu cho các cấp, các ngành trong việc biên soạn lịch sử Đảng bộ địa phương, lịch sử và truyền thống các ban, ngành, đoàn thể.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng”, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2020, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) chủ trương chỉnh lý, tái bản cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập I (1930-1954)*.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị chân thành cảm ơn sự đóng góp nhiệt thành của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ qua các thời kỳ, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh,

Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị hoàn thành chỉnh lý, tái bản cuốn sách này.

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ,
KHÓA XVI NHIỆM KỲ 2015-2020**

PHẦN MỞ ĐẦU

**QUẢNG TRỊ - VÙNG ĐẤT,
CON NGƯỜI, VĂN HÓA VÀ
TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC,
CÁCH MẠNG**

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý, địa hình

Quảng Trị là tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ, ở vào vị trí từ 16°18' đến 17°10' độ vĩ bắc, từ 106°28'55" đến 107°23'58" độ kinh đông. Phía bắc Quảng Trị giáp tỉnh Quảng Bình; phía nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế; phía tây giáp hai tỉnh Savannakhet và Salavan nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào với đường biên giới 179,345 km; phía đông giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển 75 km. Diện tích tự nhiên 4.746 km².

Quảng Trị có quốc lộ 1A, đường xe lửa xuyên Việt và đường Hồ Chí Minh chạy qua; có quốc lộ 9 xuyên Á; có cảng biển Cửa Việt, Mỹ Thủy và hai cửa khẩu quốc tế là Lao Bảo và La Lay thông thương với Lào, Đông Bắc Thái Lan, Myanmar và các nước Nam Á khác. Từ xa xưa, Quảng Trị đã là một địa bàn có vị trí quân sự trọng yếu, một trung tâm kinh tế - văn hoá phát triển. Nhân dân Quảng Trị đã đổ nhiều xương máu để đánh đuổi giặc ngoại xâm, giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Quảng Trị có trên 4/5 diện tích là đồi núi, nơi phong phú các hệ sinh thái từ núi trung bình, núi thấp, cao nguyên bazan, karst, đến gò đồi, đồng bằng ven biển, cồn, tràm, cửa sông và đảo, biển.

Đặc điểm cơ bản của lãnh thổ Quảng Trị là có dạng bậc, từ đông sang tây, địa hình nâng cao dần, lần lượt là các cồn cát ven biển, đồng bằng bồi tích sông, biển, vùng

gò đồi thấp và cao, chuyển lên vùng núi thấp và trung bình; sau đó địa hình thấp xuống với bậc núi thấp và thung lũng, giáp biên giới phía Tây.

2. Khí hậu, thủy văn

Quảng Trị nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng lắm mưa nhiều, nên nhiệt cao, thời tiết khắc nghiệt, diễn biến bất thường. Do vị trí địa lý, địa hình nên một phần lãnh thổ phía tây của tỉnh mang đặc điểm của miền khí hậu Tây Trường Sơn.

Ở vùng Đông Trường Sơn: Mùa nắng từ tháng 3 đến tháng 8 và trung bình mỗi năm có 90-100 ngày khô nóng. Mùa này thường có gió “phơn” Tây Nam (thường gọi là gió Lào), cường độ mạnh nhất từ tháng 6 đến tháng 8 gây hạn hán, làm cho các nguồn nước cạn kiệt. Mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, với lượng mưa chiếm 77-85% tổng lượng mưa/năm. Vào mùa này, gió Đông Bắc tràn về gây mưa lạnh và thường có bão to, lụt lớn, trong đó tháng 9 và tháng 10 là thời điểm có nhiều cơn bão nhất. Một số cơn bão có cường độ gió mạnh kèm theo mưa lớn tạo ra lũ quét, sạt lở đất ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ sở vật chất, sản xuất và đời sống dân cư.

Ở vùng Tây Trường Sơn: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11. Lượng mưa chiếm khoảng 89-91% tổng lượng mưa năm.

Nhiệt độ trung bình hàng năm vào khoảng 24-25°C, biên độ nhiệt khá lớn. Nhiệt độ tháng cao nhất (từ tháng 5 đến tháng 7) khoảng 35°C, có khi lên tới 42°C; tháng thấp

nhất (tháng 01 - tháng 02) khoảng 18°C, có khi xuống dưới 13°C.

Sông ngòi ở Quảng Trị phân bố đều từ phía bắc đến phía nam của tỉnh. Ba hệ thống sông lớn là Bến Hải (có tên gọi khác là sông Hiền Lương, Minh Lương), Thạch Hãn và Ô Lâu cùng các sông nhỏ như Hiếu, Nhùng, Vĩnh Định, Vĩnh Phước, Ái Tử... tạo thành mạng lưới giao thông thuận lợi cho giao lưu kinh tế giữa các vùng trong, ngoài tỉnh và xây dựng các công trình tưới tiêu, bảo đảm nguồn nước cho sinh hoạt và thủy điện. Ngoài ra còn có hai sông thuộc hệ thống sông Mê Kông là sông Sê Păng Hiêng và sông Sê Pôn.

Nước sông ở Quảng Trị có hàm lượng chất hữu cơ không lớn, ít biến đổi theo thời gian, độ khoáng nhỏ, có phản ứng trung tính mềm. Mật độ sông ngòi dày đặc nhưng thường ngắn, lòng sông có độ dốc cao, nhiều thác ghềnh. Vùng cửa sông thường có nhiều cồn cát che chắn, do đó hạ lưu có nhiều uốn khúc, mỗi khi mưa lớn thường xảy ra lũ lụt đột ngột vì cường suất lớn ở vùng cửa sông. Cũng do dòng sông dốc nên tuy lượng mưa lớn nhưng nước lưu lại trong các lưu vực sông lại nhỏ, thêm vào đó địa hình bị chia cắt nhiều, mỗi lưu vực sông trở thành một bồn trũng gần khép kín ngăn trở việc điều hoà dòng chảy trong phạm vi lãnh thổ các khu vực khác nhau.

Hạ lưu của các hệ thống sông Bến Hải, Thạch Hãn và Ô Lâu được nối với nhau bằng các con sông đào chảy qua vùng đồng bằng dọc theo phía tây của vùng cát ven biển. Hệ thống sông đào này có ý nghĩa rất lớn trong việc cung cấp nước cho sản xuất, điều hoà lũ lớn khi có chênh lệch

mực nước trên các hệ thống sông cho vùng đồng bằng và vùng cát ven biển.

Lãnh hải Quảng Trị có diện tích khá rộng, là một ngư trường có nguồn hải sản khá phong phú, nhiều đặc sản có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao như tôm hùm, mực, hải sâm, các nục, cá ngừ... Vùng ven biển có nhiều đầm phá như Giáo Liêm, Hà Bá (Triệu Phong), Diêm Hà, Tử Lai, Thái Lai, Duy Viên (Vĩnh Linh) rộng hàng trăm héc-ta có khả năng khai thác nuôi trồng thủy sản. Các đồng muối Xuân Mỹ, Di Loan sản xuất ra loại muối có chất lượng cao.

Quảng Trị có hai cửa biển là Cửa Việt và Cửa Tùng - là những đầu mối giao thông quan trọng. Cửa Tùng là một danh thắng, một địa điểm nghỉ mát với bãi tắm lý tưởng cho du khách. Các bãi biển khác từ Vĩnh Linh đến Hải Lăng đã được khai thác phục vụ du lịch, nghỉ dưỡng. Đảo Cồn Cỏ cách đất liền 25 km, là vị trí chiến lược về quân sự, đồng thời có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế biển và du lịch.

3. Tài nguyên

Tài nguyên đất: Đất tự nhiên ở Quảng Trị có hai hệ thống: Hệ đất phù sa hình thành trên các trầm tích do sông, suối và biển bồi đắp, hệ đất feralit phát triển trên nền địa chất đa dạng ở các địa hình đồi núi. Cùng với sự đa dạng về địa hình, địa chất và khí hậu, tài nguyên đất Quảng Trị cũng được hình thành đa dạng, gồm 4 nhóm chính:

- Nhóm đất cát ven biển: gồm đất cồn cát, cát ven biển và cát nội đồng, diện tích khoảng 34.580 ha. Tiềm năng

của các vùng đất này đã từng bước được khai thác, đó là sự hình thành các mô hình kinh tế sinh thái, nuôi trồng thủy hải sản, các khu du lịch ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Nhóm đất phù sa: có tổng diện tích khoảng 45.380 ha, gồm đất phù sa dọc sông được bồi hằng năm, đất phù sa ít được bồi, đất phù sa nhiễm mặn, được sử dụng cho trồng lúa và hoa màu.

- Nhóm đất nâu đỏ và nâu vàng trên đất bazan: phân bố ở vùng đông Vĩnh Linh, Dốc Miếu - Cồn Tiên, Tân Lâm, Khe Sanh, Hướng Phùng... tổng diện tích khoảng 20.000 ha. Loại đất này có độ phì nhiêu cao, thích hợp với nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như hồ tiêu, cà phê, cao su,...

- Nhóm đất đỏ vàng, vàng đỏ, nâu tím và mùn vàng đỏ: phát triển trên vỏ phong hóa của các đá mẹ khác nhau (granit, phiến sét, đá cát, đá vôi...) với tổng diện tích khoảng 332.776 ha; chủ yếu là đất rừng và đất chưa sử dụng còn khá lớn.

Tài nguyên rừng: Rừng Quảng Trị trước đây có nhiều gỗ quý (lim, lát hoa, kiền kiền, gụ sao, mật quăng, sến mật, gỗ hương), động vật quý hiếm (voi, tê giác, hổ, báo, khỉ vượn, công trĩ, vẹt); nhiều cây dược liệu giá trị (hồng nam, sa nhân, mã tiền); lâm sản (võ chu biên, mây song, mây phun, mật ong, nhựa trám). Đặc biệt vùng Vĩnh Linh trồng nhiều sơn dùng cho sơn quét, trám thuyền; vùng Cam Lộ khai thác dầu rái dùng để thắp sáng và các rừng mít ở Triệu Phong dùng để làm nhà, xẻ ván.

Chiến tranh và sự khai thác của con người đã làm cạn kiệt dần nguồn tài nguyên rừng. Trong tổng số gần 70.000 ha rừng tự nhiên ở vùng núi, thì chỉ có 14.324 ha là rừng giàu (chiếm 20,5%), có 26.887 ha rừng trung bình (chiếm 38,5%), còn lại là rừng nghèo và rừng phục hồi.

Tài nguyên khoáng sản: Cả tỉnh có khoảng gần 90 mỏ, điểm quặng... dạng vật liệu có tiềm năng bao gồm: sét gạch ngói, sét xi măng, puzolan, đá. Tài nguyên khoáng sản phi kim loại phong phú hơn cả, trong đó đá vôi, sét gạch ngói, đá xây dựng, sét xi măng là những khoáng sản có trữ lượng lớn đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Khoáng sản kim loại có trữ lượng nhỏ, phân tán gồm có sắt, vàng, titan (sa khoáng), antimon. Quặng sắt phân bố tập trung chủ yếu tại khu vực Cam Lộ, Đông Hà, Tân Lâm. Quặng vàng phân bố chủ yếu trong địa bàn 2 huyện Hướng Hoá và Đakrông, một lượng nhỏ ở xã Vĩnh Ô (huyện Vĩnh Linh). Titan (sa khoáng) tập trung chủ yếu ở các dải cát ven biển như Vĩnh Thái, Bắc Cửa Việt, Nam Cửa Việt, một số vùng đã được khai thác. Nhóm khoáng sản hoá chất, phân bón có pyrit, than bùn, trong đó than bùn có chất lượng cao tập trung ở Gio Hải (Gio Linh) và Hải Thọ (Hải Lăng). Nhóm khoáng sản nguyên liệu gốm sứ thủy tinh: kaolin, cát thủy tinh (hàm lượng SiO_2 trên 99%), sét gốm, dolomit... Trong đó, cát thủy tinh phân bố dọc ven biển từ Gio Linh vào tới Hải Lăng, có tiềm năng rất lớn chưa được đầu tư khai thác. Khoáng sản vật liệu xây dựng được xem là thế mạnh của tỉnh Quảng Trị như vôi xi măng, đá granit ốp lát, đá xây dựng và cát cuội sỏi

xây dựng; đã được khai thác ở nhiều nơi như sét gạch ngói ở Vĩnh Linh, Cam Lộ, đá vôi Tân Lâm (Cam Lộ).

Quảng Trị có 4 điểm nước khoáng - nước nóng: Tân Lâm, Ba Ngao, Làng Rượu và Ba Lân, phân bố chủ yếu dọc hành lang quốc lộ 9 từ Tân Lâm đến cầu Đakrông. Các điểm nước khoáng - nước nóng này bước đầu đều đã được điều tra, nghiên cứu. Riêng điểm nước khoáng - nước nóng Tân Lâm do người Pháp phát hiện từ lâu. Đây là nguồn tài nguyên quý, nếu được khai thác và đưa vào sử dụng sẽ phục vụ đắc lực cho các hoạt động tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, chữa bệnh và sản xuất nước giải khát.

Đất đai, nguồn nước và sinh vật là những dạng tài nguyên có khả năng dẫn tới sự tái tạo lớn. Nhưng các cuộc chiến tranh đã hủy hoại, làm nhiều nơi thành vùng trắng; khí hậu khắc nghiệt và tác động của khai thác, sản xuất ảnh hưởng nặng nề đến môi trường sinh thái. Đó là những thách thức, đồng thời cũng là trách nhiệm đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị phải không ngừng cải tạo, giữ gìn và đầu tư khai thác, tô điểm xây dựng cho quê hương ngày càng giàu có, tươi đẹp hơn.

II. ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG

1. Địa lý hành chính

Thời Hùng Vương - An Dương Vương, vùng đất Quảng Trị nằm trong bộ Việt Thường. Năm 111 trước Công nguyên,

nhà Hán thay thế nhà Triệu xâm lược nước ta. Ngoài hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân, nhà Hán chiếm vùng đất phía Bắc của người Chăm và lập ra quận Nhật Nam. Quảng Trị thuộc quận Nhật Nam.

Từ thế kỷ II, người Chăm khởi nghĩa giành độc lập thắng lợi lập nên quốc gia Lâm Ấp từ Nam Hải Vân trở vào; năm 349 dưới thời Phạm Văn, người Chăm đem quân đánh chiếm các huyện còn lại của Nhật Nam, lấy Hoàn Sơn làm biên giới phía bắc¹, chia đặt lại thành năm châu là: Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh, Ô, Rí (Lý). Tuy nhiên, trong nhiều thế kỷ sau đó, mặc dù về cơ bản là đất Chăm-pa nhưng từ Đèo Ngang đến Hải Vân là vùng tranh chấp Hoa - Chăm kéo dài cho tới thế kỷ X. Quảng Trị thuộc châu Ma Linh và châu Ô.

Từ thế kỷ XI trở đi, vùng đất Quảng Trị đặt dưới quyền quản lý của triều đình phong kiến Đại Việt. Vào năm 1069, vua Lý Thánh Tông và tướng quân Lý Thường Kiệt cầm quân đánh vào Vijaya (Chà Bàn - Đồ Bàn), bắt được vua Chăm là Chế Củ. Để được tự do, Chế Củ đã giao vùng đất rộng lớn gồm ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh cho Đại Việt. Một phần đất Quảng Trị là châu Ma Linh thuộc về người Việt. Năm 1075, nhà Lý cho đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh²

1. Xem Phan Huy Lê (và những người khác): *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, tr.291-293.

2. Xem Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.1, tr.274, 278.

(bao gồm huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và một phần đất của thành phố Đông Hà (phía bắc sông Hiếu, Cam Lộ sau này), đặt quan cai trị, chiêu mộ nhân dân đến khai khẩn, lập ấp, xây dựng cuộc sống.

Dưới thời nhà Trần, mối quan hệ giao hữu giữa hai quốc gia Chăm-pa - Đại Việt ngày càng được tăng cường. Năm 1306, cuộc hôn nhân giữa công chúa Huyền Trân với vua Chăm-pa là Chế Mân đã đưa hai châu Ô, Lý - quà sính lễ về với Đại Việt. Phần đất phía nam Quảng Trị - châu Ô của Chăm-pa được sáp nhập vào Đại Việt (trong đó bao gồm huyện Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị) và một phần thành phố Đông Hà (phía nam sông Hiếu sau này). Năm 1307, nhà Trần đổi châu Ô thành châu Thuận, châu Lý thành châu Hóa. Năm 1375, Trần Duệ Tông sai đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình.

Cuối thời Trần và suốt thời Hồ, vùng đất phía bắc Quảng Trị là châu Minh Linh thuộc trấn Tây Bình (năm 1400, Hồ Quý Ly đổi Tân Bình thành Tây Bình), gồm ba huyện Đơn Duệ, Tả Bố, Dạ Độ. Vùng đất phía nam là châu Thuận thuộc trấn Thuận Hóa với việc quản lãnh bốn huyện là: Lợi Điều, Thạch Lan, Ba Lãng và An Nhân¹. Thời thuộc Minh (1406 - 1428) châu Minh Linh được đổi thành châu Nam Linh thuộc phủ Tân Bình (Tây Bình đổi thành Tân Bình gồm 37 xã, 2.132 hộ, 4.738 người); huyện

1. Xem Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, tr.159-160 và Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*, t.1. Nxb. Thuận Hóa, 1992, tr.98.

Tả Bố đổi thành huyện Tả Bình, còn các huyện Đơn Duệ, Dạ Độ của châu Nam Linh vẫn giữ nguyên. Ở phía nam vẫn đặt châu Thuận thuộc phủ Thuận Hóa (79 xã, 1.470 hộ, 5.662 người) với việc quản lãnh bốn huyện là: Lợi Điều, Thạch Lan, Ba Lãng và An Nhân¹.

Dưới thời Lê, từ năm Quang Thuận thứ 10 (1469), sau khi vua Lê Thánh Tông cho định lại bản đồ của các phủ, châu, huyện, xã, trang, sách thuộc 12 thừa tuyên trong cả nước, châu Minh Linh (từ châu Nam Linh đổi thành) chuyển thành huyện Minh Linh, vẫn thuộc phủ Tân Bình; châu Thuận cải đặt thành hai huyện: Hải Lăng và Vũ Xương cùng với hai châu: Sa Bôi và Thuận Bình ở miền Tây, thuộc phủ Triệu Phong nằm trong thừa tuyên Thuận Hóa².

Niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490) định bản đồ thiên hạ, thừa tuyên Thuận Hoá có hai phủ: phủ Tân Bình gồm hai huyện, hai châu (trong đó có châu Minh Linh có 8 tổng 63 xã), phủ Triệu Phong gồm sáu huyện, hai châu (trong đó huyện Hải Lăng 7 tổng 75 xã, huyện Vũ Xương có 8 tổng 53 xã, châu Sa Bôi 10 tổng 68 xã, châu Thuận Bình 6 tổng 26 xã,...).

Dưới thời nhà Mạc, vùng đất Quảng Trị gồm có: huyện Minh Linh (65 xã), thuộc phủ Tân Bình; hai huyện: Hải

1. Xem Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.37-38.

2. Xem Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đồng Khánh địa dư chí*, Bản dịch của Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, tr.1381.

Lăng (49 xã) và Vũ Xương (59 xã) cùng với hai châu: Sa Bôn/Sa Bôi (11 trang, 68 sách) và Thuận Bình (19 sách, 10 động) thuộc phủ Triệu Phong¹. Riêng ba xã/làng là: Thử Luật (sau này là xã Vĩnh Thái), Thủy Cần (sau này là xã Vĩnh Kim), Thủy Trung (sau này là xã Vĩnh Trung) và một thôn là: Mỗi Thôn (Thủy Tú, sau này là xã Vĩnh Tú) bấy giờ thuộc huyện Lệ Thủy² (Quảng Bình sau này). Ngoài ra, theo sách *Ô châu cận lục*, thì ở phía đông của Minh Linh (tức Cửa Minh Lương/Cửa Tùng Luật) có đảo Cồn Cỏ/Thảo Phù Phong³.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng được sai vào trấn thủ Thuận Hóa. Quá trình phân tranh Trịnh - Nguyễn suốt trong các thế kỷ XVII - XVIII đã chia cắt khu vực này thành Đàng Trong. Từ năm 1765, đổi tên huyện Vũ Xương thành huyện Đăng Xương.

Năm 1801, sau khi giành lại chính quyền, Nguyễn Ánh đã lập dinh Quảng Trị bao gồm đất các huyện Hải Lăng, Đăng Xương, Minh Linh; riêng phía tây lại đặt đạo Cam Lộ. Năm 1806, đưa dinh Quảng Trị trực lệ thẳng vào kinh sư Huế nhưng huyện Minh Linh thống hạt vẫn để thuộc phủ Quảng Bình.

Năm 1822, lấy bốn sách Viên Kiệu, Tầm Linh, Làng Tổng và Làng Liên đặt làm châu Hướng Hóa, thuộc đạo

1. Xem Dương Văn An: *Ô châu cận lục*, Văn Thanh - Phan Đăng dịch và chú giải, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.46-48 và tr.54-57.

2, 3. Xem Dương Văn An: *Ô châu cận lục*, *Sđd*, tr.44 và tr.28.

Cam Lộ. Cùng năm này, đổi đặt huyện Minh Linh thuộc phủ Triệu Phong.

Năm 1827, cho đổi dinh Quảng Trị thành trấn Quảng Trị, không còn trực lệ. Cũng trong năm này, đổi tả hữu Tri huyện Minh Linh làm Huyện thừa, do phủ Triệu Phong kiêm lý; đổi 9 cống man thành 9 châu; 4 nguồn, 5 sách và 6 tộc thuế man thì đổi làm 15 tổng, đều thuộc châu Hướng Hóa, 15 tổng sau hợp lại làm 9 tổng.

Năm 1830, đặt chức Tri phủ Triệu Phong kiêm lý Minh Linh, thống hạt hai huyện Đăng Xương và Hải Lăng.

Năm 1831, đổi đạo Cam Lộ làm phủ Cam Lộ, đặt một Tri phủ kiêm lý châu Hướng Hóa và thống hạt chín châu.

Đến năm 1832, chia đặt tỉnh hạt, đổi trấn thành tỉnh, gọi là tỉnh Quảng Trị.

Năm 1836, trích lấy đất hai huyện Minh Linh và Đăng Xương đặt thành huyện Địa Linh (lãnh 4 tổng, 112 xã, thôn, phường, giáp), giao cho phủ Triệu Phong kiêm lý Đăng Xương, thống hạt ba huyện Địa Linh, Minh Linh, Hải Lăng.

Năm 1850, đổi tên huyện Hướng Hóa thành huyện Thành Hóa. Năm 1852, tỉnh Quảng Trị lập thành đạo Quảng Trị, bổ chức Quản đạo thuộc phủ Thừa Thiên. Theo đó, bỏ phủ Triệu Phong, Cam Lộ; huyện Địa Linh giao cho huyện Minh Linh kiêm nhiếp; các huyện Hải Lăng, Đăng Xương, Minh Linh, Thành Hóa và Cửu Châu do đạo quản lý.

Năm 1876, đổi đạo Quảng Trị thành tỉnh Quảng Trị, đặt lại hai phủ: Triệu Phong kiêm lý huyện Đăng Xương và Cam Lộ kiêm lý huyện Thành Hoá như trước.

Năm 1884, đổi tên huyện Đăng Xương thành huyện Thuận Xương. Năm 1885, đổi tên huyện Minh Linh thành huyện Chiêu Linh.

Năm 1886, đặt lại huyện Gio Linh trên cơ sở của huyện Địa Linh đã bị bỏ đi thời Tự Đức. Đời Đồng Khánh, huyện Thuận Xương lại gọi là huyện Đăng Xương. Tỉnh Quảng Trị lúc này có năm huyện: Đăng Xương, Hải Lăng, Chiêu Linh, Gio Linh, Thành Hóa. Năm 1889, tên huyện Chiêu Linh đổi thành huyện Vĩnh Linh.

Ngày 03/5/1890, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định hợp tỉnh Quảng Trị với tỉnh Quảng Bình thành tỉnh Bình Trị, dưới quyền Công sứ Đồng Hới. Ngày 23/01/1896, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định tách Quảng Trị ra khỏi địa hạt thuộc quyền Công sứ Đồng Hới, cùng Thừa Thiên dưới quyền Công sứ Trung Kỳ, đặt một phó công sứ đại diện cho khâm sứ ở Quảng Trị.

Năm 1900, cải huyện Vĩnh Linh thành phủ Vĩnh Linh.

Năm 1908, phủ Cam Lộ tách 3 tổng người Kinh lập thành huyện Cam Lộ và 9 tổng người dân tộc thiểu số lập thành huyện Hướng Hoá. Cải huyện Thuận Xương thành phủ Triệu Phong. Từ đó, cương vị của phủ về mặt hành chính không còn như thời Nguyễn mà chỉ được coi ngang hàng với huyện, điểm khác là quyền lợi và chức hàm của viên Tri phủ cao hơn viên Tri huyện nhờ dân số đông hơn.

Ngày 11/3/1914, vua Duy Tân ra đạo dụ và ngày 18/02/1916 được Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuẩn y về thành lập thị xã Quảng Trị. Ngày 05/9/1929, Khâm sứ Trung Kỳ ra nghị định thành lập thị trấn Đông

Hà (Centre de Đông Hà) thuộc phủ Triệu Phong và được Toàn quyền Đông Dương chuẩn y vào ngày 06/11/1929. Cuối năm 1928, huyện Hải Lăng được nâng lên thành phủ Hải Lăng.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Quảng Trị là một tỉnh thuộc Trung Bộ. Các đơn vị hành chính cấp phủ được đổi thành cấp huyện và tên gọi không thay đổi. Cấp tổng bị bãi bỏ. Dưới huyện là cấp xã. Làng lớn mỗi làng là một xã, hai đến ba làng nhỏ hợp thành một xã và mang những tên mới.

Sau bầu cử Quốc hội (06/01/1946), bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và xã (tháng 02/1946); nhiều xã nhỏ hiệp thành những xã lớn hơn. Năm 1950, cuộc hiệp xã lần thứ hai được tiến hành, nhưng do điều kiện quản lý, tổ chức kháng chiến gặp khó khăn nên xã lại được chia nhỏ.

Cuối tháng 7/1954, theo Hiệp định Giơnevơ, sông Bến Hải được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt đất nước và tỉnh Quảng Trị. Các huyện, thị xã, thị trấn của tỉnh bao gồm: Cam Lộ, Gio Linh, thị trấn Đông Hà, Hướng Hóa, Triệu Phong, thị xã Quảng Trị, Hải Lăng và một số thôn, xã của Vĩnh Linh ở phía nam giới tuyến thuộc tỉnh Quảng Trị do chính quyền miền Nam quản lý. Huyện Vĩnh Linh nằm ở phía Bắc giới tuyến do Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lý và quyết định thành lập đặc khu Vĩnh Linh trực thuộc Trung ương vào năm 1955.

Sau tháng 5/1972, phần đất của tỉnh Quảng Trị từ phía bắc sông Thạch Hãn trở ra được giải phóng, Đông Hà

được chọn làm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị. Ngày 09/8/1973, Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết nghị số 823/QN tạm thời thành lập thị xã Đông Hà đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TU ngày 15/4/1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, thị xã Đông Hà và thị xã Quảng Trị được sáp nhập thành một đơn vị hành chính lấy tên là thị xã Quảng Trị. Tuy nhiên, trên thực tế, tên thị xã Quảng Trị chỉ tồn tại một thời gian ngắn, sau đó vẫn gọi là thị xã Đông Hà¹. Các đơn vị hành chính xã, huyện không có gì thay đổi cho đến ngày giải phóng miền Nam (30/4/1975).

Nước nhà thống nhất, năm 1976, bốn đơn vị hành chính Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và khu vực Vĩnh Linh sáp nhập thành tỉnh Bình - Trị - Thiên.

Ngày 11/3/1977, theo Quyết định số 62-CP của Hội đồng Chính phủ, các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ hợp nhất thành huyện Bến Hải. Hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng hợp nhất thành huyện Triệu Hải. Quảng Trị có bốn đơn vị hành chính: huyện Bến Hải, huyện Triệu Hải, huyện Hướng Hóa và thị xã Đông Hà.

Ngày 11/9/1981, theo Quyết định số 64-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, địa giới của thị xã Đông Hà được mở rộng.

1. Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đông Hà: *Truyền thống lịch sử văn hoá Đông Hà với sự phát triển của văn hoá đô thị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.31.

Tám xã thuộc huyện Bến Hải (địa bàn huyện Cam Lộ cũ) và hai xã thuộc huyện Triệu Hải được tách ra để sáp nhập vào thị xã Đông Hà.

Ngày 30/6/1989, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khóa VIII, kỳ họp thứ 5) quyết định tách tỉnh Bình Trị Thiên thành ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Tỉnh Quảng Trị có bốn đơn vị hành chính gồm thị xã Đông Hà và ba huyện: Bến Hải, Triệu Hải và Hướng Hoá.

Sau tách tỉnh, địa giới và tên của các huyện có sự thay đổi. Ngày 16/9/1989, theo Quyết định số 134-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, thành lập lại thị xã Quảng Trị. Ngày 23/3/1990, theo Quyết định số 91-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng tách huyện Bến Hải thành hai huyện Gio Linh và Vĩnh Linh; tách huyện Triệu Hải thành hai huyện là Triệu Phong và Hải Lăng.

Ngày 19/10/1991, theo Quyết định số 328-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng thành lập lại huyện Cam Lộ bằng việc tách 8 xã của thị xã Đông Hà¹.

Ngày 17/12/1996, theo Nghị định số 83-CP của Chính phủ, thành lập huyện Đakrông trên cơ sở 10 xã của huyện Hướng Hóa.

Ngày 01/10/2004, thực hiện Nghị định số 174/NĐ-CP-2004 của Chính phủ, một huyện mới mang tên huyện đảo Cồn Cỏ được thành lập. Ngày 11/8/2009, Thủ tướng Chính

1. Trừ một số thôn của Cam Thanh và Cam An.

phủ ra Nghị quyết số 33/NQ-CP đưa thị xã Đông Hà lên thành phố Đông Hà. Tỉnh Quảng Trị có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh, huyện đảo Cồn Cỏ, huyện Gio Linh, huyện Cam Lộ, huyện Triệu Phong, huyện Hải Lăng, huyện Hướng Hoá và huyện Đakrông.

Quảng Trị đã trải qua nhiều thay đổi về địa lý hành chính nhưng các địa danh Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đông Hà, Cồn Cỏ, Thành Cổ Quảng Trị... gắn liền với những kỳ tích oanh liệt vẫn sống mãi và vang vọng đến mai sau.

2. Đặc điểm kinh tế

Kinh tế nông nghiệp ở Quảng Trị phát triển từ lâu đời, đa dạng loại hình sản xuất dựa vào những lợi thế về địa hình, khí hậu, tiềm năng rừng, biển, sông ngòi, đất canh tác. Ở vùng đồng bằng ven các sông Thạch Hãn, Hiếu, Bến Hải, Ô Lâu... phần lớn trồng lúa nước, làm vườn. Vùng gò đồi, trung du trồng cây ăn trái, cây công nghiệp, hoa màu, làm lúa khô, làm nương rẫy, làm vườn. Vùng ven biển trồng màu (chủ yếu là khoai, môn...) xen kẽ lúa và cây chắn cát. Tính đa dạng của hệ thống canh tác không chỉ được thể hiện trong cùng một diện tích mà còn ở cơ cấu cây trồng. Việc sử dụng phân bón, xen canh, tăng vụ, gối vụ đã được chú trọng từ xưa.

Nông nghiệp trồng lúa nước là nét đặc trưng nổi bật trong hoạt động kinh tế ở Quảng Trị, được kết hợp giữa phương thức canh tác của đồng bằng Bắc Bộ - chú trọng

đê điều, trị thủy với phương thức canh tác của vùng Trung Bộ - dẫn thủy nhập điền. Hoạt động sản xuất trồng lúa nước đã rất phát triển vào thế kỷ XV, XVI¹; trong năm có hai vụ, vụ mùa hạ gọi là vụ chính, vụ mùa thu gọi là vụ trái.

Để phục vụ cho phát triển nông nghiệp, công tác thủy lợi ở Quảng Trị có lịch sử từ rất sớm và liên tục phát triển, kể cả trong chiến tranh giữ nước. Hàng loạt các kênh dẫn nước như Hồ Xá (Vĩnh Linh) thời Hồ Hán Thương từ Thủy Liên đến Hồ Xá, được nạo vét nhiều lần vào thời Lê, thời Nguyễn; kênh Mai Xá (Gio Linh) thời nhà Nguyễn, kênh Hà Kỳ (Gio Linh, Vĩnh Linh), kênh Diên Sinh - Đan Quế (Hải Lăng) thời Minh Mệnh; (kênh Kim Lung (Hải Lăng) kênh Thâm Triều - Hương Liệu (Triệu Phong) và kênh Kim Giao (Hải Lăng) khơi đào dưới triều Nguyễn... đã đảm bảo phần lớn việc lấy nước cày cấy và một số kênh còn góp phần vào việc mở mang giao thông, buôn bán giữa các vùng. Đến sau này, hàng trăm công trình thủy lợi ra đời cùng hệ thống ngăn mặn, kênh mương tưới tiêu được

1. Nhà sử học Dương Văn An đã mô tả cảnh đồng áng vùng Ô Châu: “Cày thì đóng đôi trâu, mà cái cày ở giữa, bừa thì coi như tám phần mà người đứng ở trên. Nhà dân nhiều thóc gạo, túi không có một mảnh tiền đồng” và một số làng ở Quảng Trị được nhắc đến như là một sự hào hiệp của thiên nhiên dành tặng cho: “Ruộng đất xã An Nhơn mở rộng thì kho đụn chứa đầy, cỏ nước xã An Lạc ngon lành thì trâu bò béo tốt... thóc làng Đan Quế chất đống như gò, làng Đông Dương nhân nước cạn đào ao bắt cá, làng Đan Quế nhân gió rét lấp hang để dâm lợn rừng”.

hình thành, không chỉ phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp mà còn là hạ tầng quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới. Một số công trình thủy lợi đã trở thành niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện đường lối đổi mới, nông nghiệp Quảng Trị có bước phát triển toàn diện, vượt bậc. Các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ được hình thành.

Rừng Quảng Trị phong phú lâm thổ sản nên nghề khai thác lâm sản, săn bắt muông thú có từ rất sớm. Trải qua thời gian, diện tích rừng tự nhiên thu hẹp, hoạt động chủ yếu của ngành lâm nghiệp là trồng rừng, khai thác và bảo vệ rừng.

Kinh tế biển của Quảng Trị từng bước phát triển, phương tiện đánh bắt hải sản xa bờ, kết cấu hạ tầng nghề cá được đầu tư và phát huy hiệu quả. Ưu thế lãnh thổ giáp biển cũng được phát huy cả trong đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản và giao thông đường biển.

Từ xưa, nghề nuôi cá đầm, cá nước ngọt xuất hiện ở Hà Bá (Triệu Phong), Kim Giao - còn gọi là Vụng Thuộc (Hải Lăng), Diêm Hà, Tử Lai, Thái Lai, Duy Viên (Vĩnh Linh).

Phục vụ cho nhu cầu đời sống sinh hoạt, nghề thủ công ra đời và phát triển khá sớm. Từ thời Lê - Mạc, các ngành nghề thủ công ở Quảng Trị khá phong phú, phổ biến nhất là nghề dệt vải, dệt chiếu mây, dệt chiếu cói, nghề đan lát, nghề mộc, nghề rèn, nghề chế biến thực phẩm. Trong sách *Ô châu cận lục*, Dương Văn An ghi

những địa danh gắn liền với những nghề thủ công nổi tiếng: Làng Trâm Lý giỏi dệt tơ lụa; làng Di Loan, Chợ Chùa thạo dệt vải; Lâm Xuân dệt chiếu. Văn Quỳ, Văn Trị chuyên làm áo tơi, chằm nón; Phương Ngạn, chợ Cạn làm đồ mây, phết quạt; vùng Phước Tuyên có nhiều lò luyện đồng; thợ Cát Sơn tinh thông nghề chạm trổ. Ngoài ra còn có Tuy Lộc làm giấy, Kim Lung nấu rượu và Hướng Hoá dệt chiếu mây, Ái Tử nấu đường trắng, đường đen.

Công nghiệp Quảng Trị phát triển khá nhanh từ những năm cuối thế kỷ XX. Sự hình thành các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp đã mở ra bước phát triển mới của ngành công nghiệp Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập.

Quảng Trị có mạng lưới đường bộ phát triển khá sớm. Hệ thống đường mòn xuyên rừng, xuyên núi, băng qua cồn cát đã trở thành quốc lộ 1A, quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh, đường 15 và các tỉnh lộ 64 (Quảng Trị - Cửa Việt), 68 (Quảng Trị - Triệu Hải), 72, 73, 74, 75 (Gio Linh), 76 (Cam Lộ) cùng nhiều đường khác từ thị xã Quảng Trị tới La Vang, Phước Môn, Thượng Phước, Trám; từ Diên Sanh đi Hội Yên, Mỹ Thủy, từ Tà Rụt đi Salavan (Lào), tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt - đường tỉnh 576B cùng hệ thống cầu, đường liên huyện, liên xã, nội thị, đường tới trung tâm các xã... được xây dựng, nâng cấp và mở rộng, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

Hệ thống giao thông đường thủy hình thành khá sớm và giữ vai trò quan trọng đối với việc chuyên chở lâm thổ

sản từ rừng núi về đồng bằng trong những thế kỷ trước, đến sau này tiếp tục phát triển phục vụ vận tải hàng hóa và du lịch. Đường sắt Bắc - Nam do người Pháp xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đi qua Quảng Trị được khai thác và sử dụng hiệu quả.

Với vai trò quan trọng của thông tin liên lạc, thời phong kiến, các binh trạm, đình trạm được đặt trên các cung đường huyết mạch trong cả nước. Từ thời Pháp, chính quyền thuộc địa cho xây dựng Sở Bưu điện, gọi là “Sở dây thép”. Đến sau này, cùng với việc ứng dụng khoa học - công nghệ, bưu chính viễn thông phát triển mạnh mẽ, là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh.

Thương nghiệp ở Quảng Trị phát triển khá nhộn nhịp từ thời các chúa Nguyễn cai quản Đàng Trong. Việc khuyến khích, phát triển thương mại đã hình thành nên những trung tâm buôn bán, cảng thị, thị tứ ven biển, ven sông trên cơ sở kế thừa những thương cảng cổ từ nhiều thế kỷ trước như: thương cảng Tùng Luật ở Vĩnh Linh, thương cảng Mai Xá/Phường Hàng ở Gio Linh, thương cảng Phó Hội/Hội Phố ở Triệu Phong, thông thương, buôn bán với nhiều nước. Hệ thống chợ ra đời, hoạt động khá sầm uất, đông đúc. Các chợ như Diên Sinh, Thạch Hãn, Phường Lang (Hải Lăng), Cổ Thành, Chợ Sãi, Đại Hào, Lai Phúc (Triệu Phong), chợ Phiên, Kim Đâu - tục gọi là chợ Sòng, Thượng Độ; Long Sơn, Mai Xá, chợ Cầu (Gio Linh), Đan Duệ, Võ Xá, An Do, Hàm Hoà, Tùng Luật (Vĩnh Linh) đều được sử sách ghi nhận. Việc buôn bán với Lào phát triển từ những năm đầu thế kỷ XX.

Thương nghiệp phục vụ sản xuất, tiêu dùng và trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Nhiều trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, cửa hiệu văn minh hiện đại ra đời, hàng hóa lưu thông thông suốt từ thành thị đến nông thôn, miền núi.

Đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập, hoạt động xuất - nhập khẩu phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3. Dân cư và lao động

Quảng Trị là vùng đất có dấu vết con người sinh sống từ lâu đời. Các bằng chứng khảo cổ học đã cho thấy dấu tích người nguyên thủy xuất hiện trên đất Quảng Trị vào khoảng hậu kỳ thời đại đồ đá cũ, khoảng từ 2 đến 3 vạn năm trước. Từ nhiều thế kỷ trước và sau Công nguyên, một bộ phận của tộc người thuộc ngữ hệ Mã Lai - Đa Đảo (gọi là người Chăm), chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh đến cư trú dọc theo dãy đất hẹp phía đông Trường Sơn.

Thế kỷ X đến thế kỷ XVI, diễn ra nhiều đợt di cư của người Việt từ phía Bắc vào Nam, hình thành nên cộng đồng làng, xã trên đất Quảng Trị. Các chính sách khoan hòa của chúa Nguyễn Đàng Trong làm cho vùng Thuận Quảng ngày càng phát triển, kinh tế - xã hội ổn định, dân cư đông đúc. Dần dần, người Việt là chủ nhân chủ yếu của vùng đất này.

Chế độ ruộng đất, chủ yếu là công điền, công thổ, cùng với sự giao lưu kinh tế đã tạo ra những xóm làng theo kiểu

cấu trúc mở, ít bị ảnh hưởng của tính khép kín của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ¹.

Nhân dân Quảng Trị qua các biến cố lịch sử, nạn cưỡng ép di cư dưới thời Mỹ - ngụy, chiến tranh ác liệt, một số đông đã sơ tán và dần dần định cư ở nhiều địa phương trong cả nước.

Trên địa bàn Quảng Trị, có 3 cộng đồng tộc người lớn: đó là người Việt (Kinh), người Bru-Vân Kiều và người Tà Ôi/Pa Cô. Còn có một tỷ lệ nhỏ người Hoa, người Mường, người Tày, người Cốt, người Thái, người Ba Na, người Êđê, người Nùng, người Xtiêng, người Dao, người Xudăng. Năm 2019, dân số Quảng Trị có 633.440 người², trong đó người Kinh (Việt) đông nhất chiếm 86,3%, sau đó là người Bru-Vân Kiều và người Tà Ôi/Pa Cô. Mật độ dân số trung bình ở Quảng Trị 132 người/km², phân bố không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ, nhất là giữa vùng thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi.

1. Điều này đã được Phan Huy Chú đánh giá rất cao trong tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Từ Lý - Trần trở về trước, phong hội chưa đến lúc mở mang, phong tục còn chất phác quê mùa, nhân dân thưa ít mà vắng vẻ, những nơi xa xôi còn lạc vào cõi khác. Đến khi phong khí mở mang, vận hội đổi mới thì tục quê mùa biến ra văn hoá, nơi thưa vắng trở nên phồn thịnh. Hơn 200 trăm năm cho đến ngày nay, phồn hoa đông đúc, thành một nơi đô hội lớn. Cố nhiên là vận thời xoay vần nhưng cũng là phong khí ngày một mở mang ra vậy”.

2. Năm 1931 có 137.000 người, năm 1946 có 245.000 người, năm 1964 có 219.156 người, năm 1990 có 450.000 người, năm 1994 có 520.000 người.

Các dân tộc cư trú trên đất Quảng Trị có bản sắc văn hoá hết sức phong phú và độc đáo, cần cù lao động, có tinh thần yêu nước, đoàn kết và anh dũng chống giặc ngoại xâm. Với những chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số đã được cải thiện nhiều.

Người Kinh sinh sống hầu hết trên địa bàn của tỉnh, tập trung đông nhất là ở nông thôn đồng bằng và thành phố, thị xã, thị trấn. Với số lượng đông và địa bàn cư trú rộng khắp, người Kinh luôn đóng vai trò chủ đạo trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Quảng Trị có tốc độ phát triển dân số tương đối nhanh, nhất là trong thời gian 20 năm đầu sau giải phóng miền Nam; từ hơn 30 vạn người năm 1975 đến năm 1994 đã lên tới 52 vạn. Nguyên nhân chính của sự gia tăng dân số trong giai đoạn này là do việc hồi hương sau chiến tranh từ miền Bắc về cũng như từ các tỉnh, thành phía Nam ra. Đặc biệt, khi tỉnh Quảng Trị được lập lại, một bộ phận cán bộ, công nhân viên, người lao động đã trở về xây dựng, tái thiết quê hương; cùng một số lượng khá đông cán bộ, công nhân viên, bộ đội và nhân dân các tỉnh, thành khác trong nước đến công tác, định cư, sinh sống lâu dài ở Quảng Trị. Thập kỷ đầu thế kỷ XXI, dân số Quảng Trị trở lại tỷ lệ tăng trưởng trung bình chung cùng cả nước.

Dân số Quảng Trị thuộc loại trẻ, ở trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” như cả nước. Số người trong độ tuổi lao động chiếm từ 50% (năm 1995) đến 57,7% (năm 2015). Đó là

một lợi thế lớn, tuy nhiên đây cũng là áp lực đối với việc giải quyết việc làm cho người lao động.

Dân số và lao động của Quảng Trị cũng trải qua một thời kỳ xáo trộn như di chuyển nội vùng và đi xây dựng quê hương mới. Nền kinh tế - xã hội phát triển đã tác động mạnh mẽ đến chất lượng dân số, tỷ lệ người đi học ngày càng cao. Quảng Trị là một trong những tỉnh sớm xóa nạn mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và tiếp tục hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Số lao động được đào tạo cũng tăng dần. Trung bình cứ 1.000 dân có 2,5 người có trình độ đại học và trên đại học vào những năm 90 của thế kỷ XX tăng lên 4,7 người vào thập niên đầu thế kỷ XXI, tỷ lệ này khá cao và phản ánh một truyền thống tốt đẹp của người Quảng Trị.

4. Văn hóa, xã hội

Mặc dù Quảng Trị nằm trong dải đất hội tụ hai dòng chảy văn hóa Việt và Chăm, nhưng ưu thế nổi bật là văn hóa Việt. Những phong tục tập quán, lễ nghi của văn hoá Việt bảo tồn khá rõ nét, như sách *Đại Nam nhất thống chí* đã ghi nhận: “Làng nào cũng có đình, tế lễ vào mùa xuân, mùa thu. Ngày rằm các tháng giêng, tháng bảy, tháng mười gọi là tam nguyên, các nhà đều cúng tổ tiên”¹.

Tưởng nhớ đến người xưa có công mở đất, tôn thờ đạo gia tiên vừa là một mỹ tục, vừa là tín ngưỡng của nhân

1. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*.

dân Quảng Trị. Hàng loạt đền miếu như miếu thành hoàng, đàn xã tắc của đạo Quảng Trị dựng đặt ở Thạch Hãn, các đền thờ Qua Qua phu nhân (Ái Tử), đền Luân quốc công thờ Tống Phước Hợp (Giang Nghiễn), đền Anh quốc công thờ Nguyễn Hữu Tiến (Cổ Thành), đền Giám sát Tư Mã (Như Lệ), đền Tứ vị Thánh công, đền Đôn Duệ thờ Trần Nhật Duật - Trần Quốc Viễn (Vĩnh Linh), đền Quế Nương (Hướng Hoá)... đều thờ các nhân vật có công với đất nước và địa phương.

Trong hệ thống tín ngưỡng thờ nhiên thần, nhân thần, các vị khoa bảng, thờ Mẫu... thì thờ cúng Thành hoàng là nét sinh hoạt văn hoá - tín ngưỡng tiêu biểu nhất của nhân dân Quảng Trị.

Lễ hội cũng khá phong phú như hội xuân, lễ hội chợ đình Bích La, hội cù, hội đua ghe, thuyền; hội cầu ngư...; lễ hội tôn giáo và sau này hình thành các lễ hội cách mạng như: Lễ hội Thống nhất non sông, Lễ hội hoa đăng trên sông Thạch Hãn.

Phật giáo có ở Quảng Trị khá sớm nhưng dấu vết và những ngôi chùa còn lại có niên đại muộn, hầu hết được xây dựng cuối thời Lê Trung Hưng và muộn hơn như chùa: Giác Minh, Kim Thạch, Thiên Tâm, Long Phúc, Cổ Trai, Sắc Tứ Tịnh Quang. Dưới thời Pháp thuộc, nhiều hội Phật giáo được thành lập ở Diên Sanh, Trường Sanh (Hải Lăng), Cổ Thành, Luống Kim (Triệu Phong), Mai Xá, Trúc Lâm (Gio Linh), Hồ Xá, Tân Trại, Lai Cách (Vĩnh Linh), Đông Hà, Cam Lộ và Khe Sanh (Hướng Hoá). Phật giáo có số tín đồ đông nhất so với các tôn giáo khác.

Thiên Chúa giáo du nhập vào Quảng Trị khoảng thế kỷ XVIII. Sau một quá trình truyền giáo đã hình thành địa hạt Thiên Chúa giáo Đất Đỏ - Vĩnh Linh, bao gồm 17 địa sở: Ba Bình, Phước Sơn, Phan Xá, An Du Đông, An Du Tây, An Bằng, Loan Lý, An Ninh, Cao Xá, Vạn Kim, Nam Tây, An Hoà, Nhị Hà, Phước Tuyên, Thủy Ba, Đông Hà, Mai Xá.

Địa hạt Thiên Chúa giáo thứ 2 ở Quảng Trị là Dinh Cát đóng ở Tri Bưu - Hải Lăng có 10 địa sở: Tri Bưu, Đại Lộc, Nhu Lý, An Lộng, Bồ Liêu, Kẻ Vạn, Cây Đa, Hội An, Phước Môn, La Vang.

Cả hai địa hạt trên thuộc toà giám mục Phú Cam - Huế. Trải qua nhiều biến động, đến thập kỷ đầu thế kỷ XXI, phần lớn các nhà thờ Thiên Chúa giáo nằm ở hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng và thị xã Quảng Trị, trong đó La Vang là nhà thờ nổi tiếng ở Việt Nam.

Ở Quảng Trị, đạo Nho hay còn gọi là đạo Khổng xuất hiện với việc di dân và công cuộc xây dựng cơ nghiệp của các chúa Nguyễn, về sau tiếp nối mạnh mẽ, quy củ dưới thời nhà Nguyễn. Cũng như các vùng thuộc Bắc Bộ và vùng Thanh - Nghệ, ở Quảng Trị nhiều nơi lập đền thờ Khổng Tử với tư cách là “Vạn thế sư biểu” (một người thầy tiêu biểu của muôn đời). Đặc biệt những làng có truyền thống nho học và có người đỗ đạt cao trong khoa cử đều lập Văn từ hay Văn chỉ để thờ Khổng Tử. Ngoài làng xã, nhiều tổng, huyện cũng xây Văn từ hàng tổng, hàng huyện. Ở tỉnh, sách *Đại Nam nhất thống chí* có ghi rõ Văn Thánh Quảng Trị được xây vào năm Gia Long thứ 19.

Gắn liền với đạo Nho là truyền thống cử nghiệp. Theo thống kê, trong các kỳ thi hương kể từ năm 1821 đến năm 1918, có 38 khoa thi, số người Quảng Trị giành học vị cử nhân là 166 vị. Đứng đầu danh sách là huyện Triệu Phong (82) rồi đến Hải Lăng (43), Vĩnh Linh (22), Gio Linh (14), Hướng Hoá, Cam Lộ (5).

Số lượng tiến sĩ của Quảng Trị thời Nguyễn là 24 người, cứ 7 cử nhân có một người giành học vị tiến sĩ. Đứng đầu vẫn là Triệu Phong (11) rồi đến Vĩnh Linh (6), Gio Linh (4) và Hải Lăng (3).

Quảng Trị là vùng đất có truyền thống học hành, nhiều vị đại khoa đã được lưu danh trong sử sách: Bùi Dục Tài, người làng Câu Nhi, huyện Hải Lăng là một trong những người khai khoa cho Quảng Trị và cả xứ Đàng Trong. Ông đỗ Hoàng giáp (Đệ nhị giáp tiến sĩ) khoa thi Nhâm Tuất (1502) đời Lê Hiến Tông. Ông Nguyễn Đức Hoan, người làng An Thơ, Hải Lăng và ông Nguyễn Thế Trị người làng Hương Liệu, huyện Đàng Xương (Triệu Phong) đỗ Tiến sĩ cùng một khoa thi Ất Mùi (1835), năm Minh Mạng thứ 16, là những người khai khoa Tiến sĩ cho Quảng Trị trong thời nhà Nguyễn.

Đội ngũ nhân tài của Quảng Trị có mặt trong nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Sách *Đại Nam nhất thống chí* đã thống kê rất nhiều người nổi tiếng của đất Quảng Trị với những lời ca ngợi, phẩm bình tốt đẹp. Đó là Trần Đình Ân (Gio Linh) *ân trải thờ bốn triều, quốc kế binh mưu giúp sức được nhiều*; Trần Đình Khánh (Vĩnh Linh) *giỏi về từ Hán, rất có tiếng về chính sự*; Nguyễn Hữu Huyền (Hải Lăng)

sung sứ bộ sang Thanh cùng hàng loạt các nhà chính trị, quân sự khác như Lê Khánh Trinh (Vĩnh Linh), Lê Mậu Cúc (Triệu Phong), Lê Đại Nghĩa (Hải Lăng). Quảng Trị cũng có nhiều nhà ngoại giao nổi tiếng như Nguyễn Tăng Doãn (Hải Lăng) làm đến Thượng thư Bộ Lại, chánh sứ sang Pháp. Lâm Chuẩn (Gio Linh) phó sứ sang Thanh. Đặc biệt có Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Hữu Thận - thân phụ của Nguyễn Hữu Huyên (Hải Lăng), vừa là nhà ngoại giao tài giỏi, vừa là nhà toán pháp - lịch số nổi tiếng một thời. Nguyễn Văn Tú (Triệu Phong) cùng em trai là Nguyễn Văn Thi, con rể là Lương Văn Dũng, con trai là Nguyễn Văn Duy là những thợ đồng hồ tài hoa¹.

Quảng Trị là một vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa. Con người Quảng Trị đã vượt qua thử thách gian nan để làm nên những kỳ tích hào hùng trong đấu tranh và xây dựng, vì vậy đã để lại nhiều di sản văn hóa quý báu và có niên đại sớm nhất của văn hoá Việt trên đất Quảng Trị là Cổ thành Thuận Châu xây dựng từ năm 1558 khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá.

Hệ thống di tích lịch sử, văn hóa Quảng Trị khá phong phú, đa dạng. Theo thống kê toàn tỉnh có 522 di tích đã

1. *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn cho biết Nguyễn Văn Tú khi nhỏ có theo học ở Hà Lan 2 năm về nghề này, có thể chế các hạng đồng hồ và làm được kính thiên văn rất khéo, đã 74 tuổi mà sức mắt (thị lực) vẫn như lúc trẻ. Nguyễn Văn Tú có thể chế tạo đủ loại đồng hồ có lịch ngày, đánh chuông báo giờ và nhiều loại tinh xảo khác.

được đăng ký xếp hạng quản lý. Trong đó, có 457 di tích lịch sử, 43 di tích văn hóa nghệ thuật, 16 di tích văn hóa khảo cổ và 6 di tích danh lam thắng cảnh. Có 29 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt. Đó là tiềm năng lớn để phát triển các loại hình du lịch trên địa bàn tỉnh.

5. Truyền thống yêu nước, cách mạng

Vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, nhân dân Quảng Trị luôn đứng lên cùng cả nước chống xâm lược, giành chủ quyền, độc lập dân tộc. Sự có mặt của nhân dân Quảng Trị trong cuộc khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo đã được sách *Đại Việt sử lược* ghi lại: “Dân ở Cửu Chân và Nhật Nam đều hưởng ứng cả”. Đến thế kỷ VIII, trong cuộc nổi dậy của Mai Thúc Loan chống ách đô hộ của nhà Đường, nhân dân Quảng Trị cũng đóng góp nhiều công sức.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, Quảng Trị là một trong những tiền đồn *phên dậu* ở phía Nam. Nhân dân địa phương tích cực tham gia chiến đấu chống lại mũi tiến công vu hồi của tướng giặc là Toa Đô từ Champa đánh ra, gây cho chúng nhiều thiệt hại, góp phần bảo vệ biên giới phía Nam của Tổ quốc. Trong hơn 300 năm giằng co của cuộc chiến tranh biên giới Champa - Đại Việt, người dân Quảng Trị đã đổ nhiều máu xương để gìn giữ và xây dựng quê hương.

Thời hậu Trần, nhân dân hai lộ Tân Bình - Thuận Hoá đã tích cực đóng góp trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Sự cai trị tàn ác của triều Minh đã thôi thúc nhân dân Thuận Hóa đồng lòng theo Đặng Tất, Đặng Dung,

Nguyễn Súy, Trần Quý Khoáng... nổi dậy khởi nghĩa. Vùng đất Quảng Trị/Thuận Hóa lúc bấy giờ trở thành nơi đứng chân của nghĩa quân. Khí phách anh dũng, công lao của Đặng Tất được Dương Văn An ca ngợi: “Trí dũng của Đặng Tất thật là nhân tài của cả nước chứ không phải là tài riêng của đất Ô Châu, thực là cảnh đêm tối gió mưa, mà gà vẫn gáy”¹.

Năm 1413, Trần Quý Khoáng thua trận, chạy vào Thuận Hoá. Sử cũ ghi lại: “Trương Phụ đánh vua Trần Quý Khoáng ở sông Ái Tử. Tướng của vua Trần là Đặng Dung nửa đêm đem quân đánh úp sở chỉ huy Trương Phụ. Đặng Dung nhảy lên thuyền định bắt sống Trương Phụ nhưng không biết mặt. Trương Phụ nhảy xuống chiếc thuyền con chạy thoát”. Cuộc chiến đấu không thành nhưng Đặng Dung, Nguyễn Súy đã để lại một tấm gương oanh liệt cho muôn đời sau.

Từ đó, Trương Phụ thực hiện chính sách tàn bạo hơn đối với dân vùng Thuận Châu, nhưng nhân dân Quảng Trị vẫn tham gia các cuộc khởi nghĩa do những người yêu nước lãnh đạo, giành quyền làm chủ trong thời gian ngắn. Đến năm 1425, dưới cờ khởi nghĩa của Lê Lợi, nhân dân Tân Bình, Thuận Hoá đã nhiệt liệt hưởng ứng, quét sạch quân Minh ở 2 châu. Hơn 2 vạn thanh niên từ Đèo Ngang đến Hải Vân nô nức tòng quân, cùng tiến ra Bắc giải phóng hoàn toàn đất nước.

1. Theo *Ô Châu cận lục*, Đặng Tất quê ở Hải Lăng, làm quan thời Trần, thời Hồ làm Đại Tri châu châu Hóa.

Sau chiến thắng Tân Bình, Thuận Hoá, Lê Lợi đã đánh giá con người và vùng đất chiến lược này trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh: “Tân Bình, Thuận Hoá là đất lòng dạ của ta, đã được đất ấy rồi thì không còn mối lo về phía trong nữa”.

Vào thế kỷ XVIII, trong cuộc nội chiến “nổi da xáo thịt” giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra. Nhân dân, nhất là nông dân Quảng Trị đương thời hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo. Một giáo sĩ phương Tây đã viết: “Ở đây, mọi người từ 15 tuổi trở lên đều ra trận, các ông già, đàn bà goá và các cô con gái thì đi sửa cầu, hoặc chữa các con đường lớn hay xay thóc, giã gạo”¹. Sau khi diệt Nguyễn, phá Xiêm, giải phóng Đàng Trong, đông đảo nhân dân Tân Bình, Thuận Hoá tập hợp dưới ngọn cờ đại nghĩa của Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, đánh đổ vua Lê - chúa Trịnh, đại phá quân Thanh, thống nhất non sông, bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

Dưới triều Nguyễn, nhân dân Quảng Trị tham gia nhiều trận đánh giặc Xiêm sang lấn chiếm, cướp phá ở biên giới phía Tây. Trong hai năm 1833-1834, dưới sự chỉ huy của Chuông cơ Lê Văn Thụy và Phó lãnh binh Phạm Phi, nhân dân Quảng Trị đã đánh bại 3 cuộc tiến công xâm lược của quân Xiêm do tướng Lạt Xà Lân chỉ huy đánh vào biên giới phía tây Quảng Trị.

1. Dư địa chí Quảng Trị.

Gần 100 năm bên bờ đấu tranh chống ách nô dịch của thực dân Pháp và các cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại trong thế kỷ XX, đặc biệt hơn 20 năm kiên cường kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Quảng Trị đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc. Những năm tháng gian khổ, ác liệt đó cũng là những năm tháng rực rỡ chiến công của quân dân Quảng Trị, nơi mà “ra ngõ gặp anh hùng, vào nhà gặp dũng sĩ”. Tỉnh Quảng Trị và 10 đơn vị huyện, thành, thị, 135 xã, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, công an nhân dân và 68 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 12 tập thể và 7 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động; 1.899 Bà Mẹ Việt Nam anh hùng¹.

Sinh cơ lập nghiệp trên vùng đất mà thiên nhiên không mấy ưu đãi, lại là chiến trường khốc liệt trong nhiều cuộc chiến tranh, người Quảng Trị bộc lộ rõ tính cách của người Việt Nam với những nét đặc thù đáng quý: kiên cường, bất khuất, dũng cảm trong cuộc đấu tranh vì nghĩa lớn; cần cù, tự lập, tự cường trong sản xuất và xây dựng cuộc sống, có tâm hồn trong sáng, bình dị, khí khái, bộc trực, thẳng thắn và rất mực thủy chung. Những phẩm chất tốt đẹp đó là nguồn lực nội sinh quan trọng để Quảng Trị vững tin bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐƯỢC THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

1. Số liệu năm 2015.

CHƯƠNG I

THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI TRƯỚC NĂM 1930

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc và cuộc chạy đua tìm thị trường mới, xâm chiếm thuộc địa, phân chia thế giới giữa các nước tư bản lớn ngày càng gay gắt, quyết liệt. Trong bối cảnh đó, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược, trở thành thuộc địa của Pháp.

Ngày 01/9/1858, lấy cớ bảo vệ giáo sĩ và giáo dân bị triều Nguyễn cấm đạo, hạm đội liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã kéo đến dàn trận tại cảng biển Đà Nẵng, chính thức khởi sự cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quan lại, sĩ phu cùng nhân dân cả nước sục sôi ý chí chiến đấu. Từ năm 1858 đến năm 1873, cuộc chiến tranh lan rộng ra cả nước. Trước sức mạnh quân sự áp đảo của kẻ thù xâm lược, triều đình nhà Nguyễn tổ chức kháng cự yếu ớt, dần dần ký các hiệp ước đầu hàng và cuối cùng dâng nước ta cho Pháp.

Để phục vụ cho công cuộc cai trị và bóc lột, cùng với việc xây dựng chính quyền do người Pháp đảm nhiệm, nắm giữ các chức vụ quan trọng, chủ chốt từ trên xuống dưới và được quyền quyết định mọi công việc; thực dân Pháp duy trì chế độ phong kiến lỗi thời, lạc hậu nhằm kìm hãm sự phát triển của đất nước ta. Chúng chia nước ta thành ba xứ: Nam Kỳ là xứ thuộc địa của nước Pháp, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ, Trung Kỳ là xứ “nửa bảo hộ”. Đứng đầu xứ Trung Kỳ là viên Khâm sứ người Pháp, bộ máy hành chính Nam triều vẫn duy trì, nhưng quyền lực của nhà vua bị hạn chế tối đa. Đứng đầu các tỉnh là Công sứ, giúp việc có Phó Công sứ và Chủ sự các Ty chuyên môn như Thanh tra Học chính, Chủ sự Bưu điện, Ngân khố, Công chính, Y tế... Về phía bản xứ có Tổng đốc (tỉnh lớn), tỉnh nhỏ như Quảng Trị có Tuần vũ và Quản đạo (tỉnh miền núi) đứng đầu. Dưới Tuần vũ có Bố chính (phụ trách về Hành chính), Án sát (phụ trách về Tư pháp), Đốc học hay Kiểm học (phụ trách về Giáo dục), Lãnh binh (phụ trách về Quân sự). Mỗi tỉnh còn có một Hội đồng hàng tỉnh gồm các thân hào Pháp, Việt, có nhiệm vụ tư vấn cho Công sứ. Dưới tỉnh là phủ do Tri phủ đứng đầu, dưới phủ là huyện (ở đồng bằng) và châu (ở miền núi) do Tri huyện, Tri châu (hoặc Bang tá) đứng đầu. Cấp dưới phủ, huyện, châu là tổng do Chánh, Phó tổng đứng đầu; dưới tổng là xã do Hội đồng kỳ mục chịu trách nhiệm về mọi mặt, đứng đầu là Tiên chỉ, Thứ chỉ và chịu trách nhiệm với cấp trên là Lý trưởng, có Phó lý và Ban ngũ hương giúp việc.

Với chính sách chính trị chuyên chế tàn bạo, thực dân Pháp không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào, thẳng tay đàn áp mọi sự chống đối.

Về kinh tế, chúng thi hành chính sách bảo thủ và phản động: duy trì phương thức sản xuất phong kiến kết hợp một cách hạn chế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ngay sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Bộ, thực dân Pháp lập tức tăng các loại thuế. Đàn áp xong phong trào Cần Vương, thực dân Pháp ráo riết thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1918). Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, Pháp là nước thắng trận nhưng cũng bị tổn thất hết sức nặng nề, vì vậy thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) với quy mô lớn hơn, cường độ mạnh hơn; tăng cường bóc lột và thuế khóa, cướp đoạt ruộng đất và hầm mỏ, phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản và công nghiệp chế biến, xây dựng hệ thống giao thông thủy bộ phục vụ nhu cầu quân sự và vơ vét tài nguyên, lúa gạo, độc quyền xuất - nhập khẩu đối với thị trường Đông Dương; thực dân Pháp đã biến nền kinh tế Đông Dương, nền kinh tế Việt Nam hoàn toàn lệ thuộc vào nền kinh tế chính quốc, bị giam hãm trong sự lạc hậu, kém phát triển.

Thực dân Pháp ra sức chiếm đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền. Theo số liệu thống kê của Pháp, cả tỉnh Quảng Trị có 6.878 ha ruộng đất bị chiếm đoạt để tư sản Pháp như Lavan, Lêca, Poalan, Boocoduc, Mụ Rôm (người Nhật Bản)... lập 10 đồn điền trồng cây công nghiệp

và chăn nuôi ở dọc đường 9 - Hướng Hoá. Riêng tên Loadi đã chiếm 250 mẫu ruộng và 300 mẫu đất ở Vĩnh Linh để lập đồn điền.

Nhiều quan lại của triều Nguyễn dựa vào thế lực thực dân Pháp, cướp đoạt ruộng đất của nông dân như quận công Nguyễn Hữu Bài chiếm cả một vùng rừng núi từ phía nam sông Thạch Hãn đến sông Ô Lâu để thu thuế lâm thổ sản. Người dân vào rừng lấy củi, đốt than, làm rẫy phải nộp thuế bằng hiện vật (mật ong, gà trống thiến, thú rừng, củi, than...). Vua Bảo Đại chiếm một vùng rừng núi rộng lớn ở phía tây Quảng Trị, từ bờ bắc sông Thạch Hãn đến Đông Hà - Cam Lộ để làm nơi săn bắn. Hằng năm triều đình bắt mỗi nông dân trong vùng phải dành 10 đến 15 ngày công làm đường ô tô, chặt cây rừng và cắt cỏ tranh... để Bảo Đại săn bắn.

Ngoài phần ruộng đất do thực dân, phong kiến đã chiếm đoạt, số ruộng đất còn lại chủ yếu là ruộng công chiếm 90%, ruộng tư chỉ có 10%. Số ruộng công, cứ ba năm quân cấp một lần. Đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi được cấp một suất ruộng. Từ 60 tuổi trở lên được cấp một nửa suất. Tùy mật độ dân số từng vùng, thông thường mỗi tráng đinh được chia khoảng ba sào trung bộ (mỗi sào 497 m²) nhưng có nơi ruộng ít, dân đông như An Tiêm, mỗi tráng đinh chỉ được chia một sào. Trước khi đưa ra quân cấp, một phần ruộng tốt bị trích làm ruộng tế điền, hương hoả, du lập, lương điền. Số ruộng này đem ra đấu giá phần lớn vào tay địa chủ, cường hào và một số người giàu khác, dựa vào thế lực đã biến ruộng công thành ruộng tư, thuê mướn

nông dân làm hoặc phát canh, thu tô để bóc lột sức lao động. Số ruộng đất còn lại quân cấp theo thứ bậc. Do đó, số bậc đình chỉ được chia ruộng ở vùng đất xấu. Về danh nghĩa mọi người đều được hưởng một suất ruộng công, nhưng thực tế phần đông nông dân không có ruộng hoặc chỉ có rất ít ruộng, lại thiếu phương tiện canh tác, đến mùa thu hoạch, nhiều nhà không đủ thóc nộp sưu thuế. Một số nông dân có sức lao động, nhưng không có ruộng buộc phải lĩnh canh ruộng của địa chủ, phú nông để làm và nộp tô. Mức bóc lột địa tô ở Quảng Trị rất nặng, vụ chính phải nộp 50% số thu hoạch, vụ phụ phải nộp từ 20-25% số thu hoạch.

Địa chủ, phú nông còn bóc lột nông dân bằng cách cho nuôi rế trâu bò, lợn¹.

Nghề đánh cá biển và làm muối ở Quảng Trị thu hút hàng vạn ngư dân sống tập trung dọc bãi biển. Sản lượng muối làm ra hàng năm khoảng 16 tấn (tập trung ở các vùng Di Loan, Xuân Mị, Cát Sơn, Cửa Việt) đều bị thực dân độc quyền thu mua vì đó là một trong các món hàng đem lại lợi nhuận cao nhất.

Chủ trương không cho ngành công nghiệp thuộc địa cạnh tranh với công nghiệp chính quốc, thực dân Pháp không quan tâm mở mang công nghệ, phát triển tiểu thủ

1. Nuôi rế trâu bò, chủ hưởng 2/3 số con giống, khi chúng đẻ con chủ lấy con thứ nhất và con thứ ba, người lĩnh nuôi chỉ được con giữa. Nuôi rế lợn, chủ lợn được hưởng 1/2 số lợn con, lợn mẹ vẫn là của chủ.

công nghiệp. Tới đầu năm 1929, Quảng Trị mới có một nhà máy điện nhỏ¹ tại thị xã tỉnh lỵ, giá điện bán cho dân dùng rất đắt².

Thực dân Pháp chú trọng đầu tư vào giao thông vận tải, nâng cấp quốc lộ 1, xây dựng quốc lộ 9 để phục vụ mục đích quân sự và kinh tế. Những con đường xuyên Việt, xuyên Á, liên huyện này một mặt làm cho giao thông trong tỉnh thuận lợi, thúc đẩy lưu thông hàng hoá giữa miền ngược với miền xuôi; mặt khác, là phương tiện chủ yếu của thực dân Pháp thực hiện âm mưu vơ vét của cải, tài sản của nhân dân, bóc lột nhân công và đàn áp cách mạng.

Thực dân Pháp đặt ra nhiều sắc thuế với hai loại chính là thuế trực thu và gián thu. Sưu cao, thuế nặng đè lên đầu người dân thuộc địa. Thực dân Pháp còn đưa ra các thứ “quốc trái”, “lạc quyền” để cướp không của cải và sức lao động của nhân dân ta một cách hợp pháp.

Chính sách khai thác, bóc lột, chiếm đoạt của thực dân Pháp cùng với việc câu kết với phong kiến cường hào nông thôn chèn ép, áp bức đã đẩy nhân dân Quảng Trị vào con đường bán cùng hóa. Không lối thoát, nhiều người phải bán hết nhà cửa, ruộng vườn, lìa bỏ gia đình, quê hương vào các đồn điền ở Nam Kỳ, khu mỏ ở Bắc Kỳ và dọc đường 9 hoặc sang Lào, Thái Lan, Tân Đảo để kiếm sống.

1. Do Poder người Pháp xây dựng.

2. Bắt một bóng đèn vào nhà phải trả 7,5đ bạc Đông Dương, mỗi tháng phải trả 1,7đ tiền điện, đến giữa năm 1929 chủ nhà máy điện buộc mỗi gia đình dùng điện phải nộp thêm 6đ nữa.

Về văn hóa, thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa nô lệ “*Làm cho dân ngu để dễ trị*”, đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất¹.

Quảng Trị có vị trí địa lý trọng yếu, giáp với Thừa Thiên - nơi có kinh đô Huế của triều Nguyễn, có nhiều đường giao thông thủy, bộ thuận lợi nối liền với các tỉnh phía Bắc và phía Nam, có đường 9 - con đường chiến lược xuyên Á nên thực dân Pháp càng đặc biệt chú ý. Chúng vơ vét những gì có thể vơ vét được với quy mô ngày càng rộng lớn, tốc độ ngày càng khẩn trương.

Về chính trị, xã hội, thực dân Pháp ra sức đàn áp các lực lượng yêu nước ở địa phương, thu tóm mọi quyền hành vào tay người Pháp, đồng thời củng cố xây dựng bộ máy chính quyền bù nhìn tay sai để làm chỗ dựa vững chắc cho công cuộc thống trị lâu dài của chúng. Chúng tước bỏ mọi quyền tự do - dân chủ - quyền tối thiểu của người dân. Bên cạnh Công sứ Pháp nắm quyền hành pháp và tư pháp, chúng lập ra bộ máy Nam triều từ cấp tỉnh đến xã, thôn để làm tay sai đắc lực cho chúng, trực tiếp khống chế và đàn áp nhân dân lao động.

Với chính sách chia để trị, thực dân Pháp ngay từ khi xâm lược nước ta đã gây ra các vụ xung đột lương giáo, lợi dụng “Bình tây sát tả” để kích động đồng bào Công giáo chống lại đồng bào không theo đạo.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr.108.

Song song với chính sách kìm hãm về kinh tế, phản động về chính trị, thực dân Pháp ra sức thi hành chính sách ngu dân về mặt giáo dục và đầu độc về văn hoá. Thực hiện chính sách đó, thực dân Pháp hạn chế đến mức tối đa việc phát triển giáo dục. Tính đến năm 1930, cả tỉnh Quảng Trị chỉ có 4 trường tiểu học toàn cấp, 5 hoặc 3 xã mới có một trường sơ đẳng tiểu học dạy lớp đồng ấu, dự bị.

Về y tế, năm 1930, cả tỉnh chỉ có một nhà thương (bệnh xá) ở tỉnh lỵ, với một y sĩ phụ trách và một số bệnh xá ở các phủ, huyện lỵ. Những bệnh hiểm nghèo như bệnh đậu mùa, thương hàn, thổ tả thường xuyên đe dọa tính mạng của nhân dân.

Thực dân Pháp luôn khoe khoang là những người “khai hóa văn minh” nhưng chúng lại ra sức khuyến khích những phong tục đồi bại. Ở thành thị, chúng mở nhiều sòng bạc, nhà chứa, tiệm hút thuốc phiện để lôi kéo trí thức, thanh niên vào con đường trụy lạc.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế và xã hội; nước ta từ chế độ xã hội phong kiến thành chế độ xã hội thuộc địa nửa phong kiến; các giai cấp cũ trong xã hội bị phân hóa và hình thành những giai cấp mới. Cũng như cả nước, ở Quảng Trị, bên cạnh số đông là giai cấp nông dân, phong kiến địa chủ, đã xuất hiện giai cấp công nhân, tư sản, tiểu tư sản và tầng lớp trí thức tân học, yêu nước, tiến bộ.

Giai cấp phong kiến địa chủ ở Quảng Trị có thế mạnh. Một bộ phận đại diện cho địa chủ phản động như Nguyễn Hữu Bài câu kết chặt chẽ với thực dân cướp nước chống

phong trào Cần Vương, tiếp tục bóc lột giai cấp nông dân một cách tàn tệ. Mâu thuẫn giữa nông dân với giai cấp phong kiến địa chủ rất sâu sắc. Tuy nhiên, trong quá trình thống trị của thực dân Pháp, giai cấp địa chủ có sự phân hóa. Một số người trong nho sĩ không chịu cảnh nhục mất nước, đã tích cực tham gia các cuộc khởi nghĩa của văn thân, tham gia phong trào “bình Tây sát tả”; một số ra làm quan với thái độ không tích cực phục vụ thực dân cướp nước. Một bộ phận khác khá đông bao gồm địa chủ vừa và nhỏ bị phá sản bởi sự chèn ép của địa chủ lớn và thực dân nên ít nhiều có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến. Tình hình đó đã tạo ra khả năng khách quan là khi phong trào cách mạng lên cao, có thể phân hóa, lôi kéo - ít nhất là trung lập tầng lớp địa chủ nhỏ và vừa, chia mũi nhọn vào đế quốc và đại địa chủ cường hào phản động.

Giai cấp nông dân Quảng Trị chiếm đại bộ phận dân số trong tỉnh. Người nông dân rất cần cù, chịu thương, chịu khó nhưng bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề bằng sưu cao, tô tức nặng, bị tước đoạt ruộng đất. Nông dân Quảng Trị còn thường xuyên chịu cảnh tàn phá của thiên tai, nhất là bão lụt, hạn hán. Vì vậy, đời sống người nông dân đã cơ cực lại càng khốn khổ. Lợi dụng cơ hội đó, giai cấp địa chủ cường hào tăng cường đầu cơ tích trữ lương thực, mua rẻ, bán đắt, bắt ép nông dân, khiến họ lâm vào cảnh bần cùng. Về mặt xã hội, người nông dân bị ràng buộc, giam hãm trong những luật lệ, tập tục phong kiến hết sức lạc hậu.

Nước mất, nhà tan, nông dân Quảng Trị cùng có nguyện vọng chung với nhân dân cả nước là Tổ quốc được

độc lập, người cày có ruộng. Vì vậy, nông dân Quảng Trị căm thù thực dân, phong kiến sâu sắc, tham gia đông đảo trong các phong trào yêu nước, cách mạng, đặc biệt khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Giai cấp công nhân Quảng Trị được hình thành gắn với sự ra đời của một số nhà máy điện, nhà máy nước, đồn điền, giao thông vận tải và ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, do chính sách hạn chế phát triển nền kinh tế thuộc địa của thực dân Pháp nên mãi tới năm 1930, cả tỉnh Quảng Trị mới có khoảng 500 công nhân chuyên nghiệp trong ngành giao thông vận tải, bốc vác và khoảng trên 1.000 công nhân và tá điền làm ở các đồn điền của tư bản Pháp dọc đường 9, Vĩnh Linh, trong đó phần đông là công nhân bán chuyên nghiệp và phụ nữ. Đời sống của công nhân vô cùng cơ cực, không có nơi ăn, chốn ở. Thời gian lao động hằng ngày của công nhân bốc vác, làm việc ở các đồn điền trồng cây công nghiệp hoặc chăn nuôi thường kéo dài 13-14 giờ, dưới làn roi vọt của chủ và cai ký tàn bạo; tiền lương quá ít ỏi, người được hưởng cao nhất cũng chỉ được 0,4 đ/ngày. Tiền công của công nhân bán chuyên nghiệp, công nhân nữ lại càng thấp hơn. Đồng lương của người công nhân chẳng những thấp kém mà thường xuyên bị chủ và cai ký cúp phạt, bớt xén.

Giai cấp công nhân Quảng Trị ra đời muộn và phát triển chậm, chiếm tỷ lệ thấp so với số dân trong tỉnh, phần lớn là công nhân bán chuyên nghiệp, trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật bị hạn chế, đa số xuất thân từ nông

dân. Do đó, về quan hệ kinh tế và tình cảm, người công nhân gắn bó mật thiết với nông thôn, nông dân. Giai cấp công nhân Quảng Trị thấu hiểu sâu sắc tình cảnh giai cấp nông dân, ngược lại giai cấp nông dân cũng hiểu rõ và cảm thông với hoàn cảnh của giai cấp công nhân. Đó là một nhân tố quan trọng thúc đẩy mối quan hệ liên minh công nông ngày càng chặt chẽ và vững chắc trong quá trình đấu tranh cách mạng. Giai cấp công nhân Quảng Trị dần dần ý thức được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập đại diện cho xu hướng tiên tiến của thời đại.

Tầng lớp tiểu tư sản ở Quảng Trị (bao gồm tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh) hình thành và phát triển mạnh từ đầu thế kỷ XX. Tầng lớp này có vị trí nghề nghiệp và mức sống khác nhau nhưng rất bấp bênh, luôn bị nạn thất nghiệp đe dọa, bị thực dân, phong kiến bóc lột, những quyền tự do dân chủ tối thiểu của con người đều bị tước đoạt, đời sống bị lệ thuộc, nhân phẩm bị khinh rẻ, nên tầng lớp tiểu tư sản có tinh thần dân tộc, dân chủ. Được học hành, có điều kiện đọc sách báo trong và ngoài nước, họ tiếp thu được nhiều xu hướng tiến bộ trên thế giới. Số đông trong tầng lớp này gần gũi với quần chúng công nông lao khổ nên có khát vọng về độc lập dân tộc, tự do dân chủ, mong muốn nâng cao dân trí, bảo vệ truyền thống tốt đẹp dân tộc. Họ có vai trò quan trọng vào việc cổ vũ lòng yêu nước thương nòi, chống ngoại bang, phong kiến, đòi quyền lợi cho dân và đã trở thành lực lượng đồng minh tin cậy của giai cấp công

nhân, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

Một bộ phận rất nhỏ trong dân số Quảng Trị thời bấy giờ là dân nghèo thành thị, là những người buôn gánh bán bưng, bán quán, mở tiệm may nhỏ, làm nón, hót tóc, chạy xe kéo, làm vệ sinh, quét chợ, quét đường, chủ yếu ở thị xã Quảng Trị và thị trấn Đông Hà... Đồng tiền kiếm được rất ít ỏi, nhiều người không có chỗ cư trú ổn định, phải ăn đường ngủ chợ; rất bất bình trước cảnh áp bức, bóc lột, sẵn sàng tham gia đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, gắn bó tự nhiên với công nhân và nông dân.

Tư sản dân tộc ở Quảng Trị ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, là một lực lượng phát triển chậm và yếu vì chính sách độc quyền về kinh tế của thực dân Pháp. Hầu hết những cơ sở yếm hâu về kinh tế trong tỉnh đều nằm trong tay các nhà tư bản Pháp. Một số tư sản người Hoa kinh doanh tạp hóa và thuốc bắc hoặc làm đại lý vải của tư sản Pháp, bị tư sản Pháp chèn ép nên họ có cảm tình với phong trào cách mạng của Việt Nam. Một số tư sản dân tộc người Quảng Trị có lúc gây phong trào “chấn hưng công nghiệp” nhưng không cạnh tranh nổi với tư sản ngoại quốc, nên tiềm lực kinh tế nhỏ bé; một số người mở hiệu buôn tạp hoá, bán dược phẩm, một số khác làm thầu khoán chạy xe ô tô... Vì vậy, tư sản dân tộc ở Quảng Trị cũng có khuynh hướng dân tộc và dân chủ, muốn được tự do phát triển như tư sản ở các nước không lệ thuộc, phát sinh mâu thuẫn về quyền lợi với đế quốc, phong kiến nên

trong những điều kiện lịch sử nhất định, những người tư sản dân tộc Quảng Trị có thể trở thành bạn đồng minh tạm thời và có điều kiện trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

Đến đầu thế kỷ XX, sự phân hóa giai cấp ở Quảng Trị cũng như trong cả nước đã rất rõ rệt. Mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giai cấp trong xã hội ngày càng gay gắt, tất yếu dẫn đến cuộc đụng độ giữa lực lượng cách mạng tiến bộ với thế lực thực dân, đế quốc và phong kiến tay sai phản động.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC Ở QUẢNG TRỊ TỪ KHI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC ĐẾN TRƯỚC NĂM 1930

1. Tham gia phong trào “Hịch bình Tây”

Kể từ khi thực dân Pháp nổ súng ở Đà Nẵng (năm 1858), mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam, phong trào kháng chiến của nhân dân ta nhanh chóng phát triển, bất chấp sự bất lực và uơ n hèn của triều đình Huế. Vận nước nguy nan, dân tình cơ cực đã tác động vào số sĩ phu yêu nước ở Quảng Trị. Họ không thể ngồi yên nhìn cảnh nước mất nhà tan.

Đầu năm 1874, các sĩ phu Nghệ An đã ra “Hịch bình Tây” thể hiện tinh thần chống Pháp xâm lược và triều đình đầu hàng: “Dù cho triều đình có hòa với Pháp, sĩ phu nước Nam vẫn không chịu, đánh đuổi hết Tây để bảo vệ nền văn hoá hơn nghìn năm của ta”. Hưởng ứng tinh thần đó, các văn thân trong tỉnh đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy

đấu tranh chống lại sự đầu hàng thực dân Pháp của triều đình nhà Nguyễn, trừng trị những kẻ làm tay sai cho thực dân Pháp. Phong trào đã lôi cuốn một số quan lại của triều đình nhà Nguyễn như ông Đề Núc (làng Linh Yên), ông Thơ Thắng (làng Đại Áng) tham gia cùng nhân dân chống thực dân Pháp ở làng Dương Lệ (Triệu Phong), An Ninh (Vĩnh Linh).

2. Hưởng ứng Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi

Hiệp ước Hác măng (năm 1883) và Patơnốt (năm 1884), được ký kết dưới áp lực quân sự của thực dân Pháp đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của nhà nước phong kiến độc lập Việt Nam và sự đầu hàng của triều Nguyễn. Nhưng trong triều đình Huế vẫn còn một số người yêu nước không chịu khuất phục, nuôi chí hành động khi có thời cơ. Đứng đầu nhóm này là quan phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết. Ông cùng một số đại thần đưa Ưng Lịch, người có tư tưởng chống thực dân Pháp lên ngôi vua, lấy hiệu là Hàm Nghi để thực hiện nghiệp lớn.

Tôn Thất Thuyết ráo riết chuẩn bị lực lượng chờ ngày sống mái với quân thù. Trong thời gian chuẩn bị thực lực chống Pháp, nhân dân Quảng Trị đã giúp Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến của ông xây dựng căn cứ Tân Sở (Cù, Cam Lộ). Đông đảo thanh niên trong tỉnh tự nguyện tòng quân, lên Tân Sở huấn luyện tập quân sự, chuẩn bị chiến đấu.

Sau cuộc tập kích vào quân Pháp đóng ở Huế (04/7/1885) bị thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị. Ngày 13/7/1885, tại Sơn Phòng Tân Sở, vua Hàm Nghi

hạ Chiếu Cần Vương¹ vạch tội ác thực dân Pháp, kêu gọi nhân dân vùng lên chống thực dân Pháp, cứu nước.

Hưởng ứng Chiếu Cần Vương, nhân dân nhiều nơi trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước như Lê Thế Vỹ, Hoàng Hữu Bình (Triệu Phong), Khoá Bảo (Cam Lộ), Nhứt Nhuận, Đội Tê (Hải Lăng), Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như (Gio Linh), Hoàng Văn Phúc (Vĩnh Linh) đứng lên tham gia chống thực dân Pháp. Tiêu biểu hơn cả là hai ông Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như đã chiêu tập được nhiều nghĩa binh ở Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ và lãnh đạo nghĩa binh đánh nhau với giặc Pháp ở tỉnh lỵ, đồng bằng Triệu Phong, Trạng Mè (Gio Linh), Đồ Lú (Vĩnh Linh). Ông Hoàng Văn Phúc, một quân nhân yêu nước đã giương cao lá cờ đề 2 chữ “Hiếu trung”, lãnh đạo nhân dân đánh giặc Pháp ở phía nam cảng Cửa Việt. Tháng 6/1886, nghĩa quân đã tiến công đốt phá nha phủ Triệu Phong. Tháng 7/1886, Đồng Khánh đã cử Nguyễn Hữu Độ hiệp lực cùng thực dân Pháp đem quân tấn công căn cứ của nghĩa quân ở vùng rừng núi trong tỉnh thuộc các tổng Xuân Hoà, Bái Ân, An Xá, An Định, Tam Đường; đặc biệt là tấn công vào các đồn Đệ Nhất (Khe Cây Giang), Đệ Nhị (Khe Chử), Đệ Tam (Bến Me).

Trong hàng chục năm từ sau khi triều đình Huế đầu hàng, thực dân Pháp vẫn phải huy động binh lực và sử dụng Việt gian vào việc “bình định”. Ở tỉnh, theo đề nghị của Viện Cơ mật, Đồng Khánh một mặt nhờ quân đội

1. Có nghiên cứu khác gọi là Dụ.

Pháp trấn giữ các nơi trọng yếu; đồng thời ra lệnh cho lập ở tỉnh một vệ 200 người có trang bị khí giới; ở phủ, huyện lập phủ đoàn, huyện đoàn mỗi đoàn có 200 người; ở tổng thành lập tổng đoàn gồm 100 dân binh, trang bị bằng giáo mác để làm nhiệm vụ bảo vệ Quảng Trị.

Nhiều người yêu nước ở Quảng Trị đã bị bắt bớ, giam cầm, giết hại; nhiều làng xóm bị tàn phá. Việc thực dân Pháp sử dụng triều đình Huế và phong kiến đầu hàng chống lại Tổ quốc, nhân dân Việt Nam trong thời gian này càng làm nổi bật tính chất yêu nước và chính nghĩa của phong trào Cần Vương.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng bị đàn áp, phong trào Cần Vương chấm dứt, nhiều nhà yêu nước trong cả nước cũng như ở Quảng Trị vẫn tiếp tục nổi dậy chống thực dân Pháp, cứu nước.

3. Hoạt động của Hội Duy Tân và phong trào chống sưu, thuế ở Quảng Trị (1904-1908)

Những năm đầu thế kỷ XX, nhiều phong trào yêu nước tiếp nối diễn ra ở Việt Nam dưới tác động tích cực từ bên ngoài. Những luồng tư tưởng dân quyền dân chủ tư sản du nhập vào Việt Nam từ các “tân thư”, “tân văn” ở Trung Quốc, các thuyết về nhân đạo, dân quyền của Rút-xô (Rousseau), Mông-tê-xki-ơ (Montesquieu), Vôn-te (Voltaire)... (Pháp), từ phong trào Duy Tân của Nhật Bản - nhất là sau khi Nhật giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật năm 1905 được các nhà nho tiến bộ nồng nhiệt đón nhận, tiêu biểu là chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu với phong trào Đông Du (1904-1908), mở đầu cuộc vận động

giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Nhóm sĩ phu Lương Văn Can, Nguyễn Quyền... lập trường tư thực hợp pháp Đông Kinh Nghĩa Thục (1907). Phong trào Duy Tân cũng góp phần tích cực động viên lòng yêu nước, phát triển văn hóa dân tộc, ngôn ngữ và văn tự Việt Nam, gây ảnh hưởng rộng lớn từ Bắc Kỳ đến Trung Kỳ. Nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh vận động phong trào Duy Tân (1906-1908), có sự đóng góp tích cực của Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng tích cực đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản, nêu cao tinh thần “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, kích thích phong trào yêu nước ở Trung Kỳ và gây tiếng vang trong cả nước.

Tác động mạnh mẽ của các trào lưu chính trị đó, năm 1906, ở Quảng Trị, một số người do ông Trần Cửu Cai¹

1. Trần Cửu Cai (1878-1946) quê ở làng Phường Sơn, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tục gọi là Hai Hoàn, con một nhà khoa bảng, lúc nhỏ học chữ Hán. Năm 1896, học trường Quốc Tử Giám. Năm 1897, học trường Quốc học Huế. Năm 1902 thôi học, làm thông ngôn ở công ty mỏ than Nông Sơn (Quảng Nam). Ông gia nhập Hội Duy Tân Việt Nam ở Quảng Nam. Năm 1906, bỏ nghề thông ngôn để đi hoạt động cách mạng. Về Quảng Trị, ông đứng ra tổ chức xây dựng Hội Duy Tân Việt Nam và lãnh đạo phong trào cách mạng. Năm 1909, ông bị mật thám truy nã, ông chuyển qua hoạt động bất hợp pháp và đến năm 1912, ông bị địch bắt ở Mỹ Tho, bị kết án tù và bị đày ra Côn Đảo.

Một thời gian sau, ông vượt ngục về đất liền tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông lại bị bắt, bị tù. Sau khi mãn hạn tù, ông tham gia ban biên tập tờ báo *Tiếng Dân*. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông làm Chủ tịch Hội phụ lão Cứu quốc Thuận Hoá, ông mất cuối năm 1946 tại Huế.

đứng đầu đã tổ chức Hội Duy Tân. Những người tham gia Hội Duy Tân phần đông là con em các sĩ phu, các nhà khoa bảng, con em của một số quan lại yêu nước. Hội Duy Tân đã lưu hành trong nội bộ các loại sách yêu nước như *Việt Nam vong quốc sử*, *Hải Ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu. Mục đích của hội là “tập hợp những người trung nghĩa” để “đánh giặc phục thù, mà thủ đoạn là bạo động” nhằm “khôi phục nước Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập”. Để phát triển thế lực, Hội Duy Tân ở Quảng Trị đã tổ chức hội buôn, mở lớp học chữ quốc ngữ, làm nơi tập hợp lực lượng, thu hút nhân tài. Khóa Bảo (Nguyễn Hữu Đồng), mở trường dạy học để đào tạo các trí thức tân học, chống Pháp. Cử nhân Lê Thế Vỹ (Cử Vỹ) người làng Tường Vân (Triệu Phong) lên lập làng Tân Tường (Cam Lộ), quy tụ những người yêu nước ở Quảng Trị, hô hào canh tân, lập trại nuôi tằm, tổ chức kinh doanh, vận động tài chính, đưa người sang du học ở Nhật. Hồ Trọng Bá (Cử Bá), con của Phó bảng Hồ Trọng Tế, quê ở Quế Sơn (Quảng Nam), phò vua Hàm Nghi ra Tân Sở, sự nghiệp không thành, xin nhập cư vào làng An Mỹ (xã Cam Thành), mở trường dạy học, truyền bá tư tưởng yêu nước, chống Pháp cho nhiều thế hệ học sinh và quần chúng lao động. Hồ Trọng Bá còn tổ chức nhiều lớp học sinh tham gia phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân và liên lạc với những người đang xuất dương để mưu đồ chống Pháp.

Cuộc vận động cải cách duy tân do Hội Duy Tân ở Quảng Trị làm nòng cốt, đứng đầu là Trần Cửu Cai đã có những hoạt động sôi nổi khắp nơi trong tỉnh, nhiều cuộc

diễn thuyết được tổ chức ở tỉnh thành và các phủ, huyện. Phong trào đấu tranh chống quan lại, địa chủ cường hào áp bức, bóc lột nhân dân, cắt tóc ngắn, dùng hàng nội hóa, mặc đồ Tây, học chữ quốc ngữ, bài trừ mê tín, dị đoan diễn ra một số nơi.

Từ ảnh hưởng của phong trào Duy Tân, một cuộc đấu tranh rộng lớn chống sưu cao, thuế nặng diễn ra ở miền Trung, bắt đầu từ đất Quảng Nam năm 1908. Nguyên nhân của phong trào này chính là cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ngày càng có quy mô lớn và mức độ nặng nề, khốc liệt. Sưu cao, thuế nặng, mùa màng liên tục thất bát làm người dân khó lòng xoay xở đủ tiền nộp thuế, bùng nổ cuộc đấu tranh chống thuế mạnh mẽ.

Cùng với nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng, tháng 03/1908, hàng ngàn nhân dân trong tỉnh, đông nhất là của 2 huyện Triệu Phong, Vĩnh Linh dưới sự chỉ huy của Trần Cửu Cai đã kéo đến tập trung ở bãi cát làng An Tiêm và chợ Sãi với khẩu hiệu đấu tranh là không đi phu, không nộp thuế cho Pháp.

Trước phong trào lên mạnh, chủ yếu là của nông dân, chính quyền thống trị Pháp ở Quảng Trị ra lệnh cấm dò ngang không cho chở các đoàn biểu tình sang sông Thạch Hãn, đồng thời huy động binh lính đến đàn áp. Nhiều người tham gia cuộc biểu tình đấu tranh bị chúng bắt, trong đó có 4 người bị xử tử. Trần Cửu Cai, người trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh bị chúng truy nã.

Phong trào chống sưu, thuế tuy thất bại nhưng đã biểu thị lòng yêu nước, chí căm thù, sức mạnh quật khởi,

khả năng cách mạng và nguyện vọng sâu xa của các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân trong tỉnh muốn đứng lên cùng cả nước chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

4. Cuộc phá ngục Lao Bảo (1915)

Nhà đày Lao Bảo do thực dân Pháp xây dựng để giam giữ các “quốc sự phạm” miền Trung. Trong số hơn 200 tù nhân giam ở nhà đày Lao Bảo (1915), hầu hết đều bị bắt trong các phong trào Văn Thân, Cần Vương, Duy Tân... trong đó có một số hội viên Việt Nam Quang Phục hội như Liêu Thanh, Hồ Bá Kiện, Nguyễn Lê Dự, Trương Bá Kiện. Theo kế hoạch đã chuẩn bị từ trước, trưa ngày 28/9/1915, khi đoàn tù trên đường về đến gần cổng nhà đày thì anh Liêu Thanh hạ lệnh cho toàn thể anh em tù xông vào chém tên cai và 3 tên lính làm nhiệm vụ áp giải. Cùng lúc, số tù nhân tù chính trị trong nhà đày dưới sự chỉ huy của Hồ Bá Kiện nổi dậy giết lính gác, cướp 29 súng, 16 lưỡi lê, 5.000 viên đạn, phá nhà lao rồi rút ra ngoài chiến đấu, lập căn cứ ở vùng Ban Tà Cha tỉnh Savannakhet (Lào).

Nhận được tin, tên công sứ Quảng Trị lập tức phái tên giám binh Ferê và tên thiếu úy Đagani dẫn 120 lính đuổi theo. Ngày 11/10/1915, hai bên đánh nhau tại vùng Ban Tà Cha. Nhưng vì bị giam cầm lâu ngày, sức khỏe suy kiệt, lại bị cô lập, nên cuối cùng nghĩa quân đã thất bại. Hai nhà lãnh đạo là Liêu Thanh và Hồ Bá Kiện cùng một số nghĩa quân đã hy sinh. Cuộc phá ngục Lao Bảo đã có tiếng vang và ảnh hưởng đối với nhân dân các dân tộc ở vùng Hướng Hoá - Quảng Trị và tỉnh Savannakhet (Lào).

5. Hưởng ứng khởi nghĩa ở Huế (tháng 5/1916)

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ ở châu Âu, nhanh chóng lan ra khắp thế giới. Sau gần một năm tham chiến, nước Pháp bị tổn thất nhiều về người và của. Chính quyền Đông Dương ra sức bắt lính đưa sang châu Âu đánh quân Đức để giữ thành Paris, làm cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam, binh lính người Việt căm thù sâu sắc. Nhân cơ hội đó, đầu năm 1916, Việt Nam Quang Phục hội có những quyết định táo bạo và kịp thời. Phiên họp của các đại biểu Trung ương Việt Nam Quang Phục hội tại Huế đã đi đến quyết định mời vua Duy Tân đứng đầu cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Trung Kỳ mà Huế là ngòi pháo lệnh. Lực lượng khởi nghĩa là những binh lính người Việt, phần lớn sắp bị đưa sang chiến trường châu Âu. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Trần Cao Vân và Thái Phiên.

Tham gia Việt Nam Quang Phục hội ở Quảng Trị có Khóa Bảo, làng Tân Mỹ, huyện Cam Lộ; Lê Thế Vỹ, làng Tường Vân, xã Triệu An, huyện Triệu Phong; và một số người khác. Việt Nam Quang Phục hội tỉnh giao cho ông Khoá Bảo trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa phối hợp với Huế, đã chuẩn bị lập nghĩa binh, rèn vũ khí, quyên góp tiền gạo chờ ngày nổi dậy. Quảng Trị là một trong 4 tỉnh ở miền Trung Trung Bộ có phong trào yêu nước mạnh và tích cực chuẩn bị chu đáo cho cuộc khởi nghĩa. Nhưng kế hoạch bị bại lộ. Ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, thực dân Pháp đóng chặt cửa trại lính, tước vũ khí binh sĩ người Việt, ra lệnh giới nghiêm và lùng bắt những người yêu nước. Vua Duy Tân, Trần Cao Vân, Thái Phiên đều bị bắt.

Tại Quảng Trị, Khoá Bảo và nhiều người yêu nước khác đã sa vào tay kẻ thù. Ông Khoá Bảo là người bị tra tấn đủ mọi cực hình, nhưng vẫn kiên quyết chịu đựng, không khai báo, tránh làm ảnh hưởng đến phong trào.

Cùng cả nước, hơn 10 năm đầu thế kỷ XX, các nhà yêu nước trong Hội Duy Tân, Hội Việt Nam Quang Phục ở Quảng Trị đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh giành độc lập, tự do. Tuy bị thất bại, nhưng các chí sĩ vẫn không nản lòng, tiếp tục dựa vào lực lượng quần chúng yêu nước, khi có thời cơ thì quật khởi. Song chủ trương đấu tranh của những người yêu nước trong các tổ chức này chưa giải quyết được những mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa những người lao động với giai cấp thống trị nên các phong trào nổ ra không tránh khỏi thất bại. Đó là vì “vào những năm 20 của thế kỷ XX, cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng diễn ra sâu sắc. Thực chất đó là cuộc khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến đối với xã hội nước ta”¹.

III. CÁC TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA ĐẢNG Ở TỈNH QUẢNG TRỊ

Sau khi phong trào chống thực dân Pháp của Văn thân, Cần Vương tan rã, lớp sĩ phu Quảng Trị có sự phân hoá về khuynh hướng chính trị. Một số muốn tiếp tục con

¹ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980. t.I, tr.43.

đường vũ trang bạo động nhưng không còn thế lực; số khá đông thì kiên quyết bài Pháp, bất hợp tác với Nam triều phong kiến; một số khác nản chí, cá biệt có người làm tay sai cho thực dân Pháp.

Những người có tinh thần dân tộc chủ yếu là những trí thức trong Hội Duy Tân, Hội Việt Nam Quang Phục, tiếp thu được tư tưởng dân chủ tư sản của nước ngoài, dần dần thoát khỏi sự ràng buộc của hệ tư tưởng phong kiến để chuyển sang hệ tư tưởng dân chủ tư sản.

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất đã dẫn đến một hệ quả ngoài ý muốn của các nước tư bản: đó là cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi tiến tới sự ra đời của Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. “Cách mạng Tháng Mười đã bắc một cái cầu gắn liền cách mạng vô sản phương Tây và cách mạng giải phóng dân tộc phương Đông lập thành một mặt trận cách mạng rộng lớn của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc”¹. Tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào đấu tranh chống đế quốc ở các nước tư bản phương Tây phát triển mạnh mẽ, phong trào đòi độc lập ở Ấn Độ diễn ra nhiều năm.

Ở Việt Nam, từ năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Sau khi tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, Người

1. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.240.

ra sức truyền bá vào Việt Nam, chuẩn bị tiền đề cho sự ra đời một chính đảng vô sản. Dưới tác động của trào lưu tư tưởng mới thông qua các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và đông đảo Việt kiều yêu nước ở Pháp và Trung Quốc, phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ ở trong nước dấy lên mạnh mẽ.

Tại Quảng Trị, một số thanh niên trí thức, công chức làm việc trong các công sở ở tỉnh lỵ, chủ yếu là trong sở công chánh và một số tư sản dân tộc có tinh thần yêu nước thành lập nhóm “Việt Nam độc lập Đảng”, với mục đích làm cách mạng dân tộc, dân chủ, bất liên lạc với tổ chức cách mạng ở các nơi khác, tìm đọc sách báo tiến bộ. Nhóm “Việt Nam độc lập Đảng” thành lập vào tháng 6/1925 gồm có: Nguyễn Đình Cương¹ - đứng đầu và các thành viên: Đặng Thông Sương, Nguyễn Hữu Thu, Lê Văn Hổ, Hoàng Văn Diệm, Viễn Độ, Nguyễn Đức Quảng, Nguyễn Thanh, Trần Ngung, Lê Ngọc Uynh, Nguyễn Kinh, Trịnh Đức Tân.

Nhưng phạm vi hoạt động của nhóm còn hẹp, chỉ trong thị xã Quảng Trị và một số vùng ven thị. Nhóm “Việt Nam độc lập Đảng” chưa có điều lệ và chương trình hoạt động cụ thể.

Các năm 1925-1926, ở Quảng Trị cũng như trong cả nước liên tiếp diễn ra các cuộc mítting, biểu tình với sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Chu Trinh.

1. Làm ở Sở Công chánh, quê Hà Tĩnh.

Ở thị xã Quảng Trị, khi biết tin nhà cầm quyền giải cụ Phan Bội Châu đi qua, nhóm “Việt Nam độc lập Đảng” đã tổ chức thanh niên, học sinh, trí thức, công chức và nhân dân thị xã tập trung tại một địa điểm để nghe cụ Phan Bội Châu nói chuyện. Cuộc nói chuyện của cụ Phan Bội Châu trước hàng ngàn người đã có tác dụng thức tỉnh tinh thần yêu nước, thương nòi của nhân dân Quảng Trị, nhất là trong tầng lớp thanh niên, học sinh, trí thức, công chức.

Tình thế đó “ví như một mảnh đất tốt, rất thuận lợi để những người cách mạng gieo hạt giống của chủ nghĩa Mác Lênin”¹, từ đó hình thành những điều kiện về chính trị, tư tưởng để ra đời các tổ chức tiền thân của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Trị.

1. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở tỉnh Quảng Trị

Tháng 6/1925, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Đường lối chính trị của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gồm 20 điểm, trong đó có ba điểm chính:

- Thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc rồi sau đó tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Thành lập chính phủ công nông binh, thực hiện chính sách phát triển sản xuất, xóa bỏ tư bản, xây dựng xã hội cộng sản ở Việt Nam và trên thế giới. Trước mắt, sau khi

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng (1920-1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr.120.

thành lập, chính phủ công nông binh sẽ thực hiện nhiệm vụ chia ruộng cho dân cày, hủy bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác; thực hiện ngày làm 8 giờ cho công nhân; thực hiện quyền tự do dân chủ, quyền nam nữ bình đẳng...

- Đoàn kết với giai cấp vô sản và phong trào cách mạng thế giới.

Mặc dù Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa phải là tổ chức Cộng sản, nhưng đường lối chính trị, chương trình hành động và điều lệ của Hội đã thể hiện quan điểm, lập trường cách mạng của giai cấp công nhân.

Sau khi thành lập, Hội phái người về nước vận động, lựa chọn, đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, huấn luyện và bồi dưỡng về chính trị, tổ chức; trực tiếp giảng dạy là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Nhờ có mối liên hệ với Hà Huy Tập¹ và Trần Văn Tăng² ở Nghệ - Tĩnh từ trước, nhóm “Việt Nam độc lập Đảng” do Nguyễn Đình Cương đứng đầu, đã cử một thanh niên trí thức tên là Nguyễn Đình Từ³ cùng với Trần Văn Cung qua Quảng Châu dự lớp huấn luyện.

Trong thời gian dự lớp huấn luyện, Nguyễn Đình Từ được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (gọi tắt là *Thanh niên*) và sau khi bế mạc, Nguyễn Đình Từ được Tổng bộ Thanh niên giao nhiệm vụ trở về nước tổ chức cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

1. Hà Huy Tập là anh vợ của Nguyễn Đình Cương.

2. Trần Văn Tăng là anh ruột của Trần Văn Cung.

3. Nguyễn Đình Từ là em ruột của Nguyễn Đình Cương.

Đầu tháng 10/1926, Nguyễn Đình Từ đến Quảng Trị với tư cách là đại biểu của Tổng bộ Thanh niên, tuyên truyền điều lệ Thanh niên, phổ biến báo *Thanh niên*, giao nhiều tài liệu sơ giản về chủ nghĩa cộng sản cho Nguyễn Đình Cương và thành viên trong “Việt Nam độc lập Đảng” nghiên cứu, trao đổi nhằm đi đến thống nhất cải tổ “Việt Nam độc lập Đảng” thành Chi bộ Thanh niên Quảng Trị.

Khi họp nhóm “Việt Nam độc lập Đảng” để bàn việc cải tổ, hầu hết các thành viên trong nhóm “Việt Nam độc lập Đảng” đều tán thành chuyển sang tổ chức “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên”. Chỉ có một người không tham gia tổ chức Thanh niên và hứa đứng ngoài để ủng hộ tài chính¹.

Chi bộ Thanh niên Quảng Trị được thành lập (tháng 10/1926) do Nguyễn Đình Cương làm Bí thư, là một đơn vị cơ sở của “Thanh niên”, hoạt động theo tôn chỉ mục đích “trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới”².

Chi bộ Thanh niên Quảng Trị do Nguyễn Đình Từ phụ trách, liên lạc trực tiếp với Tổng bộ ở Quảng Châu, vì lúc này ở Trung Kỳ chưa thành lập Kỳ bộ. Cùng với việc xây dựng cơ sở Thanh niên ở trong tỉnh, chi bộ còn được Tổng bộ giao nhiệm vụ tích cực phát triển hội viên,

1. Tôn Thất Viễn Đệ, con của một tri phủ.

2. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng (1920-1945)*, Sđd, t.1, tr.98.

xây dựng chi bộ Thanh niên ở các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Hội An¹.

Đến giữa năm 1927, tổ chức Thanh niên Quảng Trị đã phát triển được bốn chi bộ: chi bộ Thanh niên Hà Tĩnh, chi bộ Thanh niên Hội An và hai chi bộ Thanh niên ở Quảng Trị. Số hội viên Thanh niên ở Quảng Trị gồm có: Trần Ngung, Hoàng Thị Ái, Đoàn Lân, Lương Khoan, Hoàng Tường, Lê Ngọc Uynh, Phạm Mông, Nguyễn Khảm, Hoàng Hữu Cảnh (Triệu Phong); Nguyễn Kinh, Nguyễn Cáo, Nguyễn Bá Sam (Hải Lăng); Nguyễn Đạm, Lê Hiên, Võ Sắt, Nguyễn Quảng (Vĩnh Linh); Phan Thị Hồng (Cam Lộ). Ở Quảng Trị còn có một nhóm do chi bộ Thanh niên Thanh Hoá kết nạp và giới thiệu về gồm có: Nguyễn Hữu Đàn, Nguyễn Xuân Luyện, Lê Thị Quế.

Cuối năm 1927, các chi bộ Thanh niên Quảng Trị đã mở Hội nghị hợp nhất, lập ra Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị. Tỉnh bộ chủ trương cử hội viên ra nước ngoài dự lớp huấn luyện chính trị, sau đó trở về mở các lớp huấn luyện cho các hội viên của Tỉnh bộ. Trịnh Đức Tân được Tỉnh bộ cử đi dự lớp huấn luyện ở Xiêm; Hoàng Hữu Đàn, Nguyễn Xuân Luyện được cử đi dự lớp huấn luyện ở Quảng Châu. Các bài giảng của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại các lớp chính trị in trong cuốn *Đường Kách mệnh* hoặc đăng trên báo *Thanh niên* được các hội viên tham dự các lớp huấn

1. Ông Phan Thêm ở Hội An, được Nguyễn Đình Cương kết nạp vào Thanh niên. Ông Phan Thêm đã phát triển thêm hội viên, thành lập chi bộ Thanh niên ở Hội An.

luyện bí mật mang về làm tài liệu huấn luyện cho các hội viên trong tỉnh.

Thông qua các hoạt động đó, trình độ chính trị và năng lực tổ chức của hội viên ngày càng được nâng cao. Các hội viên tích cực hoạt động, tìm cách giác ngộ quần chúng, phát triển tổ chức vào các thanh niên tiên tiến, trí thức giác ngộ cách mạng ở các vùng nông thôn trong tỉnh.

Phong trào thanh niên Quảng Trị có những bước phát triển vững chắc, đã được Kỳ bộ Trung Kỳ ghi nhận. Đầu năm 1928, Kỳ bộ Trung Kỳ chỉ thị cho Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị xúc tiến hội nghị đại biểu Thanh niên để thành lập Tỉnh bộ chính thức.

Hội nghị đại biểu Thanh niên được tổ chức trong năm 1928¹. Hội nghị đã đánh giá tình hình của Hội trong thời gian qua, đề ra những chủ trương công tác mới:

- Tăng cường công tác huấn luyện chính trị.
- Tích cực phát triển hội viên mới.
- Xây dựng các tổ chức quần chúng.
- Đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ.

Hội nghị đại biểu Thanh niên Quảng Trị quyết định xuất bản tờ báo *Phấn đấu* làm cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ, do Hoàng Hữu Đàn làm chủ bút. Hội nghị đại biểu đã bầu ra Ban Chấp hành của Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị gồm bốn ủy viên: Nguyễn Đình Cương, Nguyễn Xuân Luyện, Trịnh Đức Tân, Hoàng Hữu Đàn, do Nguyễn Đình Cương làm Bí thư.

1. Ngày, tháng và địa điểm tổ chức hội nghị đại biểu Thanh niên chưa được xác minh.

Sau hội nghị đại biểu, việc học tập chính trị của hội viên càng thêm sôi nổi. Nhiều hội viên Thanh niên bí mật chuyển tay nhau đọc các loại sách, báo như Báo *Thân Ái* xuất bản ở Xiêm, *Điều lệ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, *Chủ nghĩa xã hội sơ giản*, *Đấu tranh giai cấp*, *Lịch sử tiến hoá nhân loại*, *Chủ nghĩa Mã khắc tư*, *Phê bình chủ nghĩa tam dân của Tôn Dật Tiên*, *Phê bình chủ nghĩa Găngđi*, *Phê bình chủ nghĩa vô chính phủ*, *Duy vật lịch sử*, *Cách mạng Nga*, *Cuộc đời của Lênin*, *Bản án chủ nghĩa thực dân*,...

Cán bộ cốt cán của Hội trực tiếp về các cơ sở để tổ chức phát triển hội viên mới. Tính đến tháng 5/1929, toàn tỉnh có 50 hội viên, chia làm 8 tổ. Thị xã Quảng Trị một tổ, Hải Lăng một tổ, Triệu Phong 3 tổ, Gio Linh một tổ, Vĩnh Linh một tổ, Cam Lộ một tổ.

Bám sát đường lối chính trị do Hội đề ra, hoạt động của Thanh niên đã có ảnh hưởng lớn trong các tầng lớp nhân dân, thu hút được nhiều tổ chức biến tướng của Hội tham gia thực hiện chương trình của Hội hoặc có cảm tình với Hội, đông nhất là nông dân có 500 hội viên, học sinh có 50 hội viên, binh lính có 20 hội viên.

Trong các năm 1927-1928, ở Triệu Phong có “Ái hữu dân đoàn”- một tổ chức quần chúng do Trần Hữu Dực lập ra với thành phần gồm thanh niên, học sinh, nông dân. Mục đích của “Ái hữu dân đoàn” là thực hiện ái hữu tương trợ nhau trong làm ăn, đấu tranh chống địa chủ cường hào áp bức, bóc lột nông dân, bài trừ mê tín dị đoan... Phạm vi hoạt động của “Ái hữu dân đoàn” khá rộng ở vùng đồng

bằng Triệu Phong. Hoạt động của tổ chức này đã làm cho Tỉnh bộ Thanh niên chú ý và cử đại diện đến liên lạc với Trần Hữu Dực, tìm hiểu, nắm lấy cơ sở quần chúng. Kết quả, sau một thời gian vận động, cuối năm 1928, “Ái hữu dân đoàn” đã trở thành tổ chức quần chúng cách mạng của Tỉnh bộ Thanh niên. “Ái hữu dân đoàn” từ đó hoạt động theo mục đích, tôn chỉ, điều lệ của Thanh niên.

Để có tài chính hoạt động, ngoài việc đóng hội phí, mỗi hội viên Thanh niên phải đóng cổ phần¹ để Tỉnh bộ thành lập chi điểm Hưng nghiệp hội xã do ông Lê Thế Hiếu phụ trách. Hưng nghiệp hội xã là tổ chức kinh tế nhằm chấn hưng hàng nội hoá. Tỉnh bộ Thanh niên dùng tổ chức hoạt động kinh tế công khai này để che giấu mọi hoạt động cách mạng của Hội. Hội viên Thanh niên mỗi lần đến họp đều lấy danh nghĩa là những người góp cổ phần vào Hưng nghiệp hội xã để che mắt mật thám. Hưng nghiệp hội xã có các chi điểm ở các huyện lỵ, thị trấn trong tỉnh.

Nhờ vậy, Tỉnh bộ Thanh niên đã tập hợp được đông đảo quần chúng yêu nước tham gia vào Hưng nghiệp hội xã, trên cơ sở đó, lựa chọn người đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

2. Tân Việt Cách mạng Đảng ở Quảng Trị

Năm 1926, lúc làm Thừa phái ở Diễn Châu (Nghệ An), Lê Thế Tiết được kết nạp vào Hội Phục Việt (sau đổi thành Hưng Nam rồi Tân Việt). Mùa hè năm 1928, sau khi thôi

1. Mỗi cổ phần 50 đồng bạc Đông Dương.

chức Thừa phái, Lê Thế Tiết được Kỳ bộ Tân Việt cử về Quảng Trị hoạt động. Lê Thế Tiết đã chọn Tân Tường (Cam Lộ) làm địa bàn xây dựng Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Trị. Tỉnh bộ Tân Việt Quảng Trị gồm 12 đảng viên (chủ yếu là những người trí thức tiểu tư sản ở các trường tiểu học như Nguyễn Hữu Mão, Trương Sĩ Đản, Nguyễn Tiến Nhiếp, Hồ Chơn Nhơn, Nguyễn Ổn, chị Đào, chị Yên...).

Theo chỉ thị Tổng bộ Tân Việt, tỉnh bộ Tân Việt Quảng Trị lúc này tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển tổ chức, giáo dục huấn luyện đảng viên. Các tài liệu huấn luyện đều phỏng theo hoặc lấy nguyên của Thanh niên. Nhờ vậy, nhiều đảng viên Tân Việt có điều kiện tiếp thu được những kiến thức sơ giản đầu tiên về chủ nghĩa cộng sản và đường lối cách mạng Việt Nam do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi xướng.

Tuy nhiên, do thành phần gồm một số trí thức, tiểu tư sản vốn có trình độ và nhận thức chính trị khác nhau, nên Tân Việt không trở thành một khối thống nhất về tư tưởng và tổ chức. Trong lúc ấy, chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc và sách báo của *Thanh niên*, ngày càng có sức hút mạnh mẽ đối với số đông đảng viên Tân Việt, nhất là lớp người trẻ tuổi có nhiệt tình yêu nước đang khao khát một đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn. Hàng ngũ của Tân Việt do đó ngày càng phân hoá. Những phần tử ưu tú giác ngộ nhất đã thoát ly Tân Việt, gia nhập hàng ngũ *Thanh niên*.

Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương của Kỳ bộ Thanh niên, Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị đã tăng cường vận động, thiết lập mối quan hệ tốt với các đảng

viên Tân Việt trong tỉnh và kết quả tổ chức Tân Việt đã sáp nhập cả tổ chức vào Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị. Cùng trong thời gian đó, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chủ trương “vô sản hoá”, đưa hội viên của mình vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng lao động với công nhân để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và giác ngộ cách mạng. Phong trào “vô sản hoá” không những đã góp phần thúc đẩy phong trào công nhân tiến nhanh từ giai đoạn “tự phát” sang giai đoạn “tự giác”, mà còn là biện pháp quan trọng rèn luyện những người trí thức yêu nước và cách mạng, sớm nhận thức được nhu cầu bức thiết phải cải tổ Thanh niên và lập ra một chính đảng của giai cấp công nhân, một đảng có khả năng tập hợp, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến giành độc lập cho dân tộc, tự do dân chủ cho nhân dân.

Ở Quảng Trị, Nguyễn Đình Cương - Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên muốn giải tán *Thanh niên*, để tổ chức cộng sản, Hoàng Hữu Đán - Ủy viên Tỉnh bộ Thanh niên lại muốn duy trì *Thanh niên*, chưa tổ chức cộng sản.

Cuối năm 1928, Trần Văn Cung - Bí thư Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ - người chủ trương giải tán *Thanh niên* lập tổ chức cộng sản đã đến Quảng Trị gặp Nguyễn Đình Cương để bàn bạc về vấn đề này.

IV. THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ

Nhận thấy tôn chỉ và khẩu hiệu của *Thanh niên* không còn phù hợp với tình hình hiện tại, tháng 03/1929,

những người tiên tiến nhất trong Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ đã thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Hà Nội gồm 7 đồng chí, tiêu biểu là Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Cộng sản, Đại hội Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ họp vào ngày 28/03/1929 đã nhất trí tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản và cử một đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc của *Thanh niên* với nhiệm vụ phải đấu tranh để chủ trương này được chấp nhận.

Đầu tháng 5/1929, tại Đại hội của Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc), đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã đề nghị giải tán *Thanh niên*, thành lập Đảng cộng sản nhưng chỉ được thiểu số ủng hộ nên không thành. Ngô Gia Tự và Trần Văn Cung bỏ Đại hội ra về.

Ngày 15/5/1929, Trần Văn Cung đến Quảng Trị gặp Nguyễn Đình Cương bàn việc giải tán *Thanh niên*, thành lập nhóm Cộng sản ở địa phương. Ngày 16/5/1929, Nguyễn Đình Cương triệu tập số hội viên *Thanh niên* tích cực ủng hộ việc tổ chức Cộng sản, họp tại làng Long Hưng (Hải Lăng). Sau khi nghe Trần Văn Cung giới thiệu khái quát về chủ nghĩa cộng sản và chuyên chính vô sản, đường lối cách mạng Đông Dương, tất cả hội viên *Thanh niên* có mặt tại cuộc họp đều nhất trí tuyên bố giải tán *Thanh niên*, thành lập tổ chức Cộng sản. Nhóm cộng sản đầu tiên của Quảng Trị gồm Nguyễn Đình Cương,

Đoàn Lân, Trần Hữu Dực, Trịnh Đức Tân, Hoàng Thị Ái, Nguyễn Đạm, Trần Ngung¹.

Nhóm Cộng sản đầu tiên của tỉnh đã đề ra phương hướng hoạt động đúng đắn, coi trọng công tác xã hội như mở lớp dạy chữ, vận động xoá bỏ hủ tục, vận động tiêu dùng hàng nội, giúp đỡ dân nghèo. Qua đó, tuyên truyền cách mạng và phát triển các tổ chức quần chúng như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Cứu tế đỏ, Thanh niên cộng sản. Thông qua Đoàn Bá Thừa, nhóm vận động bà Đoàn Thị Ái

1. Nguyễn Đình Cương quê ở Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh), nguyên Trưởng ty Công chính Quảng Trị, giữ cương vị Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Trị, kiêm tổ trưởng tổ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thị xã.

Trịnh Đức Tân quê ở Long Hưng (Hải Lăng), Ủy viên Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Trị, kiêm tổ trưởng tổ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Lăng.

Hoàng Thị Ái quê ở Bích Khê (Triệu Phong) tổ trưởng tổ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Cam Lộ.

Đoàn Lân quê ở An Tiêm (Triệu Phong) phụ trách 3 tổ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Triệu Phong.

Trần Hữu Dực quê ở Dương Lệ Đông (Triệu Phong), sáng lập viên nhóm “Ái hữu dân đoàn” Triệu Phong, có nhiều liên hệ với Nguyễn Đình Cương và Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Trị.

Nguyễn Đạm quê ở Tân Trại (Vĩnh Linh) tổ trưởng tổ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Vĩnh Linh.

Có ý kiến Lê Ngọc Uyển quê ở Bích Khê, trú tại An Tiêm (Triệu Phong) là một trong các đảng viên của nhóm cộng sản đầu tiên ở Quảng Trị.

ở An Tiêm nuôi đồng chí Trần Hữu Dực, mở lớp dạy trẻ em, làm nơi liên lạc và cơ sở hoạt động.

Ngày 01/6/1929, sau khi về nước, đoàn đại biểu Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ ra bản tuyên bố giải thích vì sao họ buộc phải rút khỏi Đại hội Thanh niên và kêu gọi công nhân, nông dân, những người cách mạng trong nước ủng hộ việc thành lập Đảng Cộng sản. Bản tuyên bố chỉ rõ: “Phải tổ chức ngay Đảng Cộng sản thì mới dẫn đạo cho vô sản giai cấp làm cách mệnh được”. Có sự bàn bạc, thống nhất từ trước, ngày 10/6/1929, Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung Kỳ họp, tuyên bố giải tán *Thanh niên* để thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng.

Ngày 17/6/1929, Hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng được tổ chức ở Hà Nội. Hội nghị công bố Tuyên ngôn, Điều lệ Đảng và quyết định xuất bản tờ báo *Búa liềm*.

Nhằm phát triển ảnh hưởng tới quần chúng, ngày 19/6/1929, đồng chí Nguyễn Phong Sắc - Bí thư Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ đưa truyền đơn và tài liệu của Đông Dương Cộng sản Đảng vào giao cho nhóm Cộng sản ở Quảng Trị in thêm để phát rộng trong tỉnh và khu vực Trung Trung Kỳ. Truyền đơn của Đông Dương Cộng sản Đảng nêu rõ những nét cơ bản nhất về cách mạng dân tộc dân chủ, hướng tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bức thư của Đông Dương Cộng sản Đảng gửi kèm theo cho các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã phân tích về tính chất cách mạng không triệt để của tổ chức này,

vạch rõ mục tiêu, phương hướng đấu tranh cách mạng của Đông Dương Cộng sản Đảng.

Hai đồng chí Nguyễn Đình Cương, Trần Hữu Dực đã nhận nhiệm vụ trực tiếp in, rải truyền đơn và thư của Đông Dương Cộng sản Đảng. Cùng lúc, Phan Trọng Bình, một trong những người chủ trương duy trì Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đại biểu của Kỳ bộ Trung Kỳ dự Đại hội Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã mang truyền đơn của Tổng bộ (tức hiệu triệu của Đại hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên toàn quốc lần thứ nhất) đến Quảng Trị gặp Hoàng Hữu Đàn và Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Trị. Phan Trọng Bình phối hợp với Hoàng Hữu Đàn bàn việc in và phân phát truyền đơn của Tổng bộ.

Trước tình hình đó, Nguyễn Đình Cương, Trần Hữu Dực tìm mọi cách rải hết số truyền đơn và thư của Đông Dương Cộng sản Đảng trước khi truyền đơn của Tổng bộ in xong.

Tối 30/6/1929, Nguyễn Đình Cương nhận nhiệm vụ rải truyền đơn ở thị xã Quảng Trị, Trần Ngung và một số đoàn viên cốt cán như Đoàn Bá Thừa, Lê Dỏ, Lương Khoan, Lê Nghiên, Nguyễn Đức Nhượng chịu trách nhiệm rải dọc tỉnh lộ 64, quốc lộ 9, chợ Đông Hà, một số nơi khác ở huyện Hải Lăng, Triệu Phong. Nguyễn Đạm rải ở Thuận Hoá, Đoàn Lân rải từ Quảng Nam đến Bình Định. Trịnh Đức Tân rải từ Nha Trang (Khánh Hoà) đến Bình Thuận.

Sáng 01/7/1929, toàn bộ số truyền đơn và thư của Đông Dương Cộng sản Đảng đã rải khắp từ Quảng Trị đến Bình Thuận; làm cho ý định rải truyền đơn của Tổng bộ do

Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung Kỳ đảm nhiệm không thực hiện được.

Cuộc rải truyền đơn và thư của Đông Dương Cộng sản Đảng đã tạo ảnh hưởng vang dội trong các tầng lớp nhân dân. Quan lại chính phủ Nam triều hoảng hốt tìm mọi biện pháp đối phó. Chúng tung mật thám về khắp các nơi trong tỉnh theo dõi nghiêm ngặt nhằm lùng bắt đảng viên và hội viên *Thanh niên*.

Ngô Đình Diệm - tri phủ Hải Lăng - một tên phản động đội lốt tôn giáo, tay sai đắc lực của thực dân Pháp đã không từ một thủ đoạn nào để chống phá cách mạng. Được mật báo, hấn lệnh bắt một thanh niên ở tổng An Thái (Hải Lăng) đã nhặt và cất giữ truyền đơn. Theo sự hướng dẫn của chỉ điểm, địch tổ chức đào hầm bí mật cất giấu tài liệu của *Thanh niên* ở gia đình Nguyễn Cáo (Hải Lăng). Số người bị bắt ngày một nhiều. Chỉ tính trong tháng 7 và tháng 8/1929, toàn tỉnh Quảng Trị đã có 60 người bị bắt, trong đó có 39 hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên cùng nhiều đảng viên Tân Việt, hội viên của Hưng nghiệp hội xã.

Để chia rẽ những người yêu nước và cách mạng bị giam cầm trong nhà lao Quảng Trị, địch tìm cách phân biệt đối xử giữa Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt. Xuất phát từ nhận định Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có xu hướng cộng sản - là những phần tử nguy hiểm còn Tân Việt chỉ có xu hướng dân tộc, ít nguy hiểm hơn, Aristide - Khâm sứ Trung Kỳ, đã chỉ thị cho Viện Cơ mật xét xử thật nặng những hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Tuân theo chỉ thị của Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 13/10/1929, toà án Nam triều ở Quảng Trị đã đưa 37 hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra xử và kết án tù¹. Số người bị án nặng giam ở nhà đầy Lao Bảo, số còn lại giam tại nhà lao Quảng Trị. Những đảng viên Tân Việt chúng chỉ giam 2 tháng rồi cho về.

Lúc này tại các nhà tù, toàn bộ các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn giữ chủ trương duy trì tổ chức của mình như trước. Mọi người trong khi trao đổi đều tán thành là nên tiếp tục hoạt động cộng sản, đấu tranh chống tư tưởng cầu an, thoái chí, giữ vững khí tiết trước các đòn tra tấn dã man của kẻ thù.

Để bảo vệ quyền lợi và tính mạng cho tù nhân, đồng chí Trần Hữu Dực cùng một số đảng viên Cộng sản, hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức giúp đỡ nhau đối phó với địch, chăm sóc người ốm. Dần dần, những người Cộng sản quyết tâm tổ chức cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ sinh hoạt trong nhà tù. Để giữ bí mật, lúc đầu chỉ ít người biết, về sau nhằm phát huy sức mạnh,

1. Nguyễn Đình Cương và Lê Thế Hiếu tù chung thân; Trịnh Đức Tân, Nguyễn Kinh 13 năm tù; Hoàng Hữu Cảnh, Đoàn Lâm, Nguyễn Hoàn, Lương Khoan, Trần Ngung 12 năm tù; Hoàng Tường, Lê Ngọc Uynh, Phạm Mông 11 năm tù; Lê Hiến, Võ Sát, Trần Đan, Nguyễn Diên, Trương Quang Phiên 10 năm tù; Nguyễn Cáo 9 năm tù; Trần Khoa, Văn Hoàn 3 năm tù; Hồ Chơn Nhơn, Trần Hữu Dực 2 năm rưỡi tù; Võ Thuận, Lê Thước, Võ Dụ, Hoàng Trịnh, Trần Trang 2 năm tù; Nguyễn Hoàng, Nguyễn Bá Sam, Lê Hàm 1 năm tù; Hồ Thâm, Đặng Lan, Lê Dỏ, Trương Quang Côn 11 tháng tù.

tất cả tù nhân đều được vận động tham gia. Anh chị em tập hợp kiến nghị, đưa yêu sách đòi:

- Phải có chế độ biệt đãi tù chính trị, cho người nhà đến thăm, gửi thư từ, đối xử tử tế, không đánh đập, chửi bới.

- Ăn cơm rời, nóng, không ăn cơm vắt, gạo nấu cơm phải tốt.

- Thức ăn phải có canh, cá, thịt sạch sẽ.

- Phải có mâm, bát, đĩa, thìa dĩa hoàng.

- Nước chè uống phải đun sôi và đủ.

- Phải bảo đảm vệ sinh, giữ gìn sức khỏe, thường kỳ rải crézine (crêdin), vôi để trừ ruồi, muỗi.

Trước sức đấu tranh mạnh mẽ và kiên quyết của tù nhân, nhất là sau các đợt tuyệt thực xảy ra liên tục, kéo dài từ 7 ngày đến 10 ngày mỗi đợt - tên Án sát tỉnh Quảng Trị phải đến trại giam tuyên bố: “Tất cả các yêu sách của các ông đều được giải quyết”, và lệnh cho lính gác ngục phải dọn dẹp những cây dứa rải xung quanh phòng giam, phun thuốc sát trùng crêdin..

Cuộc đấu tranh đầu tiên của những người cộng sản trong nhà lao Quảng Trị giành thắng lợi, tạo điều kiện cho việc tuyên truyền, giác ngộ cách mạng.

Cùng các hoạt động đó, đồng chí Trần Hữu Dực vận động anh em bớt suất ăn¹ hằng ngày để có tiền mua giấy

1. Một tháng, tên Chiếm (người Trung Quốc), kẻ thâu việc nấu cơm cho tù nhân được cai ngục trả 1,2 đ/người (tức 0,4 đ/tù nhân/ngày). Anh em quyết định 5 người ăn 4 suất, còn một suất bán cho chủ thâu với giá 0,8 đ/tháng. Do có lợi, tên Chiếm đã chấp nhận và giữ kín chuyện này.

mục dùng cho việc xuất bản tờ báo *Tiến lên* in bằng thạch. Tờ báo *Tiến lên* do đồng chí Trần Hữu Dực làm chủ bút đã góp phần giới thiệu về Đông Dương Cộng sản Đảng, giải thích các chủ trương của Đảng.

Tờ báo được lưu hành trong nội bộ *Thanh niên*. Nhiều hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa bị địch bắt đã chuyền tay nhau đọc một cách say sưa. Nhờ đó các hội viên đã hiểu rõ mục đích lý tưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng, nhiều người đã đứng ra vận động nhân dân trong các làng xã, chủ yếu và nòng cốt là thanh niên đấu tranh với hương lý, bảo vệ quyền lợi dân sinh, dân chủ đã giành được. Trong lúc bị giam ở nhà lao Quảng Trị, đồng chí Đoàn Lân đã liên lạc với Đoàn Bá Thừa và trước khi bị đày lên Lao Bảo, đồng chí Đoàn Lân đã vạch ra phương hướng khôi phục phong trào cho Đoàn Bá Thừa và một số hội viên *Thanh niên*: “Cứ tiếp tục hoạt động theo mục tiêu, phương hướng của Đông Dương Cộng sản Đảng. Muốn tìm Đỏ thì ra Bắc Kỳ, vùng Nghệ An, Hà Tĩnh”.

Một số đồng chí chưa sa vào tay giặc như Hoàng Thị Ái, Nguyễn Đạm, Nguyễn Xuân Luyện đã tìm cách vào Hội An (Quảng Nam) hoặc ra Vinh (Nghệ An) hoạt động, xây dựng cơ sở đảng ở các địa phương này, tiếp tục bắt mối để xây dựng lại cơ sở đảng ở Quảng Trị.

Tuy vậy, việc xây dựng tổ chức đảng ở Quảng Trị cũng bị chững lại 4-5 tháng. Đến tháng 11/1929, vào dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, qua thư Đoàn Lân, Đoàn Bá Thừa đã thành lập Chi bộ An Tiêm gồm 4 đồng chí: Đoàn

Bá Thừa, Nguyễn Kháng, Nguyễn Bộc, Nguyễn Thị Trúc. Cũng trong thời gian này, Lê Viết Lượng¹ là một cán bộ của Xứ ủy đang dạy học và hoạt động ở Huế, được đồng chí Hoàng Thị Ái cung cấp tình hình Quảng Trị và giới thiệu một số cơ sở cách mạng. Qua một cơ sở cũ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên², Lê Viết Lượng đã liên lạc với Lê Thế Tiết. Hai đồng chí dùng chiếc thuyền của một cơ sở nằm trên sông Hiếu (gần thị xã Đông Hà) để họp. Cuộc họp thống nhất chuyển một số đảng viên Tân Việt, hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên sang đảng viên cộng sản như Lê Thế Tiết, Nguyễn Ổn, Hoàng Hữu Mão, Lê Thị Quế... và bàn cách tổ chức, thành lập các chi bộ Tường Vân (Triệu Phong), Tân Tường (Cam Lộ); cùng với Chi bộ An Tiêm, đây là 3 chi bộ ra đời sớm ở Quảng Trị. Tháng 01/1930, đồng chí Trần Hữu Dực ra tù, gặp Đoàn Bá Thừa, với sự giúp đỡ của Chi bộ An Tiêm, đồng chí tiếp tục hoạt động, vận động quần chúng và xây dựng cơ sở đảng ở nhiều nơi thuộc huyện Triệu Phong, Hải Lăng. Việc kết nạp đảng viên được tiến hành một cách chặt chẽ, kỹ lưỡng.

Đầu năm 1930, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản trong nước,

1. Lê Viết Lượng quê ở Can Lộc (Hà Tĩnh) tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên năm 1926, được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng tháng 9/1929.

2. Có ý kiến cơ sở cách mạng đó là Nguyễn Ổn; cũng có ý kiến khác cho rằng cơ sở cũ đó là Hai Côn.

thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị thông qua *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* của Đảng, đó là *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Do tác động trực tiếp của sự kiện trọng đại này, việc xây dựng cơ sở đảng, thành lập các chi bộ ở Quảng Trị đã được xúc tiến mạnh mẽ hơn. Đến tháng 03/1930, đã có hàng chục làng xóm trong tỉnh có đảng viên hoặc thành lập được chi bộ¹. Đầu tháng 4/1930, đồng chí Trần Hữu Dực họp với các Bí thư chi bộ² tại nhà ông Nguyễn Huyền ở làng Vệ Nghĩa

1. Theo thống kê bước đầu và tài liệu do một số đảng viên lão thành cung cấp, nhất là tài liệu của đồng chí Nguyễn Quang Xá, danh sách các làng và các đảng viên như sau: Tường Vân (Lê Thị Quế, Nguyễn Ổn, Phạm Oai, Lê Quang Kỷ, Nguyễn Văn Uyên, Nguyễn Thị Lan), An Tiêm (Đoàn Bá Thừa, Nguyễn Kháng, Nguyễn Dụ, Nguyễn Bộc, Nguyễn Thị Dọt - tức Trúc), Vệ Nghĩa (Nguyễn Thi, Nguyễn Phác), Phú Lưu (Nguyễn Tiệm, Nguyễn Khôi, Nguyễn Hón), Dương Lệ Đông (Trần Thận, Trần Thi, Trần Hữu Dực), Dương Lệ Văn (Nguyễn Quật, Nguyễn Sần, Lê Cự), An Lợi (Lê Hoạch, Lê San, Hoàng Tùng), Phú Tài (Nguyễn Chúc), Đại Áng (Nguyễn Vức), Lập Thạch (Nguyễn Thuấn), Lạng Phước (Nguyễn Đàn), Phú Lễ (Nguyễn Đàm), Ngô Xá (Nguyễn Quang Duân, Lương Định), Quy Thiện (Thái Văn Khanh), Quảng Lượng (Nguyễn Yển), Đại Hào (Nguyễn Huyền), Thượng Xá (Lê Quê), Long Hưng (Trần Ngọc Hoành), Phú Long (Nguyễn Bá Sam), Gia Độ (Lê Khắc), An Giã (Lê Tiên), Phường Ngạn (Nguyễn Chúy, Nguyễn Tích, Nguyễn Thua), Long Quang (Trần Xuân Nguyên), Bích Khê (Hoàng Thị Dụ - tức Mai), Cổ Thành (Lê Dỏ).

2. Theo hồi ký của đồng chí Trần Hữu Dực, tất cả các Bí thư chi bộ họp lại gọi là Hội nghị Bí thư đoàn.

để bàn bạc thống nhất và vạch ra một số công việc phải làm gấp:

- củng cố phát triển các chi bộ Đảng. Khi có nghị quyết và điều lệ Đảng do thượng cấp đưa về thì thi hành ngay việc mở hội nghị lập Tỉnh ủy.
- Ra sức phát triển Nông hội đỏ, Thanh niên Cộng sản đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Ái hữu.
- Bằng mọi cách tuyên truyền giáo dục rèn luyện theo nội dung truyền đơn của Đông Dương Cộng sản Đảng.
- Mở rộng việc học chữ quốc ngữ cho mọi người, càng nhiều càng tốt, nhất là đối với lứa tuổi thanh niên.
- Lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh với địch từ thấp đến cao, chống quân cướp ruộng đất bất công, chống phù thu lạm bổ, ăn cướp đất của dân, chống mê tín dị đoan.
- Tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên vào các hội đổi công làm vùn, giúp nhau sản xuất, xây dựng cuộc sống.
- Tìm mọi cách liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ.

Hội nghị thành lập Tỉnh ủy Quảng Trị

Giữa tháng 4/1930, phái viên của phân khu Xứ ủy Trung Kỳ đến gặp đồng chí Lê Thế Tiết tại gia đình ở làng Tường Vân, bàn việc lập Ban vận động thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Trị, giao cho đồng chí Lê Thế Tiết chịu trách nhiệm. Đồng chí Lê Thế Tiết đã viết thư mời đồng chí Trần Hữu Dực về để bàn việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời Quảng Trị. Tại làng Tường Vân, hai đồng chí đã thống nhất dự kiến 3 người tham gia Tỉnh ủy

lâm thời là Lê Thế Tiết, Nguyễn Hữu Mão và Trần Hữu Dực, phân công đồng chí Lê Thế Tiết gặp đồng chí Nguyễn Hữu Mão; đồng chí Trần Hữu Dực chuẩn bị địa điểm tổ chức Hội nghị thành lập Tỉnh ủy sắp tới.

Ngày 21/4/1930, Ban vận động họp tại nhà ông Nguyễn Phú ở làng Đại Hào (Triệu Phong) có đồng chí phái viên của Xứ ủy tham dự. Sau khi nghe thông báo về tình hình Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đọc thư của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị lần lượt nghe các đồng chí Lê Thế Tiết, Nguyễn Hữu Mão, Trần Hữu Dực báo cáo về các cơ sở Đảng do mình đã xây dựng trong thời gian qua. Hội nghị nhất trí thành lập Ban Chấp hành lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Trị gồm 3 ủy viên như đã dự kiến. Đồng chí Lê Thế Tiết được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị lâm thời.

Đảng bộ tỉnh Quảng Trị được thành lập đã chứng tỏ sự tiếp thu nhanh chóng và mạnh mẽ trào lưu tư tưởng cứu nước mới do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, phù hợp với xu thế phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam. Từ đây, phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Trị đã có một tổ chức Đảng lãnh đạo, cùng cả nước đấu tranh giành chính quyền.

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1930-1935)

I. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra từ năm 1929 đã tàn phá nền kinh tế và gây ra những hậu quả nặng nề về chính trị, xã hội cho các nước tư bản chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, các nước thuộc địa phải gánh chịu khủng hoảng của “chính quốc”, làm cho nền kinh tế ở các nước này vốn đã lạc hậu, phụ thuộc lại càng tiêu điều, suy sụp hơn. Cuộc sống của nhân dân các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam ngày càng điều đứng. Mâu thuẫn giữa nhân dân Quảng Trị cũng như nhân dân Việt Nam với thực dân cướp nước và phong kiến tay sai hết sức gay gắt. Không khí cách mạng sục sôi. Tình hình căng thẳng giống như một đồng cỏ khô chỉ cần có một ngọn lửa cách mạng châm ngòi là bùng lên quyết liệt.

Sự ra đời của các chi bộ đảng và đặc biệt sự kiện thành lập Tỉnh ủy Quảng Trị lâm thời vào tháng 4/1930 đã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo đối với phong trào cách mạng trong tỉnh.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Trị do Đảng lãnh đạo đã diễn ra ngay từ những ngày đầu Đảng mới thành lập. Các hội quần chúng như Công hội, Nông hội, Thanh niên đã ra đời ở Triệu Phong, Cam Lộ... Nhiều hội tương tế, đổi công, vãn công được tổ chức ở nông thôn để giúp nhau làm ăn, đấu tranh chống bóc lột và lệ tục phong kiến.

Bám sát cơ sở, bám sát phong trào, đảng viên của Đảng hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, đề ra khẩu hiệu đấu tranh phù hợp từ thấp đến cao để lãnh đạo, tổ chức, phát triển và thống nhất lực lượng cách mạng của Đảng trong toàn tỉnh.

Sau khi Tỉnh ủy lâm thời ra đời, Đảng bộ đã chủ động tuyên truyền sâu rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, định hướng đấu tranh, lãnh đạo phong trào công nông toàn tỉnh, mở đầu là phát động đợt đấu tranh nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 trong hai tuần lễ từ ngày 22/4 đến ngày 05/5/1930.

Phát huy kết quả cuộc đấu tranh đòi truy điệu trọng thể đồng chí Đoàn Lâm - một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng bộ bị địch tra tấn sát hại tại nhà dầy Lao Bảo, Đảng bộ vạch kế hoạch đấu tranh tố cáo tội ác của đế quốc, phong kiến, biểu dương tinh thần đấu tranh cách mạng của chi bộ, đảng viên. Việc tổ chức truy điệu đồng

chí Đoàn Lâm và lưu hành bài điệu văn trong nhân dân đã làm dấy lên một phong trào đấu tranh mạnh mẽ. Chính quyền thống trị hoảng sợ tìm cách đàn áp, bắt bớ giam cầm những người cất giấu bài điệu văn, trong đó có cả một số học sinh 14, 15 tuổi như Trần Mạnh Quỳ, Lê Chuởng, Trần Hàm...

Những ngày cuối tháng 4, đầu tháng 5/1930, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, nhiều nơi tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5 bằng các hình thức rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm. Cán bộ, đảng viên của Đảng bộ đã đi sâu, đi sát quần chúng tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Phong trào phát triển tương đối rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân và thu được thắng lợi, nhất là ở thị xã Quảng Trị và Đông Hà. Ảnh hưởng của Đảng lan rộng.

Ở vùng nông thôn đồng bằng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các chi bộ đảng, phong trào đấu tranh đòi các quyền lợi dân chủ, dân sinh như bỏ bớt tạp dịch, đi xâu, đòi bỏ tục lệ biếu xôi thịt cho các quan viên chức sắc, đòi tăng tiền công cấy, gặt cho nông dân đi làm thuê, đòi chia lại ruộng công một cách công bằng, hợp lý diễn ra mạnh mẽ.

Từ thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ Quảng Trị đã được Xứ ủy Trung Kỳ công nhận là một phân bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 7/1930.

Hưởng ứng ngày Quốc tế chống chiến tranh đế quốc 01/8/1930, Đảng bộ đã phát động đợt đấu tranh mới. Nhiều nơi trong tỉnh xuất hiện truyền đơn, treo cờ Đảng. Huyện ủy Cam Lộ tổ chức mítting quần chúng ở Nghĩa Hy, có khoảng 300 người dự, để nghe cán bộ của Đảng

diễn thuyết, kêu gọi các tầng lớp nhân dân đoàn kết đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều. Ở thị trấn Đông Hà, dưới sự chỉ đạo của chi bộ đảng, công nhân trong các hãng Samanan và Malpuech rải truyền đơn treo cờ búa liềm ở nhà ga, đồn lính khố xanh và đình chợ. Công nhân phu bốc vác đấu tranh đòi tăng tiền thuê bốc vác một tấn hàng từ 2 hào lên 3 hào. Phong trào đã huy động đông đảo công nông, tổ chức và tập hợp vào trận tuyến đấu tranh cách mạng.

Đầu tháng 10/1930, do đường dây liên lạc giữa Thừa Thiên với Quảng Trị bị vỡ, hai đồng chí Lê Thế Tiết và Nguyễn Hữu Mão bị địch bắt, Tỉnh ủy lâm thời chỉ còn lại đồng chí Trần Hữu Dực tiếp tục hoạt động. Trong tình hình khó khăn, mất liên lạc với Xứ ủy, hoạt động của Đảng bộ bị gián đoạn một thời gian ngắn. Tháng 11/1930, Xứ ủy Trung Kỳ cử đồng chí Nguyễn Nhuệ, Xứ ủy viên vào phụ trách Quảng Trị. Đến Quảng Trị, đồng chí Nguyễn Nhuệ thay mặt Xứ ủy Trung Kỳ triệu tập hội nghị tại Tân Tường (Cam Lộ) để thành lập Tỉnh ủy chính thức.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chính thức được Hội nghị cử ra gồm 5 đồng chí:

- Trần Hữu Dực - Bí thư kiêm công tác tuyên truyền.
- Đoàn Bá Thừa (tức Đoàn Minh Thí) phụ trách tài chính và cổ động.
- Trần Ngọc Hoàn phụ trách tổ chức.
- Lê Hoạch phụ trách huấn luyện.
- Trương Sĩ Đản.

Đồng chí Nguyễn Huệ phổ biến chủ trương của Xứ ủy về việc ủy nhiệm cho Đảng bộ Quảng Trị phụ trách xây dựng cơ sở đảng và cơ sở cách mạng ở Lào và Quảng Bình.

Tỉnh ủy họp phiên đầu tiên tại Tân Tường (Cam Lộ) đã nhất trí đề ra các chủ trương: tích cực phát triển Đảng, bồi dưỡng đảng viên; xây dựng các tổ chức quần chúng như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên Cộng sản đoàn...; tích cực tuyên truyền ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, làm quần chúng thấy rõ âm mưu thâm độc, tàn ác của đế quốc, phong kiến, nhất là qua các cuộc khủng bố phong trào cách mạng trong tỉnh, đàn áp dã man phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh.

Hội nghị Tỉnh ủy quyết định ra tờ báo *Tiến lên* làm cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ và tờ *Bạn Dân cày*, sau đổi thành *Mặt trận đỏ* (có phụ trang nói về phụ nữ) lưu hành trong các hội quần chúng.

Ngoài các báo, Tỉnh ủy còn chủ trương cho in nhiều tài liệu cách mạng để lưu hành trong nội bộ Đảng như: *Luận cương chính trị của Đảng, Chủ nghĩa Mác, Nhật ký chìm tàu, Kỷ niệm 3 vị “L”*¹, *Ba Lê công xã, Quảng Châu bạo động*. Việc phổ biến sách báo của Đảng, tuyên truyền, đường lối, chủ trương của Đảng do Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy đảm nhiệm. Chủ trương đúng đắn về công tác tuyên truyền, công tác tư tưởng lý luận của Tỉnh ủy có ý nghĩa to lớn. Thông qua các hoạt động này, cán bộ, đảng viên hiểu

1. Ba vị “L” tức là V.Lênin, K.Líp Néch, R. Lúcxămbua.

rõ nhiệm vụ, hiểu biết lý luận và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo, đáp ứng đòi hỏi của phong trào.

Từ sau hội nghị thành lập Tỉnh ủy chính thức, sự chỉ đạo của Xứ ủy chặt chẽ hơn, mọi hoạt động của Đảng bộ ngày càng đi vào nề nếp. Hệ thống tổ chức của Đảng bộ được củng cố thêm một bước. Các Ban Huyện ủy được thành lập ở Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ. Cơ sở đảng phát triển ở nhiều nơi và có hệ thống tổ chức đảng thống nhất. Toàn tỉnh có 42 đảng viên. Các chi bộ được tổ chức và sinh hoạt theo Điều lệ Đảng Cộng sản.

Ngoài các tổ chức đảng trong tỉnh, Đảng bộ Quảng Trị còn xây dựng một chi bộ ở Phước Tích huyện Phong Điền (Thừa Thiên), một chi bộ ghép Mỹ Trung (Quảng Bình) và một số chi bộ đảng trong Việt kiều hoạt động ở Savannakhet, Thà Khẹt, Pắc Xế, Viên Chăn (Lào) với số lượng 20 đảng viên.

Được sự phân công của Tỉnh ủy, đầu năm 1931, đồng chí Trần Ngọc Hoàn ra Vĩnh Linh bắt mối xây dựng cơ sở đảng ở Thượng Lập, Huỳnh Công, Lại Xá, Quảng Xá, Duy Viên, Đơn Duệ.

Tỉnh ủy coi trọng phong trào công nhân như đã tổ chức được Công hội đỏ ở thị xã Quảng Trị, thị trấn Đông Hà, một số chi bộ cử đảng viên vào hoạt động trong các cơ sở vận tải ở Đông Hà, trong các đội làm cầu đường của Sở Công chính.

Phong trào nông dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng phát triển mạnh mẽ, nhất là ở Triệu Phong. Để

hướng dẫn vận động nông dân đấu tranh, Tỉnh ủy đã nêu lên các khẩu hiệu:

1) Về quyền lợi công:

- Ruộng công không được bán và phải chia đồng đều phân minh.

- Tiền công quỹ phải cho nhân dân biết và phải chi tiêu vào việc công.

- Chia bổ sưu thuế phải do toàn dân.

- Việc gì quan hệ đến toàn xã hội thì phải suốt thượng hạ giải quyết.

- Canh tuân phải suốt thượng hạ.

2) Về sinh hoạt:

- Giảm thuế làm rẽ (giảm bao nhiêu do nông dân quyết định).

- Bỏ lễ tết địa chủ.

- Địa chủ không được bắt trâu, bò, ruộng vườn của dân nghèo.

- Không được cho vay nặng lãi.

- Tăng tiền công cho người đi làm thuê.

- Khi đói kém, địa chủ không được cho vay nặng lãi hơn bình thường.

3) Về xã hội:

- Giàu nghèo phải đối đãi như nhau.

- Lợi quyền ở ngoài đình ngang nhau (không được phân biệt chức sắc, bạch đình).

- Giảm tế tự.

- Cấp lương cho học trò nghèo.

- Mở trường làng.

- Mở nhà hộ sinh.

4) Về chính trị:

- Bỏ thuế hoa lợi.

- Bỏ thuế chợ, thuế đò, thuế muối.

- Bỏ sưu ích.

- Bỏ tuần canh.

- Phản đối quan lại ăn hối lộ.

Nội dung khẩu hiệu nêu ra sát với tình hình thực tế xã hội nông thôn, đúng yêu cầu của nông dân, nên đã thu hút được đông đảo nông dân vào cuộc đấu tranh và từng bước thu được thắng lợi. Có làng nông dân đấu tranh buộc nhà giàu phải tăng tiền công cấy, gặt. Có làng, “hợp làng đòi lại số ruộng công đã bị địa chủ cường hào chiếm, để chia lại cho nông dân”. Nhân dân các làng Tường Vân, Duy Phiên, Vạn Chài (Triệu Phong) rủ nhau mang quang gánh đến các nhà địa chủ đòi vay lúa. Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, nhiều địa chủ buộc phải đưa số lúa tích trữ trong kho ra cho dân vay.

Thắng lợi bước đầu có tác dụng làm cho các tầng lớp nhân dân lao động thấy được chỉ có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, các hoạt động đấu tranh của nông dân và giai cấp nông dân mới đưa lại kết quả.

Từ thắng lợi giành được trong đấu tranh về kinh tế, lại được cao trào cách mạng trong cả nước mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh dội vào, phong trào cách mạng Quảng Trị phát triển mạnh mẽ, sôi nổi hơn. Chính quyền cơ sở của địch ở một số nơi gần như tê liệt: Hào lý ở làng Lập Thạch không còn quyền lực; Lý trưởng ở làng An Tiêm hoàn toàn bị quần chúng khống chế... Phong

trào đấu tranh của nhân dân ngày càng lên cao và mang tính chất chính trị rõ rệt. Tuy chưa tổ chức Xôviết như ở Nghệ - Tĩnh nhưng nông dân ở nhiều làng như Lập Thạch, Đại Áng, Phú Lễ, An Lợi, Dương Lệ, Vệ Nghĩa, An Tiêm (sát thị xã tỉnh lỵ) đứng lên tự quản, thông qua các tổ chức Nông hội đỏ, Thanh niên Cộng sản đoàn để giải quyết mọi việc trong làng không cần thông qua lý trưởng, chánh tổng như trước. Nhiều vùng nông thôn rộng lớn từ Đông Hà đến Lập Thạch, Phú Lễ, Đại Áng, An Lợi như là “vùng đỏ” của tỉnh. Phong trào phát triển mạnh mẽ trong nông dân ở nông thôn đồng bằng, công nhân ở các thành thị, nhà máy và hoả xa, học sinh ở một số trường học.

Hưởng ứng chủ trương của Tỉnh ủy về đấu tranh đòi địch đình chỉ khủng bố ở Nghệ - Tĩnh, đòi hoãn, miễn, giảm thuế, ngày 03/3/1931, truyền đơn của Đảng được rải ở khắp các phủ, huyện trong tỉnh, nhiều nhất là ở các làng Nại Cửu, Đại Hào, Mỹ Lộc, Phường Ngạn, An Tiêm, An Lợi, Đông Giám, Dương Lệ Văn, Mai Xá, Đông Hà, Phước Tuyên. Cờ búa liềm cũng được treo ngay trong sân toà Công sứ, trên cột cờ trước hành cung Thành cổ Quảng Trị, trước công đường các huyện Triệu Phong, Hải Lăng và thị trấn Đông Hà. Trên mọi lá cờ đều ghi tên “Đảng Cộng sản Đông Dương” bằng màu trắng với hai thứ chữ Quốc ngữ và chữ Hán, để nhiều người đọc được, hiểu được. Truyền đơn rải đến đâu, Tỉnh ủy phân công nhau cùng với cán bộ, đảng viên đến tận nơi theo dõi dư luận, kịp thời giải thích tuyên truyền cho quần chúng.

Ảnh hưởng của vụ rải truyền đơn, treo cờ Đảng lần này rộng lớn hơn trước, làm cho hương lý trong một số làng, xóm hoang mang, lo sợ. Một số kéo nhau ra tề tựu ở đình làng để đón gặp cán bộ ta đi qua và yêu cầu cán bộ giảng giải về nội dung truyền đơn và cờ Đảng. Nhân cơ hội này, các đảng viên đã biến các cuộc nói chuyện với hương lý, kỳ hào thành cuộc diễn thuyết công khai có đông đủ quần chúng trong làng đến nghe. Đường lối, chủ trương của Đảng được lan truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân, tạo điều kiện cho tổ chức Nông hội ở các làng phát triển mạnh.

Sau vụ rải truyền đơn vào đêm 03/3/1931, chính quyền thống trị ở địa phương tăng cường lính khủng bố, bắt bớ, đàn áp. Do tên Lê Hàm chỉ điểm, địch đã khám phá ra cơ quan in của Tỉnh ủy ở Long Quang và bắt đồng chí Trần Xuân Nguyên phụ trách in ấn tài liệu của Tỉnh ủy và một số quần chúng cảm tình của Đảng như Lê Chuởng, Lê Sắc... cùng đồng chí Trần Hữu Dực, Bí thư Tỉnh ủy, diễn thuyết trong cuộc mít tinh tổ chức tại đây.

Trước tình hình địch tăng cường theo dõi, khủng bố, để duy trì, củng cố cơ sở và phong trào cách mạng, đồng chí Trần Ngọc Hoàn chuyển địa bàn hoạt động từ Hải Lăng ra Vĩnh Linh. Đồng chí Trần Ngọc Hoàn cùng các đồng chí Trần Văn Ngoạn, Trần Công Khanh, thành lập các chi bộ Thượng Lập, Quảng Xá, Huỳnh Công.

Từ phong trào đấu tranh, Đảng bộ trưởng thành nhanh chóng. Số lượng đảng viên trong toàn tỉnh tăng lên 82 đồng chí, Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện Triệu Phong,

Hải Lăng, Cam Lộ được củng cố thêm. Số hội viên của các đoàn thể nhân dân đông hơn trước, toàn tỉnh có 630 hội viên (trong đó đông nhất là Nông hội có 520 hội viên).

Để đánh giá tình hình hoạt động và đề ra chủ trương đối phó trước sự đàn áp bắt bớ của thực dân Pháp và phong kiến Nam triều, Tỉnh ủy Quảng Trị đã họp tại làng Lập Thạch ngày 12/4/1931, có đại diện Xứ ủy Trung Kỳ tham dự. Hội nghị đã nhận định: “Quần chúng đã vào thời kỳ rất quần bách về kinh tế, hạng cố bản nông đã có giác ngộ về chính trị, hăng hái cách mạng. Nội bộ đã tổ chức được nhiều người xuất thân từ cố bản nông vào Đảng. Các hội quần chúng mỗi ngày một bành trướng hơn”¹. Tỉnh ủy dự kiến: “Cách mạng có thể bành trướng rất cao trong thời kỳ quần chúng rất quần bách”². Phân tích chiều hướng phát triển của phong trào cách mạng ở Quảng Trị, Tỉnh ủy chủ trương nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01/5/1931: “Chỗ nào biểu tình được thì làm ngay, chỗ nào chưa biểu tình được thì tuần hành thị uy hay đấu tranh trong xã. Song chỗ nào cũng vậy, gần đến ngày đó phải triệu tập bí mật để diễn thuyết, cổ động quần chúng kháng thuế”³.

Hội nghị quyết định chỉnh đốn nội bộ nhằm tăng cường sức chiến đấu cho Đảng và lãnh đạo các tổ chức quần chúng. Hội nghị chỉ rõ:

- “Phải chọn những người cố, bản nông hăng hái và đã có tranh đấu để kết nạp vào Đảng.

1, 2, 3. *Nghị quyết án của Tỉnh ủy Quảng Trị*, tài liệu lưu trữ tại Phòng lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.

- Các cấp bộ phải huấn luyện các đồng chí xuất thân từ cố, bản nông, chuẩn bị lực lượng cán bộ dự bị của Đảng.

- Những hạng trí thức tiểu tư sản không chịu làm việc và có ý hoạt đầu thì phải thải ra.

- Khuếch trương các hội quần chúng, đưa cố, bản nông vào Ban Chấp hành Nông hội.

- Khuếch trương các cuộc đấu tranh kinh tế trong xã và phải làm cho các cuộc đấu tranh đó có tính chất chính trị”¹.

Về công tác tư tưởng, Hội nghị Tỉnh ủy quyết định mỗi chi bộ phải cử một ban huấn luyện để giảng sách báo cho các đồng chí chưa biết chữ, làm công tác tuyên truyền cổ động đấu tranh trong xã hội. Hội nghị Tỉnh ủy còn quyết định Ban huấn luyện của Tỉnh Đảng bộ phải đi huấn luyện các đảng viên ở các chi bộ. Mỗi tháng một lần, Tỉnh ủy đi kiểm tra các Huyện ủy, các Huyện ủy đi kiểm tra các chi bộ trong huyện.

Hội nghị cử đồng chí Đoàn Bá Thừa (tức Đoàn Minh Thí) làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Hữu Dực bị địch bắt. Hội nghị phân công đồng chí Trần Ngọc Hoàn phụ trách Cam Lộ liên lạc với Hải Lăng; đồng chí Đoàn Bá Thừa phụ trách Triệu Phong. Hội nghị Tỉnh ủy quyết định tiến hành củng cố, thành lập các Huyện ủy để tăng cường sự chỉ đạo của Đảng bộ ở các địa bàn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, mọi cán bộ, đảng viên đều tích cực chuẩn

1. *Nghị quyết án của Tỉnh ủy Quảng Trị*, tài liệu lưu trữ tại Phòng lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.

bị các cuộc đấu tranh. Để hướng dẫn phong trào, Báo *Tiến lên* đã đăng bài xã luận chỉ rõ: “Ngày 1/5 sắp tới anh chị em hãy soạn sửa đi để kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, nổi dậy biểu tình phản kháng sưu thuế”. Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo cuộc biểu tình quần chúng nhằm tiếp tục đưa đấu tranh chính trị lên một bước và thiết thực ủng hộ Nghệ - Tĩnh, chống khủng bố.

Giữa lúc đó, Nguyễn Tiết Cương, cán bộ giao thông của Đảng đi trên chiếc tàu “Prăngxít Gácniê” chạy trên sông Mê Kông bị địch bắt cùng với nhiều tài liệu của đảng. Căn cứ vào các tài liệu này, mật thám đã khám phá ra các cơ sở đảng và bắt số đảng viên ở Lào, trong đó có Trần Văn Khiêm - Bí thư Chi bộ Savannakhet và Lương Sĩ Cầu - Bí thư Chi bộ Pắcxế. Chúng phát hiện ra đường dây liên lạc giữa Savannakhet - Đông Hà và bắt đồng chí Nguyễn Ngọc Tâm, Huyện ủy viên Huyện ủy Cam Lộ và Nguyễn Oánh ở Đông Hà vào ngày 22/4/1931. Tiếp theo đó, chúng bắt một số người ở Đông Hà trong đó có đảng viên và hội viên Công hội đỏ.

Tuy tình hình ở Đông Hà, Cam Lộ gặp khó khăn, nhưng các nơi khác, các chi bộ vẫn rải truyền đơn kêu gọi quần chúng biểu tình hưởng ứng ngày Quốc tế Lao động 1/5. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, cuộc biểu tình với quy mô lớn ở Triệu Phong do đồng chí Đoàn Bá Thừa lãnh đạo chung, đồng chí Lê Hoạch, Ủy viên Tỉnh ủy phụ trách vận động và lãnh đạo quần chúng vùng An Lợi, An Dạ, Gia Độ, Thanh Liêm, Phú Tài tập trung tại Quảng Lược; Trần Thận trực tiếp chỉ huy cuộc biểu tình kéo vào phủ lý

Triệu Phong đưa yêu sách cho tri phủ trước khi trời sáng. Phủ ủy Triệu Phong còn phân công chi bộ An Tiêm chịu trách nhiệm huy động lực lượng chặt cây ngã xuống cản đường, chồng đá thành từng đống cao để xe của địch không chạy được, nhấn chìm phà, đò ở bến đò An Tiêm ngăn cản lực lượng của địch từ tỉnh lỵ kéo về đàn áp, nhấn chìm chiếc đò ngang đưa người qua lại ở bến đò Rì Rì nhằm phối hợp với cuộc đấu tranh chung trong toàn tỉnh.

Song cuộc biểu tình không tiến hành được theo kế hoạch đã định, vì lực lượng còn ít và một Tỉnh ủy viên phụ trách dao động. Trước tình hình đó, nếu để chậm thêm thì quần chúng cách mạng sẽ bị lộ và sẽ bị địch bắt, khủng bố, nên đồng chí Đoàn Bá Thừa, Bí thư Tỉnh ủy chủ trương chuyển cuộc biểu tình qua tổ chức mítting tại chỗ rồi giải tán theo ba cánh dưới hình thức tuần hành thị uy, vừa đi vừa hô khẩu hiệu¹...

Cuộc biểu tình ở Triệu Phong không được tiến hành như kế hoạch đã định, do công tác tổ chức chỉ huy thiếu chặt chẽ; tuy nhiên, được sự chỉ đạo linh hoạt của Tỉnh ủy nên cùng phối hợp với các cuộc mítting ở Hải Lăng do Nguyễn Thăng phụ trách và ở Cam Lộ do Trần Ngọc Hoàn lãnh đạo thành công đã có tiếng vang lớn.

Cuộc biểu tình có quy mô toàn tỉnh tuy không thành vì còn thiếu kinh nghiệm về chỉ đạo, bố trí lực lượng, song đã để lại bài học quý trong lãnh đạo đấu tranh công khai,

1. Cánh về Lập Thạch, lúc qua sông xảy ra tai nạn, hai người chết đuối (trong đó có một đảng viên).

trong ý chí quyết tâm cách mạng của Đảng bộ tỉnh.

Sau cuộc biểu tình, mít-tinh này, địch đã huy động lực lượng đến đàn áp phong trào cách mạng Quảng Trị, nhất là ở Triệu Phong. Toàn thể dân làng Long Quang bị tra tấn. Với sự tiếp sức của những tên mật thám, bang tá, lính khố xanh, khố lục, cường hào gian ác ở địa phương bấy lâu bị quần chúng khống chế, nay được thế quay lại hống hách, thẳng tay đàn áp, báo thù, dẫn mật thám và binh lính đi lùng bắt đảng viên, quần chúng cách mạng. Ở các làng có phong trào đấu tranh mạnh, chúng bắt giam tất cả đàn ông lại một nơi và bắt phụ nữ canh gác.

Cuộc khủng bố của địch kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7/1931. Xã nào cũng có người bị bắt, bị tra hỏi. Chính quyền thống trị lấy cả đình chùa làm nơi tra tấn, giam cầm và lấy cung. Đảng bộ Triệu Phong bị bắt gần hết. Toàn tỉnh có khoảng 300 người bị bắt (riêng ở Triệu Phong khoảng 250 người); phần lớn bị chúng kết án từ một năm đến 13 năm tù giam, số bị kết án nặng và tích cực đấu tranh khi bị giam ở nhà lao Quảng Trị bị đày lên Lao Bảo, Buôn Ma Thuột. Một số không đủ chứng cứ để luận tội chúng đưa về quản thúc tại làng, tại tổng. Trước sự đàn áp của địch, hầu hết cán bộ, đảng viên giữ vững tinh thần, không khai báo. Quần chúng cách mạng tuyệt đối tin Đảng, bảo vệ cơ sở, bảo vệ cán bộ, gây dựng lại phong trào.

Để kiểm điểm, đánh giá tình hình sau cuộc đấu tranh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5, tháng 6/1931, Tỉnh ủy họp tại Cam Lộ, có đại diện Xứ ủy dự. Hội nghị quyết định phải tích cực củng cố lại phong trào cách mạng, củng cố lại

các Ban Huyện ủy. Hội nghị phân công đồng chí Nguyễn Nhuệ phụ trách chung và trực tiếp phụ trách địa bàn Cam Lộ; đồng chí Đoàn Bá Thừa phụ trách Vĩnh Linh, liên lạc với Quảng Bình, Nghệ An; đồng chí Trần Ngọc Hoàn phụ trách Triệu Phong, liên lạc với Hải Lăng.

Sau hội nghị, Huyện ủy Triệu Phong, Cam Lộ được củng cố lại. Đồng chí Đoàn Bá Thừa sau khi ra Vĩnh Linh, đã mở hội nghị tại nhà bà Xinh (Thượng Lập). Hội nghị đã thành lập Phủ ủy Vĩnh Linh gồm 3 đồng chí, do đồng chí Đoàn Bá Thừa trực tiếp làm Bí thư.

Cũng như cả nước, tình hình trong tỉnh từ giữa năm 1931 trở đi gặp khó khăn lớn, địch đàn áp, khủng bố mạnh hơn. Đồng chí Nguyễn Nhuệ, Xứ ủy viên Trung Kỳ phụ trách Quảng Trị bị địch bắt tại làng An Mỹ (Cam Lộ), Tỉnh ủy Quảng Trị bị mất liên lạc với Xứ ủy.

Ngày 15/9/1931, Tỉnh ủy họp tại làng Dương Lệ Đông (Triệu Phong) gồm có 3 đồng chí Đoàn Bá Thừa, Trần Ngọc Hoàn và Hồ Chơn Nhơn¹ để đánh giá tình hình của Đảng bộ và bổ sung các cấp lãnh đạo cho các vùng.

Sau khi phân tích, đánh giá lại tình hình, Hội nghị nhất trí nhận định: Muốn công việc tiến hành thắng lợi trước hết phải có hai yếu tố:

- Phải đào luyện lẫn nhau để cho các đồng chí đều có tư tưởng chính trị bôn-sê-vích hoá, với tinh thần đấu tranh

1. Đồng chí Hồ Chơn Nhơn sau khi mãn hạn tù, được các đồng chí trong Chi bộ nhà lao Quảng Trị giới thiệu và được bổ sung vào Tỉnh ủy, trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy Hải Lăng.

vì quyền lợi tối cao của vô sản giai cấp thì mới đủ năng lực lãnh đạo quần chúng được.

- Cần có kinh tế (tài chính) chi dùng đủ trong thời gian giữa khủng bố trắng của địch.

Hội nghị quyết định mở lạc quyền, thông qua bức thư của Đảng bộ tỉnh gửi cho Hội cứu tế đỏ Quảng Trị nói rõ việc mở lạc quyền để giải quyết vấn đề tài chính đang rất khó khăn của Đảng bộ.

Hội nghị Tỉnh ủy ra lời kêu gọi cán bộ, đảng viên hãy nêu cao tinh thần hy sinh phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, vượt qua khó khăn, thử thách. Cán bộ, đảng viên phải đi sâu, đi sát quần chúng, phát huy sáng kiến, tự động công tác, kịp thời lãnh đạo quần chúng đấu tranh giữ vững phong trào.

Giữa lúc thực dân Pháp và bè lũ tay sai tăng cường bộ máy đàn áp, hòng tiêu diệt các chiến sĩ cộng sản và những quần chúng tích cực của Đảng, việc triệu tập hội nghị để lập lại Tỉnh ủy có ý nghĩa quan trọng. Điều đó không những thể hiện tính chủ động, sáng tạo của đảng viên để củng cố Đảng, duy trì phong trào mà còn góp phần đấu tranh tư tưởng, tổng kết kinh nghiệm, ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trong tình hình mới. Đồng thời chứng minh trong thực tế Tỉnh ủy, Huyện ủy có thể bị vỡ nhưng Đảng vẫn tồn tại và phong trào không bị dập tắt.

Ở Triệu Phong, địch tự do hoành hành bắt bớ, đánh phá, bất chấp luật pháp hiện hành. Gia đình nào có người bị bắt, bị tình nghi là cả nhà bị tội liên can, bị chúng làm khó dễ đủ điều, bị bắt đi canh gác suốt ngày đêm hoặc bắt

đi trình diện với lý trưởng, bỏ hết công việc ruộng vườn. Chúng còn thâm độc thực hiện chính sách cải lương, xoa dịu, mua chuộc quần chúng. Chúng chủ trương đi hiểu dụ các làng để nói xấu Cộng sản, xuyên tạc phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh; tổ chức cho học sinh các trường học thơ chống Cộng sản của tên Việt gian Phạm Quỳnh, bắt buộc mọi người phải mua cuốn *Vấn đề cộng sản* của giám mục Thích - một tên đội lốt thầy tu làm tay sai cho thực dân Pháp, với nội dung rất phản động.

Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, một số đảng viên còn lại ở các địa bàn Triệu Phong, Cam Lộ, Hải Lăng vẫn tiếp tục hoạt động, ra sức củng cố lực lượng, đồng thời tìm bắt liên lạc với các đảng viên bị giam trong các nhà tù. Lúc này, các đảng viên bị bắt, bị tù cũng xoay sở, tìm cách liên lạc giúp đỡ các đồng chí đảng viên bên ngoài giữ vững tinh thần cách mạng, tiếp tục vạch trần âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trước công luận.

Ở Vĩnh Linh, từ giữa năm 1931, sau khi Phủ ủy được thành lập, phong trào chống thuế phát triển mạnh mẽ. Tổ chức cơ sở đảng ở Vĩnh Linh lúc cao nhất trong năm 1931 có 10 chi bộ Đảng, gần 100 đảng viên. Cùng với phát triển Đảng, các tổ chức quần chúng như Nông hội phát triển mạnh. Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng, có Nông hội làm nòng cốt, phong trào đấu tranh của nông dân lên cao, nhất là ở Quảng Xá, Thượng Lập, Huỳnh Công. Nông dân đấu tranh đòi bỏ tục lệ biếu xén, đòi chia lại công điền, công thổ, đòi chia thóc dự trữ của làng cho dân, buộc cường hào địa chủ cho dân vay thóc, vay tiền chống đói và

đòi nhà giàu phải tăng tiền công cấy, gặt cho những người làm thuê. Đây là lần đầu tiên các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh trực diện với đế quốc, phong kiến mà trực tiếp là địa chủ cường hào tại làng, xã để đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ. Các cuộc đấu tranh này do Đảng lãnh đạo và tổ chức đã thu được thắng lợi.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân lên cao, chính quyền của địch ở một số làng bị tê liệt, có nơi như Thượng Lập, nhân dân đứng lên làm chủ làng xóm trong thời gian hơn một năm. Các làng Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Nam, Quảng Xá, Duy Viên, Thượng Lập... hầu hết quần chúng nhân dân trong làng và một số hương lý có xu hướng tiến bộ tham gia các hội quần chúng cách mạng.

Hoảng sợ trước phong trào đấu tranh của nhân dân Vĩnh Linh phát triển mạnh, tri phủ Nguyễn Trọng Tịnh đích thân cùng mật thám kéo hơn một trăm lính về đàn áp. Chúng dùng thủ đoạn gán ghép nông dân vào tội cướp lúa giữa ban ngày ở Quảng Xá, bắt 27 người trong đó có một số đảng viên, hội viên Nông hội. Tiếp đến, chúng bắt gần 300 người ở các làng Huỳnh Công, Thượng Lập, Phú Mỹ và kết án tù 93 người trong đó có Trần Công Khanh, Trần Văn Ngoạn lãnh đạo phong trào (một người bị kết án 20 năm tù đưa lên giam ở nhà đày Lao Bảo, một người bị kết án 11 năm tù và đày đi Buôn Ma Thuột, còn lại phần lớn án nhẹ từ 1 đến 5 năm tù đưa vào giam ở nhà lao Quảng Trị).

Trong đợt khủng bố của địch, các đồng chí trong Phủ ủy đều bị bắt, bị tù. Nhiều chi bộ bị vỡ như Quảng Xá,

Huỳnh Công, Thượng Lập, Duy Viên, Lại Xá, Phú Mỹ, Lai Cách, Đơn Duệ, Tân Trại. Mặc dù vậy, những đảng viên chưa bị bắt vẫn kiên trì bám sát cơ sở quần chúng để chấp nối và hướng dẫn phong trào. Đồng chí Đoàn Bá Thừa, Bí thư Tỉnh ủy hoạt động ở vùng này khi bị đau ốm được quần chúng nuôi dưỡng, che chở, bảo vệ an toàn.

Từ tháng 02/1932 trở đi, đồng chí Đoàn Bá Thừa tiếp tục hoạt động ở Vĩnh Linh. Cùng trong thời gian đó, đồng chí Trần Ngọc Hoàn bị bắt ở Triệu Phong, đồng chí Hồ Chơn Nhơn bị bắt ở Hải Lăng. Tỉnh ủy không còn mà các Huyện ủy (kể cả ở Triệu Phong, Vĩnh Linh) đều bị vỡ. Phong trào cách mạng trong tỉnh tạm thời lắng xuống.

Phong trào cách mạng của công nông Quảng Trị do Đảng bộ Đảng Cộng sản lãnh đạo trong các năm 1930-1931 phát triển sâu rộng, liên tục với các hình thức phong phú và diễn ra khá quyết liệt. Thực tiễn cách mạng đã khẳng định Đảng đã thực hiện được vai trò độc quyền lãnh đạo, Đảng đã đi vào công nông. Nông dân Quảng Trị một lòng theo Đảng. Tuy bị địch tập trung lực lượng đánh phá rất ác liệt và đã gây cho Đảng bộ những tổn thất nặng nề, nhưng cán bộ, đảng viên và quần chúng cảm tình với Đảng vẫn giữ được tinh thần cách mạng và kiên trì hoạt động.

II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở QUẢNG TRỊ TRONG NHỮNG NĂM 1932-1935

Qua những đợt khủng bố của địch từ giữa năm 1931 đến đầu năm 1932, hàng trăm đảng viên cộng sản, hội

viên của các hội quần chúng cách mạng bị địch bắt; một số chúng đưa lên nhà đày Lao Bảo, Buôn Ma Thuột, đại đa số bị chúng đưa vào giam ở nhà lao Quảng Trị. Mặc dù ở trong tù, các đồng chí đảng viên cộng sản chân bị cùm, tay bị xích, bị tra tấn, ngược đãi, ăn uống kham khổ suốt ngày đêm nhưng vẫn luôn hướng về phong trào cách mạng ở bên ngoài, tìm mọi cách góp phần khôi phục lại phong trào, xây dựng lại hệ thống tổ chức của Đảng. Anh em trao đổi với nhau, tìm cách giới thiệu những cơ sở cũ cho các đồng chí ở bên ngoài biết để chấp nối hoạt động; đồng thời tổ chức huấn luyện, đào tạo cán bộ trong nhà tù đối với những cán bộ, đảng viên bị án nhẹ hoặc tổ chức cho một số đồng chí vượt ngục.

Sau một thời gian chuẩn bị, đêm 03/10/1932, ba đồng chí Trần Ngọc Hoành, Hồ Chơn Nhơn, Lê Chuởng vượt ngục. Cuộc vượt ngục đã gây dư luận tốt trong nhân dân, nhất là đối với các đảng viên, cơ sở cách mạng ở bên ngoài. Ra khỏi nhà tù, hai đồng chí Hồ Chơn Nhơn và Lê Chuởng về Triệu Phong được 7 ngày thì bị lộ, hai đồng chí tìm đường lên Cam Lộ, nhưng đến Đông Hà bị địch bắt, bị tăng án và đày lên Lao Bảo. Đồng chí Trần Ngọc Hoành ra Vĩnh Linh tìm gặp đồng chí Đoàn Bá Thừa tại nhà của đồng chí Lê Nghiê¹ (Lai Xá). Hai đồng chí bàn về kế hoạch hoạt động cách mạng, củng cố cơ sở đảng, tìm bắt liên lạc với cấp trên. Trước mắt, tập trung vào việc củng cố

1. Đồng chí Lê Nghiê¹ lúc này đang bị địch bắt giam tại nhà lao tỉnh.

các tổ chức cơ sở ở Vĩnh Linh làm địa bàn hoạt động để mở rộng xây dựng cơ sở ở Lệ Thủy (Quảng Bình) và Gio Linh. Đồng chí Trần Ngọc Hoành được phân công ở lại hoạt động tại Vĩnh Linh, đồng chí Đoàn Bá Thừa trở vào hoạt động ở Triệu Phong.

Để lập lại Phủ ủy Vĩnh Linh, một hội nghị được triệu tập tại Thượng Lập dưới sự chủ tọa của đồng chí Trần Ngọc Hoành. Hội nghị đã lập lại Phủ ủy Vĩnh Linh gồm 3 đồng chí do đồng chí Trần Văn Luận làm Bí thư.

Hội nghị Phủ ủy Vĩnh Linh chủ trương tìm cách củng cố các chi bộ, tập hợp lực lượng quần chúng vào các tổ chức cách mạng. Đồng chí Phạm Chí làm Bí thư chi bộ Đơn Duệ, đồng thời là cán bộ giao thông của tỉnh, được cử vào Gio Linh hoạt động xây dựng Đảng. Đồng chí Phạm Chí vào vùng chợ Cầu, vì nơi này là địa bàn quen thuộc của đồng chí. Sau một thời gian hoạt động, phát hiện và bồi dưỡng cho một đối tượng về mục đích, lý tưởng của Đảng Cộng sản, đến tháng 12/1932, ba đối tượng đảng là Cổ Tuế, Võ Tính, Lâm Tính được chi bộ Đơn Duệ tổ chức kết nạp vào Đảng. Chi bộ chợ Cầu được thành lập, do đồng chí Võ Tính làm Bí thư, phụ trách chung. Sau một thời gian hoạt động, chi bộ chợ Cầu đã xây dựng thêm một số cơ sở đảng ở chợ Cầu và chợ An Nha.

Lúc này, đồng chí Đoàn Bá Thừa vào Triệu Phong do tình hình khó khăn nên chỉ liên lạc được với một số cơ sở đảng, chưa lập lại được Huyện ủy.

Tháng 5/1933, sau khi từ Quảng Bình trở về Vĩnh Linh, đồng chí Trần Ngọc Hoành trực tiếp phụ trách

Chi bộ chợ Cầu. Phong trào cách mạng ở Gio Linh từ ngày có chi bộ chợ Cầu tiếp tục phát triển, tạo điều kiện cho sự ra đời của Huyện ủy Gio Linh trong thời gian tới.

Tỉnh ủy Quảng Trị lúc này chỉ còn 2 đồng chí hoạt động ở hai vùng: phía bắc và phía nam tỉnh. Trong tình hình mất liên lạc với cấp trên kéo dài, tuy 2 đồng chí Tỉnh ủy viên đã cố gắng duy trì và giữ vững phong trào, song do không nắm được đường lối, chủ trương mới của Đảng, nên trong lãnh đạo, chỉ đạo không tránh khỏi khuyết điểm, sai lầm mà điển hình là để xảy ra vụ ám sát cá nhân ở Vĩnh Linh vào ngày 29/5/1934. Đến giữa năm 1935, khi tìm ra manh mối của vụ ám sát, địch đã bắt đồng chí Trần Văn Luận, Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trần Trích, Ủy viên Huyện ủy và một số đồng chí khác. Phủ ủy Vĩnh Linh lại bị vỡ lần thứ hai.

Kẻ địch đã lợi dụng vụ ám sát này để đàn áp phong trào cách mạng. Chúng cho lính về Vĩnh Linh vây bắt hàng trăm người, nhiều nhất là ở Thượng Lập. Chúng đưa ra xét xử và kết án 20 người, trong đó 2 đồng chí Trần Văn Luận, Trần Trích bị kết án tử hình; đồng chí Trần Ngọc Hoành chúng kết án tử hình vắng mặt. Khi khám xét các đồng chí bị bắt ở Vĩnh Linh, địch tìm được tài liệu mật về Gio Linh, lập tức mật thám Pháp huy động lực lượng từ Vĩnh Linh vào cùng với lính lệ ở huyện đường Gio Linh bắt hàng loạt đảng viên và cảm tình đảng như Cổ Tuế, Võ Tính, Lâm Tính... Chi bộ đảng ở Gio Linh bị vỡ.

Sau đợt khủng bố của địch (tháng 7/1935), Đảng bộ Vĩnh Linh bị tổn thất lớn. Số cơ sở đảng còn lại ở nhiều

nơi, nhưng không hoạt động được, không lập lại được Huyện ủy. Không còn địa bàn hoạt động, lại bị địch truy lùng ráo riết, hai đồng chí Đoàn Bá Thừa và Trần Ngọc Hoành phải tạm lánh sang tỉnh khác. Đồng chí Trần Ngọc Hoành ra Quảng Bình, đồng chí Đoàn Bá Thừa vào miền Nam Trung Bộ.

Trong những năm 1932-1935, một bộ phận ưu tú của Đảng bộ Quảng Trị bị địch bắt và giam giữ tại nhà lao Quảng Trị và nhà đày Lao Bảo. Các chiến sĩ cách mạng đã biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng. Tại đây, các chiến sĩ cộng sản kiên trung đã nhanh chóng tổng kết kinh nghiệm hoạt động làm cơ sở chỉ đạo phong trào đấu tranh. Tranh thủ thời gian bị giam cầm, các chiến sĩ cộng sản Quảng Trị đã tổ chức học văn hoá, học tập lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối của Đảng bằng mọi hình thức¹.

Trước âm mưu tiêu diệt tinh thần và thể xác người tù của địch, các chiến sĩ cách mạng đẩy mạnh cuộc đấu tranh có tổ chức, có lãnh đạo đòi cải thiện đời sống, bỏ chế độ biệt đãi với tù chính trị, chống đánh đập, tra tấn và đòi được chăm sóc giúp đỡ đồng chí, đồng đội. Để chuẩn bị cho việc trở lại hoạt động, bộ phận lãnh đạo chuẩn bị kế hoạch

1. Trong Công điện số 405-S/E ngày 11/4/1932 của Khâm sứ Trung Kỳ viết rõ: "Đã phát hiện ra rằng Đảng Cộng sản đang mở một cuộc tuyên truyền tích cực giữa các tù nhân trong các nhà tù, nhà đày với mục đích thành lập các trung tâm lãnh đạo...". *Khâm sứ Trung Kỳ gửi tất cả các ngài Công sứ thuộc Trung Kỳ*. Tài liệu tiếng Pháp lưu trữ tại Cục hồ sơ an ninh - Bộ Công an.

bí mật tổ chức vượt ngục, thường xuyên liên lạc với bên ngoài để nắm tình hình, giúp các đồng chí bên ngoài tiếp tục xây dựng cơ sở.

Cuộc đấu tranh gian khổ của các chiến sĩ cách mạng Quảng Trị trong tù đã bảo vệ được khí tiết, bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ sở, kịp thời ứng phó với tình thế thay đổi. Kẻ địch phải kính nể và nhượng bộ một bước. Tám gương chiến đấu của các chiến sĩ đã cổ vũ và giữ vững niềm tin cách mạng trong quần chúng. Nhờ đó phong trào có cơ sở để hồi phục nhanh chóng sau những tổn thất nặng nề.

Từ giữa năm 1935 trở đi, hệ thống tổ chức của Đảng từ Tỉnh ủy đến Huyện ủy tuy không còn, song một số đảng viên còn lại vẫn nuôi dưỡng ý chí cách mạng, bảo toàn lực lượng, chờ đợi thời cơ phát động quần chúng, đưa quần chúng ra đấu tranh. Quảng đại quần chúng nhân dân trong tỉnh đã được rèn luyện qua các phong trào cách mạng sôi nổi trong những năm 1930-1932, thấy rõ sức mạnh của các tầng lớp nhân dân lao động, thấy rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Tuy bị địch đàn áp đã man hết đợt này đến đợt khác, nhưng nhân dân vẫn một lòng hướng về Đảng Cộng sản. Có gia đình trong khó khăn vẫn là nơi hội họp bí mật của một số đảng viên, cất giấu tài liệu, truyền đơn của Đảng. Một số quần chúng đã tự động tổ chức quyên góp tiền bạc, may sắm quần áo cung cấp cho các đảng viên thoát ly hoạt động. Đồng chí Nguyễn Thị Trúc (vợ đồng chí Đoàn Lâm) ở An Tiêm đã ủng hộ chiếc khăn vàng - tư trang tài sản duy nhất để gây quỹ Đảng. Các đảng viên bị bắt, bị giam ở nhà lao Quảng Trị, nhà đày Lao Bảo đã đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức

đời sống vật chất cũng như tinh thần cho anh chị em tù nhân, mở các lớp học tập văn hoá, chính trị, tạo điều kiện cho nhiều đồng chí sau khi mãn hạn tù trở về hoạt động được tốt hơn.

Trải qua 6 năm hoạt động kể từ khi ra đời, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã trưởng thành đáng kể. Đó là kết quả của quá trình đấu tranh xây dựng, củng cố và phát triển Đảng bộ, là những thành tích to lớn trong việc giáo dục, động viên và tổ chức quần chúng đấu tranh. Khi thành công, lúc địch khủng bố, đàn áp khốc liệt, từ năm 1931 đến năm 1935, hai, ba lần Tỉnh ủy và cơ quan lãnh đạo của các Đảng bộ trong tỉnh như Triệu Phong, Vĩnh Linh... bị địch phá vỡ, song tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng vẫn giữ vững ý chí, kiên định lập trường, thà hy sinh tính mạng chứ không chịu khuất phục trước kẻ thù, thể hiện lý tưởng cao cả và phẩm chất quý báu của người cộng sản. Đồng chí Trần Văn Luận trước khi bị địch xử bắn, chỉ nhấn với vợ: “Tôi chết, tôi không ân hận gì cả, “nhà” cố thay tôi làm lụng nuôi con, cho con ăn học thành người. Thế nào rồi chúng ta cũng sẽ thắng”. Đến phút cuối cùng, hai đồng chí Trần Trích và Trần Văn Luận vẫn hô vang các khẩu hiệu:

Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!

Nước Việt Nam nhất định sẽ độc lập!

Tám gương hy sinh của hai đồng chí đã để lại cho nhân dân Quảng Trị niềm xúc động và tiếc thương vô hạn. Đồng chí Võ Tính, một đảng viên của Chi bộ chợ Cầu ở trong nhà lao Quảng Trị đã làm thơ ca ngợi hai người đồng chí của mình:

*Đau lòng cái chết hồi thương ôi!
Trích - Luận - hai anh, địch giết rồi
Hiến thân chịu chết cho đời sống
Trải ruột phơi gan để trẻ soi
Vẫn biết âm dương tuy cách biệt
Hồn thiêng nợ nước gánh chung vai.*

Vượt qua những khó khăn thử thách ban đầu của thời dựng Đảng, nét nổi bật của Đảng bộ Quảng Trị là đã biết dựa vào nhân dân, trước hết là nhân dân lao động để củng cố, nuôi dưỡng, phát triển phong trào. Phần đông cán bộ, đảng viên có tinh thần chủ động sáng tạo, tự lực cánh sinh. Khi mất liên lạc với cấp trên vẫn độc lập công tác, chủ động gây dựng lại cơ sở cách mạng. Biết vận dụng các hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, biết kết hợp giữa đấu tranh với xây dựng tổ chức, tổ chức để có sức mạnh đấu tranh, đấu tranh để củng cố và mở rộng tổ chức.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, Đảng bộ tỉnh Quảng Trị không tránh khỏi việc phạm phải tư tưởng hẹp hòi, chưa chú trọng mở rộng đoàn kết với các tầng lớp trung gian như tiểu tư sản, tư sản dân tộc. Công tác vận động phụ nữ, vận động thanh niên chưa được coi trọng. Ở nông thôn có nơi, có lúc đả kích vào phú nông.

Tuy có những thiếu sót, song Đảng bộ Quảng Trị đã xứng đáng là một tổ chức chính trị, đội tiên phong của giai cấp công nhân, là một bộ phận của Đảng Cộng sản Việt Nam, được toàn thể nhân dân tin cậy và hết lòng ủng hộ. Từ đó, đặt cơ sở vững chắc cho những bước phát triển mới của phong trào cách mạng Quảng Trị trong các giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ, CHỐNG NGUY CƠ PHÁT XÍT VÀ CHIẾN TRANH (1936-1939)

I. BỐI CẢNH THẾ GIỚI, TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG

Hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong những năm 1929-1933 đã làm cho mâu thuẫn xã hội trong các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa và giữa các nước đế quốc với nhau càng thêm sâu sắc. Các nước Đức, Ý, Nhật thi hành chính sách độc tài, phát xít, liên kết thành một “trục”, ráo riết chuẩn bị chiến tranh để xâm chiếm và chia lại thị trường thế giới.

Thời kỳ này, Liên bang Xôviết đã trở thành thành trì của hòa bình và cách mạng, cổ vũ mạnh mẽ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức đấu tranh cho hòa bình, dân chủ, độc lập, tự do. Mâu thuẫn giữa Liên Xô và các nước tư bản chủ nghĩa đứng đầu là Mỹ, Anh, Pháp trở nên gay gắt.

Trước tình hình đó, tháng 7/1935, Quốc tế Cộng sản tổ chức Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva (Moskva) chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của các Đảng Cộng sản và công nhân là thống nhất lực lượng, lập mặt trận nhân dân rộng rãi bao gồm các đảng phái dân chủ, tiến bộ, các tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh xâm lược, giành tự do dân chủ, bảo vệ hoà bình thế giới. Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản vạch ra đường lối chung đúng đắn cho phong trào Cộng sản và có tiếng vang rộng rãi trên thế giới.

Cuộc đấu tranh của Mặt trận Nhân dân Tây Ban Nha, Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật của Trung Quốc và nhất là của Mặt trận Nhân dân Pháp đã có ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương.

Đảng Cộng sản Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5/1936, tiến tới thành lập Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp do ông Lêông Bôlum (Léon Blum), lãnh tụ Đảng Xã hội làm Thủ tướng, Mariuyt Mutê (Mariuyt Mute), đảng viên Đảng Xã hội làm Bộ trưởng thuộc địa. Cùng với việc thi hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động trong nước, Chính phủ Pháp đã ban bố một số cải cách quan trọng đối với các thuộc địa: ân xá chính trị phạm, lập Ủy ban điều tra và cử các phái đoàn đi điều tra ở các thuộc địa. Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình chính trị ở Việt Nam, Lào, Campuchia.

Ở nước ta, do tác động sâu sắc của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và chính sách đàn áp của thực dân Pháp,

các tầng lớp nhân dân, cả tư sản dân tộc, vẫn phải sống trong tình trạng khổ cực. Tất cả các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội đều có một nguyện vọng chung, cấp bách nhất là đòi quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống, chống áp bức, bóc lột, chống chiến tranh phát xít, bảo vệ hoà bình.

Tháng 7/1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp ở Thượng Hải (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Hồng Phong - Tổng Bí thư. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản và những lời căn dặn của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, từ sự phân tích đúng đắn tình hình thế giới, tình hình nước Pháp và Đông Dương, Hội nghị đề ra đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới.

Hội nghị chỉ rõ hai nhiệm vụ phản đế và phản phong của Đảng ta không thay đổi nhưng trong hoàn cảnh hiện thời, mục tiêu trước mắt của cách mạng Việt Nam là đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, tay sai của chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Hội nghị chủ trương lập *Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương*, sau đổi là *Mặt trận thống nhất Dân chủ Đông Dương*, gọi tắt là *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*, nhằm tập hợp các giai cấp, các đảng phái, dân tộc, đoàn thể chính trị, xã hội và tôn giáo khác nhau, các nhân sĩ tán thành cải cách dân chủ, tiến bộ xã hội, chống phát xít và chống chiến tranh. Hội nghị chủ trương triệt để sử dụng hình thức tổ chức công khai, hợp pháp, nửa hợp

pháp kết hợp với củng cố, phát triển tổ chức bí mật của Đảng, nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng, phát triển tổ chức đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ.

Lúc bấy giờ, cũng như các địa phương khác trong cả nước, các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc ở Quảng Trị vẫn tiếp tục sống trong điều kiện hết sức khó khăn về vật chất và tinh thần.

Về chính trị, chính quyền thuộc địa ra sức thực hiện chính sách mị dân, hòng xoa dịu tinh thần đấu tranh của quần chúng. Tại các tổng và làng, hào lý không dám hung hăng như trước, nhưng bên trong chúng vẫn ngấm ngầm chống đối cách mạng. Chúng tiếp tục khuyến khích mê tín dị đoan, duy trì các hủ tục lạc hậu ở nông thôn.

Về kinh tế, trong lúc nhân dân ta đang bị đói kém vì bị mất mùa trong 3 năm liền, thực dân Pháp núp dưới hình thức cho vay vốn nhẹ lãi, thực chất để vơ vét của cải của các tầng lớp nhân dân ở thị xã, thị trấn; mặt khác tìm mọi cách tăng các biểu thuế cũ, đặt ra các thứ thuế mới. Thuế ruộng đất nông dân phải nộp từ 2 đồng 5 hào đến 3 đồng 2 hào một mẫu, lúc này tăng thêm 30%. Chúng tăng hạng điền từ thấp lên cao và bắt nhân dân nộp 2% cho ngân sách tỉnh, 8% cho ngân sách xứ Trung Kỳ. Chúng còn bắt nhân dân tiêu thụ rượu cồn, độc quyền về thuốc phiện, muối. Chính sách thuế khoá nặng nề đã làm cho nhiều nông dân ở Quảng Trị phải bán hết nhà cửa, ruộng vườn, bỏ quê hương đi làm phu ở các nơi khác.

Đời sống của giai cấp công nhân và tầng lớp viên chức, thợ thủ công cũng hết sức bi đát. Tiền lương công nhân, viên chức thấp kém, không đủ chi phí cho sinh hoạt. Lương của người lao động mỗi ngày chỉ được 16 xu đối với đàn ông, 12 xu đối với đàn bà trong khi đó giá hàng hóa tăng vọt, nhất là các mặt hàng cần thiết như dầu hoả, gạo, thuốc chữa bệnh...

Tư sản dân tộc và địa chủ nhỏ tiếp tục bị đế quốc và đại địa chủ chèn ép, thua thiệt trong kinh doanh, sản xuất.

Tình hình đó làm cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh bất bình, đòi hỏi chính quyền thống trị phải có sự thay đổi về chính sách cai trị, thực hiện các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống.

II. PHONG TRÀO ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI VÀ ĐÓN GÕA TẠI QUẢNG TRỊ

Năm 1936, sau khi Chính phủ Mặt trận Nhân dân ở Pháp ban hành chính sách ân xá tù chính trị, nhiều cán bộ, đảng viên bị đế quốc giam cầm ở Côn Đảo, Buôn Ma Thuột, nhà lao Quảng Trị được tự do, trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên Quảng Trị. Vừa ra khỏi nhà tù, các đồng chí đã nhanh chóng bắt mối liên lạc với các cơ sở cũ, kịp thời hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội.

Đồng chí Trần Công Khanh đại diện cho Quảng Trị tham gia cuộc Hội nghị đại biểu nhân dân Trung Kỳ khai mạc vào lúc 8 giờ ngày 07/02/1936 tại Viện Dân biểu Trung Kỳ (Huế). Hội nghị đại biểu nhân dân Trung Kỳ cử

ra Ban lâm thời Chi nhánh Trung Kỳ của Đông Dương đại hội gồm 26 người do các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu chủ trì, các đồng chí cựu chính trị phạm làm lực lượng nòng cốt, trong đó có đồng chí Trần Công Khanh.

Sau khi trở về Vĩnh Linh, đồng chí Trần Công Khanh đã triệu tập hội nghị cựu chính trị phạm toàn phủ, tại nhà ông Trình (Liêm Công Tây) để thành lập ủy ban hành động.

Tháng 10/1936, vừa ở nhà tù Côn Đảo về, đồng chí Lê Duẩn chủ động tổ chức truyền đạt cho các đảng viên cộng sản trong tỉnh tinh thần Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất; Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng ngày 26/7/1936; giải thích ý nghĩa của Mặt trận Nhân dân Pháp và Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật ở Trung Quốc đối với cách mạng nước ta; giải thích về sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và hình thức, phương pháp đấu tranh hiện tại. Đồng chí Lê Duẩn đặc biệt nhấn mạnh phải triệt để lợi dụng những khả năng hoạt động công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để lãnh đạo quần chúng, song không được quên việc duy trì và phát triển các tổ chức bí mật của Đảng, phòng khi bất trắc. Vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng vào tình hình cụ thể của Quảng Trị, đồng chí Lê Duẩn cùng với một số đồng chí trong Đảng bộ tỉnh, trong đó có đồng chí Hoàng Hữu Cháp, đề ra những chủ trương mới, sát đúng và tích cực hoạt động đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiến lên.

Tranh thủ điều kiện hợp pháp, phong trào Đông Dương đại hội được tổ chức công khai rộng rãi trong tỉnh. Phong trào phát triển rầm rộ nhất là ở Vĩnh Linh. Toàn phủ đã có 72 trong tổng số 93 làng, xã của Vĩnh Linh thành lập được ủy ban hành động. Ủy ban hành động bao gồm đại biểu các giai cấp, các tầng lớp tham gia, trong đó công nhân, nông dân đóng vai trò nòng cốt. Ủy ban hành động đẩy mạnh việc tập hợp các yêu sách của nhân dân gửi lên Công sứ Quảng Trị.

Các ủy ban hành động hướng dẫn quần chúng lập bản dân nguyện, tổ chức các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi chính trị, kinh tế hằng ngày. Vì thế, phong trào Đông Dương đại hội đã được toàn dân tham gia.

Bên cạnh ủy ban hành động, một số xã còn thành lập ủy ban cải cách hương thôn, thu hút đông đảo nhân dân, trong đó có một số hào lý hưởng ứng.

Do ảnh hưởng của phong trào Đông Dương đại hội, các cựu tù chính trị tranh thủ thế hợp pháp hoạt động ráo riết bất chấp lệnh quản thúc của chính quyền thống trị trong tỉnh, trong phủ. Anh chị em đi về các làng để vận động, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng vào các hội tương tế, ái hữu... Nhờ vậy, phong trào cách mạng trong tỉnh, nhất là ở Triệu Phong, Vĩnh Linh, Cam Lộ được phục hồi nhanh chóng.

Thấy phong trào quần chúng lên mạnh, chính quyền thống trị ở Triệu Phong tìm cách làm giảm uy tín và hoạt động của các cựu tù chính trị. Ngày 16/12/1936, nhân xét xử vụ kiện ở làng Vệ Nghĩa, tri phủ Triệu Phong đã dùng

roi mây đánh Hồ Thâm, một cựu tù chính trị ngay giữa công đường, nhằm làm nhục các cựu tù chính trị, đồng thời để đề cao uy tín của quan lại Nam triều. Hồ Thâm tự cắn lưỡi để phản kháng. Khi đưa vào bệnh viện, Hồ Thâm lại tuyệt thực tiếp tục đấu tranh.

Người con trai của Hồ Thâm đưa đơn kiện đến Công sứ Quảng Trị, đồng thời đánh điện cho Khâm sứ Trung Kỳ và Bộ Thuộc địa Pháp biết để kiện viên tri phủ Triệu Phong. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn, Đảng bộ Triệu Phong đã phát động phong trào quần chúng ở địa phương đứng lên đấu tranh chống lại quan lại đàn áp các cựu tù chính trị, ủng hộ cuộc đấu tranh của Hồ Thâm. Cuộc đấu tranh của Hồ Thâm đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ tinh thần quần chúng, mở ra phong trào đấu tranh công khai hợp pháp. Anh chị em cựu tù chính trị lợi dụng mọi cơ hội để đưa ra những yêu sách đấu tranh về chính trị.

Đầu năm 1937, Borévié (Brévié) được Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử sang làm Toàn quyền Đông Dương, anh em tù chính trị mới được tự do đã gửi điện chào mừng và đề đạt nguyện vọng. Nội dung bức điện bày tỏ niềm tin vào ngài Toàn quyền mới do Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử sang, đồng thời khẳng định trách nhiệm của Toàn quyền đối với nguyện vọng của nhân dân là “toàn xá chính trị phạm, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn, ban hành các luật xã hội, bãi bỏ thuế thân, thành lập chính phủ duy nhất chịu trách nhiệm trước Nghị viện do phổ thông đầu phiếu bầu ra”.

Cùng ngày, một bức điện khác có nội dung tương tự gửi cho Borévié, phía dưới ký tên “Công nhân, nông dân, trí thức Quảng Trị”. Việc làm đó có ý nghĩa góp phần cùng nhân dân cả nước, nhất là ở Hà Nội, Sài Gòn, tố cáo chế độ phản động của thực dân Pháp, bày tỏ nguyện vọng đấu tranh tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình của nhân dân trong tỉnh.

Trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ta và nhân dân Pháp, Chính phủ Pháp cử phái viên là Giuýttxtan Gôđa (Justin Godart) sang Đông Dương để điều tra tình hình. Được tin đó, các cựu tù chính trị trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn, chủ trương nhân cơ hội này phát động phong trào quần chúng rộng rãi lấy cớ là thu thập nguyện vọng của nhân dân chuyển tới Gôđa. Thực hiện chủ trương đó, Đảng bộ Quảng Trị đã phát động một phong trào quần chúng rầm rộ đưa thỉnh nguyện cho Gôđa.

Nhằm ngăn chặn hoạt động của các cựu tù chính trị lợi dụng cuộc đón tiếp Gôđa để thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng trong tỉnh, chính quyền phản động Pháp và phong kiến Nam triều ở Quảng Trị đã giao nhiệm vụ cho Nguyễn Định, tri phủ Triệu Phong viết giấy mời các cựu tù chính trị nổi tiếng trong tỉnh vào phủ đường Triệu Phong bày trò thảo luận dân nguyện. Bằng thủ đoạn này, chúng hy vọng sẽ giữ được các cựu tù chính trị tại phủ đường Triệu Phong, không cho họ hoạt động trong thời gian Gôđa đến Quảng Trị.

Nhận rõ âm mưu thủ đoạn của địch, đồng chí Lê Duẩn đã gửi thư cho đồng chí Trần Công Khanh bàn việc phải

gấp rút tổ chức một cuộc biểu tình quần chúng vào Triệu Phong, lấy cớ là theo thư mời của tri phủ Triệu Phong để thảo nguyện vọng chuyển tới ông Giuýttxanh Gôđa. Nhận được thư của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Công Khanh đã triệu tập một cuộc họp tại nhà bà Ngừ (Đơn Duệ). Cuộc họp có đầy đủ đại biểu các làng đến dự. Sau khi thảo luận, nhất trí theo kế hoạch của đồng chí Lê Duẩn, hội nghị đã bầu ban chỉ huy gồm 4 đồng chí, do đồng chí Trần Công Khanh chỉ huy.

Theo kế hoạch đã định, rạng sáng ngày 20/02/1937, khoảng 4.000 người đủ các tầng lớp nhân dân trong phủ đã kéo đến địa điểm tập trung tại Quảng Xá bằng ba cánh: một cánh đi bằng thuyền, một cánh đi bằng tàu hoả, một cánh đi bộ.

Sáng ngày 21/02/1937, cả ba cánh biểu tình của đồng bào Vĩnh Linh đã kéo đến tập trung tại chợ Sãi. Vô cùng kinh ngạc và hoảng sợ trước khí thế hùng mạnh của lực lượng nhân dân, viên tri phủ Triệu Phong là Nguyễn Định từ chối không tiếp đoàn biểu tình, lấy cớ là bản dân nguyện đã được thảo xong rồi. Nhưng trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của đoàn biểu tình và nhân dân địa phương, tri phủ Nguyễn Định buộc phải cho các cựu tù chính trị bị giữ lại ở phủ đường Triệu Phong được tham gia đoàn biểu tình. Quần chúng nhân dân Triệu Phong tập trung chờ sẵn ở các nơi dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cựu tù chính trị rầm rập kéo đến cùng với đồng bào Vĩnh Linh, lập thành một đoàn người đông chưa từng có, kéo biểu tình lên thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị. Công việc

chuẩn bị cho đoàn biểu tình tỉ mỉ, chu đáo cả phương tiện, khẩu hiệu, giấy mực viết dân nguyện. Mỗi đoàn đều có ban chỉ đạo, có bộ phận bí mật và công khai.

Khi đoàn biểu tình đến Miếu Đồi (gần tỉnh lỵ) thì gặp các tên Công sứ, tuần vũ, giám binh, chánh mật thám và một đại đội lính khố xanh chặn lại. Đồng chí Trần Công Khanh dẫn đầu đoàn biểu tình đã trình bày rõ mục đích, yêu cầu của đoàn là đưa nguyện vọng cho phái đoàn điều tra Pháp. Vì đoàn được “ông tri phủ Triệu Phong mời vào thảo nguyện vọng để đưa cho ông Gôđa nhưng khi đến phủ Triệu Phong thì ông tri phủ không tiếp, nên chúng tôi phải kéo lên tỉnh để gặp quan lớn, xin quan lớn cho dân Vĩnh Linh chúng tôi được trình bày nguyện vọng và chờ được đón ông Guýttxanh Gôđa”. Theo lệnh của tên Công sứ Mole, Đặng Thành Đôn - tuần vũ Quảng Trị yêu cầu đoàn biểu tình đưa nguyện vọng cho quan tỉnh chuyển đến ông Gôđa với lý do chưa rõ ngày phái đoàn đến để tìm kế giải tán. Đồng chí Trần Công Khanh đã chỉ rõ: “Chúng tôi vào đây để dự thảo nguyện vọng. Hiện giờ nguyện vọng chưa được thảo, lấy đâu mà đưa, vậy các quan cho chúng tôi dự thảo đã”. Các đồng chí Lê Duẩn, Trần Công Khanh bàn cách kéo lên phối hợp với đồng bào Hải Lăng. Tuần vũ Quảng Trị đe dọa những người cầm đầu đoàn biểu tình nhưng đã bị quần chúng phản đối quyết liệt.

Trước sức mạnh đoàn kết đấu tranh của đoàn biểu tình, tên tuần vũ không dám dọa bắt đồng chí Lê Duẩn. Thừa thắng, đoàn biểu tình đòi kéo lên chỗ có bóng cây để tránh nắng, với mục đích tiến gần sát toà sứ. Lúc đó, đoàn

biểu tình của đồng bào Hải Lăng cùng nhập vào cuộc mítting thảo nguyện vọng. Cuộc mítting đã cử đồng chí Trần Công Khanh chủ tọa, điều khiển cuộc thảo luận và cử đồng chí Hoàng Hữu Cháp làm thư ký để ghi chép nguyện vọng mà nhân dân nêu lên...

Trước khi kết thúc cuộc thảo nguyện vọng, những người tham gia mítting đã hô vang các khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống, đại xá chính trị phạm. Sau đó, đoàn biểu tình tuần hành trở lại chợ Sãi họp mítting, thành lập ban vận động đón tiếp Gôđa của tỉnh do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng ban. Cuộc mítting tỉnh còn cử một đoàn đại biểu vào Thừa Thiên tham gia cuộc đón tiếp Gôđa, đưa nguyện vọng cho Gôđa tại thành phố Huế. Được sự giúp đỡ tận tình của đồng bào Triệu Phong về lương thực, thực phẩm, phương tiện đi lại, đồng bào Vĩnh Linh đã trở về quê một cách an toàn, phấn khởi.

Cuộc biểu tình quy mô lớn toàn tỉnh tại thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị đã thúc đẩy phong trào cách mạng trong giai đoạn mới. Sự kiện này chứng tỏ khả năng đấu tranh hợp pháp của nhân dân rất dồi dào, phong phú. Cuộc biểu tình, mítting đã làm cho kẻ thù hết sức lúng túng, chính quyền thống trị ở địa phương, kể cả Công sứ Pháp cũng phải nhượng bộ, không dám đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân như những năm 1930-1934. Thắng lợi của cuộc mítting, biểu tình thể hiện đường lối, chủ trương mới của Đảng Cộng sản Đông Dương là hoàn toàn đúng đắn, làm cho đảng viên cũng như quần chúng cách mạng càng tin tưởng vào khả năng của mình, tin tưởng tuyệt đối vào

sự lãnh đạo của Đảng, càng phấn khởi, tích cực tham gia đấu tranh cách mạng.

Ban lãnh đạo cuộc vận động đón Gôđa của tỉnh sau khi thành lập đã thống nhất việc tổ chức huy động quần chúng, thống nhất khẩu hiệu nêu ra, nhất là thống nhất mục đích ý nghĩa cuộc đón tiếp Gôđa sắp tới.

Dựa vào Báo *Nhànch Lúa* - cơ quan tuyên truyền của những người cộng sản Trung Kỳ, cán bộ, đảng viên, nhất là các cựu tù chính trị ở các địa phương trong tỉnh đã giải thích cho nhân dân rõ: “Ông Gôđa là người của Chính phủ Nhân dân Pháp phái qua để điều tra tình hình sinh hoạt của anh chị em lao động, dân cày và tất cả các hạng người bị thiệt thòi ở Đông Dương. Nhân cơ hội này chúng ta kể rõ tình hình với những yêu cầu thiết thực đưa cho ông Gôđa”.

Các cựu tù chính trị còn giải thích cho nhân dân trong tỉnh thấy rõ: “Không nên có ảo tưởng gì về ông Gôđa, không mong rằng ông Gôđa sẽ đem lại quyền lợi gì cho nhân dân lao động, mà chỉ thừa cơ hội ông Gôđa sang điều tra, vận động một phong trào nhân dân đưa yêu sách, gây thêm đà chiến đấu đòi quyền lợi cho mình đồng thời phá chính sách bưng bít của chính quyền địa phương, tự tạo cho nhân dân quyền được hội họp hợp pháp...”¹.

Về tổ chức, ban lãnh đạo cuộc đón tiếp phân công một số cựu tù chính trị làm đại biểu công khai để tiếp xúc với quan lại thống trị ở địa phương và phái đoàn của Gôđa.

1. Báo *Nhànch Lúa*, số ra ngày 29/01/1937.

Mặt khác, thành lập các bộ phận dự bị, hoạt động bí mật bất hợp pháp. Số cán bộ, đảng viên ở bộ phận dự bị không tham gia các cuộc biểu tình, mà làm nhiệm vụ chuẩn bị nội dung và kế hoạch tuyên truyền, giải thích cho quần chúng hiểu rằng không chỉ đưa yêu sách và nguyện vọng là xong, mà còn tiếp tục đấu tranh buộc chính quyền thống trị phải thực hiện các yêu sách và nguyện vọng đó trong thời gian tới. Ban lãnh đạo cũng chỉ rõ: Sau khi đón tiếp Gôđa, cán bộ, đảng viên toả về các làng, xã tổ chức mítting, truyền bá các khẩu hiệu đấu tranh.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, cán bộ, đảng viên còn tuyên truyền đẩy mạnh đoàn kết các tầng lớp nhân dân, tranh thủ sự đồng tình của các tầng lớp trên, kể cả một số hương lý có xu hướng tiến bộ, trên cơ sở đó, tập hợp lực lượng, đưa quần chúng vào các tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp, đấu tranh đòi giải quyết những quyền lợi về dân sinh, dân chủ tối thiểu như đòi ân xá chính trị phạm, bỏ sưu, giảm thuế, tổ chức đọc sách báo.

Nhờ có kế hoạch cụ thể, định rõ các công việc phải làm trước, trong và sau khi đón Gôđa nên phong trào đón Gôđa ở Quảng Trị thu được kết quả theo dự định.

Ngày 25/02/1937, hơn 15.000 đồng bào Vĩnh Linh và Gio Linh bao gồm già, trẻ, trai, gái đại diện các tầng lớp nhân dân với hàng ngũ chỉnh tề xếp hàng tư từ bến đò Hiền Lương đến ngã ba rẽ về Cửa Tùng chờ đón Gôđa.

Khoảng 8 giờ ngày 26/02/1937, khi đoàn xe của Gôđa vừa tiến lên khỏi ngã ba thì đoàn biểu tình chào đón ông ta bằng những khẩu hiệu được hô vang:

- Hoan hô Gôđa!
- Mặt trận Nhân dân Pháp muôn năm!
- Tự do dân chủ!
- Bỏ thuế thân, giảm thuế điền thổ!
- Đại xá chính trị phạm!

Gôđa xuống xe, bắt tay đồng chí Trần Công Khanh, đại biểu đoàn biểu tình và nói chuyện với quần chúng. Tiếp đó, đồng chí Trần Công Khanh thay mặt quần chúng chào mừng Gôđa, nói lên nguyện vọng của nhân dân và trao bản thỉnh nguyện cho Gôđa. Gôđa nhận bản thỉnh nguyện và hứa hẹn rồi lên xe tiếp tục cuộc hành trình. Quần chúng biểu tình kéo đến phủ lý tuần hành thị uy rồi giải tán.

Đồng bào Cam Lộ tập trung ở Đông Hà để đón Gôđa đưa thỉnh nguyện. Tay sai Pháp tìm cách bưng bít tin tức về cuộc hành trình của Gôđa. Lúc ngang qua Đông Hà, chúng không để cho đoàn xe của Gôđa dừng lại, nên cuộc đón tiếp ở Đông Hà không thực hiện được.

Ở địa điểm thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị, thực hiện chủ trương của ban vận động đón Gôđa tỉnh, ban vận động đón Gôđa phủ Triệu Phong đã chọn địa điểm thuận lợi tập trung quần chúng như kế hoạch đã chuẩn bị để quần chúng tổng An Đôn tập trung tại một địa điểm ở cầu Ga Quảng Trị, quần chúng tổng An Lưu tập trung tại Miếu Đồi (thị xã Quảng Trị) còn nhân dân các làng Dương Lệ, An Lợi, Giáo Liêm,... tập trung tại bãi cát An Tiêm, Cổ Thành.

Khi Gôđa sắp đến, đoàn biểu tình ở chợ Sãi (phủ lý Triệu Phong) kéo đến tập trung ở nhà ga để đón Gôđa thì

bị chính quyền thống trị cho lính chặn lại, nhằm không cho quần chúng tiếp xúc với phái viên của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Trước lý lẽ đấu tranh hợp lý, hợp tình của đoàn biểu tình, chúng buộc phải đồng ý để cho đoàn biểu tình cử một đoàn khoảng 600 người kéo lên ga, nhập với lực lượng quần chúng của Hải Lăng và tổng An Đôn tổ chức đón Gôđa do đồng chí Lê Duẩn làm trưởng đoàn. Đoàn biểu tình của hai phủ Triệu Phong, Hải Lăng và thị xã Quảng Trị khoảng gần một vạn người, xếp hàng đứng trên đường trước nhà ga Quảng Trị đợi sẵn.

Khi thấy Gôđa và đoàn tùy tùng xuất hiện từ phía cầu Ga, quần chúng biểu tình đã giương cao băng, biểu ngữ và hô vang các khẩu hiệu:

- Ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp!
- Ban hành luật tự do dân chủ!
- Bỏ thuế thân, thả hết tù chính trị!

Đến trước nhà ga, xe của Gôđa dừng lại, đồng chí Lê Duẩn thay mặt quần chúng biểu tình, tỏ lời chào mừng Gôđa và những người cùng đi. Sau đó, đồng chí Lê Duẩn phát biểu ý kiến, nói lên tình cảnh khổ cực của nhân dân Quảng Trị sống dưới chế độ bảo hộ của thực dân Pháp, đồng thời đồng chí Lê Duẩn nêu lên những yêu sách, nguyện vọng bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân lao động. Trước khi kết thúc, đồng chí Lê Duẩn và một số đại biểu khác đã đưa cho Gôđa các bản thỉnh nguyện nêu rõ các yêu cầu của quần chúng. Đó là các yêu cầu về tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do đi lại, lập hội, tự do ứng cử và bầu cử, thực hiện các luật lao động và bảo hiểm xã hội,

giảm thuế và ân xá tù chính trị. Tất cả các yêu cầu nêu ra trong bản dân nguyện đã chuyển đến tay phái đoàn Pháp. Phái đoàn điều tra của Chính phủ Pháp buộc phải tiếp nhận các bản thỉnh nguyện và hứa hẹn sẽ đề đạt những nguyện vọng của nhân dân Việt Nam lên Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Gôđa cùng với đồng chí Lê Duẩn đi qua trước hàng ngũ quần chúng. Trước khi lên xe vào Huế, Gôđa giơ tay chào từ biệt nhân dân Quảng Trị trước hàng ngàn quần chúng đang hô vang các khẩu hiệu... Sau khi Gôđa đi, các đoàn biểu tình kéo về tập trung tại bãi cát nằm giữa thị xã Quảng Trị và chợ Sãi họp mítting. Thay mặt ban vận động đón Gôđa của tỉnh, đồng chí Lê Duẩn nói chuyện với quần chúng dự mítting, đồng chí giải thích ý nghĩa việc tổ chức đón Gôđa, sau đó, đồng chí nói về tình hình thế giới, trong nước và nhiệm vụ của nhân dân Quảng Trị trong giai đoạn mới.

Trước khí thế sôi nổi, hào hứng chưa từng có, hàng vạn quần chúng dự mítting đã hô vang các khẩu hiệu do ban vận động nêu ra rồi phân thành nhiều mũi tuần hành về các tổng, xã.

Phong trào đón Gôđa ở Quảng Trị có tiếng vang lớn, lan ra cả xứ, có ảnh hưởng chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, khiến chính quyền thống trị phải lo sợ. Bản báo cáo của Bộ lại gửi lên vua Bảo Đại ngày 27/3/1937 đã thú nhận: “Chúng tôi kính cẩn báo cáo để Hoàng thượng biết rằng theo báo cáo chính trị tháng 02/1937 của các tỉnh Trung Kỳ, tình hình chính trị trong xứ nói chung yên tĩnh, trừ hai tỉnh Quảng Trị, Thừa

Thiên là các nơi xảy ra những sự kiện chính trị quan trọng mà chúng tôi xin kể ra dưới đây:

Quảng Trị, các cựu chính trị phạm và những kẻ tình nghi, hưởng ứng lời kêu gọi của Trần Công Khanh, Lê Duẩn đã xúi giục dân chúng đi đón ông Gôđa và đưa nguyện vọng cho ông ấy. Đến giờ đây bọn họ đang tuyên truyền lập các hội buôn, các nhóm đọc sách báo và chuẩn bị một cuộc biểu tình để đón phái đoàn điều tra sắp sang Đông Dương. Họ xúi giục những người buôn bán ở chợ Quảng Trị đòi giảm thuế pa tăng...”.

Sau các cuộc biểu tình đón Gôđa, mặc dù chính quyền thống trị tìm cách hạn chế mọi hoạt động của các cựu tù chính trị, đồng chí Hoàng Hữu Cháp¹ và đồng chí Trần Công Khanh bị bắt vào tháng 3/1937 và bị gán vào tội “vi phạm luật quản thúc”. Nhưng phong trào cách mạng

1. Tờ báo *Tập hợp* (Rassemblement) - một tờ báo công khai của Đảng xuất bản ở Hà Nội, ra ngày 23/3/1937, dưới đầu đề “*Triệu Phong một trung tâm phản động*” chỉ trích vấn đề khủng bố này, viết: “Hoàng Hữu Cháp, cựu chính trị phạm bị quản thúc rất nghiêm ngặt, người ta đặt người đứng gác ở nhà anh. Anh bị làm phiền nhiễu mỗi khi có người lạ đến thăm, nhất là sau những ngày đón tiếp Gôđa, tình hình lại càng tệ hại hơn. Một hôm hai người đàn bà vào nhà Cháp để mua mía thì bị bắt và dẫn đến huyện đường. Chỉ khi Cháp kịch liệt phản đối, hai người đàn bà đó mới được thả ra. Từ đó, tên tri huyện rất căm thù Cháp. Một hôm Cháp đến huyện Cam Lộ, một huyện bên cạnh, để kiếm việc làm ăn, tên tri huyện Triệu Phong ra lệnh bắt Cháp và áp giải về nhà lao tỉnh. Để phản đối hành động bắt người độc đoán đó, Cháp đã tuyệt thực từ ngày 15/3/1937. Sau đó, Hoàng Hữu Cháp được thả tự do”.

trong tỉnh vẫn phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu, các tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp như tổ làm vản, hội hiếu, tổ lợp nhà, tổ đọc sách báo, tổ đi làm rừng... phát triển nhiều nơi. Đặc biệt, các tổ đọc báo đã có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng.

Thấy rõ tác dụng của các tổ đọc sách báo đối với cuộc vận động tuyên truyền cách mạng, chính quyền thống trị tìm cách đàn áp, bắt những người tham gia các tổ đọc sách báo. Tháng 3/1937, tên tri phủ Triệu Phong đã bắt giam đồng chí Nguyễn Phú và 14 người khác trong tổ đọc sách báo ở gần phủ lý Triệu Phong và bị kết án từ 3 tháng đến 1 năm tù giam về tội “Hội họp trái phép”. Đồng chí Nguyễn Phú đã tuyệt thực để đấu tranh. Nhân sự việc đó, Đảng bộ Quảng Trị đã phát động quần chúng đấu tranh đòi nhà cầm quyền phải thả đồng chí Nguyễn Phú và những người trong tổ đọc sách báo. Cuộc đấu tranh đã có tiếng vang trên mặt trận báo chí. Trong bài “Một vụ đọc sách liên lụy nhiều người” của báo *Tiếng Dân* số ra ngày 25/3/1937 đã lên tiếng phản đối viên tri phủ Triệu Phong đàn áp Nguyễn Phú. Báo *Kinh tế tân văn* cũng có bài nói lên sự đồng tình với cuộc đấu tranh của Nguyễn Phú. Hội nghị báo giới Trung Kỳ (có đại biểu Quảng Trị tham gia) họp tại Huế ngày 27/3/1937 đã đánh điện cho Toàn quyền Đông Dương phản đối việc tri phủ Triệu Phong đã bắt Nguyễn Phú.

Chủ trương của ban vận động lãnh đạo cuộc đấu tranh công khai hợp pháp thông qua việc đưa yêu sách nhân dịp Gôđa sang Việt Nam, dừng chân tại Quảng Trị đã đẩy lên

một phong trào rộng lớn. Ba cuộc biểu tình công khai với quy mô rộng lớn đã khẳng định sự trưởng thành toàn diện của Đảng bộ và sức mạnh vô địch của quần chúng khi có Đảng lãnh đạo. Ảnh hưởng của phong trào đã vượt ra ngoài phạm vi tỉnh Quảng Trị.

III. ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH, DÂN CHỦ

Để thống nhất sự lãnh đạo, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển cao hơn nữa, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh được triệu tập và họp tại Chòi Pheo cạnh nhà bà Phan Thị Tài¹, làng Phú Long, do đồng chí Lê Duẩn chủ toạ, có trên 30 đại biểu đến dự. Hội nghị làm việc trong 3 ngày từ ngày 28 đến ngày 30/6/1937. Phân tích phong trào cách mạng Quảng Trị, Hội nghị khẳng định cuộc vận động cách mạng của nhân dân Quảng Trị trong thời gian từ cuối năm 1936 đến lúc này là một sự tập dượt quần chúng xuống đường đấu tranh từ thấp đến cao, từ kinh tế đến chính trị, từ không hợp pháp đến hợp pháp, từ nông thôn đến thành thị dưới nhiều hình thức phong phú. Qua cuộc vận động ấy, cơ sở đảng được phục hồi ở nhiều nơi, các tổ chức quần chúng được phát triển;

1. Quê ở Thượng Xá, vợ đồng chí Nguyễn Bá Sam (vào Đảng Cộng sản Việt Nam từ đầu năm 1930). Gia đình bà Phan Thị Tài bảo vệ và chu cấp lương thực, thực phẩm, phục vụ hội nghị.

ảnh hưởng của Đảng càng sâu rộng; trình độ giác ngộ của quần chúng được nâng cao.

Chỉ rõ yêu cầu, nhiệm vụ sắp tới, Hội nghị chú trọng trước hết đến các nhiệm vụ củng cố, phát triển Đảng. Tổ chức của Đảng theo lối bí mật, bất hợp pháp. Hội nghị quyết định thành lập một số Huyện ủy, xây dựng các chi bộ đảng ở các làng. Những quần chúng tích cực đấu tranh trong các phong trào phải được chỉ bộ, đảng viên tiếp tục giáo dục bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng.

Hội nghị quyết định đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng các tổ chức quần chúng theo các hình thức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp. Đảng phải lãnh đạo các tổ chức quần chúng, tham gia đấu tranh hướng vào các mục tiêu hàng ngày như đòi hoãn, giảm thuế, đòi các quyền tự do, dân chủ ở hương thôn. Hội nghị đại biểu của Đảng bộ đã quyết định xuất bản tờ báo *Tranh Đấu*, mỗi tháng ra 2 kỳ, làm cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh.

Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 7 ủy viên: Hoàng Thị Ái, Hoàng Hữu Cháp, Hồ Xuân Lưu, Trần Mạnh Quỳ, Nguyễn Mực, Nguyễn Vức, Dương Đậu. Đồng chí Hoàng Hữu Cháp được cử làm Bí thư Tỉnh ủy. Khi đồng chí Hoàng Hữu Cháp bị bắt (tháng 9/1937), đồng chí Trần Mạnh Quỳ được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sau hội nghị, các ủy viên trong Ban Chấp hành phân công nhau về các Phủ ủy, Huyện ủy làm nhiệm vụ, chủ yếu trước mắt là đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

Đến cuối năm 1937, Huyện ủy Gio Linh được thành lập; Huyện ủy Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, Vĩnh Linh được

lập lại. Toàn tỉnh có khoảng 100 đảng viên sinh hoạt trong 20 chi bộ đảng. Đảng bộ Quảng Trị đã cử một số đại biểu cùng với đại biểu của các Đảng bộ Thừa Thiên, Quảng Nam chuẩn bị thành lập Xứ ủy Trung Kỳ trong thời gian tới.

Tình hình mất mùa nặng đầu năm 1937 làm cho đời sống của nông dân rất khó khăn trong khi chính quyền thống trị thúc ép việc thu thuế đã làm cho đại bộ phận nông dân khắp nơi lo lắng về việc nộp thuế. Tỉnh ủy ra Nghị quyết về “Đấu tranh chống thuế” và chủ trương đưa cán bộ, đảng viên về cơ sở vận động quần chúng đấu tranh đòi hoãn việc nộp thuế, đòi chính quyền thống trị để cho dân nộp thuế chia làm hai kỳ, vận động quần chúng không nộp “tiền tòng giả” và đấu tranh chống “phù thu lạm bổ”.

Thực hiện Nghị quyết, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, khoảng 100 làng trong tổng số 480 làng ở vùng đồng bằng trong tỉnh đã lợi dụng các cuộc họp làng, đưa yêu sách đòi miễn thuế, hoãn thuế, tổ chức lấy chữ ký vào đơn xin miễn thuế, hoãn thuế, lập các đoàn đại biểu 30 người, 50 người, 100 người lần lượt kéo lên phủ lý, tỉnh lý đưa đơn xin miễn thuế, hoãn thuế. Có một số nơi như nhân dân ở vùng Gia Đăng (Triệu Phong), Xuân Lộc (Gio Linh) không chịu nộp thuế¹. Ngày 22/7/1937, Đảng bộ Vĩnh Linh rải truyền đơn đòi hoãn thuế, đòi để dân nộp thuế hai kỳ, đòi trả tự do cho những người bị bắt. Sôi nổi và liên tục hơn cả là cuộc đấu tranh của nhân dân tổng An

1. Dựa theo tư liệu *Tìm hiểu lịch sử Quảng Trị* của đồng chí Hồng Chương.

Thái đòi quận công Nguyễn Hữu Bài phải bỏ độc quyền rừng núi. Cuộc đấu tranh nổ ra từ tháng 3/1937 và kéo dài đến hết tháng 10/1937. Kết quả, nhân dân tổng An Thái huyện Hải Lăng đã buộc Nguyễn Hữu Bài phải giảm thuế của rừng và cho nhân dân trong vùng tự do vào rừng cắt tranh, chặt củi, đốt than¹.

Cuộc đấu tranh đòi giảm, hoãn thuế đã lôi kéo và phân hoá một bộ phận phú nông, địa chủ nhỏ với những tên tay sai nắm giữ chính quyền ở địa phương. Các hình thức đấu tranh ôn hoà, hợp pháp xuất hiện ngày càng nhiều, lôi kéo đông đảo nông dân tham gia. Các báo chí ở địa phương đã đưa tin, cổ vũ kịp thời nhằm phản ánh, hướng dẫn và nêu lên kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh chống thuế của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Số 1 báo *Tranh Đấu* đã đăng bài “Cuộc biểu tình chống thuế ở Triệu Phong”; số 3 đăng “Nghị quyết về Đấu tranh chống thuế và việc ruộng đất ở các làng”; số 4 đăng “Nghị quyết của Tỉnh ủy về Tổ chức các hội biến tướng”. Những thông tin trên báo đã hướng dẫn, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng. Tỉnh ủy chủ trương xuất bản báo *Tranh Đấu* chỉ lưu hành trong nội bộ, nhưng trên thực tế đã có nhiều người đọc, do đó có thể rơi vào tay mật thám và sẽ gây tổn thất cho Đảng, nên báo *Tranh Đấu* ra đến số 6 thì đình bản. Trong hoàn cảnh hoạt động công khai hợp pháp, Tỉnh ủy chủ trương cho các cấp bộ làm việc ít giấy tờ.

1. Dựa theo tư liệu của các đồng chí Trần Mạnh Quỳ, Nguyễn Bá Sam cung cấp.

Công tác giáo dục trong Đảng được coi trọng, thông qua việc phổ biến học tập các nghị quyết của Đảng đã nâng cao trình độ chính trị, phương pháp công tác cho đảng viên, đồng thời chống khuynh hướng bảo thủ, hẹp hòi, cô độc trong một số đồng chí.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng được Đảng bộ đẩy mạnh. Các tổ chức công khai hợp pháp, bán hợp pháp như hội đua ngựa, tổ đổi công làm vằn, hội đi tranh, đi củi, nhóm ăn heo... phát triển ở nhiều nơi, thu hút đông đảo nhân dân, nhất là bần, cố, trung nông tham gia. Các hội đọc báo thu hút nhiều thanh niên, học sinh tham dự. Các hội tương tế hộ sinh do phụ nữ đảm nhận.

Phong trào đấu tranh cách mạng lên cao, chính quyền thống trị lo sợ, tìm cách bắt giam các cán bộ lãnh đạo phong trào. Ở Vĩnh Linh, chúng bắt đồng chí Lê Đăng, Bí thư Huyện ủy và một số đồng chí khác, một số cơ sở đảng ở Vĩnh Linh bị vỡ.

Tuy vậy, phong trào Mặt trận Dân chủ ở Quảng Trị vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, chuyển từ phong trào đấu tranh chống thuế sang phong trào đấu tranh chống giảm, hoãn thuế kết hợp với bầu cử nghị viên vào Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Hai ngày 13 và 14/3/1937, Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng lần thứ hai (khóa I) dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Hà Huy Tập. Hội nghị đánh giá tình hình, kiểm điểm và bàn biện pháp đẩy mạnh phong trào cách mạng sau 8 tháng thực hiện chủ trương, sách lược mới của Đảng

theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Nội dung Nghị quyết được thể hiện trong Thông cáo ngày 20/3/1937 và trong Chủ trương tổ chức mới của Đảng¹. Thông cáo ngày 20/3/1937 chỉ rõ: Đường lối chính trị mới để cho thích hợp với sách lược tập hợp Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế ở xứ Đông Dương được quyết định trong Hội nghị Trung ương tháng 7/1936 là “đúng” và “không có sự thay đổi”. Từ đó, Thông cáo nêu lên các nhiệm vụ cần tập trung thực hiện trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, phức tạp. Về vấn đề tham gia các cuộc tuyển cử, Đảng chỉ rõ: vô luận là cuộc tuyển cử gì, Đảng ta có thể tham gia được đều nên tham gia. Chọn người tham gia tranh cử không nên chỉ chọn đảng viên, mà cần đem những người cảm tình ra ứng cử, kể cả ủng hộ những người ứng cử có “tính chất cấp tiến”; thảo ra chương trình hành động tối thiểu để tập hợp quần chúng và thương lượng với các đảng phái cấp tiến dồn phiếu cho người ứng cử; đẩy mạnh tuyên truyền những khẩu hiệu của ta trong dịp bầu cử và lợi dụng vào các cơ quan lập hiến mà bên vực quyền lợi của quần chúng lao động và các tầng lớp dân chúng bị áp bức...

Thực hiện Thông cáo của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy chủ trương mở rộng thêm mặt trận đấu tranh hợp pháp. Các cơ sở đảng trong tỉnh giải thích cho quần chúng rõ: cần lợi dụng các cuộc bầu cử để tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đưa người vào các cơ quan dân cử để

1. Cuốn sách *Chủ trương mới của Đảng* do Ban Chấp hành Trung ương Đảng xuất bản ngày 26/3/1937.

bệnh vực quyền lợi của mình. Cần phối hợp đấu tranh trong nghị viện và ngoài nghị viện, phải làm cho quần chúng nhận thức cuộc đấu tranh của quần chúng ở bên ngoài nghị viện có tác dụng quyết định. Các xã phải đấu tranh để chọn các ủy viên xã đi bầu.

Để phá kế hoạch của chính quyền thống trị có ý định đưa những tên tay sai của chúng vào Viện Dân biểu, Tỉnh ủy chủ trương vận động quần chúng tập trung phiếu cho hai ứng cử viên là Phan Triệu Khanh¹ (đại biểu cho Triệu - Hải) và Trần Đăng Hiến² (đại biểu cho Cam - Gio - Vĩnh) bầu vào Viện Dân biểu Trung Kỳ khoá III.

Sau khi các ứng cử viên được Đảng ủng hộ giành thắng lợi trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ ngày 08/8/1937, Tỉnh ủy Quảng Trị chủ trương cho các Đảng bộ vận động quần chúng thảo bản nguyện vọng, để tổ chức biểu tình đến các nhà dân biểu Phan Triệu Khanh, Trần Đăng Hiến chào mừng việc trúng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ và đề nghị hai ông chuyển các bản nguyện vọng của nhân dân lên Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngày 28/9/1937, 2.000 quần chúng Vĩnh Linh biểu tình kéo đến nhà Trần

1. Là một ngư sử của triều đình Huế, nhưng tư tưởng có xu hướng tiến bộ, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân và một chừng mực nào đó đứng về phía nhân dân để bệnh vực quyền lợi cho các tầng lớp lao động, nghèo khó.

2. Người làng Nhĩ Trung, nguyên lính khố vàng được hàm bát phẩm, thái độ chính trị không thân Pháp và cũng không chống cách mạng.

Đăng Hiến tại chợ Cầu (Gio Linh) đưa bản nguyện vọng cho Trần Đăng Hiến, yêu cầu ông phải chuyển bản nguyện vọng đó lên Viện Dân biểu Trung Kỳ và Chính phủ trong dịp đi dự kỳ họp Viện Dân biểu sắp tới. Bản nguyện vọng gồm 16 điểm:

1. Bỏ thuế thân.
2. Giảm thuế điền thổ.
3. Bỏ độc quyền rượu, muối, thuốc lá.
4. Kiểm công ăn việc làm cho những người thất nghiệp trong tỉnh.
5. Bỏ chế độ tư ích.
6. Ban hành tự do nghiệp đoàn.
7. Bỏ thuế pa tăng.
8. Chống phù thu, lạm bổ.
9. Trừng trị bọn tham ô những lạm.
10. Giảm thuế kiểm lâm.
11. Giảm giá hàng hoá.
12. Ban hành quyền tự do dân chủ.
13. Lập lại danh sách cử tri (theo dự của Bảo Đại cứ 50 người dân mới có một cử tri).
14. Thi hành phổ thông đầu phiếu.
15. Bãi bỏ chế độ quản thúc đối với cựu chính trị phạm.
16. Đại xá chính trị phạm.

Ngày 02/10/1937, hơn 300 quần chúng ở Cam Lộ và Gio Linh biểu tình kéo đến nhà Trần Đăng Hiến đưa yêu sách với nội dung tương tự 16 điểm nêu trên.

Để tỏ rõ lập trường và ý nguyện của quần chúng nhân dân trong tỉnh, Đảng đã cho gửi đăng trên báo *Sông Hương*

bức thư công khai gửi cho dân biểu Phan Triệu Khanh với nội dung như sau: “Chúng tôi vì bốn phận, vì quyền lợi chung đã bỏ hẳn thành kiến mà cử ngài ra thay mặt chúng tôi.

Từ bấy đến nay, không khi nào chúng tôi không hy vọng ở ngài, không khi nào chúng tôi không nhớ tới những lời ngài đã trịnh trọng hứa trước công chúng khi đắc cử.

Ngay kỳ hội đồng sắp tới, chúng tôi xin nhắc lại lời hứa ấy và xin ngài đề đạt những nguyện vọng này của nhân dân chúng tôi lên Chính phủ:

- Mở rộng quyền hạn Viện Dân biểu.
- Nói rộng chế độ bầu cử.
- Sửa đổi chế độ thu thuế.
- Bỏ độc quyền rượu, muối, đổi điều lệ thuốc lá, nói rộng chế độ kiểm lâm.
- Tự do ngôn luận, hội họp.
- Tự do nghiệp đoàn.
- Can thiệp vào dân tình đói khổ ở mấy hạt Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ.
- Can thiệp vào việc anh Cừ (làng Vệ Nghĩa) và mấy người khác vì xin hoãn thuế mà bị tù đầy, cùng việc giam cầm trái phép như vụ Trần Công Khanh, Trần Giác.
- Mở rộng các trường học ở thôn quê, để cho con cháu dân nghèo có chỗ học.
- Chống nạn sinh hoạt đất đỏ.

DÂN QUẢNG TRỊ¹

1. Trích báo *Sông Hương*, số ra ngày 07/10/1937.

Ngày 06/10/1937, Phủ ủy Triệu Phong dự định huy động khoảng 5.000 người chia làm 4 cánh từ 4 hướng biểu tình kéo đến làng Giáo Liêm đưa bản yêu sách cho dân biểu Phan Triệu Khanh.

Được tin dân Triệu Phong kéo tới nhà Phan Triệu Khanh để đưa yêu sách, tri phủ Triệu Phong cấp báo cho Công sứ, tuần vũ biết. Chúng đã cử tên phó sứ và tên lãnh binh đưa lính đến đàn áp. Kết quả 3 trong 4 cánh đã bị chúng chặn lại, chỉ còn cánh Ngô Xá, Linh Yên, Chợ Cạn tập trung khoảng 600 người kéo đến gặp dân biểu Phan Triệu Khanh, đưa bản yêu sách gồm 10 điểm:

1. Bỏ thuế thân; giảm bớt thuế điền thổ và bỏ bách phân phụ thu.
2. Bỏ ruộng lương điền cấp cho lính (tăng lương cho lính để bù vào).
3. Bỏ chế độ tư ích và bỏ lệ bắt dân canh đêm, canh ngày.
4. Bỏ hay giảm thuế chợ, thuế ghe đò.
5. Bỏ độc quyền muối, thuốc lá, rượu.
6. Dân được hưởng những quyền tự do dân chủ, tự do hội họp, tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do nghiệp đoàn.
7. Phổ thông đầu phiếu và sửa đổi lại danh sách cử tri.
8. Lập thêm trường học, nhà thương, các cơ quan bảo vệ mùa màng.
9. Tổng ân xá tù chính trị.
10. Sửa lại chế độ nhà lao, bỏ lệ chia tù chính trị thành hai hạng.

Hai đại biểu đại diện cho quần chúng biểu tình gặp Phan Triệu Khanh. Phan Triệu Khanh nhận bản yêu sách

và chấp nhận để ông Hồ Thâm thay mặt quần chúng trong phủ hằng ngày làm việc với dân biểu Phan Triệu Khanh.

Cũng trong thời gian này, nhiều cuộc biểu tình diễn ra ở Hải Lăng kéo lên tỉnh đòi chính quyền cứu đói và hoãn thuế.

Sau cuộc biểu tình, chính quyền thực dân, phong kiến ở địa phương hoảng sợ. Chúng tăng cường bắt bớ, hăm dọa những người biểu tình. Chúng bắt và kết án 8 người, trong đó có đồng chí Hồ Thâm và Nguyễn Quang Duân.

Trước áp lực của quần chúng và của dư luận báo chí, dân biểu Phan Triệu Khanh phải lên tiếng trước Viện Dân biểu Trung Kỳ họp hằng năm vào tháng 11. Phan Triệu Khanh đã phản đối nhà cầm quyền kết án những cựu tù chính trị đến nhà ông, lấy có những người này “Đi không xin phép lý trưởng”. Phan Triệu Khanh tuyên bố trước Viện Dân biểu: “Nếu nhà nước không ân xá cho mấy người bị án nói trên thì tôi xin từ chức dân biểu để tạ cái lòng tín nhiệm của dân chúng đối với tôi, chứ không nỡ lòng nào ngồi yên để những người tín nhiệm mình, vì mình mà phải chịu trừng phạt”.

Song song với các cuộc đấu tranh đòi giảm thuế, hoãn thuế, đấu tranh bầu cử nghị viên vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, Tỉnh ủy đã chủ trương cho các cấp ủy (phủ, huyện và cơ sở) “phải đấu tranh cho dân làng có quyền kiểm soát công việc trong làng, lập hương ước, định chương trình giao cho hương lý thi hành, tranh đấu đề cử các đại biểu”¹.

1. Trích báo *Tranh Đấu*, số 3.

Thực hiện chủ trương đó, quần chúng nhân dân ở nhiều làng, tổng dưới sự chỉ đạo của cán bộ, đảng viên đấu tranh đòi dân chủ hoá bộ máy hương lý; chống phù thu lạm bổ; chống nạn ăn hối lộ và thái độ hách dịch của cường hào; chống tệ biểu xôi, thịt; vận động bãi trừ mê tín, dị đoan, tổ chức phong trào thể dục - thể thao.

Trong phong trào đấu tranh đòi cải cách dân chủ ở hương thôn, nhiều nơi dân đã lập được hương ước, quy định quyền hạn của dân được tham gia quyết định việc làng, sửa đổi hoặc bãi bỏ được một số tục lệ hủ bại trong làng. Một số nơi dân đấu tranh đưa những người tốt ra làm việc làng, vào các bộ máy hương lý do thực dân, phong kiến lập ra.

Cuộc vận động cải cách dân chủ ở nông thôn do Đảng bộ tỉnh phát động thực sự trở thành phong trào quần chúng vì đã đưa lại quyền lợi thiết thực cho người nông dân. Mặt trận đoàn kết ở nông thôn được mở rộng, thế lực của phong kiến bị đẩy lùi một bước. Qua phong trào đấu tranh, nông dân đã giành lại một phần quyền lợi ruộng đất như ở Ngô Xá (Triệu Phong), nông dân đã buộc chính quyền địa phương phải chia lại công điền, mỗi suất đình được chia thêm một sào 5 thước ruộng; ở Huỳnh Công mỗi suất đình được chia thêm 2 thước ruộng; ở Quảng Xá lần đầu tiên phụ nữ được chia ruộng như nam giới... Đây là một thắng lợi có ý nghĩa lớn lao đối với nông dân; chứng minh rằng chỉ có đi theo Đảng, đấu tranh của nông dân mới giành thắng lợi.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Đảng còn quan tâm đến việc nâng cao dân trí cho nhân dân. Cuối năm 1937,

Đảng chủ trương phát động phong trào truyền bá chữ quốc ngữ nhằm giúp nhân dân lao động thoát nạn mù chữ, để đọc được sách báo, nâng cao hiểu biết về chính trị và cách mạng. Hội truyền bá quốc ngữ trong toàn quốc do cụ Nguyễn Văn Tố làm Hội trưởng đã chủ trương:

“1. Mở các lớp học cho tất cả mọi người không biết chữ, không thu học phí.

2. In sách cho người học không thu tiền”¹.

Hưởng ứng phong trào truyền bá quốc ngữ do Đảng phát động, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, nhân dân khắp nơi trong tỉnh tích cực thực hiện. Nhiều hội truyền bá chữ quốc ngữ ở các địa phương thành lập.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Đảng và tinh thần hiếu học của nhân dân, hoạt động hăng hái của cán bộ, đảng viên, các nhà giáo, thanh niên học sinh ở các phủ, huyện, thị xã, phong trào truyền bá chữ quốc ngữ nhanh chóng trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Các lớp dạy chữ quốc ngữ đã được tổ chức ở nhiều nơi để dạy cho những người chưa biết chữ, nhất là phụ nữ. Mặc dù bị chính quyền thống trị tìm cách ngăn chặn, hạn chế, hội truyền bá chữ quốc ngữ vẫn phát triển mạnh mẽ, nhiều người có trình độ văn hoá đã tự nguyện tham gia hoạt động cho hội. Số người đi học ngày càng đông. Nhiều người nghèo khổ, thất học, sau khi tham gia các lớp học đã biết đọc, biết viết. Các lớp học chữ quốc ngữ cũng là nơi truyền

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng (1920-1945)*, Sđd, t.I, tr.445.

bá các loại báo chí của Đảng như tờ *Dân Chúng* (Cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng), tờ *Tranh Đấu* (Cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ Quảng Trị) và các tờ báo khác như *Nhành Lúa*, *Dân* (xuất bản ở thành phố Huế), làm cho quần chúng hiểu thêm về chủ trương, đường lối của Đảng và Đảng bộ tỉnh. Ngoài các tờ báo công khai, nhiều đảng viên và đoàn viên thanh niên trong tỉnh còn tìm đọc các cuốn *Vấn đề dân cày*, *Chủ nghĩa mácxít phổ thông* (của Hải Triều), thơ của Tố Hữu...

Đoàn Thanh niên dân chủ Quảng Trị dựa vào phong trào truyền bá chữ quốc ngữ để mở các đại lý bán sách báo ở thị xã Quảng Trị, một số thị trấn và một số chợ: chợ Sãi, chợ Ngô Xá, chợ Cạn, chợ Chùa... Số tiền “hoa hồng” thu được ở các đại lý bán sách báo cho vào quỹ ủng hộ các tờ báo tiến bộ. Có nơi như ở Hải Lăng đã lập ra nhóm nghiên cứu mácxít.

Để tăng cường bóc lột nhân dân ta, từ đầu năm 1938, thực dân Pháp thi hành chính sách tăng thuế. Tháng 9/1938, tại cuộc họp thường kỳ hằng năm của Viện Dân biểu Trung Kỳ, Khâm sứ Trung Kỳ đưa ra dự án tăng thuế và buộc Viện Dân biểu thông qua. Mượn tiếng là cải cách nhưng thực chất của dự án này là nhằm tăng thuế đánh vào người nghèo và tầng lớp trung sản, nhưng lại đánh thuế nhẹ với người giàu. Theo dự án mới mà chính quyền thống trị Pháp và Nam triều đưa ra và thúc ép Viện Dân biểu Trung Kỳ phải chấp nhận thì các loại thuế như thuế thân, thuế môn bài, thuế điền thổ đều tăng cao so với trước.

Dự án luật thuế mới là một đòn nặng đánh vào đời sống vật chất của các tầng lớp nhân dân. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống dự án tăng thuế, bằng biện pháp đưa dự án thuế mới của Chính quyền thống trị ra thảo luận trong các cuộc họp của dân làng. Trên cơ sở đó, vận động quần chúng nêu yêu sách phản đối dự án thuế mới. Các Ủy viên Tỉnh ủy chia nhau về các địa phương vận động quần chúng đấu tranh chống thuế. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy¹ cùng với đồng chí Hồ Xuân Lưu, Ủy viên Tỉnh ủy về Cam Lộ chỉ đạo phong trào chống dự án thuế mới. Tháng 5/1938, đồng chí Lê Duẩn đã về các chợ ở Cam Lộ, trực tiếp nói chuyện với nhân dân, kêu gọi quần chúng đòi nhà cầm quyền bãi bỏ dự án thuế mới. Phong trào phản đối dự án thuế mới ở Quảng Trị phát triển mạnh mẽ, có một số nơi lôi kéo cả chánh tổng, lý tổng cùng ký tên vào bản phản đối dự án thuế mới.

Ở Triệu Phong, ngày 07/4/1938, nhân dân làng An Tiêm đã thông qua bản yêu sách đòi bãi bỏ dự án thuế mới gửi cho dân biểu Phan Triệu Khanh, yêu cầu Phan Triệu Khanh phải chuyển đến Viện Dân biểu Trung Kỳ và Chính phủ.

Hưởng ứng phong trào chống dự án thuế mới và cuộc vận động “Phòng thủ Đông Dương” của Trung ương Đảng,

1. Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ thành lập vào tháng 3/1937, đồng chí Nguyễn Chí Diểu làm Bí thư, đến tháng 9/1937, đồng chí Lê Duẩn lên thay. Tháng 3/1938, Xứ ủy Trung Kỳ chính thức lập lại, đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư.

ngày 17/10/1938, tại phủ Vĩnh Linh, 2.000 nông dân biểu tình, trưng băng có ghi những khẩu hiệu:

- Phản đối cưỡng bức tăng thuế điền thổ.
- Ban bố các quyền tự do dân chủ.
- Ủng hộ cuộc phòng thủ Đông Dương.
- Nới rộng quyền hạn của Viện Dân biểu.
- Đại xá chính trị phạm.
- Mặt trận Dân chủ Đông Dương muôn năm!

Viên tri phủ phải chấp nhận các yêu sách của đoàn biểu tình¹.

Ngày 03/11/1938, hơn 1.000 nông dân Triệu Phong biểu tình kéo đến nhà dân biểu Phan Triệu Khanh. Đoàn biểu tình cử đại biểu vào chất vấn ông, sau đó đọc bản yêu sách nhờ ông chuyển lên Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương đòi:

- Trả quyền tự do xuất bản cho báo *Dân* và báo *Tin tức*.
- Thả những người bị bắt trong lúc biểu tình và hội họp vừa qua.

- Hủy bỏ các loại thuế thân, thuế đoan, thuế chợ. Phản đối bắt dân uống rượu và hủy bỏ dự án tăng thuế mới.

- Ủng hộ phòng thủ Đông Dương.

Nhờ tinh thần kiên quyết đấu tranh của nông dân Triệu Phong, một đại biểu và 22 cựu tù chính trị bị bắt đã được trả tự do ngay trong ngày hôm đó.

1. Xem Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng (1920-1945)*, Sđd, t.I, tr.460-461.

Ngày 04/11/1938, gần 1.000 người ở vùng chợ Phiên, Cam Lộ, biểu tình trưng băng có ghi những khẩu hiệu và đưa yêu sách lên Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương đòi hoãn, giảm thuế, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh.

Chính quyền thống trị ở Cam Lộ cho lực lượng đến khủng bố, bắt một số người tham gia biểu tình, tịch thu các băng khẩu hiệu. Quần chúng tham gia biểu tình kiên quyết đấu tranh phản đối, buộc chúng phải trả tự do cho những người bị bắt.

Hòa nhịp với phong trào đấu tranh của nhân dân ở bên ngoài, tại nhà lao Quảng Trị và nhà đày Lao Bảo, phong trào đấu tranh của các chiến sĩ cách mạng đang bị đế quốc giam giữ cũng lên mạnh. Ngày 01/5/1936, toàn thể các trại giam ở Lao Bảo, anh em tù đều tuyên bố đình công, đưa yêu sách đòi thực hiện đúng mọi chế độ của tù chính trị. Cuộc đấu tranh đã làm cho những tên cai, xếp ngục lúng túng, chưa biết đối phó bằng cách nào, vì chưa hiểu rõ chủ trương của Mặt trận Nhân dân Pháp. Sau một thời gian đấu tranh và lợi dụng ảnh hưởng của Mặt trận Nhân dân, anh em tù chính trị cũng như tù thường đều tự động tháo cùm, xiềng, gông. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi. Mọi yêu sách của tù nhân đưa ra đều được nhượng bộ, giải quyết.

Ngày 02/7/1938, anh em tù chính trị tại nhà lao Quảng Trị đấu tranh bằng hình thức làm reo, đình công để phản đối chế độ lao tù hà khắc, vạch mặt nhà thầu nấu cơm đã bớt xén khẩu phần của tù nhân. Hai ngày 08 và 09/7/1938, tù nhân lại tiếp tục đấu tranh bằng cách tuyệt

thực để đòi bọn cai, xếp phải tăng đủ khẩu phần ăn hằng ngày của người tù. Cuộc đấu tranh đã buộc cai ngục phải nhượng bộ, phạt chủ thầu, tăng đủ tiêu chuẩn ăn hằng ngày cho tù nhân.

Ở nhà đày Lao Bảo, cuộc đấu tranh của tù nhân kéo dài từ ngày 11 đến ngày 16/7/1938 với các yêu cầu:

- Không được đánh đập tù nhân.
- Cho tù nhân hút thuốc lá.
- Mỗi ngày tù nhân chỉ làm việc 6 giờ.
- Cho rau trong mỗi bữa ăn và phải kiểm tra thức ăn trước khi cho tù nhân ăn.
- Chiều thứ bảy cho tù nhân nghỉ để tắm.
- Ngày 14/7 và ngày 01/01, tù nhân được nghỉ và có chế độ ăn khá hơn bình thường.
- Lúc trời mưa, không bắt tù nhân đi làm.

Cuộc đấu tranh của tù chính trị Lao Bảo đã buộc cai ngục phải giải quyết một số yêu sách do tù nhân nêu ra.

Trong năm 1938, phong trào cách mạng ở Quảng Trị có bước phát triển mới. Mặc dù bị địch khủng bố, đàn áp, phong trào đấu tranh vẫn được duy trì ở các địa bàn trong tỉnh. Số lượng đảng viên của Đảng bộ phát triển tăng gấp đôi so với năm 1937. Toàn tỉnh có 40 chi bộ với trên 200 đảng viên (chưa kể số đảng viên đã bị địch bắt, bị giam trong các nhà tù).

Trước những biến động dồn dập của thời cuộc ở châu Âu và châu Á, đặc biệt ở Pháp và Đông Dương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị toàn thể vào tháng 3/1938. Khẳng định những thắng lợi đã giành được,

Hội nghị nêu rõ: Phong trào nông dân đã “có giác ngộ quyền lợi rõ ràng sâu sắc hơn và ủng hộ Mặt trận Bình dân bằng các hoạt động, chiến đấu cương quyết hơn”, phần nhiều các cuộc đấu tranh “có tính tổ chức, có khẩu hiệu rõ rệt”. Điểm nổi bật là “trong phong trào dân chúng vừa qua, Đảng Cộng sản đại khái đã chiếm được địa vị ưu thắng và cũng nhờ vậy mà các khẩu hiệu cũng phần nhiều được giải quyết một cách mỹ mãn”. Hội nghị phê phán những lệch lạc hữu khuynh và tả khuynh trong Đảng và quyết định củng cố các tổ chức đảng, đẩy mạnh công tác bí mật kết hợp với công tác công khai, tăng cường cảnh giác với kẻ thù.

Thắng lợi của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Quảng Trị nói riêng, trên phạm vi cả nước nói chung đã làm cho chính quyền thuộc địa rất căm tức, đồng thời cũng làm cho chúng lo sợ. Đầu năm 1938, khi Đaladiê (Daladier) lên cầm quyền, Chính phủ Pháp ngày càng nghiêng về phái hữu, đề ra nhiều chính sách bóc lột như tăng thuế, bắt nhân dân mua công trái, khủng bố những người tham gia các cuộc biểu tình, đấu tranh.

Trên thế giới, hiểm họa phát xít ngày càng đến gần sau khi Anh, Pháp ký Hiệp ước Munich ngày 30/9/1938 với nước Đức phát xít. Trước tình hình đó, ngày 29/10/1938, Đảng đã ra bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*. Bản Tuyên ngôn chỉ rõ: “Tình hình thế giới ngày nay đã tới thời kỳ đặc biệt nghiêm trọng, ngòi lửa chiến tranh xâm lược do phát xít gây ra đã cháy rải rác khắp thế giới, sự chia lại thị trường đã thực

hiện từng bộ phận ở Phi châu, Á châu và Âu châu... chánh sách xâm lược của Nhật ở Trung Quốc mà nhất là Hoa Nam càng làm trực tiếp hăm dọa xứ Đông Dương”¹. Tuyên ngôn trình bày rõ quan điểm, lập trường của Đảng về “Sự phòng thủ Đông Dương” và kêu gọi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái dân chủ của người Việt Nam và của người nước ngoài ở Đông Dương đoàn kết chặt chẽ chung quanh Mặt trận Dân chủ để đấu tranh cho công cuộc phòng thủ Đông Dương.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy đã mở Hội nghị tại làng Di Hoà (Triệu Phong) để đánh giá tình hình thời gian qua, đề ra các biện pháp thực hiện cuộc vận động phòng thủ Đông Dương. Hội nghị quyết định mở rộng, phát triển các tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ, đòi cải thiện dân sinh, củng cố các chi bộ và các huyện ủy.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Phủ ủy Triệu Phong đã triệu tập hội nghị tại nhà ông Bộ Cầu (Gia Đẳng), bàn chuyên đề về tổ chức cuộc biểu tình chống thuế với quy mô toàn phủ. Nội dung bản yêu sách của cuộc biểu tình đã được hội nghị Phủ ủy thông qua gồm 9 điểm:

- Đòi hoãn thuế đến cuối 1939.
- Đòi hủy bỏ thuế thân.
- Giảm và bỏ các thuế đoan, thuế chợ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.6, tr.431-432.

- Phản đối việc chính phủ bắt dân uống rượu.
- Đòi mở rộng các quyền tự do dân chủ.
- Đòi được tự do hội họp, tự do lập hội, tự do nghiệp đoàn.
- Đòi được tự do biểu tình.
- Đòi được tự do ngôn luận.
- Đòi thả tù chính trị.

Kế hoạch và nội dung yêu sách của cuộc biểu tình được hội nghị Phủ ủy vạch ra một cách chu đáo và giữ được bí mật cho đến phút cuối. Kết quả toàn Phủ đã huy động được khoảng 3.000 người - đại biểu của các tầng lớp nhân dân đến tập trung tại Bồ Bản đúng theo ngày giờ quy định, trong đó có nhiều người ở cách sông, xa địa điểm tập trung 15-20 km vẫn đến kịp giờ xuất phát.

Đoàn biểu tình xếp hàng ba, với đội ngũ chỉnh tề, từ địa điểm tập trung kéo đến nhà dân biểu Phan Triệu Khanh (làng Giáo Liêm). Khi đoàn biểu tình đến, Phan Triệu Khanh ra tiếp, đại biểu đoàn biểu tình tiến lên gặp và đọc bản yêu sách. Sau khi đọc xong, vị đại biểu đề nghị ông dân biểu phải chuyển bản yêu sách lên Viện Dân biểu Trung Kỳ và Chính phủ.

Được tay sai cấp báo, Tuần vũ Quảng Trị cho 3 ô tô chở 50 lính khố xanh do Đội Bá chỉ huy về cùng với Tri phủ Hồ Võ Tánh đàn áp, giải tán cuộc biểu tình. Mười người¹

1. Nguyễn Quang Duân, Nguyễn Kèn, Nguyễn Bá (Ngô Xá), Trần Thừa (Xuân Yên), Nguyễn Mạnh (Bích La), Nguyễn Báo, Phan Du (Hà My, Chợ Cạn), Nguyễn Huyền (Vệ Nghĩa), Trần Hỷ (Thượng Trạch)...

tham gia cuộc biểu tình bị chúng bắt. Tuy phong trào ở Triệu Phong bị đàn áp, gặp một số khó khăn, song phong trào cách mạng ở các nơi khác vẫn được duy trì.

Bước vào năm 1939, tình hình ở châu Âu và châu Á càng thêm căng thẳng. Lợi dụng tình hình ở Pháp, chính quyền phản động thuộc địa ra sức bóp nghẹt tự do dân chủ. Chúng mở cuộc đàn áp báo chí cách mạng, tiến bộ, đầu tiên là đóng cửa báo *Dân Chúng* vào ngày 07/3/1939. Trung ương Đảng liền ra *Thông cáo* khẩn cấp ngày 10/3/1939, tố cáo chính quyền thực dân khủng bố, kêu gọi các Đảng bộ tổ chức mítting quần chúng ủng hộ Đảng và tờ báo *Dân Chúng*.

Thực hiện Thông cáo khẩn cấp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân ngày Quốc tế Lao động 01/5/1939, Đảng bộ đã phát động quần chúng tổ chức mítting, biểu tình, diễn thuyết, bãi thị ở nhiều nơi nhằm phản đối sự khủng bố của Chính phủ Pháp, biểu dương lực lượng của quần chúng ủng hộ Đảng và báo *Dân Chúng*, chuẩn bị đối phó với tình hình mới.

Nhân kỷ niệm lần thứ 150 Quốc khánh của nước Pháp (14/7/1789 - 14/7/1939), Đảng chủ trương biểu dương lực lượng bằng hình thức mítting biểu tình hợp pháp để tập hợp quần chúng tỏ rõ thái độ của nhân dân ta đối với thời cuộc.

Tại Vĩnh Linh, hàng nghìn quần chúng dưới sự lãnh đạo của Phủ ủy, đã tập trung tại đồn điền Loa Di, kéo lên công đường phủ Vĩnh Linh. Đoàn biểu tình vừa đi vừa hô khẩu hiệu:

- Tinh thần Cách mạng Pháp muôn năm!
- Ban hành tự do dân chủ!
- Đại xá chính trị phạm!
- Đả đảo tri phủ Trần Mậu Trinh gian ác!

Đoàn biểu tình kéo đi được một đoạn thì con trai của viên tri phủ Trần Mậu Trinh đem lính khố xanh đến đàn áp. Trong cuộc xô xát đó, quần chúng biểu tình đã bắt trói con trai của Trinh đem nhốt tại trụ sở đồn điền Loa Di, buộc Trần Mậu Trinh phải đích thân đến xin lỗi và thả đứa con của hắn ra. Cuộc đấu tranh của nhân dân Vĩnh Linh đã hạ uy thế của tên Trần Mậu Trinh gian ác.

Ở chợ Phiên (Cam Lộ), dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, nhân dân đã căng băng, dán biểu ngữ đúng vào ngày 14/7 với nội dung khẩu hiệu:

- Tinh thần Cách mạng Pháp muôn năm!
- Ủng hộ phòng thủ Đông Dương!
- Chống phát xít, nhất là phát xít Nhật.
- Thẳng tay trừng trị bọn thân Nhật.
- Chống khủng bố!

Trước những biến chuyển nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, tháng 8/1939, Tỉnh ủy quyết định triệu tập hội nghị cán bộ. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ đã về dự. Hội nghị nhận định tình hình thế giới đang chuyển biến phức tạp và quyết định toàn Đảng bộ phải ra sức củng cố các cơ sở bí mật của Đảng, nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, khi kẻ thù trở mặt. Hội nghị quyết định cán bộ cốt cán của tỉnh, của huyện, thị phải thoát ly hoạt động và cử đồng chí Nguyễn Vức (làng

Đại Áng) làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Mạnh Quỳnh được Trung ương điều lên Xứ ủy Trung Kỳ.

* *
*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trong gần 4 năm (1936-1939) hoạt động công khai, hợp pháp và bí mật, mà đỉnh cao là trong 2 năm 1937-1938, phong trào cách mạng ở Quảng Trị đã thu hút các tầng lớp nhân dân hăng hái xuống đường mítting, biểu tình rầm rộ, đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ chống phát xít gây chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế chuyển biến thuận lợi, tạo điều kiện cho cách mạng Việt Nam phát triển, Đảng bộ Quảng Trị đã nhận được sự lãnh đạo và chỉ đạo của Xứ ủy, trực tiếp là đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy. Đồng chí không chỉ đến các địa phương vận động, giác ngộ quần chúng; giáo dục, phổ biến đường lối, chủ trương mới của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương cho cán bộ, đảng viên, mà còn thường xuyên góp ý sát đúng, kịp thời về phong trào cách mạng trong tỉnh, nhất là về việc kết hợp giữa phát động quần chúng đấu tranh với công tác xây dựng thực lực cách mạng, xây dựng Đảng bộ.

Nhờ đó, từ ngày Đảng Cộng sản Đông Dương có chủ trương chuyển hướng đấu tranh, thành lập Mặt trận Dân chủ, Đảng bộ Quảng Trị đã tiếp thu được các chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng và vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương kịp thời và sáng tạo, đã đề ra được các hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú,

linh hoạt: kết hợp đấu tranh hợp pháp với đấu tranh không hợp pháp, kết hợp đấu tranh ở địa phương với đấu tranh ở nghị trường, kết hợp phong trào đấu tranh ở nông thôn với phong trào đấu tranh ở thành thị; mặt khác, các khẩu hiệu hành động nêu ra sát với thực tế, đi đúng nguyện vọng của nhân dân nên đã hiệu triệu và tập hợp được đông đảo nhân dân (có lúc đông đến hàng vạn người) xuống đường biểu tình, mítting chống bọn phản động thuộc địa, phản đối âm mưu gây chiến của đế quốc phát xít; đòi tự do, dân chủ, đòi cải thiện đời sống...

Phong trào cách mạng Quảng Trị trong thời kỳ 1936-1939 thực sự là một cao trào có tính chất dân chủ rộng rãi, ngoài công nhân và nông dân là đội quân chủ lực, phong trào đã thu hút học sinh, giáo viên, các tầng lớp tiểu tư sản (kể cả tư sản, địa chủ tiến bộ) đồng tình ủng hộ - đưa cuộc vận động cách mạng từ cuối năm 1936 đến giữa năm 1939 phát triển liên tục, mạnh mẽ cả bề rộng và bề sâu, cao hơn cả phong trào cách mạng 1930-1935 về quy mô và số cuộc mítting, biểu tình, về số lượng người tham gia, về nội dung khẩu hiệu hành động.

Nhìn vào nông thôn, chủ yếu là đồng bằng, thời kỳ 1936-1939, tuy không có những cuộc biểu tình lưu huyết, nhưng phong trào nông dân lúc này nổ ra rộng rãi, có nơi xảy ra đấu tranh giành cơ ở huyện, ở tỉnh, có nơi xảy ra đấu tranh gay gắt với hương lý, cường hào và là nòng cốt cho cuộc đấu tranh chung. Với tinh thần cách mạng sẵn có, lại được tuyên truyền công khai và thường xuyên nên các cuộc biểu tình lên thị xã, phủ, huyện lỵ đấu tranh, đưa

kiến nghị, đòi yêu sách đã thúc đẩy phong trào thành thị phát triển. Mặt trận Dân chủ nhờ vậy đã được hình thành rộng rãi. Đó là thắng lợi cơ bản để duy trì và phát động phong trào, nâng cao giác ngộ chính trị và tập dượt quần chúng đấu tranh. Khi Mặt trận Nhân dân Pháp không còn nữa, sự liên minh của đông đảo các tầng lớp nhân dân vẫn được duy trì và phát huy tác dụng trong các thời kỳ cách mạng sau. Đó là một thành tích lớn của Đảng bộ Quảng Trị trong vận dụng sách lược của Đảng thời kỳ Mặt trận Dân chủ, lôi kéo các tầng lớp nhân dân vào một mặt trận đấu tranh rộng rãi lấy công nông làm cơ sở.

Phong trào cách mạng thời kỳ 1936-1939 được phát động chủ yếu là do công lao rất lớn của các chiến sĩ cách mạng trong thời kỳ 1930-1935 mà trước hết là công lao của toàn Đảng bộ Quảng Trị, được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy.

Thực ra, nếu hệ thống Đảng bộ không nhanh chóng phục hồi, thiếu sự lãnh đạo của Xứ ủy, thì phong trào có thể bị hạn chế. Cũng như nếu không có sự hoạt động của các cựu tù chính trị cuối năm 1936 thì khó có những cuộc đấu tranh rộng lớn trong suốt thời kỳ 1936-1939.

Tuy nhiên, nhận thức và lãnh đạo của Đảng bộ trong thời kỳ này cũng bộc lộ nhiều nhược điểm, khuyết điểm, nhất là về mặt xây dựng Đảng. Việc kết nạp đảng viên chưa chú trọng đúng mức đến thành phần cơ bản, nhất là đối với công nhân. Thủ tục kết nạp đảng viên chưa đúng theo Điều lệ Đảng quy định. Về tổ chức đảng, tuy hiểu theo đúng nguyên tắc bí mật nhưng thực tế khi hoạt động bị lộ nhiều, còn công khai hoá; lề lối làm việc còn luộm

thuộm; mặt khác, cũng có một số ít người trong thời kỳ này còn thiên về hoạt động bí mật, bất hợp pháp...

Mặc dù có những nhược điểm, nhưng phong trào cách mạng trong tỉnh thời kỳ 1936-1939 đã nhanh chóng khôi phục lại hệ thống Đảng bộ từ trên xuống dưới, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân trong một mặt trận dân chủ rộng rãi, với sự liên minh công nông bền vững, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh bằng nhiều hình thức, thống nhất hành động của nhiều lớp người và nhiều vấn đề quan trọng. Những điều đó chứng tỏ sự lớn mạnh nhanh chóng về số lượng và chất lượng, về trình độ lý luận và hoạt động thực tiễn của Đảng bộ.

Thắng lợi của Đảng bộ trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ đã chuẩn bị thiết thực cho giai đoạn lịch sử sắp đến, khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Sau khi hệ thống Đảng bộ được khôi phục, đồng chí Lê Duẩn đã có những chủ trương, chỉ thị và kế hoạch chống khủng bố, đề phòng khiêu khích cũng như nhiều vấn đề khác cho Tỉnh ủy và cán bộ lãnh đạo các huyện.

Khi địch tăng cường khủng bố, tháng 8/1939, Tỉnh ủy họp để nhận định tình hình thế giới, trong nước và ra nghị quyết chuyển hướng hoạt động của Đảng vào bí mật, chuyển cơ quan Tỉnh ủy từ Long Hưng (Hải Lăng) về Hà Xá (Triệu Phong), quyết định cán bộ chủ chốt tỉnh, huyện phải thoát ly không để sa vào tay địch.

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, hoạt động của Đảng bộ bước sang thời kỳ mới - thời kỳ chuyển hướng hoạt động của Đảng bộ vào bí mật, chuẩn bị điều kiện cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-3/1945)

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Ngày 01/9/1939, phát xít Đức tiến công xâm lược Ba Lan, mở màn cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Lợi dụng tình thế chiến tranh, Chính phủ Đaladiê thi hành hàng loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận Nhân dân Pháp tan vỡ. Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

Ngay từ đầu, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã tác động trực tiếp đến nước ta. Sau khi lâm vào vòng chiến, thực dân Pháp và tay sai xóa bỏ mọi quyền dân sinh, dân chủ tối thiểu mà nhân dân ta đã giành được trong thời kỳ 1936-1939. Chúng ban hành lệnh “tổng động viên”, thực

hiện cái gọi là chính sách “kinh tế chỉ huy”, ra sức bắt người, cướp của để cung cấp cho cuộc chiến tranh đế quốc, tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng mà mũi nhọn tấn công là nhằm vào Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức quần chúng do Đảng tổ chức, lãnh đạo.

Dự báo đúng tình hình, ngày 28/9/1939, Trung ương Đảng đã có *Thông cáo* định hướng tư tưởng và những công tác cấp bách trong việc chuyển hướng trên các mặt trận chính trị, tổ chức và đấu tranh. Trung ương nhấn mạnh: Hiện thời tình hình quốc tế đã cho chúng ta thấy rõ vấn đề dân tộc giải phóng sẽ đến chỗ kết quả, thế thì chúng ta còn dại gì mà chui vào nhà tù. Vậy thời gian cấp tốc này các đồng chí nhận rõ nhiệm vụ mình phải hy sinh tất cả những việc cá nhân tư lợi, bỏ những do dự, rụt rè, đem hết năng lực mình cho tròn phận sự.

Hơn một tháng sau, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập hội nghị tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) vào tháng 11/1939. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ thực dân Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng dân tộc... tất cả mọi vấn đề cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết¹. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu tịch ký

1. Xem *Văn kiện Đảng 1930-1945*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1978, t.III, tr.55, 56, 58.

ruộng đất của thực dân Pháp và của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chia cho dân cày nghèo. Để tập trung lực lượng đánh đổ chính quyền thực dân và tay sai, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, dựa trên cơ sở liên minh công nông là hai lực lượng chính của cách mạng để đoàn kết tất cả các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc ở Đông Dương, chĩa mũi nhọn của cách mạng vào kẻ thù chủ yếu của dân tộc là chủ nghĩa đế quốc và tay sai của chúng.

Hội nghị đề ra những chủ trương, biện pháp củng cố Đảng về mọi mặt nhằm khẳng định và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh: “Trong thời giờ nghiêm trọng này, trong lúc phong trào cách mạng đương sắp phát triển hết sức to rộng và sắp bước vào thời kỳ quyết liệt thì Đảng ta nhất định phải thống nhất ý chí lại thành một ý chí duy nhất, một mà thôi. Hành động nhất định phải thống nhất trên dưới khăng khít như một, phải theo nguyên tắc, phải có kỷ luật, các đồng chí từ Trung ương đến chi bộ phải liên lạc mật thiết, kết chặt lại như một người, như một tảng đá”¹.

Hội nghị Trung ương Đảng (tháng 11/1939) có ý nghĩa quan trọng về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đáp ứng yêu cầu bức thiết của thời kỳ chiến tranh và cách mạng, soi sáng cho phương hướng và hành động của Đảng bộ Quảng Trị trong thời kỳ cách mạng mới.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.6, tr.556.

II. CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC, DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG

Thực hiện chủ trương đề phòng khủng bố và chủ trương cán bộ các cấp phải thoát ly, không để địch bắt, các đồng chí trong Tỉnh ủy đều thoát ly lên miền núi hoạt động, trừ đồng chí Nguyễn Vức không thoát ly nên đã bị địch bắt (tháng 11/1939). Cơ quan Tỉnh ủy đóng tại nhà đồng chí Nguyễn Khuồi (Tấn Phước, Triệu Phong). Các đồng chí trong Tỉnh ủy đã phân công địa bàn hoạt động và tiếp tục gây dựng cơ sở ở đồng bằng. Đây là một chủ trương đúng mà Quảng Trị thực hiện có hiệu quả.

Đầu tháng 12/1939, Hội nghị cán bộ Tỉnh ủy được tổ chức tại trại làm gỗ Khe Đào (Làng An, xã Triệu Nguyên, Triệu Phong)¹. Trong 3 ngày làm việc, Hội nghị đã tập trung đánh giá tình hình Đảng bộ và cơ sở quần chúng từ sau đợt khủng bố của địch vào tháng 9/1939 và quyết định:

- Chuyển toàn bộ tổ chức của Đảng và các đoàn thể nhân dân vào hoạt động bí mật, bất hợp pháp.

- củng cố lại Tỉnh ủy gồm các đồng chí: Hoàng Thị Ái, Trần Hữu Dực, Hồ Xuân Lưu, Trần Mạnh Quý, Lê Chuông, Trương Hoàn, Hồ Tỵ.

Cử đồng chí Hồ Xuân Lưu làm Bí thư Tỉnh ủy.

1. Hội nghị được quần chúng trong tổ chức Lam Sơn tương tế và gia đình bà Hồ Thị Huyền (mẹ anh Đoàn Thí) bảo vệ, giúp đỡ mọi mặt ăn, ở... một cách chu đáo.

Tỉnh ủy phân công cán bộ trở về đồng bằng bám trụ địa bàn hoạt động gồm: Trần Mạnh Quý, Trần Hữu Dực về Teng Teng, Trám, vùng Hải Phú; Lê Chuông về Tân Phổ, Hà Xá, Vĩnh Phước; Hồ Xuân Lưu, Trương Hoàn về Trầm Sắn, Trọt Tre; Hoàng Thị Ái, Hồ Tỵ ở lại Làng An, chuẩn bị địa điểm đặt cơ quan ẩn lốt, mua sắm dụng cụ, nguyên vật liệu in tài liệu của Đảng bộ.

Sự chuyển hướng hoạt động bí mật là một ưu điểm lớn của Đảng bộ tỉnh. Nhờ đó hệ thống lãnh đạo của tỉnh được xây dựng lại, cơ sở cách mạng trong tỉnh tránh được tổn thất.

Cuộc họp vừa xong, cán bộ vừa được bố trí đi các địa phương thì nhận được thư của đồng chí Bùi San triệu tập một số đồng chí trong Tỉnh ủy vào Huế để nghe phổ biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (tháng 11/1939) và thành lập lại Xứ ủy Trung Kỳ.

Một số Tỉnh ủy viên của Tỉnh ủy Quảng Trị được bổ sung vào Xứ ủy và một số khác được Xứ ủy điều đi công tác ở một số tỉnh như đồng chí Trần Mạnh Quý ra phụ trách 2 tỉnh: Hà Tĩnh, Nghệ An; đồng chí Lê Chuông vào phụ trách thành phố Huế; các đồng chí Hoàng Thị Ái, Hồ Tỵ vào công tác tại Quảng Nam - Đà Nẵng.

Chính sách thực dân tàn bạo của chính quyền Pháp ở Đông Dương thể hiện rõ trong tuyên bố trắng trợn của Toàn quyền Catoru (J.Catroux) ngày 04/01/1940: “Chúng ta đánh toàn diện và mau chóng vào các tổ chức Cộng sản; trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt Cộng sản thì Đông Dương mới yên ổn và trung thành với nước Pháp.

Chúng ta không có quyền không thắng. Tình thế chiến tranh bắt buộc chúng ta hành động không thương tiếc”¹.

Trong tình hình đó, việc nghiêm túc thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng của Đảng bộ Quảng Trị có ý nghĩa to lớn. Đến tháng 02/1940, Tỉnh ủy Quảng Trị được củng cố lại, gồm có: đồng chí Hồ Xuân Lưu, Xứ ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí: Trần Hữu Dực, Trương Hoàn, Trần Xuân Miên. Tỉnh ủy phân công đồng chí Hồ Xuân Lưu phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo Hải Lăng, thị xã Quảng Trị; đồng chí Trần Hữu Dực phụ trách tuyên huấn và Vĩnh Linh, đồng chí Trương Hoàn phụ trách tài chính, Gio Linh và Cam Lộ; đồng chí Trần Xuân Miên phụ trách Triệu Phong.

Tháng 4/1940, đồng chí Hồ Xuân Lưu được Xứ ủy điều động đi nhận công tác khác, đồng thời chỉ định đồng chí Trần Văn Ngoạn làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị. Hai tháng sau, đồng chí Trần Văn Ngoạn ở Quy Nhơn (Bình Định) mới trở về Quảng Trị nhận nhiệm vụ. Trong thời gian này, đồng chí Trần Xuân Miên làm nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 8/1940, đồng chí Trần Văn Ngoạn được triệu tập dự Hội nghị Xứ ủy tại cửa Thuận An (thành phố Huế) và được bổ sung vào Xứ ủy, phụ trách 2 tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên và trực tiếp làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị. Tỉnh ủy Quảng Trị lúc này gồm 3 đồng chí: Trần Văn

1. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.340.

Ngoạn làm Bí thư, phụ trách Hải Lăng, Triệu Phong và Hướng Hoá; Trương Hoàn phụ trách các huyện Gio Linh, Cam Lộ; Trần Xuân Miên phụ trách Vĩnh Linh và liên lạc với Đảng bộ Quảng Bình. Cơ quan của Tỉnh ủy lúc đầu đóng ở miền núi (tây Triệu Phong), sau dời về vùng Xuân Yên, An Tiêm, Hữu Niên (Triệu Phong). Trạm liên lạc của Tỉnh ủy thường đặt ở nhà các đồng chí Nguyễn Khướu (phường Vĩnh Phước), Nguyễn Liễn (thôn Kiên Mỹ), Đỗ Du (thôn Tiên Kiên). Tỉnh ủy có bộ phận in tài liệu, truyền đơn và báo - cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ đặt ở xóm Hà, làng An Tiêm (nhà bà Thô và nhà Trùm Vọng).

Tỉnh ủy chú trọng xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng núi hai bên lưu vực sông Thạch Hãn; tổ chức cho một số cán bộ, cơ sở lập trại sản xuất, làm gỗ, làm rẫy... Cán bộ vừa tham gia lao động sản xuất, vừa hoạt động cách mạng, tìm cách tuyên truyền giác ngộ những người ở đồng bằng lên làm gỗ, đốn củi, lấy mây, qua đó bắt liên lạc với các cơ sở ở đồng bằng, miền biển, để phát triển tổ chức vào thị trấn, thị xã.

Nhờ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng và các nghị quyết của Tỉnh ủy từ cuối năm 1939 một cách nghiêm túc, kịp thời nên Đảng bộ tỉnh Quảng Trị mặc dù trải qua nhiều cuộc khủng bố của địch vào cuối năm 1939 có bị tổn thất, mất mát nhưng đến thời điểm này đã phục hồi, củng cố và phát triển cơ sở đảng khắp các phủ, huyện trong tỉnh. Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh xuống cơ sở vẫn được giữ vững. Phủ ủy Triệu Phong gồm 5 ủy viên, do đồng chí Đặng Soa làm Bí thư; Phủ ủy

Hải Lăng gồm 3 ủy viên do đồng chí Nguyễn Bá Sam làm Bí thư; Phủ ủy Vĩnh Linh gồm 5 ủy viên do đồng chí Đại Á làm Bí thư; Huyện ủy Gio Linh gồm 3 ủy viên, do đồng chí Trương Thụy làm Bí thư; Huyện ủy Cam Lộ gồm 4 ủy viên, do đồng chí Tống Đình Phương làm Bí thư; Hướng Hoá chưa thành lập được Huyện ủy, chỉ có ban cán sự hoạt động gồm 5 đồng chí, do đồng chí Đoàn Thí phụ trách.

Tính đến cuối năm 1940, toàn tỉnh có 70 chi bộ đảng, trên 400 đảng viên. Các làng có đảng viên hoặc đã lập được chi bộ đảng gồm: Nhan Biều, Xuân Yên, Thượng Trạch, Trung Yên, Ngô Xá, Vân Hoà, Phú Liêu, Bích La Đông, An Lộng, Hà My, Phú Lưu, Đại Hào, Vệ Nghĩa, Duy Hoà, Hữu Niên, Phường Ngạn, Phường Hà Xá, Kiên Mỹ, Dương Lệ Văn, Long Quang, An Lạc, Phước Mỹ, Tiền Kiên, Đại Áng, An Tiêm, Đậu Kênh, Linh Yên, Lập Thạch, Gia Đảng, Thanh Hội, Lai Phước, An Lợi, An Mô, Tân Phổ, Vĩnh Phước, Long Hưng, Đại Nại, Thượng Xá, Quy Thiện, Hội Yên, Phú Long, Thượng Lập, Quảng Xá, Thủy Tú, Huỳnh Công Đông, Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Nam, Liêm Công Tây, Liêm Công Đông, Phú Mỹ, Yên Du, Đơn Thâm, Thủy Càn, Lai Cách, Cát Sơn, Phường Quảng Xá, Trung An, An Nha, An Hướng, Tân An, Nam Đông, An Khê, Gia Bình, Võ Xá, Tân Tường, Trầm Sấn, Đông Hà...

Về tổ chức quần chúng, từ khi tiếp nhận được nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng, cán bộ, đảng viên hoạt động ở các cơ sở tích cực tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân chuyển các hình thức tổ chức

công khai như hội tương tế, ái hữu... thành các hội phản đế hoạt động bí mật như Hội Nông dân phản đế, Đoàn Thanh niên phản đế, Hội Phụ nữ phản đế. Các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh mẽ vào giữa năm 1940. Nhiều làng có Hội Nông dân phản đế, nhất là ở Triệu Phong, Vĩnh Linh. Đoàn thanh niên phản đế phát triển mạnh, riêng ở Triệu Phong, đã phát triển gần 200 đoàn viên thanh niên. Toàn tỉnh lúc này có gần 4.000 đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, trong đó nhiều nhất là ở Triệu Phong có 1.800 đoàn viên, hội viên, Vĩnh Linh có 1.300 đoàn viên, hội viên...

Song song với việc xây dựng Đảng về mặt tổ chức, Đảng bộ coi trọng về công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, quần chúng như đã lưu hành các báo và sách bí mật: Báo *Bể Xiềng sắt* (Cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương xứ Trung Kỳ); Báo *Phá Ngục* (Cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương thành phố Đà Nẵng), Báo *Cởi Ách* (Cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tỉnh Nghệ An); *Điều lệ tóm tắt của Đảng Cộng sản Đông Dương*; *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng*, *Điều lệ của các Hội phản đế*; *Các công tác chi bộ*; *Chiến tranh du kích*; *Tổ chức du kích như thế nào? Võ trang bạo động*; *Vấn đề chống xâm lược ở Đông Dương*...

Thời gian này, cuộc chiến tranh thế giới ngày càng lan rộng và ác liệt. Ở nước Pháp, chưa đầy một tháng sau khi Đức tấn công xâm lược, Pháp ký Hiệp ước đầu hàng Đức quốc xã vào ngày 22/6/1940. Đảng Cộng sản Pháp tổ chức

kháng chiến. Tướng Đờ Gôn (De Gaulle) và một bộ phận tướng lĩnh, binh sĩ ra nước ngoài xây dựng lực lượng “nước Pháp tự do” chống phát xít Đức. Trong khi chính quốc rơi vào tình thế hỗn loạn, Đông Dương đứng trước nguy cơ bị Nhật xâm chiếm, tháng 9/1940, phát xít Nhật nhảy vào chiếm đóng Đông Dương.

Thực dân Pháp đầu hàng phát xít Nhật. Từ đây, nhân dân ta phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, vừa bị Nhật thống trị, vừa bị Pháp đàn áp. Nhân dân ta quyết không khuất phục, đứng dậy đánh cả Nhật lẫn Pháp. Chỉ trong một thời gian ngắn, các cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Tháng 9/1940, nổ ra khởi nghĩa Bắc Sơn; tháng 11/1940, diễn ra cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ; tháng 01/1941, binh lính yêu nước nổi dậy đánh chiếm đồn chợ Rạng (Thanh Chương), kéo về Đô Lương, rồi tiến về Vinh.

Để hưởng ứng phong trào Bắc Sơn khởi nghĩa, đồng thời đẩy mạnh phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, ngày 20/10/1940, Tỉnh ủy họp và quyết định tổ chức rải truyền đơn với nội dung: nói rõ tình hình mới, kêu gọi toàn dân đứng lên hưởng ứng phong trào du kích Bắc Sơn, đánh đuổi phát xít Nhật, thực dân Pháp.

Thực hiện chủ trương đó, tối ngày 20/10/1940, Phủ ủy Triệu Phong tổ chức rải truyền đơn khắp toàn phủ và thị xã Quảng Trị; Huyện ủy Cam Lộ cũng tổ chức rải truyền đơn ở thị trấn Đông Hà và chợ Phiên. Ngoài các vụ rải truyền đơn, các huyện Gio Linh, Cam Lộ còn tổ chức các

cuộc tuyên truyền diễn thuyết dọc đường từ miền tây Gio Linh đến chợ Phiên (Cam Lộ). Các cuộc rải truyền đơn và diễn thuyết này đã có ảnh hưởng tốt và rất lớn trong quần chúng.

Được tin truyền đơn xuất hiện nhiều ở Quảng Trị, tên Xônhi (Sonhi), Giám đốc sở mật thám Trung Kỳ liền phái tên Porôso ra Quảng Trị mở cuộc khủng bố lớn kéo dài trong 3 tháng. Mật thám, lính khố xanh, lính lệ cùng với bọn cường hào phản động ra sức lùng sục bắt bớ khắp nơi. Chúng đặt vọng gác ở các bến đò, ở ngã ba đường lớn, đồn đốc tuần phủ kiểm soát, xét hỏi từng người qua lại. Ở Triệu Phong, một thanh niên phản đế bị bắt với truyền đơn trong túi. Từ đó địch tìm được đầu mối và bắt nhiều cán bộ của Đảng. Thanh niên phản đế, Ban Chấp hành các Hội Phụ nữ, Hội Nông dân phản đế bị vờ. Ở Hải Lăng, các đồng chí Nguyễn Bá Sam, Văn Diệp, Lê Miên trong Huyện ủy bị bắt. Ở Cam Lộ, đồng chí Tống Đình Phương, Bí thư Huyện ủy và nhiều đồng chí khác bị bắt, đồng chí Lê Thị Diệu Muội thoát được. Chúng lùng sục nhà Lê Thị Diệu Muội và lên nhà đày Lao Bảo tra khảo đồng chí Lê Thế Tiết (cha đồng chí Muội) để hỏi nơi ở của đồng chí Lê Thị Diệu Muội. Đồng chí Lê Thế Tiết bị chúng đánh ngã đập đầu vào thêm đá, gây tổn thương nặng sọ não và hy sinh.

Trước cái tang đau thương đó, anh em tù chính trị bị giam ở nhà đày Lao Bảo tổ chức lễ truy điệu đồng chí Lê Thế Tiết và phát động một cuộc đấu tranh kéo dài trong nhiều ngày để phản đối hành động giết người của tên chủ

ngục tàn bạo. Chính trong cuộc đấu tranh này, đồng chí Tố Hữu đã làm bài thơ *Trăng troi, Con cá chột nửa*.

Ở Vĩnh Linh, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc tổ chức mítting, rải truyền đơn hưởng ứng phong trào Bắc Sơn khởi nghĩa, Phủ ủy đã mở hội nghị vào ngày 09/01/1941 và ra nghị quyết:

- Tổ chức 4 cuộc mítting trong phủ, nghe báo cáo ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ.

- Thành lập ban chỉ đạo phong trào.

Hội nghị quyết định tập trung tất cả các hội viên phản đế của địa phương dự mítting.

Các cuộc rải truyền đơn, mítting diễn thuyết đã góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng ở Vĩnh Linh lên cao. Địch huy động lực lượng đến đối phó dập tắt phong trào, một số đồng chí trong Phủ ủy bị bắt, nhiều chi bộ đảng bị vỡ.

Cuộc khủng bố lần này của địch đã gây cho Đảng bộ Quảng Trị những tổn thất nghiêm trọng. Tính đến ngày 21/11/1940, riêng ở nhà lao Quảng Trị, có 56 người vừa bị địch bắt giam.

Tuy vậy, nhờ cơ sở bí mật vững và quần chúng yêu nước che chở nên cơ quan Tỉnh ủy vẫn được bảo vệ, không một Ủy viên Tỉnh ủy nào bị bắt. Phong trào cách mạng trong tỉnh tiếp tục phát triển.

Trong tù, tuy bị địch tra tấn nhưng cán bộ, đảng viên ta vẫn một lòng bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng. Đồng chí Trần Công Ái quê ở Giáp Tây, làng Huỳnh Công là một cán bộ của Tỉnh ủy được biệt phái về hoạt động ở

Triệu Phong, không may bị địch bắt. Bọn mật thám đã dùng mọi cực hình tra tấn suốt 20 ngày đêm liên, chết đi sống lại nhiều lần, đồng chí vẫn trung kiên, bất khuất, giữ vững khí tiết của người đảng viên Cộng sản cho đến hơi thở cuối cùng. Gương hy sinh của đồng chí Trần Công Ái đã được Trung ương Đảng đánh giá cao và xếp vào những bậc tiền bối hy sinh vì Tổ quốc¹.

Số cán bộ, đảng viên và hội viên của các Hội Phản đế còn lại ở các địa bàn phải nhịn ăn, khát uống, bị địch truy lùng, song tinh thần vẫn vững vàng, được quần chúng nuôi giấu, che chở.

Đầu năm 1941, cơ quan Tỉnh ủy chuyển từ miền tây Triệu Phong ra vùng Trầm Sấn - núi Rau Khoai (Gio Linh) và mở hội nghị vào tháng 01/1941 để kiểm điểm tình hình sau cuộc khủng bố của địch năm 1940, quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1940). Hội nghị Tỉnh ủy quyết định phát động phong trào vận động anh em binh lính (người Nam Bộ) bị địch điều động ra đường 9 rồi đưa sang Lào đánh quân Xiêm đấu tranh chống lại. Hội nghị quyết định tổ chức rải truyền đơn trong toàn tỉnh với nội dung:

- Hưởng ứng khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ!
- Đả đảo phát xít Nhật, Pháp, Xiêm!
- Đả đảo Việt gian phản quốc!

1. Xem *Văn kiện Đảng 1930-1945*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương Xuất bản, Hà Nội, 1978, t.III, tr.211.

- Cách mạng giải phóng dân tộc Đông Dương muôn năm!

Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, Huyện ủy Cam Lộ tổ chức rải truyền đơn ở chợ Phiên (ngày 19/01/1941) gây ảnh hưởng tốt. Ngày 22/01/1941, truyền đơn và cờ Đảng xuất hiện nhiều nơi (chợ, bến đò, ngã ba đường lớn, các đình, chùa, công đường) khắp cả 3 huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh. Đêm 12/5/1941, truyền đơn kêu gọi hưởng ứng binh lính Đô Lương xuất hiện nhiều nơi trong tỉnh, nhất là ở Gio Linh. Một số nơi kết hợp rải truyền đơn với treo cờ búa liềm, tuyên truyền xung phong như Gia Bình (Gio Linh)... Lợi dụng lúc chợ đang đông, một đồng chí nằm lăn ra đường giả vờ đau bụng để tập hợp quần chúng lại rồi diễn thuyết: “Tôi đau bụng vì mất nước, vì sưu cao, thuế nặng”. Có đồng chí vào nhà thờ Thiên Chúa giáo để diễn thuyết trước đông đảo tín đồ; một số đồng chí tổ chức đi săn thú rừng, sau đó biến cuộc đi săn thành cuộc mítting, diễn thuyết lên án phát xít Nhật, Pháp, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh. Ở Hải Lăng, nhân ngày lễ rước Đức mẹ, một số đồng chí tổ chức rải truyền đơn tại nhà thờ La Vang, kêu gọi “Lương giáo đoàn kết chống xâm lược”. Ở Triệu Phong, một số đồng chí đã sáng kiến thả bè trên sông Thạch Hãn, cắm cờ Đảng và khẩu hiệu: “Hưởng ứng Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương”. Các bè này trôi xuôi dòng ngang qua thị xã Quảng Trị.

Để có kinh phí hoạt động, Phủ ủy Vĩnh Linh thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, phát động lạc quyền được nhiều người hưởng ứng, trong đó có ông Hương Dực ở làng Liêm Công Tây (Vĩnh Linh) bán hai con trâu, lấy tiền ủng hộ

Đảng. Toàn tỉnh thu được 290 đồng (bạc Đông Dương) để mua giấy, mực in truyền đơn, khẩu hiệu tuyên truyền.

Tính riêng từ tháng 01 đến tháng 3 năm 1941, toàn tỉnh đã có hàng trăm cuộc mítting, diễn thuyết kêu gọi các tầng lớp nhân dân kể cả anh em binh lính trong hàng ngũ địch, hưởng ứng phong trào Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương, đặc biệt ở Vĩnh Linh đã tổ chức được các cuộc mítting diễn thuyết ở Trạng Cù, Lăng quan tuần, Nỗong khe Ba, có hàng trăm người dự.

Qua các cuộc mítting, diễn thuyết, quần chúng nhận thức sâu sắc cái hoạ “một cổ hai tròng” do phát xít Nhật, Pháp gây ra, hăng hái tham gia các Hội Phản đế. Nhiều thanh niên tích cực vào các đội tự vệ được trang bị bằng gậy gộc, làm nhiệm vụ bảo vệ các cuộc mítting, hội họp của Đảng.

Phong trào cách mạng lên cao, thực dân Pháp và phong kiến Nam triều tập trung lực lượng đàn áp. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị địch bắt, nhất là ở Vĩnh Linh, Gio Linh, toàn bộ các đồng chí trong Phủ ủy Vĩnh Linh bị bắt, 8 trong 9 chi bộ cơ sở của Đảng bộ Vĩnh Linh bị vỡ. Cơ quan in của Tỉnh ủy đóng ở Gio Linh bị lộ, đồng chí Lê Nghĩa Sỹ bị bắt ở Trung An. Mặc dù bị địch tăng cường đàn áp, khủng bố, song phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn tiếp tục phát triển.

Tháng 5/1941, Tỉnh ủy mở hội nghị tại nhà đồng chí Trương Hoàn (núi Rau Khoai, Gio Linh). Dự hội nghị có các đồng chí Trần Văn Ngoạn, Bí thư Tỉnh ủy, Trương

Hoàn, Trần Xuân Miên, Lê Chuông¹. Hội nghị kiểm điểm tình hình trong tỉnh, bàn kế hoạch củng cố Đảng bộ sau các đợt khủng bố của địch, phát triển các tổ chức đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động cách mạng trong các tầng lớp nhân dân. Hội nghị quyết định xuất bản tờ báo *Cứu quốc*, làm cơ quan tuyên truyền cổ động của Đảng bộ tỉnh². Cơ quan ấn loát đặt tại nhà ông Phương, làng Gia Bình (Gio Linh). Mỗi số báo phát hành 300 bản. Việc xuất bản và phát hành báo *Cứu quốc* của Tỉnh ủy đã có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, kêu gọi quần chúng đấu tranh chống Nhật, Pháp cướp của, bắt người...

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai mỗi ngày một lan rộng, tính chất ác liệt càng tăng. Trong tình hình đó, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Người đặt cơ quan tại Pác Bó (Cao Bằng). Sau một thời gian nắm tình hình và chuẩn bị, từ ngày 10 đến 19/5/1941, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị Trung ương 8 khẳng định sự nhất trí với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 và 7 về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và

1. Đồng chí Lê Chuông, Xứ ủy viên, Bí thư Thành ủy Huế bị địch bắt ngày 02/8/1940, vượt ngục ngày 20/4/1941, được bổ sung vào Tỉnh ủy Quảng Trị tháng 5/1941, phụ trách tuyên huấn.

2. Số 1 Báo *Cứu quốc* ra ngày 10/6/1941, số 2 ra ngày 25/7/1941.

sách lược, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Hội nghị nhận định phe phát xít nhất định sẽ thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai, phe Đồng minh chống phát xít chắc chắn giành thắng lợi. Chủ nghĩa đế quốc suy yếu và phong trào cách mạng thế giới sẽ phát triển mạnh mẽ.

Về tình hình Đông Dương, Hội nghị nhận định từ khi bùng nổ chiến tranh, các tầng lớp nhân dân Đông Dương đều bị điều đứng, quyền lợi tất cả các giai cấp đều bị cướp giạt. Nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật không phải là nhiệm vụ riêng của giai cấp công nhân và nông dân mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương. Hội nghị xác định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là Cách mạng giải phóng dân tộc. Nghị quyết của Hội nghị nêu rõ: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹.

Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh* gọi tắt là Việt Minh, để đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước, chia mũi nhọn vào phát xít Nhật, Pháp, quyết giành cho được độc lập, tự do.

Hội nghị Trung ương 8 đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, góp phần bổ sung và phát triển

1. *Văn kiện Đảng 1930-1945*, Sdd, t.III, tr.196.

lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Hội nghị Trung ương 6 đề ra. Cùng với Nghị quyết Trung ương 6, Nghị quyết Trung ương 8 có ý nghĩa lịch sử quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Về phía địch, sau khi đã đàn áp khốc liệt các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và cuộc binh biến Đô Lương, chúng tập trung lực lượng khủng bố phong trào cách mạng liên tục hết đợt này đến đợt khác. Mặt khác, thực dân Pháp ở Đông Dương bị cắt đường thông thương với chính quốc, lại phải cung ứng mọi mặt cho quân đội phát xít Nhật, do đó chúng càng ra sức bóc lột nhân dân Việt Nam. Ở tỉnh Quảng Trị, thực dân Pháp thi hành chính sách vơ vét, bắt nhân dân tiêu tiền giấy, thu hết tiền đồng, bạc thật, tập trung lúa gạo, làm cho nhân dân trong tỉnh kể cả những người giàu cũng phần uất. Đảng bộ nhận thấy chính sách cướp bóc của Pháp - Nhật làm cho nhân dân bần cùng khốn khổ, gây nên sự bất bình trong quần chúng lao động và cả trong tầng lớp hữu sản.

Giữa tình hình đó, tháng 8/1941, Tỉnh ủy mở Hội nghị tại nhà đồng chí Phạm Chít (làng An Nha, Gio Linh). Tham gia Hội nghị có các đồng chí trong Tỉnh ủy: Trương Hoàn, Trần Xuân Miên, Lê Chuông và một số cán bộ của Tỉnh ủy như: Đoàn Thí, Bùi Trung Lập, Lê Thị Diệu Muội. Hội nghị đã căn cứ vào sự biến chuyển của tình hình chiến tranh Liên Xô - Đức và tình hình trong nước để phân tích đánh giá tình hình trong tỉnh. Hội nghị quyết định đẩy mạnh hoạt động của Đảng ở Triệu Phong, Hải Lăng, gây dựng phong trào công nhân trong các đồn điền dọc đường 9;

tăng cường củng cố tổ chức, đề phòng địch cài tay chân vào nội bộ Đảng, cử cán bộ ra hoạt động ở Quảng Bình, xây dựng cơ sở ở Thừa Thiên. Hội nghị quyết định chấn chỉnh Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, bổ sung các đồng chí Đoàn Thí, Bùi Trung Lập, Lê Thị Diệu Muội vào Tỉnh ủy. Tỉnh ủy cử đồng chí Trương Hoàn làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Văn Ngoạn đã bị địch bắt ở Huế ngày 19/7/1941; phân công đồng chí Trần Xuân Miên phụ trách Triệu Phong; đồng chí Lê Thị Diệu Muội phụ trách Hải Lăng; đồng chí Đoàn Thí phụ trách Vĩnh Linh; đồng chí Bùi Trung Lập phụ trách Cam Lộ và đồng chí Cổ Văn Em phụ trách Gio Linh.

Trong hoàn cảnh bị mất liên lạc với Xứ ủy¹, Tỉnh ủy Quảng Trị đã phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, vượt qua khó khăn đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiếp tục phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy, Huyện ủy Gio Linh đã vận động, tổ chức quần chúng nhân dân chợ An Nha bãi thị, phản đối tăng thuế và thu cướp tiền bạc bằng kim loại, kêu gọi tầng lớp trên gia nhập Mặt trận Phản đế. Một số cấp ủy đảng ở các phủ, huyện trong tỉnh đã lấy danh nghĩa Mặt trận Phản đế, viết thư gửi cho các nhân sĩ, hương lý, vạch trần chính sách áp bức, bóc lột của Pháp, Nhật, đồng thời kêu gọi họ cùng nhân dân tham gia các cuộc đấu tranh chống Pháp - Nhật. Nhân kỷ niệm

1. Các đồng chí Xứ ủy viên Bùi San, Hồ Xuân Lưu, Trần Mạnh Quý bị địch bắt tại Nghệ An.

ngày Thất thủ Kinh đô (ngày 23/5 âm lịch), Tỉnh ủy Quảng Trị chủ trương rải truyền đơn kêu gọi toàn thể nhân dân cùng nhau đoàn kết đấu tranh đuổi Pháp - Nhật, giành lại độc lập, rửa nhục mất nước:

“Hỡi các tài gia phú hào!

Hỡi anh em quốc dân đồng bào!

Chính phủ bước đến nấc thang cuối cùng của sự ăn cướp.

Sau khi đã cướp tiền, bạc, vàng của các tài gia, chúng lại ăn cướp lúa.

Ăn cướp lúa, Chính phủ đã giạt bát cơm nuôi sống chúng ta. Ăn cướp lúa, Chính phủ làm cho các tài gia bị nghèo nàn phá sản. Ăn cướp lúa, Chính phủ làm cho toàn thể dân chúng sẽ không có lúa gạo để mua, để vay mượn, giá lúa gạo sẽ cao lên, chúng ta sẽ chết đói.

Không thể ngồi im chịu chết, hỡi anh em đứng lên quyết liệt tranh đấu “chống chính sách cướp lúa”!.

Đả đảo lũ ăn cướp là đế quốc cướp nước và bọn vua quan phản bội lại Đảng Cộng sản Đông Dương”.

Trong hai ngày 24/8/1941 và ngày 17/9/1941, nhân dân ở Triệu Phong như Nhan Biều, Xuân Yên, Linh Yên, Thượng Trạch, Trung Kiên... đã nhận được truyền đơn.

Cuộc đấu tranh chống chính sách vơ vét thóc gạo, tiền đồng, bạc thật đã lôi cuốn được các tầng lớp nhân dân tham gia. Nhiều người thuộc tầng lớp phú nông, địa chủ, sau khi nhận được thư kêu gọi của Mặt trận Phản đế tỉnh, huyện đã tìm gặp cán bộ cách mạng xin góp tiền ủng hộ Đảng.

Cũng trong tháng 8/1941, đồng chí Trương An từ Quảng Nam ra Quảng Trị, được tin Xứ ủy bị vỡ, đồng chí đã ra Bắc

theo sự hướng dẫn của chị Lê Thị Nhòng để liên lạc với Trung ương. Tại Chèm (Hà Nội), đồng chí Trương An đã gặp được các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh. Sau khi nghe đồng chí Trương An báo cáo tình hình Xứ ủy, đồng chí Hoàng Văn Thụ đưa nhiều tài liệu quan trọng: Chương trình, Điều lệ Việt Minh, thư của Nguyễn Ái Quốc và giao cho đồng chí Trương An về tập hợp các đồng chí Lê Chuông, Trương Hoàn, cùng đứng ra lập Xứ ủy lâm thời để chỉ đạo phong trào.

Tháng 9/1941, Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ được thành lập tại Gia Đăng do đồng chí Lê Chuông làm Bí thư. Cơ quan Xứ ủy lâm thời đóng tại Quảng Nam.

Từ việc chấp nối liên lạc được với cấp trên, Đảng bộ Quảng Trị đã nhận được Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, thư của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước, Tuyên ngôn, Chương trình hoạt động và Điều lệ của Việt Minh, Điều lệ của các đoàn thể cứu quốc.

Sau vụ rải truyền đơn vào đêm 17/9/1941, địch đưa hàng trăm lính về vây từng làng, lùng sục từng nhà, bắt cán bộ, đảng viên và hội viên Phản đế. Một người ở làng Nhan Biều bị bắt đã khai ra nhiều cơ sở đảng và địch đã bắt người giao thông liên lạc giữa huyện với tỉnh. Bị tra tấn, người liên lạc này dẫn mật thám đến bao vây cơ quan Tỉnh ủy đóng ở vùng núi Triệu Phong, bắt được nhiều người. Cuối tháng 9 đầu tháng 10/1941, toàn bộ Huyện ủy Triệu Phong vừa củng cố lại bị vỡ. Trong vụ khủng bố này, riêng ở Triệu Phong có 50 người bị bắt, trong đó có các đồng chí: Nguyễn Quang Xá, Trương Công Kính, Hồ Ngọc Chiêu,

Hồ Ngọc Tích, Nguyễn Khuồi, Trương Xướng... Cơ quan Tỉnh ủy đóng ở Kiên Phước và ở Trầm Sẩn bị lộ. Các Ban Chấp hành Đảng bộ Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh đều bị vỡ. Toàn tỉnh có khoảng 100 người bao gồm cán bộ, đảng viên, hội viên Phản đế, tự vệ bị bắt. Phong trào cách mạng trong tỉnh tạm lắng.

Trước toà án Nam triều, các đảng viên của Đảng bộ tỉnh vẫn kiên trung bất khuất, đồng dục hô to: “Đả đảo bọn Việt gian”, “Đả đảo thực dân Pháp”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm!”.

Trong số những người giặc bắt giữ, có người bị án nặng, chúng đưa lên nhà đày Buôn Ma Thuột. Số còn lại như các đồng chí Hồ Ngọc Tích, Hà Xuân Mỹ, Hồ Ngọc Chiểu, Nguyễn Dân, Trần Hồng Trường giam tại nhà lao Quảng Trị. Trong lao tù, các đồng chí đã thành lập chi bộ nhà lao Quảng Trị. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, anh chị em tù chính trị đã tổ chức các cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, đấu tranh chống khủng bố, chống lao động nặng, đòi được nhận quà của gia đình gửi đến, cho tù nhân nghỉ lao động ngày chủ nhật...

Trong nhà lao, anh chị em vẫn giữ vững sinh hoạt Đảng, giúp nhau nâng cao trình độ lý luận, nhận thức, đồng thời thường xuyên động viên nhắc nhở nhau kiên định lập trường, giữ vững khí tiết của người Cộng sản. Các đồng chí Lâm Đại, Lê Thị Mây¹, bị địch tra tấn chết đi

1. Lê Thị Mây quê ở thôn An Khê (Gio Linh).

sống lại nhiều lần vẫn không khai báo cơ sở bí mật của Đảng. Gương hy sinh anh dũng của nữ đảng viên giao thông Lê Thị Mây đã khích lệ mạnh mẽ những đảng viên, hội viên đang bị giam cầm, đoàn kết siết chặt đội ngũ đấu tranh, một lòng vững tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Binh lính canh gác ở nhà lao Quảng Trị khiếp sợ trước tinh thần dũng cảm của chị Mây và gọi chị là: “Người con gái đánh không đau, giết không chết”.

Lúc này, vì một số cơ sở ở Gio Linh bị vỡ, cơ quan Tỉnh ủy phải dời vào đóng ở Gia Đăng (Triệu Phong).

Qua các cuộc khủng bố cuối năm 1940 đầu năm 1941, cuối năm 1941, địch biết cán bộ, đảng viên Quảng Trị đã dựa vào vùng rừng núi để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào ở đồng bằng. Vì vậy, chúng tập trung lực lượng sức tạo vùng núi phía tây Triệu Phong, nhất là các vùng nằm hai bên sông Thạch Hãn (Trám, Trừ, Bãi Dài, Bồng...). Hoạt động của Tỉnh ủy gặp nhiều khó khăn. Tháng 12/1941, một cựu tù chính trị đầu thú, dẫn địch lùng sục trong rừng núi tìm bắt cán bộ, đảng viên, làm cho tình hình ăn ở, hoạt động của anh chị em cán bộ, đảng viên càng thêm khó khăn.

Tuy vậy, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn được duy trì, nhiều làng, xã trong tỉnh vẫn còn có chi bộ, đảng viên của Đảng hoạt động. Các thôn An Nha (Gio Linh), Quảng Xá (Vĩnh Linh) phong trào cách mạng lên mạnh. Trách nhiệm của Tỉnh ủy lúc này là phải tổ chức lại các cơ sở đảng bị vỡ, gây dựng lại phong trào trong toàn tỉnh.

Cuối năm 1941, đồng chí Hồ Văn Xích được giao nhiệm vụ lên công tác ở đồn điền Rôm. Sau một thời gian

tuyên truyền giác ngộ về tôn chỉ, mục đích, lý tưởng của Đảng Cộng sản, đồng chí Hồ Văn Xích đã lựa chọn được 2 quần chúng tốt kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, đưa số đảng viên ở đồn điền Rôm lên 3 đồng chí. Chi bộ được thành lập do đồng chí Hồ Văn Xích làm Bí thư. Sự kiện chi bộ Đảng Cộng sản ở đồn điền Rôm được thành lập đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân và lao động trên trục đường 9 - Hướng Hoá.

Phần đầu theo phương hướng của Hội nghị Trung ương 8, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy, cuối năm 1941 đầu năm 1942, Đảng bộ Quảng Trị đã tiến hành thành lập Ủy ban Việt Minh hay Ủy ban vận động Việt Minh ở một số nơi, chuyển các hội Phản đế thành các hội Cứu quốc như: Hội Nông dân cứu quốc, Hội Công nhân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Đoàn Thanh niên cứu quốc. Tỉnh ủy tổ chức in *Tuyên ngôn* của Việt Minh và phát hành rộng rãi khắp các phủ, huyện; thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào được in bằng hai thứ tiếng (Hán và Quốc ngữ) và gửi tận tay các vị nhân sĩ, đồng bào trong tỉnh. Các tài liệu *Chiến tranh Thái Bình Dương và thái độ của Đảng ta*, *Vấn đề Hoa quân nhập Việt*, *Chiến thuật du kích...* được lưu hành trong nội bộ Đảng và các đoàn thể Cứu quốc. Tỉnh ủy tổ chức một số cuộc mít tinh ở các phủ, huyện để giới thiệu *Tuyên ngôn*, *Chương trình hoạt động của Việt Minh*.

Về tổ chức, sau khi Xứ ủy lâm thời được thành lập, hai đồng chí trong Tỉnh ủy Quảng Trị là Trương Hoàn, Lê Chưởng tham gia Xứ ủy, một số ủy viên Ban Chấp hành

Đảng bộ tỉnh được Xứ ủy điều động đi công tác ở một số tỉnh khác như: Đoàn Thí ra Nghệ An, Bùi Trung Lập ra Quảng Bình, Trần Xuân Miên vào hoạt động ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ.

Tháng 02/1942, đồng chí Nguyễn Đức Thưởng đang bị giam ở nhà đày Buôn Ma Thuột, bị chuyển qua một nhà tù khác. Trên đường di chuyển, đồng chí đã nhảy tàu xuống vùng Quảng Nam, bắt được liên lạc với Xứ ủy, được bổ sung vào Xứ ủy trực tiếp phụ trách ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên kiêm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị.

Để đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền cổ động, thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, Tỉnh ủy quyết định xuất bản tờ báo *Cờ Khởi Nghĩa* thay tờ *Cứu quốc*, vì báo *Cứu quốc* của Tỉnh ủy trùng tên với tờ báo của Mặt trận Việt Minh Trung Bộ, mở lớp bồi dưỡng cho chi ủy viên là đảng viên tại rú Mụ Tộ (Thủy Ba). Lớp học khai giảng được 3 ngày thì phải bỏ dở vì đồng chí Hoàng Thạch, giao liên của lớp học hy sinh (bị cộp vô).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, phong trào cứu nước trong tỉnh phát triển mạnh mẽ, các cơ sở đảng được phục hồi, tổ chức đảng được xây dựng khắp phủ, huyện, thị xã, trong đó ở Triệu Phong có 11 chi bộ, Vĩnh Linh có 09 chi bộ, Gio Linh có 05 chi bộ, Cam Lộ có 02 chi bộ, thị xã Quảng Trị có 01 chi bộ, Hướng Hoá có 01 chi bộ, Hải Lăng chưa xác định được số lượng chi bộ.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng, phong trào đấu tranh của công nhân và lao động ở đồn điền Rôm và một số đồn điền khác trên trục đường 9 nổ ra trong năm 1942 đòi chủ đồn điền phải cải thiện đời sống, từng bước thu được thắng lợi.

Trước hoạt động kiên cường của Đảng bộ và phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi của các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân trong tỉnh, chính quyền, thực dân, đế quốc, phong kiến tăng cường đàn áp, khủng bố, ra lệnh cho mật thám khám nhà, bắt người; hương lý, cường hào nông thôn tuần tra canh gác cẩn mật, thẳng tay đàn áp quần chúng cách mạng. Thực dân, đế quốc và phong kiến tay sai đã dùng nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi, thâm độc để phá hoại các tổ chức của Đảng. Đi đôi với tra tấn dã man, tàn bạo, chúng dùng thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ, lợi dụng những người bị bắt đã mất tinh thần cách mạng, một số tên đầu hàng phản bội Đảng để phá phong trào cách mạng từ trong nội bộ phá ra. Chúng tung luận điệu “làm cách mạng khi bị bắt nếu có khai ra chút ít thì cũng không hề gì” để dụ hàng, gieo tư tưởng cầu an, sợ chết đối với những anh chị em đang bị giam giữ, tra tấn.

Phong trào cách mạng trong tỉnh gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Từ tháng 5 đến tháng 7/1942, cơ sở đảng ở các huyện Triệu Phong, Gio Linh, Hải Lăng bị vỡ, nhiều đồng chí trong Huyện ủy Triệu Phong bị bắt.

Cơ quan của Tỉnh ủy đóng ở Triệu Phong phải chuyển ra Vĩnh Linh từ tháng 8/1942.

Cùng trong thời gian này, bọn chánh mật thám ở Huế như Livecxê (Vecteur), ở Vinh như Umbe (Humbe), ở Quảng Trị như Vidalăng đã câu kết chặt chẽ với nhau, tăng cường đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng ở các địa phương khác thuộc Trung Kỳ. Các đồng chí trong Xứ ủy Trung Kỳ lần lượt bị sa vào tay giặc. Đồng chí Trương An bị bắt ở Nghệ An ngày 23/6/1942, đồng chí Lê Chuởng bị bắt ở Đà Nẵng ngày 25/6/1942, đồng chí Trương Hoàn rơi vào ổ phục kích của mật thám Đà Nẵng ngày 28/6/1942. Cơ quan Xứ ủy bị vỡ, Xứ ủy không còn. Đảng bộ Quảng Trị một lần nữa bị mất liên lạc với cấp trên.

Một số cán bộ của Quảng Trị do Xứ ủy điều đi công tác ở các tỉnh khác cũng bị truy nã, bị bắt như Đoàn Thí bị bắt ở Vinh ngày 15/10/1942, Bùi Trung Lập bị bắt ở Quảng Bình ngày 24/12/1942, Trần Thị Biên bị bắt ở Nghệ An tháng 7/1942. Đồng chí Trần Xuân Miên vào công tác ở Nam Trung Kỳ, sau khi cơ sở ở Nam Trung Kỳ bị vỡ, đồng chí phải quay trở về Quảng Trị hoạt động. Trước tình hình bị địch truy nã, cơ quan Xứ ủy không còn, đồng chí Nguyễn Đức Thưởng bàn bạc với đồng chí Trần Xuân Miên chuyển địa bàn hoạt động, tìm cách lập lại Xứ ủy; đồng thời thống nhất dự kiến củng cố lại Tỉnh ủy Quảng Trị gồm có Lê Thị Diệu Muội, Cổ Văn Em, Thao, Hồ Văn Xích. Đồng chí Lê Thị Diệu Muội làm quyền Bí thư Tỉnh ủy. Cuối tháng 10/1942, ở Vĩnh Linh mật thám chỉ điểm đưa lính về bao vây làng Huỳnh Công. Bà cụ Thịnh biết, đã tìm cách làm quen với tên chỉ điểm, dùng kế hoãn binh để báo tin cho các đồng chí trong Tỉnh ủy trốn thoát. Khi

lính kéo đến vây nhà cụ Thinh thì trong nhà không còn ai. Chúng bắt Trần Thinh (chồng bà Thinh) và Trần Leo (cháu bà Thinh) giải vào sở mật thám tỉnh tra khảo. Sau 5 ngày liền bị bọn mật thám dùng đủ mọi cực hình tra tấn, hai đồng chí Trần Thinh, Trần Leo (đều là các đảng viên, liên lạc viên, cơ sở bí mật của Tỉnh ủy) vẫn một lòng trung thành với Đảng, không khai báo cơ quan Tỉnh ủy, nêu cao tinh thần bất khuất cho đến hơi thở cuối cùng.

Ngày 21/11/1942, đồng chí Lê Thị Diệu Muội bị bắt ở Triệu Phong; ngày 29/11/1942, đồng chí Cỏ Văn Em bị bắt ở Gio Linh; ngày 02/12/1942, đồng chí Hồ Văn Xích bị bắt ở đồn điền La Van (đường 9 - Hướng Hoá) và nhiều cơ sở đảng bị vỡ.

Tính riêng hai phủ Triệu Phong và Vĩnh Linh lúc này đã có 172 người bị địch bắt, trong đó có 72 người bị địch kết án từ 3 tháng tù giam đến 20 năm tù khổ sai.

Đồng chí Nguyễn Đức Thuởng và Trần Xuân Miên hoạt động tại Mỹ Thổ - Trung Lực (Lệ Thủy - Quảng Bình) bị mật thám tiếp tục truy đuổi, phải chuyển ra vùng Thanh Thủy (huyện Quảng Trạch, Quảng Bình). Một thời gian sau lại bị mật thám truy lùng. Không còn địa bàn đứng chân, hai đồng chí Thuởng và Miên buộc phải tạm lánh sang Thái Lan (12/1943).

Như vậy, từ đầu năm 1944, cơ quan lãnh đạo của tỉnh không còn, phong trào cách mạng trong tỉnh tạm thời lắng xuống. Tuy vậy, một số đảng viên, tổ chức cơ sở đảng và quần chúng cách mạng còn lại rải rác trên các địa bàn trong tỉnh vẫn giữ vững tinh thần cách mạng.

Các đảng viên, quần chúng cách mạng bị bắt trong các năm từ 1939 đến 1943, trong đó có hơn 100 cán bộ, đảng viên bị chúng kết án nặng, giam ở nhà đày Buôn Ma Thuột, khoảng 200 đồng chí bị giam ở nhà lao Quảng Trị.

Các đảng viên bị giam tại nhà đày Buôn Ma Thuột cũng như tại nhà lao Quảng Trị vẫn giữ vững tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu của người đảng viên Cộng sản. Cũng như các thời kỳ 1930-1935, 1936-1939, thời gian này, Chi bộ nhà lao Quảng Trị luôn tích cực hoạt động, đóng góp một phần công sức, trí tuệ quan trọng đối với phong trào cách mạng trong tỉnh. Dưới sự chỉ đạo của Chi ủy, các đảng viên trong Chi bộ đã tìm cách liên lạc với các đảng viên, quần chúng vừa mới bị bắt, đang bị địch tra tấn để động viên mọi người giữ vững tinh thần chiến đấu, trao đổi kinh nghiệm đấu tranh; tổ chức học tập văn hoá, chính trị cho các đảng viên, chuẩn bị đội ngũ cán bộ dự trữ cho Đảng bộ. Chi bộ nhà lao Quảng Trị còn tổ chức một số đảng viên đấu tranh với chính quyền thống trị trước toà án của Nam triều. Trong cuộc xử án cuối năm 1942, một số cán bộ, đảng viên bị địch kết án đã biến cuộc tuyên án của địch thành cuộc đấu tranh phản đối bản án. Anh em nói: Cộng sản không phải là phiến loạn như các ông đã kết luận mà là những người yêu nước đang đấu tranh chống thực dân Pháp để giành lại độc lập cho Tổ quốc, đưa lại tự do, cơm no áo ấm cho toàn thể đồng bào. Anh em hiên ngang hô vang các khẩu hiệu: Phản đối khủng bố trắng!, Đả đảo toà án bất công!, Đả đảo đế quốc Pháp!, Đả đảo phát xít Nhật! Gương đấu tranh của các chiến sĩ Cộng sản

đã gây ảnh hưởng tốt trong nhân dân, nhất là nhân dân vùng nội thị Quảng Trị.

Cùng với các hoạt động trên, Chi bộ nhà lao Quảng Trị còn tổ chức quyên góp tiền bạc làm quỹ chuyển ra ngoài giúp anh chị em còn lại trên các địa bàn tiếp tục hoạt động. Các đồng chí còn tranh thủ vận động anh em binh lính và công chức trong bộ máy chính quyền địch.

Hơn 4 năm hoạt động liên tục trong hoàn cảnh bí mật, bị khủng bố dữ dội và liên tiếp, Đảng bộ Quảng Trị vẫn duy trì và phát triển tổ chức trong quần chúng. Sở dĩ đạt được kết quả đó là do Đảng bộ Quảng Trị đã chấp hành chỉ thị của Xứ ủy, kịp thời chuyển hướng công tác, hầu hết các cán bộ lãnh đạo của tỉnh đã thoát ly nên các cơ quan lãnh đạo của tỉnh và huyện đều được duy trì. Tỉnh Quảng Trị theo sự điều động của Xứ ủy đã cung cấp được nhiều cán bộ cho các tỉnh khác.

Bên cạnh các tấm gương anh dũng, hy sinh tính mạng để giữ vững cơ sở, trong nội bộ Đảng bộ cũng có một số ít cán bộ, đảng viên mất phẩm chất, không giữ được khí tiết cách mạng, thậm chí có người cơ hội, phản bội, đầu hàng kẻ thù đã gây ra nhiều thiệt hại cho cách mạng, làm giảm sút uy tín của Đảng.

Trong thời gian này, cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh phải thay đổi nhiều lần, có thời gian bị gián đoạn và không liên lạc được với cấp trên, do vậy sự lãnh đạo vừa thiếu liên tục, vừa không tiếp thu được những chuyển biến mới của tình hình và nhiệm vụ, do vậy phong trào cách mạng trong tỉnh không tranh thủ được thời cơ để tiến kịp với trào lưu chung.

Tuy có thiếu sót và nhược điểm, nhưng qua 4 năm đấu tranh trong hoàn cảnh đầy gian khổ và ác liệt, Đảng bộ vẫn nêu cao tinh thần kiên quyết, bất khuất, chủ động công tác, gắn bó với quần chúng, cơ sở cách mạng vẫn được giữ vững và phong trào không bị dập tắt, tạo điều kiện thuận lợi và làm tiền đề quan trọng cho cao trào Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

CHƯƠNG V

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO TOÀN DÂN KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC, TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (3/1945 - 8/1945)

I. GẤP RÚT CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG

Trước tình hình thế giới và trong nước chuyển biến mau lẹ, tháng 02/1943, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhận định: “... phong trào cách mạng Đông Dương *có thể bùng chốc tiến lên bằng những bước nhảy cao*”. Hội nghị chủ trương mở rộng hơn nữa Mặt trận Dân tộc thống nhất và thành lập Mặt trận dân chủ ở Đông Dương nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống phát xít. Hội nghị xác định toàn bộ công tác của Đảng phải nhằm vào chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Ngày 07/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa. Tháng 8/1944, Đảng Cộng sản Đông Dương kêu gọi toàn dân “Sấm vũ khí, đuổi thù chung”. Từ đó, phong trào xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn

cứ địa và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang dấy lên khắp nơi trong cả nước.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, trên chiến trường châu Âu, Hồng quân Liên Xô đã giành được thắng lợi quyết định bằng hàng loạt cuộc phản công chiến lược, đưa chiến tranh đến cửa ngõ của nhà nước phát xít Đức. Nhiều nước Đông, Trung Âu được giải phóng. Số phận của phát xít Nhật ở châu Á và Thái Bình Dương lúc này cũng lung lay tận gốc.

Ở tỉnh Quảng Trị, giữa năm 1944, hai đồng chí Nguyễn Đức Thưởng và Trần Xuân Miên từ Thái Lan trở về cùng với một số đồng chí khác như Lê Thị Quế, Lê San, Nguyễn Hữu Khiếu... mãn hạn tù trở về địa phương tích cực hoạt động xây dựng lại phong trào cách mạng trong tỉnh. Mặc dù bị tay sai của cả Nhật lẫn Pháp bám riết theo dõi, các đồng chí đảng viên chủ chốt của tỉnh vẫn dựa theo Chương trình, Điều lệ của Việt Minh, tranh thủ tận dụng thời gian, móc nối với một số cơ sở cách mạng, phân tích tình hình chiến sự ở mặt trận châu Âu, mặt trận Thái Bình Dương đang có lợi cho ta, bất lợi cho địch, tuyên truyền sâu rộng trong cơ sở quần chúng. Nắm bắt được tình hình thế giới và trong nước, các đảng viên vừa trở về địa phương tích cực hoạt động, phong trào cách mạng trong tỉnh dần dần được phục hồi. Ở Vĩnh Linh, do có các đồng chí Nguyễn Đức Thưởng, Trần Xuân Miên tích cực hoạt động, xây dựng lại các chi bộ đảng ở Liêm Công Đông, Liêm Công Tây, Thủy Tú, Quảng Xá, Đơn Thầm... nên Phủ ủy Vĩnh Linh được lập lại sớm hơn các phủ, huyện khác.

Ở Đông Dương, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết hoạt động, chờ thời cơ quân Đồng Minh đổ bộ vào sẽ nổi dậy tiến công quân Nhật. Quân Nhật biết rõ âm mưu của Pháp nên quyết định hành động trước. Đêm 09/3/1945, quân đội Nhật nổ súng đồng loạt, lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt một vài nơi rồi nhanh chóng đầu hàng.

Cuộc đảo chính của Nhật diễn ra giữa lúc Ban Thường vụ Trung ương Đảng đang họp tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh). Trong điều kiện đó, Hội nghị làm việc khẩn trương, nhận định về cuộc đảo chính và khả năng diễn biến của tình hình. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *“Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta!”*. Đảng thống nhất đưa ra khẩu hiệu: *“Đánh đuổi phát xít Nhật!”* thay cho khẩu hiệu: *“Đánh đuổi Pháp - Nhật!”*.

Về phát xít Nhật, sau khi lật đổ thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương, chúng thi hành chính sách mua chuộc lừa bịp kết hợp với thủ đoạn khủng bố, đàn áp tàn bạo. Về chính trị, Nhật tuyên bố cho Việt Nam *“độc lập”* nhưng chúng giữ nguyên bộ máy thống trị của thực dân Pháp, chỉ thay người Pháp làm Toàn quyền đến Công sứ và nắm toàn bộ quyền lực. Chúng lập ra chính phủ Trần Trọng Kim làm bù nhìn, lập ra nhiều tổ chức, đảng phái phản động để tạo chỗ dựa về chính trị và xã hội.

Phát xít Nhật sử dụng bộ máy thông tin, tuyên truyền, xuất bản sách báo để lừa phỉnh thanh niên, học sinh, gây tinh thần bài Pháp, phục Nhật, sợ Nhật. Chúng

huy động lực lượng quân sự tiến công, vây quét các chiến khu và cơ sở cách mạng của ta. Bọn *“hiến binh”* và *“cảnh binh đội”* áp dụng những thủ đoạn tra tấn, giết người cực kỳ man rợ.

Về kinh tế, chúng cướp đoạt trắng trợn tài sản của nhân dân ta. Chúng chiếm các cơ sở kinh tế của Pháp, in nhiều giấy bạc để tung ra thị trường vơ vét nguyên liệu, hàng hóa, lương thực. Chúng tăng thuế thu thóc, thu bông, thu đay nặng nề hơn trước.

Ở tỉnh Quảng Trị, chúng đưa bác sĩ Phan Văn Hy lên làm tỉnh trưởng, đổi lính khố xanh (của Pháp trước đây) thành bảo an binh; chúng cổ động phong trào bài Pháp, kích động thanh niên tập trung chống quan lại, cường hào nhằm đánh lạc hướng đấu tranh của các tầng lớp nhân dân. Chúng lập ra các tổ chức thân Nhật như *“Thanh niên ái quốc đoàn”*, *“Tân Việt Nam”*... Chúng tuyên truyền, quảng cáo rùm beng thuyết Đại Đông Á và nội các Trần Trọng Kim; đề cao công ơn của Nhật đã cho *“Việt Nam độc lập”*. Với luận điệu đó, lúc đầu đã làm cho một số người xu thời hay nhẹ dạ đứng ra cùng với số tay chân đắc lực của phát xít Nhật tuyên truyền lừa bịp quần chúng.

Quân Nhật đóng dọc quốc lộ 1, quốc lộ 9, Đông Hà, thị xã Quảng Trị hằng ngày kéo lừa, ngựa vào các làng phá hoa màu, cướp lương thực, bắt người phục dịch cho chúng. Số đình chùa, nhà thờ họ nằm trong vùng kiểm soát của Nhật đều trở thành trại lính. Những tên Việt gian thân Nhật dựa thế quan thầy lên mặt hống hách, ức hiếp nhân dân; một số dựa vào quân đội Nhật để buôn bán đầu cơ

tích trữ làm cho đời sống nhân dân vốn đã khó khăn lại càng thêm kiệt quệ. Nạn đói hoành hành ở nhiều nơi cùng với số người bị đói ở các tỉnh phía Bắc kéo vào làm cho tình hình kinh tế - xã hội ở Quảng Trị thêm trầm trọng, phức tạp.

Giữa lúc nhân dân và một số cán bộ, đảng viên đang theo dõi nghe ngóng tình hình và còn lúng túng về phương hướng hoạt động cách mạng vì chưa có cơ quan lãnh đạo của tỉnh, chưa liên lạc được với Xứ ủy và Trung ương; thì ở nhà lao Quảng Trị, ngày 12/3/1945, Chi bộ Đảng Cộng sản đã mở hội nghị để nhận định tình hình và bàn phương hướng hoạt động của Chi bộ trong thời gian sắp tới. Ngày 25/3/1945, Nhật mở cửa nhà lao Quảng Trị, 80 tù nhân chính trị đã được trả tự do, trở về các nơi trong tỉnh. Việc Nhật mở cửa nhà lao trên thực tế đối với Quảng Trị lúc này là một thuận lợi rất lớn. Lực lượng cán bộ, đảng viên lãnh đạo cốt cán được bổ sung, các đồng chí trong Chi ủy Chi bộ nhà lao Quảng Trị, cùng nhiều đảng viên trong chi bộ nhà lao sau khi trở về đã móc nối được với cán bộ, đảng viên và cơ sở cũ ở các địa bàn phổ biến chủ trương của Đảng trong việc đối phó với phát xít Nhật, nhiệm vụ của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc chấp nối lại cơ sở, xây dựng lực lượng cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Thực hiện chủ trương của Chi bộ nhà lao Quảng Trị, nhân lúc bộ máy thống trị của thực dân Pháp không còn, bộ máy thống trị của phát xít Nhật chưa hoàn thiện, sự kiểm soát của đế quốc, phong kiến đối với nhân dân không

được chặt chẽ như trước, cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Trị đã tranh thủ xây dựng thực lực cách mạng tại địa phương.

Tháng 4/1945, các đồng chí Nguyễn Đức Thuởng, Trần Xuân Miên tổ chức triệu tập cuộc họp tại Liêm Công Đông (Vĩnh Linh). Hội nghị gồm các đồng chí Nguyễn Đức Thuởng, Trần Xuân Miên, Bùi Trung Lập, Nguyễn Đàm, Nguyễn Hữu Khiếu, Hoàng Thị Ái, Hồ Ngọc Chiêu, Hà Xuân Mỹ... Hội nghị đã nghe đại biểu của các phủ, huyện báo cáo tình hình chung; tình hình cơ sở đảng, các đoàn thể nhân dân và tập trung thảo luận các vấn đề:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vạch rõ bản chất của phát xít Nhật và kiểu độc lập giả hiệu của chính phủ bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim, phê phán tư tưởng muốn lợi dụng Nhật của một số cựu tù chính trị.

- Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, tổ chức các đoàn thể Cứu quốc, thành lập các Ủy ban Việt Minh xã và huyện, tổ chức các đội tự vệ, dân quân.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng: củng cố phát triển chi bộ đảng, thành lập và củng cố các phủ ủy, huyện ủy; tìm bắt liên lạc với các nhóm đảng viên khác hoạt động ở trong tỉnh.

Hội nghị đã thành lập Tỉnh ủy lâm thời, đồng chí Bùi Trung Lập được cử làm Bí thư. Sau Hội nghị, Ủy ban Việt Minh từ làng, tổng đến phủ, huyện được thành lập và hoạt động theo Chương trình Việt Minh của tỉnh đã vạch ra trước đây. Từ đó, phong trào cách mạng trong tỉnh được phục hồi và phát triển, mạnh nhất là ở Vĩnh Linh. Một số

cuộc mít-tinh được tổ chức ở Đơn Thầm (Liêm Công), Bọc Nhà Tươi (Huỳnh Công), Rú Trầm (Thượng Lập), Trạng Hóp (Duy Viên) của Vĩnh Linh, các tổng An Cư, An Dạ (Triệu Phong) để nghe cán bộ Việt Minh diễn thuyết, vạch rõ chính sách tàn bạo của phát xít Nhật và nền độc lập giả hiệu của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim; vận động thanh niên trong tỉnh không tham gia tổ chức “Thanh niên ái quốc đoàn”, không tham gia các cuộc biểu tình do Nhật tạo ra; kêu gọi tổ chức các hội truyền bá chữ quốc ngữ để nắm quần chúng. Lúc này đồng chí Nguyễn Đức Thưởng được phân công đi tìm liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ. Đến Vinh (Nghệ An) đồng chí Nguyễn Đức Thưởng gặp đồng chí Chu Văn Biên là cán bộ của Nghệ An trao cho bản *Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 12/3/1945 và hứa sẽ giúp đỡ liên lạc với Ban vận động thống nhất Đảng bộ Trung Kỳ.

Đảng bộ Quảng Trị phấn khởi đón nhận tinh thần chỉ đạo trong bản *Chỉ thị lịch sử* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Đảng chỉ rõ kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật. Phải thay đổi khẩu hiệu, hình thức tuyên truyền, tổ chức đấu tranh cho phù hợp với thời kỳ mới - thời kỳ tiền khởi nghĩa. Phải phát động một cao trào chống Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi đã đủ điều kiện.

Bản *Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã có tác

dụng chỉ đạo rất kịp thời, phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo của Đảng bộ Quảng Trị.

Tháng 6/1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập hội nghị tại nhà ông Nguyễn Thước (Liêm Công Đông, Vĩnh Linh). Dự hội nghị gồm các đồng chí Nguyễn Đức Thưởng, Trần Xuân Miên, Bùi Trung Lập, Hà Xuân Mỹ, Hồ Ngọc Chiêu, Hoàng Thị Ái, Nguyễn Đàm...

Sau khi nghiên cứu, quán triệt *Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, thấy rõ sự sáng suốt, kiên quyết, kịp thời và sáng tạo của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Hội nghị chủ trương:

- Phát triển các đội tự vệ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền xung phong, xây dựng các chiến khu, vũ trang toàn dân tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

- Tiếp tục vạch mặt bọn phát xít Nhật và tay sai Nhật, tổ chức và mở rộng ảnh hưởng của Việt Minh, thành lập Ủy ban Giải phóng tỉnh và huyện.

- Hội nghị quyết định đổi Tỉnh ủy lâm thời thành Ban Vận động thống nhất Đảng bộ Quảng Trị (theo quyết định của Ban Vận động thống nhất Đảng bộ Trung Kỳ).

Hội nghị quyết định chọn hai phủ Triệu Phong, Vĩnh Linh làm điểm chỉ đạo, rút kinh nghiệm chung trong toàn tỉnh. Hội nghị phân công đồng chí Bùi Trung Lập phụ trách chung, Trần Xuân Miên phụ trách Vĩnh Linh, Nguyễn Đàm phụ trách Gio Linh, Hồ Ngọc Chiêu phụ trách Triệu Phong, Hà Xuân Mỹ phụ trách Cam Lộ, Hoàng Thị Ái liên lạc với các đồng chí ở Buôn Ma Thuột về, Nguyễn Đức Thưởng liên lạc với Ban Vận động thống nhất Đảng bộ Trung Kỳ.

Cũng trong thời gian này, nhiều cán bộ, đảng viên của tỉnh bị địch bắt, giam tại nhà đày Buôn Ma Thuột trước đây đã lần lượt trở về địa phương hoạt động. Cũng như ở nhà lao Quảng Trị, các đồng chí ở nhà đày Buôn Ma Thuột, trước khi ra tù, đều bàn kế hoạch, phân công về chấp nối với cơ sở, liên lạc với cấp trên, gây dựng lại phong trào, củng cố lại hệ thống Đảng.

Quá trình ở trong tù, giữa các đồng chí có một số quan điểm bất đồng, nên khi về địa phương thiếu hợp tác, hoạt động riêng biệt, hình thành hai nhóm. Cả hai nhóm đều có liên lạc với các đồng chí ở địa phương và các đồng chí bị giam tại nhà lao Quảng Trị đã về trước để phối hợp công tác. Tuy chưa thống nhất về tổ chức nhưng hoạt động tích cực của các nhóm cộng sản đã có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân trong tỉnh tiến lên nhanh chóng, gấp rút chuẩn bị cho cuộc vũ trang khởi nghĩa theo chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Đến giữa tháng 7/1945, đồng chí Tố Hữu được Trung ương phái vào Trung Bộ để thực hiện việc thống nhất Đảng bộ Trung Kỳ, chuẩn bị thành lập Xứ ủy. Đến Quảng Trị, đồng chí Tố Hữu cùng các đồng chí Nguyễn Vĩnh (tức Nguyễn Chí Thanh) và Trần Quý Hai (hai đồng chí được các tỉnh Nam Trung Bộ cử đi dự hội nghị Tân Trào), sau khi bàn bạc với đồng chí Trần Hữu Dục việc chuẩn bị Hội nghị thành lập Xứ ủy Trung Kỳ; đã gặp đồng chí Đặng Thái, Đoàn Bá Thừa, Nguyễn Hữu Khiếu, truyền đạt các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương, trao đổi việc thống nhất sự lãnh đạo ở Quảng Trị, góp ý kiến về các công tác

cấp bách và chính thức đặt liên lạc giữa Xứ ủy, Trung ương và Quảng Trị. Từ đó Đảng bộ Quảng Trị nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên.

Trên cơ sở các chỉ thị của Trung ương và ý kiến đã thống nhất với đồng chí Tố Hữu, các đồng chí Đặng Thái, Nguyễn Hữu Khiếu đã gặp gỡ, bàn bạc với các đồng chí ở Tỉnh ủy cũ và các đồng chí ở tù về các vấn đề cấp bách: xúc tiến hội nghị toàn tỉnh để thống nhất sự lãnh đạo, bầu Ban Tỉnh ủy, thành lập khu giải phóng và một số nội dung khác. Với sự nhất trí chung, việc thành lập khu giải phóng ở Triệu Phong cũng như việc chuẩn bị hội nghị cán bộ toàn tỉnh được tiến hành nhanh chóng.

Cuối tháng 7/1945, khu giải phóng Triệu Phong được thành lập. Hầu hết các thôn ở đây, chính quyền thống trị đều tan rã. Cơ sở Việt Minh, cơ sở đảng tương đối mạnh, có các đoàn thể Cứu quốc, có lực lượng tự vệ chiến đấu được chọn lọc.

Ủy ban dân tộc giải phóng phủ Triệu Phong, một hình thức tổ chức của chính quyền cách mạng đầu tiên của nhân dân do ông Lê Thế Hiếu làm Chủ tịch và các ủy viên: Nguyễn Xuân Luyện, Lê Thị Quế, Nguyễn Hoạch, Hồ Ngọc Tích ra đời.

Sau khi thành lập, Ủy ban dân tộc giải phóng thực hiện những nhiệm vụ của chính quyền cách mạng với nội dung chủ yếu là phát động quần chúng đứng lên kháng Nhật, cứu nước, tổ chức các đoàn thể Cứu quốc, huấn luyện các lực lượng vũ trang, bảo vệ trị an trong thôn xóm, giải quyết những vấn đề trong nội bộ nhân dân.

Việc thành lập khu giải phóng và tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng phủ Triệu Phong đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ tinh thần phấn khởi cách mạng của nhân dân trong toàn tỉnh. Ở các phủ, huyện khác, tuy chưa thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, một số cán bộ chủ chốt rút được kinh nghiệm ở Triệu Phong, chủ trương cho các Ủy ban Việt Minh, các đoàn Cứu quốc tổ chức quyên góp tiền gạo, thực phẩm, thành lập các đội dân quân, tự vệ, các đội tuyên truyền xung phong ở địa phương mình. Các lò rèn được huy động vào việc rèn vũ khí trang bị cho dân quân, tự vệ chiến đấu. Thợ may được huy động vào việc may cờ. Các đội tuyên truyền tổ chức mít-tinh, diễn thuyết hoạt động đêm ngày không mỗi một khắp thôn xóm, khắp các chợ, những nơi đông người, có băng, biểu ngữ, khẩu hiệu, cờ đỏ sao vàng để giới thiệu Mặt trận Việt Minh trước đông đảo quần chúng.

Không khí chuẩn bị vô cùng khẩn cấp, vô cùng náo nhiệt. Ngọn lửa cách mạng bùng bùng cháy, khí thế quần chúng sẵn sàng đứng dậy. Ảnh hưởng của Việt Minh lan rộng và dâng cao. Quần chúng ở nông thôn nổi dậy làm chủ khắp nơi. Uy tín của tri phủ, tri huyện, bang tá, đội lệ, hương lý, kỳ hào giảm sút rõ rệt. Chính quyền địch hoàn toàn bị tê liệt.

Phong trào Việt Minh phát triển nhanh ở nông thôn đã có ảnh hưởng tốt đến các vùng đô thị. Nhiều người ở thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị và thị trấn Đông Hà tìm bắt liên lạc với cán bộ Việt Minh, tiến hành xây dựng các đoàn thể Cứu quốc, khí thế cách mạng ngày càng dâng cao.

Lúc này, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối cùng. Ở châu Âu, đêm 09/5/1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Ở châu Á, quân phiệt Nhật cũng chấp nhận hạ vũ khí đầu hàng Đồng minh vào ngày 14/8/1945. Ngày 13/8, được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập ngay Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng công bố mệnh lệnh khởi nghĩa. Quân lệnh số I phát ra: “Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh! Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà... Chúng ta phải *hành động cho nhanh*, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!... Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!”¹.

Cả nước sục sôi hưởng ứng lệnh Tổng khởi nghĩa.

Tại Quảng Trị, sau quá trình chuẩn bị, đến tháng 8/1945, toàn tỉnh đã có khoảng 400 đảng viên và cán bộ Việt Minh, hàng ngàn tự vệ chiến đấu và hàng vạn hội viên Việt Minh.

Vấn đề cấp bách được đặt ra cho phong trào cách mạng trong tỉnh là phải thống nhất các lực lượng cách mạng, lập ra một cơ quan lãnh đạo thống nhất để tổ chức và lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa.

Ngày 18/8/1945 (tức là ngày 11/7 âm lịch), Hội nghị toàn tỉnh được triệu tập tại làng Phước Lễ (Triệu Phong)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, tr.421-422.

nhằm thống nhất lực lượng cách mạng trong tỉnh và bàn việc khởi nghĩa. Hội nghị có đông đủ đại biểu các phủ, huyện trong tỉnh tham dự. Hội nghị đã nghe các phủ, huyện báo cáo tình hình và phong trào cách mạng từng nơi, tình hình các đoàn thể Cứu quốc, cơ sở của Mặt trận Việt Minh, tình hình xây dựng lực lượng vũ trang, việc rèn, sắm vũ khí, thái độ của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh... Hội nghị thảo luận sôi nổi về tình hình phong trào quần chúng, về tình hình lực lượng tự vệ chiến đấu, về việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, về tình hình và thái độ đối với quân đội Nhật và lực lượng bảo an binh, về thái độ đối với chính phủ bù nhìn...

Hội nghị nhận định phong trào cách mạng trong tỉnh đã ở giai đoạn trực tiếp cách mạng, nhiệm vụ của Đảng bộ là phải gấp rút chuẩn bị các mặt để tiến lên vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị còn nhận định và phân tích thái độ của quân đội Nhật ở trong tỉnh, rằng: sau khi Nhật đầu hàng tuy số lượng của chúng khá đông, thái độ còn hung hăng nhưng chúng là quân đội bại trận, không có khả năng chống phá cách mạng.

Hội nghị nhận định: Chính quyền Phan Văn Hy là con đẻ của phát xít Nhật mới lập nên, chưa làm được trò trống gì đã bất lực về chính trị, rệu rã về tinh thần, tê liệt về tổ chức, chúng sẵn sàng đầu hàng nên thái độ của ta đối với họ là thuyết phục và cảm hoá, lôi kéo về phía cách mạng.

Về lực lượng bảo an binh, là lực lượng vũ trang duy nhất của chính phủ bù nhìn, không còn tinh thần cầm súng chống lại cách mạng, vì đại bộ phận binh sĩ và một số

lớn sĩ quan đã được tuyên truyền về chính sách của Việt Minh, đi theo cách mạng, nên Hội nghị chủ trương cần nắm lực lượng này và nhấn mạnh cần tăng cường vận động số sĩ quan cùng binh lính còn do dự, để lực lượng bảo an binh có ích cho cách mạng trong giờ khởi nghĩa.

Hội nghị làm việc sôi nổi, khẩn trương. Những vấn đề còn tồn tại được thảo luận và đều nhất trí chĩnh đốn. Sau khi nhận được điện báo Hà Tĩnh đã giành chính quyền ngày 17/8/1945, càng thôi thúc Hội nghị gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương.

Trong không khí đoàn kết, phấn khởi sôi động dâng lên tràn ngập, Hội nghị đã quyết tâm nhanh chóng phát động quần chúng đứng lên giành cho được chính quyền. Giữa lúc đó, đồng chí Trần Hữu Dực và đồng chí Đặng Thí đi dự Hội nghị thành lập Xứ ủy (nhưng do tình hình cấp bách, Hội nghị tạm hoãn), đã kịp thời trở về và truyền lệnh khởi nghĩa của Trung ương cho Hội nghị. Trong giờ phút thiêng liêng ấy, mọi người trong Hội nghị như mở cờ trong bụng, phấn khởi trào lên, háo hức, sôi nổi. Những khó khăn phức tạp chưa giải quyết được đều gạt lại đằng sau để cùng nhau tiến lên phía trước. Ai cũng sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ gì, bất cứ ở đâu miễn là được góp phần vào giờ phút khởi nghĩa. Vì có thêm chủ trương mới, Hội nghị lại tiếp tục bàn thêm một số vấn đề, nhấn mạnh thêm tầm quan trọng của việc khởi nghĩa vũ trang, quyết tâm giành cho được chính quyền về tay cách mạng. Hội nghị nhấn mạnh bất cứ trong tình thế nào cũng phải phát động quần chúng cách

mạng khởi nghĩa giành chính quyền, không được do dự, phải chớp lấy thời cơ, sẵn sàng tấn công vào kẻ địch để chiến thắng. Hội nghị quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh dự định khoảng từ ngày 21/8 đến ngày 25/8/1945.

Về kế hoạch khởi nghĩa, lực lượng cách mạng của phủ, huyện nào phụ trách thì phủ, huyện đó chịu trách nhiệm trước kế hoạch của mình. Còn việc khởi nghĩa ở tỉnh, chủ yếu giao cho lực lượng cách mạng của phủ Triệu Phong và một số xã của phủ Hải Lăng hợp với nhân dân nội thị.

Sau cùng, Hội nghị thống nhất tạm hoãn việc bầu Ban Tỉnh ủy mà cử ngay Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trong tỉnh sắp tới. Hội nghị đã bầu các đồng chí Trần Hữu Dục, Đặng Thí, Hoàng Thị Ái, Lê Vụ và Nguyễn Hữu Khiếu vào Ủy ban khởi nghĩa tỉnh.

Hội nghị vừa bế mạc thì trời tạnh sáng. Các đại biểu dự hội nghị nhanh chóng toả về các địa phương, truyền đạt lệnh Tổng khởi nghĩa cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đang ngóng chờ từng giờ, từng phút.

Đến đây, phong trào cách mạng toàn tỉnh đã có trung tâm lãnh đạo, kế thừa sự chỉ đạo từ trước để đẩy mạnh các mặt công tác sát với phương hướng, nhiệm vụ của Trung ương đề ra là gấp rút khởi nghĩa giành chính quyền. Cũng từ đây Đảng bộ không còn tình trạng hoạt động riêng rẽ, mà tất cả đảng viên Cộng sản và cán bộ Việt Minh trong tỉnh đều cùng một hướng, chuẩn bị cho công cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trước khi quân đội Đồng Minh vào Quảng Trị.

Ủy ban khởi nghĩa tỉnh về làm việc tại trụ sở của Ủy ban Mặt trận Việt Minh (đóng ở nhà ông Sơ, làng Mỹ Lộc, Triệu Phong).

Dưới sự chủ tọa của đồng chí Trần Hữu Dục, Ủy ban đã soát xét lại mọi công việc chuẩn bị. Ủy ban khởi nghĩa nhận thấy mọi việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa phải được tiến hành hết sức gấp, phải chạy đua với thời gian để tổ chức lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, chuẩn bị vũ khí, may cờ, viết khẩu hiệu... Các đoàn biểu tình tổ chức theo làng, tổng, phường gồm các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ, phụ lão, thiếu niên, nhi đồng và dân quân tự vệ, mỗi người tự trang bị bằng thứ vũ khí của mình có. Sau đó, Ủy ban khởi nghĩa xem xét một cách cụ thể về các mặt và quyết định một số vấn đề quan trọng để tiến hành cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ và các phủ, huyện lỵ:

- Tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng là yếu tố quyết định của cuộc Tổng khởi nghĩa. Lực lượng vũ trang gồm 2 loại: các đội tự vệ chiến đấu làm nhiệm vụ chiếm đóng và các đội tự vệ sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Vì vậy lực lượng tự vệ chiến đấu được chọn lọc kỹ lưỡng trong số quần chúng cách mạng, tập trung thành đại đội (một đại đội khoảng 100 người), ráo riết luyện tập, giáo dục chính trị và kỹ thuật.

Trong các ngày 19 đến ngày 22/8 vừa tập trung lực lượng huấn luyện, vừa chọn cán bộ chỉ huy. Đến ngày khởi nghĩa, tổng số (tính riêng ở Triệu Phong và Hải Lăng) có 15 đại đội được huy động để giành chính quyền ở tỉnh lỵ,

do ông Trương Linh làm tổng chỉ huy. Vấn đề trang bị cho lực lượng vũ trang là vấn đề khẩn trương và cấp bách lúc bấy giờ, chủ yếu là phát động các lò rèn rèn giáo mác, đồng thời cũng tìm cách mua, tìm kiếm vũ khí của quân đội Nhật. Vận động quần chúng chuẩn bị lương thực, thực phẩm cho tự vệ và lực lượng cách mạng.

- Lập kế hoạch chiếm đóng thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị. Quy định lực lượng vũ trang chiếm đóng các cơ quan đầu não của tỉnh, theo tỷ lệ 5/1 (tức lực lượng của đối phương một thì lực lượng của ta phải có 5).

- Dinh tỉnh trưởng (tức toà Công sứ Pháp), thường xuyên có 30 bảo an binh canh gác, bảo vệ, do đó lực lượng tự vệ chiến đấu của ta phải có 150 chiến sĩ.

- Doanh trại bảo an binh (tức đồn giám binh Pháp cũ) có 80 bảo an binh, do đó lực lượng tự vệ chiến đấu của ta phải có 400 chiến sĩ.

- Tại kho bạc, nhà ga xe lửa, bưu điện tỉnh, nhà lao Quảng Trị, ty mật thám, nhà máy đèn, nhà máy nước... cũng được bố trí lực lượng theo tỷ lệ như trên, với sự phối hợp của anh chị em công nhân, cán bộ đã được giác ngộ.

Ngoài các địa điểm trên, còn có một số nơi như hành cung, dinh tuần vũ, các ngã tư quan trọng, các cửa đường lớn ra vào thị xã, mỗi nơi bố trí từ 15 đến 30 dân quân tự vệ, chủ yếu lực lượng trong thị xã canh gác, bảo vệ, tuần tra bảo đảm an ninh trật tự.

- Về lực lượng quân đội Nhật ở Quảng Trị, Hội nghị nhận thấy lực lượng của chúng đóng ở tỉnh khá đông, chủ yếu ở tỉnh lỵ, Đông Hà, Cam Lộ, Mỹ Chánh, Cửa Việt... Sau

ngày đầu hàng Đồng Minh, một số đơn vị của chúng ở Thái Lan kéo về đóng dọc đường 9 rất nhiều. Mặc dù đã đầu hàng Đồng Minh nhưng thái độ của chúng đối với nhân dân ta ở các địa phương còn hung hăng. Do đó, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đã cử một phái đoàn do Hồ Thâm làm trưởng đoàn đến giao thiệp, đàm phán với Bộ tư lệnh quân Nhật ở thị xã Quảng Trị. Phái đoàn ta đã nói rõ với Bộ tư lệnh Nhật rằng: chỉ trong một thời gian ngắn nữa, sau khi quân Đồng Minh giải giáp xong thì quân Nhật về nước, còn nhân dân Việt Nam tiếp tục khởi nghĩa giành chính quyền. Vậy để có lợi cho cả hai bên, nhân dân Việt Nam yêu cầu quân đội Nhật không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam; nhân dân Việt Nam sẽ bảo đảm an toàn cho quân đội Nhật và tạo mọi điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho quân Nhật trong việc mua bán lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, bảo đảm sinh hoạt hằng ngày. Trong ngày nhân dân Việt Nam khởi nghĩa, yêu cầu quân đội Nhật ở trong doanh trại, không ra ngoài hàng rào. Nhân dân Việt Nam cũng không vào doanh trại, khu đóng quân của Nhật.

Cuộc đàm phán giữa ta và Nhật rất gay go. Lúc đầu, bọn Nhật tỏ ra cứng rắn và ngoan cố, nhưng trước thái độ kiên quyết của phái đoàn ta, chúng phải chấp nhận các yêu cầu của ta. Cuối cùng, đại diện hai bên đã ký biên bản cam kết.

- Lực lượng bảo an binh gồm 180 người được trang bị 180 súng (một trung liên, 10 súng ngắn) do một tên quản (người Việt chỉ huy). Ủy ban khởi nghĩa tỉnh cũng cử một phái đoàn do đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu dẫn đầu thương

thuyết với lực lượng bảo an binh. Phái đoàn ta nói rõ với họ về tình hình thế giới và trong nước đã thay đổi, thực dân Pháp đã bị phát xít Nhật làm đảo chính, Hồng quân Liên Xô và Đồng Minh đã toàn thắng phe phát xít, Chính phủ quân phiệt Nhật đã đầu hàng. Đây là thời cơ vô cùng thuận lợi cho nhân dân Việt Nam đứng lên đánh đổ chính phủ bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim, giành chính quyền về tay nhân dân lao động Việt Nam. Lệnh tổng khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã ban hành... Trong điều kiện như vậy, lực lượng bảo an binh nên đứng về phe Việt Minh, chuyển giao vũ khí và doanh trại cho Ủy ban Việt Minh, Ủy ban Việt Minh sẽ bảo đảm tính mạng cho lực lượng bảo an binh. Sau khi nghe phái đoàn ta trình bày, số đông bảo an binh tán thành, song cũng còn một bộ phận, trong đó có một số sĩ quan chỉ huy tỏ thái độ chưa dứt khoát, họ chỉ muốn cùng với ta tiến hành khởi nghĩa, không muốn giao vũ khí và doanh trại cho ta ngay. Cuối cùng cũng đi đến thoả thuận là lực lượng bảo an binh được tham gia cuộc khởi nghĩa với nhân dân. Họ đồng ý giao trước cho ta một số vũ khí, Ủy ban khởi nghĩa được huy động một lực lượng bảo an binh cùng với tự vệ chiến đấu chiếm đóng ở những địa điểm quan trọng.

- Về tỉnh trưởng Phan Văn Hy, ông nguyên là một thầy thuốc có tiếng ở Quảng Trị. Ông được bọn thân Nhật đưa ra làm tỉnh trưởng của chính phủ Trần Trọng Kim. Sau khi Nhật đầu hàng, Phan Văn Hy nhiều lần muốn tiếp xúc với Việt Minh để mời Việt Minh tham gia chính quyền. Khi Bảo Đại có Dụ thoái vị, ông đã viết thư gửi Ủy

ban dân tộc giải phóng Triệu Phong xin giao lại chính quyền cho cách mạng. Vì vậy lúc phái đoàn ta do đồng chí Lê Thị Diệu Muội mang thư của Việt Minh đến gặp, Phan Văn Hy đón tiếp chu đáo và chấp nhận mọi điều kiện của ta đưa ra.

II. KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN Ở TỈNH LÝ VÀ CÁC PHỦ, HUYỆN LÝ

Trước khởi nghĩa diễn ra vài ngày, thực hiện chủ trương của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, cán bộ Việt Minh tích cực vận động nhân dân vùng đồng bằng đóng góp gạo, ngô, khoai, sắn; nhân dân vùng biển đóng góp cá, mắm, muối...; nhân dân vùng giáp ranh đóng góp củi, chè xanh; nhân dân ở thị xã cho mượn nồi chảo, bát đũa... đồng thời kêu gọi vận động nhân dân, nhất là nhân dân ở các thị trấn, thị xã tập trung vào việc may cờ đỏ sao vàng, băng khẩu hiệu... Ủy ban khởi nghĩa các cấp lên kế hoạch huy động quần chúng chọn địa điểm tập trung nhân dân ở làng, tổng, phủ, huyện; mỗi địa điểm tập trung dân đều có người chỉ huy, có lực lượng giữ gìn trật tự, bảo vệ. Đến chiều ngày 22/8/1945, tất cả mọi việc chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lý và một số phủ, huyện lý trong tỉnh theo kế hoạch dự định đã được các cấp gấp rút hoàn thành một cách khẩn trương, chu đáo.

Trong không khí cách mạng sục sôi của cả nước, chiều ngày 22/8/1945, khi lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi

nghĩa tỉnh chính thức phát ra, lòng mọi người càng thêm náo nức.

Tối ngày 22/8, các đơn vị vũ trang làm nhiệm vụ chiếm thị xã tỉnh lỵ đã đến tập kết tại các địa điểm sát thị xã, sẵn sàng chờ lệnh. Các đơn vị làm nhiệm vụ biểu tình thị uy trong cuộc khởi nghĩa đều đã tập kết theo bốn cánh lớn:

- Lực lượng các tổng An Dạ, Bích La và một phần lực lượng tổng An Cư, tập kết dọc tỉnh lộ 64 đến chợ Sãi (phía đông bắc thị xã).

- Lực lượng tổng An Lưu và một phần lực lượng tổng An Cư tập trung ở Ngô Xá và từ Long Quang đến Ba Bến (phía đông nam thị xã).

- Lực lượng tổng An Đôn tập kết dọc quốc lộ 1 (phía tây bắc thị xã).

- Lực lượng tổng An Thái và một phần lực lượng tổng Văn Vận tập kết ở vùng gần ga Quảng Trị (phía tây thị xã).

Để uy hiếp tinh thần địch, đồng thời cũng để thăm dò phản ứng của Nhật và chính quyền bù nhìn tỉnh; theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, 19 giờ ngày 22/8/1945, ba đại đội tự vệ vũ trang dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Hồng Chương tiến vào thị xã, tuần hành thị uy. Đoàn quân vừa đi vừa hô vang các khẩu hiệu: “Đánh đổ chính quyền bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim!”, “Ủng hộ Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng Minh!”, “Thành lập chính quyền nhân dân cách mạng!”.

Đoàn biểu tình vũ trang tiến đến đâu được đồng bào thị xã Quảng Trị ở đó hưởng ứng nhiệt liệt và gia nhập

vào đoàn biểu tình đi qua các đường phố lớn. Đoàn biểu tình mỗi lúc một thêm đông với khí thế hùng dũng, mạnh mẽ.

Sau khi tuần hành khắp các đường phố lớn, các đại đội tự vệ vũ trang trở về vị trí tập kết, còn các cán bộ Việt Minh trong thị xã tiếp tục phát động quần chúng tổ chức mítting, diễn thuyết trong công chức, bảo an binh và các tầng lớp nhân dân nội thị, gây thanh thế cách mạng sôi động tràn ngập.

1 giờ sáng ngày 23/8/1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, các đơn vị tự vệ chiến đấu làm nhiệm vụ chiếm đóng và dự bị đều đột nhập nội thị, chiếm lĩnh tất cả các vị trí đã được phân công từ trước.

Cùng lúc, các lực lượng làm nhiệm vụ biểu tình thị uy chính trị, từ các hướng cờ giông, trống thúc hô vang các khẩu hiệu rầm rập kéo vào thị xã. Sau hơn 3 giờ, toàn bộ lực lượng tham gia khởi nghĩa mới vào hết trong nội thị, lực lượng biểu tình thị uy chính trị với hàng ngũ chỉnh tề, tập trung đúng vị trí đã quy định. Được lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, toàn bộ các đơn vị chuyển sang biểu tình thị uy. Cả thị xã lúc này như một biển người; như một rừng băng, cờ, khẩu hiệu; với tiếng trống mõ, thanh la giống 3 giống 6 vang rền như sấm dậy. Cách mạng thật sự là ngày hội của quần chúng nhân dân lao động.

Đúng 5 giờ sáng ngày 23/8/1945, thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, đồng chí Trần Hữu Dực lên tầng trên dinh tỉnh trưởng (tức toà Công sứ Pháp cũ) hạ cờ “quẻ ly” xuống, treo cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc Việt Nam lên.

Ở cột cờ trước hành cung trong thành, đồng chí Dương Đâu cùng một số tự vệ chiến đấu đã được giao nhiệm vụ trước cũng hạ cờ vàng xuống, kéo cờ cách mạng lên, báo hiệu chế độ phong kiến hàng ngàn năm thống trị nhân dân ta chấm dứt. Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị kết thúc thắng lợi.

9 giờ ngày 23/8/1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức trước toà Công sứ Pháp, lúc này là trụ sở của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Trị.

Thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, đồng chí Trần Hữu Dực trình trọng tuyên bố: thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh, xoá bỏ chính quyền bù nhìn và đọc bản tuyên bố của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh trước đồng bào trong tỉnh. Bản tuyên bố nêu rõ: ở châu Âu, Hồng quân Liên Xô đã đánh bại phe phát xít; ở châu Á - Thái Bình Dương, quân phiệt Nhật Bản đã đầu hàng. Ở Việt Nam, nhân dân khắp cả nước trong đó có Quảng Trị chúng ta nhân cơ hội ngàn năm có một đã nhất tề đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền và đã thu được thắng lợi lịch sử.

Căn cứ theo Nghị quyết của Trung ương, cuộc khởi nghĩa kết thúc thắng lợi thì Ủy ban khởi nghĩa các cấp sẽ chuyển thành Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, đảm nhiệm quản lý mọi công việc của Nhà nước. Từ nay, chính quyền thuộc về nhân dân, vì nhân dân và phục vụ nhân dân. Nhân dân khi được giác ngộ cách mạng đã trở thành lực lượng vô địch. Tất cả già, trẻ, gái, trai Quảng Trị thề quyết giữ chính quyền cách mạng đến cùng.

10 giờ ngày 23/8/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh ra Quân lệnh số 1 với nội dung: “Tất cả lực lượng vũ trang chiếm đóng hoặc dự bị, kể cả lực lượng hỗn hợp giữ nguyên tại chỗ. Người và vũ khí không được thay đổi, di chuyển cho đến khi có lệnh mới”.

Quân lệnh số 2 phát lúc 12 giờ ngày 23/8/1945, với nội dung: “Mở cuộc đăng ký tuyển quân cấp tốc, thành lập chi đội giải phóng quân với tổng số 1.500 chiến sĩ kể cả một số đơn vị trực thuộc như thông tin, quân y, quân nhu...”.

Quân lệnh số 3 phát lúc 15 giờ ngày 23/8/1945 với nội dung: “Tất cả lực lượng vũ trang chiếm đóng hỗn hợp đều bàn giao ngay nhiệm vụ, kể cả người, vũ khí, kho tàng, doanh trại... cho chi đội giải phóng quân. Những cá nhân bảo an binh nào muốn tham gia lực lượng vũ trang cách mạng, hãy làm đơn đăng ký và sẽ tuyển sau, lệnh này phát ra phải được thi hành nghiêm chỉnh, nhanh, gọn”.

Cùng ngày hôm ấy, Ủy ban nhân dân cách mạng đã cử các đoàn cán bộ tiếp quản các công sở của ngụy quyền; cử cán bộ đến họp với công nhân nhà máy điện nước, hoá xa, bệnh viện để động viên mọi người duy trì các công việc hằng ngày. Ủy ban nhân dân cách mạng ra lệnh bắt giữ những tên Việt gian phản động và phóng thích một số tù nhân.

Cùng lúc với cuộc khởi nghĩa chiếm tỉnh lỵ; các phủ, huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Gio Linh và Vĩnh Linh đều đồng loạt khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Tại phủ Triệu Phong, thực hiện chủ trương của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, sáng ngày 22/8/1945, Ủy ban khởi

nghĩa phủ được thành lập gồm 3 đồng chí: Hồ Ngọc Tích - Chủ tịch và các ủy viên: Nguyễn Xuân Luyện, Lê Thị Quế.

Ủy ban khởi nghĩa phủ đã tổ chức hội nghị cán bộ để truyền đạt lệnh Tổng khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, thông báo kết quả Hội nghị cán bộ toàn tỉnh. Hội nghị cán bộ toàn phủ nhận thấy nổi lên hai việc phải làm gấp:

Một là, phổ biến lệnh Tổng khởi nghĩa đến tận cơ sở; hai là, có kế hoạch huy động lực lượng cách mạng (quân sự, chính trị) vừa làm nhiệm vụ khởi nghĩa giành chính quyền ở phủ lý, vừa làm nhiệm vụ nòng cốt tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lý.

Công việc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở phủ cũng như ở tỉnh lý được Đảng bộ phủ quán triệt và thực hiện từ trước, nên khi có lệnh của Trung ương, chủ trương của tỉnh truyền xuống đến đâu thì phong trào quần chúng cách mạng nổi dậy đến đó. Lực lượng cách mạng của toàn phủ được huy động làm nhiệm vụ chia làm hai bộ phận: một bộ phận làm nhiệm vụ khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lý; một bộ phận làm nhiệm vụ khởi nghĩa giành chính quyền ở phủ lý. Ngoài hai bộ phận trên, còn có một bộ phận lực lượng tổng An Đôn làm nhiệm vụ phối hợp với lực lượng của Đông Hà khởi nghĩa giành chính quyền ở Đông Hà.

Lực lượng làm nhiệm vụ ở tỉnh lý tập trung theo sự điều hành của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh.

Tất cả các lực lượng phải có mặt tại các vị trí tập kết trước 23 giờ ngày 22/8/1945.

Bộ phận làm nhiệm vụ khởi nghĩa giành chính quyền ở phủ lý Triệu Phong nhanh chóng đánh chiếm phủ lý ngay trong đêm 22/8/1945. Chính quyền bù nhìn phủ Triệu Phong bị thủ tiêu. Nhân dân làm chủ chính quyền cách mạng.

Sáng ngày 23/8/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời phủ Triệu Phong được thành lập do đồng chí Hồ Ngọc Tích làm Chủ tịch. Cơ quan lãnh đạo đóng tại Mỹ Lộc (khu giải phóng của phủ) chuyển vào đóng tại phủ lý, kịp thời lãnh đạo nhân dân trong phủ thành lập chính quyền cách mạng ở cơ sở, giải quyết nhiều công việc hết sức cấp bách theo lệnh của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh.

Do có sự chuẩn bị khẩn trương và chu đáo nên khởi nghĩa ở Triệu Phong diễn ra nhanh, gọn. Nhân dân Triệu Phong còn góp phần tích cực cho khởi nghĩa thắng lợi ở tỉnh lý và Đông Hà.

Tại phủ Hải Lăng, sau Hội nghị cán bộ tỉnh, hội nghị cán bộ của phủ đã được tổ chức tại làng Phú Long để quán triệt chủ trương khởi nghĩa và thành lập Ủy ban khởi nghĩa phủ do đồng chí Nguyễn Bá Sam làm Chủ tịch và các ủy viên: Nguyễn Quynh, Nguyễn Thăng, Nguyễn Tỵ.

Ủy ban khởi nghĩa phủ đã vạch kế hoạch huy động lực lượng các tổng An Thái, An Nhơn, Cu Hoan và một phần của tổng Vân Vện, có đại đội tự vệ chiến đấu ở Phú Long, Thượng Nguyên làm nòng cốt. Lực lượng quần chúng cách mạng còn lại ở hai tổng An Thái, Văn Vện được huy động tham gia hiệp lực với lực lượng cách mạng

của Triệu Phong làm nhiệm vụ khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban khởi nghĩa phủ, chiều tối ngày 22/8/1945, lực lượng quần chúng ở các tổng đã chia thành 2 đoàn tập trung trước nhà thờ Hội Yên. Đại đội tự vệ chiến đấu của chiến khu phủ chia thành hai bộ phận: một bộ phận (một trung đội) cùng tham gia với các đoàn biểu tình, một bộ phận khác (hai trung đội) cùng với một số thanh niên có võ trang bí mật bố trí áp sát phủ đường.

Khoảng 24 giờ ngày 22/8/1945, hàng vạn quần chúng ở các địa điểm tập trung với đội ngũ chỉnh tề, được trang bị bằng các loại vũ khí thô sơ tiến vào phủ lỵ.

Đúng 1 giờ ngày 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa phủ phát lệnh khởi nghĩa. Lực lượng tự vệ bố trí sẵn xung quanh phủ lỵ nhanh chóng phối hợp với các lực lượng cách mạng quần chúng xông vào chiếm phủ lỵ. Tri phủ Dương Đình Nguyên cùng nha lại và 5 lính bảo an chấp hành theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, cầm cờ Việt Minh ra đứng trước phủ đường, cúi đầu chào nhân dân và xin giao chính quyền cho Ủy ban khởi nghĩa. Tiểu đội bảo an xin nộp toàn bộ vũ khí, hồ sơ tài liệu.

Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của phủ được thành lập do ông Nguyễn Quýnh làm Chủ tịch, Nguyễn Bá Sam - Phó Chủ tịch và các ủy viên: Nguyễn Thăng, Nguyễn Ty, Đào Thị Nuôi; tuyên bố thực hiện 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Cũng trong thời gian đó, hàng ngàn quần chúng ở các làng của hai tổng An Thái, Văn Vận kéo ra tập kết tại một

địa điểm gần ga xe lửa thị xã Quảng Trị. Sau khi có lệnh của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, các đơn vị lần lượt kéo vào thị xã cùng với lực lượng cách mạng của Triệu Phong và thị xã Quảng Trị thực hiện khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ở *Gio Linh*, quán triệt tinh thần Nghị quyết hội nghị cán bộ toàn tỉnh, đồng chí Bùi Trung Lập được tỉnh phân công chỉ đạo khởi nghĩa ở Gio Linh đã triệu tập cuộc họp cán bộ huyện bất thường tại nhà ông Dương Diễn (làng Hà Thượng) để truyền đạt kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị nhất trí quyết định:

- Gấp rút củng cố các đội tự vệ chiến đấu trong tất cả các thôn, xã. Khẩn trương trang bị thêm giáo mác cho các đội viên tự vệ.

- Giao trách nhiệm cho đồng chí Cổ Tuế nắm tình hình địch tại huyện đường, vận động binh lính địch đi theo hàng ngũ cách mạng.

- Huy động lực lượng hai tổng An Xá, An Mỹ Hạ tuần hành thị uy, biểu dương lực lượng để thăm dò thái độ địch trước khi phát lệnh khởi nghĩa.

- Bầu Ủy ban khởi nghĩa huyện do đồng chí Bùi Trung Lập làm Chủ tịch, phân công cán bộ phụ trách từng tổng, từng xã, chỉ đạo chiếm các đầu mối quan trọng như huyện đường, nhà ga, Sở canh nông, Sở chè.

Sáng ngày 22/8/1945, hàng ngàn quần chúng tự vệ chiến đấu của hai tổng An Xá, An Mỹ Hạ được trang bị bằng các vũ khí thô sơ tự tạo, giường cao băng cò, khẩu hiệu cách mạng rầm rập theo các hướng từ vùng biển lên,

từ Mai Xá, Xuân Lâm, Vinh Quang Thượng, Vinh Quang Hạ kéo về hợp với lực lượng cách mạng của các làng Hà Thượng, Hà Trung, Lan Đình, Lạc Tân, Lễ Môn... kéo vào huyện lỵ, tuần hành thị uy, hô vang khẩu hiệu: “Mặt trận Việt Minh muôn năm”! “Đả đảo chính phủ bù nhìn Bảo Đại - Trần Trọng Kim”! Đoàn biểu tình diễu hành quanh chợ Cầu, dọc đường quốc lộ 1, Sở chè rồi trở về vị trí cũ đợi lệnh.

20 giờ ngày 22/8/1945, đông đảo quần chúng khắp nơi trong huyện kéo lên bổ sung cho đoàn biểu tình, sẵn sàng chờ lệnh tiến chiếm huyện đường và các công sở.

4 giờ sáng ngày 23/8/1945, cánh quân thứ nhất gồm lực lượng quần chúng và tự vệ miền tây huyện ào ạt tiến vào huyện lỵ, nhanh chóng chiếm trụ sở huyện đường, tước vũ khí của bảo an binh, bắt tri huyện Ngô Tư Gia và nha lại, thu toàn bộ hồ sơ, tài liệu, triện đồng. Cánh quân thứ hai gồm quần chúng và tự vệ hai tổng An Xá, An Mỹ Hạ, được chia làm ba bộ phận vượt cầu Bến Sanh kéo vào huyện lỵ yểm trợ cánh quân thứ nhất, kiểm soát dọc đường từ ngã ba Cây Sanh và chợ Cầu; chiếm nhà ga Hà Thanh và Sở chè, Sở canh nông. Sau 3 tiếng đồng hồ, các điểm trọng yếu trong huyện đều do lực lượng khởi nghĩa làm chủ, kiểm soát toàn bộ tình hình.

Đúng 8 giờ ngày 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa đã tổ chức một cuộc mítting lớn tại sân huyện đường để chào mừng thắng lợi của cuộc khởi nghĩa, chào mừng Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện do đồng chí Nguyễn Đăng Khoa làm Chủ tịch. Sau đó, cuộc mítting biến thành

cuộc diễu hành, biểu dương lực lượng, được hàng vạn nhân dân hưởng ứng.

Ở phủ Vĩnh Linh, thi hành lệnh khởi nghĩa của tỉnh, Ủy ban khởi nghĩa phủ được thành lập do đồng chí Nguyễn Đức Thuởng làm Chủ tịch. Ủy ban đã bố trí lực lượng tại 4 khu vực quan trọng là phủ lỵ, ga Sa Lung, ga Tiên An, Cửa Tùng.

Chiều tối ngày 22/8/1945, lực lượng cách mạng tổng Huỳnh Công và một phần lực lượng của tổng Hồ Xá được huy động tập trung tại Trạng Cù, sẵn sàng chờ lệnh đánh chiếm phủ lỵ. Lực lượng cách mạng của tổng Hiền Lương tập trung tại cây đa ngã ba chợ Đàng để chiếm Cửa Tùng. Lực lượng cách mạng tổng Xuân Hoà tập trung tại Võ Xá để chiếm ga Tiên An. Lực lượng cách mạng tổng Hồ Xá vây chiếm ga Sa Lung.

Nửa đêm 22, rạng ngày 23/8/1945, sau khi lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh phát ra, hàng ngàn quần chúng có vũ trang bằng vũ khí thô sơ cùng với các đội tự vệ chiến đấu khởi nghĩa giành chính quyền ở các vị trí theo sự phân công của Ủy ban khởi nghĩa phủ, sau đó kéo về phủ đường hô vang khẩu hiệu. Toàn bộ quân lính cùng chính quyền tay sai xin hàng, nộp vũ khí, sổ sách, ấn triện. Tri phủ Cao Xuân Thọ định tẩu thoát nhưng bị tự vệ bắt sống. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời phủ thành lập do đồng chí Nguyễn Đức Thuởng làm Chủ tịch, Trần Giác làm Phó Chủ tịch và các ủy viên: Hoàng Tiết, Hoàng Thị Miên.

Tại Đông Hà, Cam Lộ, thực hiện kế hoạch khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, trên địa bàn Cam Lộ có hai

điểm khởi nghĩa là huyện lỵ Cam Lộ và thị trấn Đông Hà, huyện lỵ Cam Lộ là đầu não cai trị của chính quyền địch cấp huyện.

Thị trấn Đông Hà, tuy đất hẹp nhưng đông dân. Binh lính địch, nhất là quân đội phát xít Nhật chiếm đóng nhiều nơi ở thị trấn. Tại đây, cơ sở đảng còn rất mỏng, nhưng đây là trọng điểm khởi nghĩa của tỉnh.

Tại Cam Lộ, Ủy ban khởi nghĩa Cam Lộ ngoài 3 đồng chí được cấp trên chỉ định là Nguyễn Diệu, Hà Xuân Mỹ, Lê Quang Soạn còn có thêm các đồng chí Trần Văn Kỳ, Hồ Choe, Nguyễn Tỉnh.

Sau khi gấp rút chuẩn bị về mọi mặt, Ủy ban khởi nghĩa huyện dự định đêm 22/8 tổ chức quần chúng tự vệ tuyên truyền vũ trang để sáng ngày 23/8 cướp chính quyền. Nhưng đến ngày 23/8 mới liên lạc được với lực lượng cách mạng ở hơn hai tổng An Lạc và Mai Lộc, nên Ủy ban khởi nghĩa định ngày khởi nghĩa ở huyện lỵ vào sáng 24/8.

Trước giờ khởi nghĩa, đồng chí Hồ Choe được giao nhiệm vụ thương lượng với Nhật đóng ở Cam Lộ, hứa sẽ bảo đảm an toàn cho họ, nếu họ không can thiệp vào nội bộ của ta. Số bảo an binh được ta giác ngộ từ trước nên đã theo về với nhân dân.

4 giờ ngày 24/8/1945, quần chúng cách mạng tổng Cam Vũ có lực lượng tự vệ chiến đấu đã tập trung ở phía bắc cầu Đuôi. Quần chúng cách mạng ở các làng phía tây bắc huyện lỵ với đội ngũ chỉnh tề, rầm rập tiến về huyện đường theo giờ quy định của Ủy ban khởi nghĩa.

Hàng ngàn quần chúng cách mạng có lực lượng tự vệ làm nòng cốt đã tập kết sẵn sàng ở sân vận động huyện và đúng 6 giờ ngày 24/8, tất cả đều tiến vào trước huyện đường. Theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, tri huyện Huỳnh Khắc Thắm mang theo ấn triện, chìa khoá, sổ sách, công văn ra đứng trước công đường xin trao cho chính quyền cách mạng.

Cùng lúc đó, hàng ngàn quần chúng của tổng An Lạc đã tập kết ở ngã tư Sông, tiến theo đường 71 lên huyện lỵ Cam Lộ. Ở phía tây nam huyện lỵ, hơn hai ngàn quần chúng tổng Mai Lộc (vùng Cù) bùng bùng khí thế kéo ra huyện lỵ tham gia khởi nghĩa, chứng kiến giờ phút thiêng liêng của cách mạng. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện được thành lập do đồng chí Nguyễn Diệu làm Chủ tịch.

Ở thị trấn Đông Hà, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh cử đồng chí Lê Vụ, ủy viên Ủy ban khởi nghĩa tỉnh ra Đông Hà trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, nhưng do tình hình ở Đông Hà căng thẳng, không bắt liên lạc được với cơ sở cách mạng nội thị nên Ủy ban khởi nghĩa tỉnh cử đồng chí Đoàn La thay đồng chí Lê Vụ.

Trước giờ khởi nghĩa, quân đội phát xít Nhật có 2.000 tên, đóng tại nội thị và 50 tên lính của lực lượng bảo an binh, đóng ở đồn Tây cũ. Về lực lượng cách mạng, sau ngày Nhật đảo chính Pháp, cả thị trấn chỉ còn lại một đảng viên là Nguyễn Xuân Liễm làm nghề thợ may. Để chuẩn bị khởi nghĩa, đồng chí Nguyễn Xuân Liễm đã tổ chức đội tự vệ chiến đấu gồm 40 công nhân do đồng chí

Vân Hùng (tức Trần Quang Đán) phụ trách, được trang bị bằng vũ khí thô sơ, một ít lựu đạn.

Chiều ngày 24/8/1945, để biểu dương lực lượng, thị uy với đối phương, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền vào sáng ngày 25/8, hàng ngàn quần chúng, phần lớn là thanh niên của tổng An Lạc và đội tự vệ công nhân Đông Hà, tập trung ở ngã tư Sông, kéo biểu tình tuần hành vào trung tâm thị trấn. Đoàn biểu tình giương cao cờ đỏ sao vàng và hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Pháp!”.

Sáng ngày 25/8/1945, đoàn biểu tình xuất phát từ chợ Đông Hà. Vào lúc chợ đang đông nên đoàn biểu tình được nhiều người cùng tham gia hưởng ứng. Khi đoàn biểu tình đến ngã ba thị trấn, quân đội phát xít Nhật đã trong tư thế sẵn sàng đàn áp. Cán bộ chỉ huy của đoàn tiến lên phía trước và trực tiếp nói với chúng: “Chúng tôi đi đánh Tây chứ không đánh các ông”. Đoàn biểu tình liên tiếp hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Pháp!”. Tên chỉ huy đồn bảo an điều lính ra đàn áp đã bị quần chúng cách mạng ập vào khống chế. Nhân cơ hội đó, đội tự vệ công nhân được lệnh nhanh chóng bắt từng tên lính bảo an, buộc chúng phải trao súng cho cách mạng.

Đội tự vệ công nhân được trang bị thêm 50 khẩu súng vừa mới tước từ tay bảo an binh, dẫn đầu đoàn biểu tình tiến vào sân vận động, là nơi Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít-tinh chào mừng cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Sau khi giành được chính quyền, đồng chí Trần Quang Đán thay mặt chính quyền cách mạng trực tiếp gặp viên sĩ quan chỉ huy quân đội Nhật ở Đông Hà đưa đề nghị: “Các ông đã phải đầu hàng,

thế nào rồi cũng bị quân Đồng Minh vào tước vũ khí. Vậy tốt nhất là các ông cho binh lính các ông giao trước vũ khí cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ bảo toàn tính mạng của các ông, tạo điều kiện cho các ông trước khi rút về nước một cách thuận lợi”. Viên sĩ quan chỉ huy quân đội Nhật chấp thuận và cho lập biên bản bàn giao 80 tấn đạn và hàng trăm khẩu súng các loại cho cách mạng. Số vũ khí thu được này về sau đã góp phần trang bị cho đoàn quân Nam tiến của tỉnh Quảng Trị vào chiến đấu ở các tỉnh Nam Bộ.

Hướng Hoá là huyện phía tây của tỉnh, nằm dọc theo dãy Trường Sơn, dân cư thưa thớt. Đặc biệt có đường 9 - con đường chiến lược miền Trung Đông Dương - nơi thực dân Pháp cũng như phát xít Nhật lúc này rất chú ý. Vì vậy, so với các huyện khác ngoài nạn đói đe dọa, Hướng Hoá còn bị lực lượng quân đội phát xít Nhật chiếm đóng dọc đường 9 khá đông và một bộ phận tàn quân Pháp chạy lên ẩn náu dọc biên giới Việt - Lào từ sau ngày bị Nhật đảo chính (09/3/1945).

Với đặc điểm trên, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đã quyết định khởi nghĩa ở Hướng Hoá chậm lại từ 1 đến 3 ngày. Thực hiện kế hoạch, sau khi khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở tỉnh lỵ và các huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh đã cấp tốc điều động các đồng chí Trần Hoài Quang, Lê Khắc Khoan lên Hướng Hoá, cùng với lực lượng tại chỗ làm nhiệm vụ vận động nhân dân các dân tộc Vân Kiều, Pa Cô đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Nhưng trên thực tế, sau khi tỉnh lỵ và các phủ, huyện ở đồng bằng khởi

nghĩa giành chính quyền xong thì chính quyền bù nhìn Hướng Hoá do Lữ Mộng Liên đứng đầu, tự tan rã và viết thư xin nộp con dấu và giao chính quyền cho cách mạng rồi chạy trốn. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hướng Hoá được thành lập vào ngày 25/8/1945.

Như vậy, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong toàn tỉnh đến ngày 25/8/1945 đã kết thúc thắng lợi.

Cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh gọn. Lực lượng cách mạng đông đảo của quần chúng kết hợp với lực lượng bán vũ trang, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vùng lên lật đổ chính quyền bù nhìn tay sai của Nhật.

Hình thái khởi nghĩa đã diễn ra là giành chính quyền ở tỉnh lỵ và các phủ, huyện cùng một lúc. Ủy ban khởi nghĩa tỉnh và các phủ, huyện đã vận dụng và kết hợp nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sinh động; chọn đúng thời cơ là khi cả nước đã có tình thế cách mạng trực tiếp, khi được tin quân Nhật muốn đầu hàng Đồng Minh và chính quyền bù nhìn hoang mang cao độ.

Khởi nghĩa thắng lợi ở Quảng Trị càng chứng minh đường lối đúng đắn của Đảng ta và Lãnh tụ Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc là đem sức ta mà tự giải phóng cho ta; khẳng định rằng Đảng bộ tỉnh Quảng Trị đã vận dụng đúng đắn và sáng tạo đường lối khởi nghĩa của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Nhân dân Quảng Trị cùng cả nước đã là chủ nhân của nước Việt Nam độc lập, kết thúc vẻ vang 15 năm đấu tranh anh dũng, kiên cường giành quyền tự chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

PHẦN THỨ HAI

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

CHƯƠNG VI

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG, ĐÁNH ĐỊCH BẢO VỆ VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI (23/8/1945 ĐẾN 19/12/1946)

I. QUẢNG TRỊ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lịch sử dân tộc đã sang trang. Ngày 02/9/1945, trước cuộc mít tinh của nhân dân Thủ đô tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước nhân dân thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người kêu gọi toàn dân đoàn kết, kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với vô vàn khó khăn, thử thách. Đất nước bị các thế lực thù địch bao vây, tấn công. Theo thỏa thuận của Đồng minh tại Hội nghị Potsdam (Potsdam), đầu tháng 9/1945, Chính phủ Trung Hoa dân quốc Tưởng Giới Thạch đưa 200.000 quân vào phía Bắc vĩ tuyến 16 nước ta và Chính phủ Anh đưa quân vào phía Nam để tước vũ khí quân đội Nhật Bản. Từ ngày 23/9/1945, quân Pháp núp sau quân Anh trắng trợn đánh chiếm Sài Gòn rồi Nam Bộ hòng áp đặt trở lại sự thống trị của đế quốc Pháp đối với dân tộc Việt Nam. Ở trong nước, các thế lực phản động như “Việt Nam Quốc dân Đảng” (Việt quốc), “Việt Nam Cách mạng đồng minh hội” (Việt cách), Đảng Đại Việt dựa vào các thế lực bên ngoài để chống phá cách mạng, kích động, lôi kéo, hòng lật đổ Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Chưa bao giờ đất nước Việt Nam có nhiều kẻ thù bên ngoài và bên trong như lúc này.

Tình hình trên cùng với khó khăn về kinh tế - xã hội là thách thức hết sức nặng nề đối với Đảng ta và chính quyền cách mạng. Nạn đói ở miền Bắc do Nhật, Pháp gây ra chưa được khắc phục, tiếp tục thêm nạn lụt rồi dịch bệnh, sốt rét. Công nghiệp đình đốn, nhà máy đóng cửa. Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt. Tình hình tài chính rất khó khăn, ngân hàng Đông Dương nằm trong tay tư bản Pháp, quân Tưởng tung tiền quốc kim và quan tệ ra thị trường gây rối loạn. 95% dân số không biết chữ. Đất nước ta lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Nhưng, nhân dân Việt Nam sau hơn 80 năm nô lệ dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến, đã trở thành người làm chủ đất nước, một lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ra sức bảo vệ thành quả cách mạng, quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, sau ngày cách mạng Tháng Tám thắng lợi (23/8/1945), hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh đến huyện, xã nhanh chóng được thiết lập và đi vào hoạt động. Ủy ban khởi nghĩa tỉnh chuyển thành Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời do đồng chí Trần Hữu Dực làm Chủ tịch; đồng chí Đặng Thí làm Phó Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu, Ủy viên Thường trực kiêm Nội vụ...

Lúc này, Quảng Trị cũng như nhân dân cả nước phải đương đầu với muôn vàn thử thách: nạn đói đang tiếp diễn; hậu quả chính sách vơ vét của thực dân Pháp, phát xít Nhật để lại chưa khắc phục được. Các ngành sản xuất như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp bị đình đốn, hàng hóa khan hiếm, tài chính trống rỗng; di sản văn hóa nô dịch, lạc hậu, hơn 95% nhân dân mù chữ. Các tệ nạn xã hội tuy đã giảm nhiều nhưng chưa thể giải quyết triệt để.

Quân Tưởng kéo đến, đòi đóng quân ở 5 điểm thuộc thị xã Quảng Trị, Đông Hà, Mỹ Chánh, Cam Lộ, Lao Bảo nhưng ta buộc chúng chỉ được đóng ở hai nơi là thị xã Quảng Trị và Đông Hà. Bọn tướng lĩnh quân đội Tưởng ban đầu không chịu thừa nhận chính quyền dân chủ nhân dân và chủ quyền của ta, ngang nhiên nắm quyền kiểm

soát thị xã, thị trấn, buộc ta phải tiêu tiền quan kim và quốc tệ mất giá, cung dồn đủ thứ cho quân đội của chúng.

Phát xít Nhật tuy đã đầu hàng Đồng Minh nhưng lực lượng của chúng còn khá đông, được trang bị vũ khí hiện đại và chiếm đóng ở nhiều nơi.

Tất cả bọn thực dân đế quốc đều có chung dã tâm thôn tính nước ta. Chúng bí mật hoạt động móc nối với một số tay chân, thu thập tình báo, tung dư luận thực dân Pháp sẽ trở lại, lôi kéo những người còn có tư tưởng sợ thực dân Pháp, dọa dẫm những người đi theo cách mạng, gây ảnh hưởng chính trị của Pháp trong nhân dân. Ở Quảng Trị, một số tay sai của Tưởng cùng một số thanh niên có học thức bất mãn ở các địa phương như anh em Lê Đình Ngân ở Bồ Bản; thầy Thoàn, Tú Hiệt (Triệu Phong); anh em Trần Minh ở Đông Hà; Tú Uông ở Cam Lộ đã câu kết với một số tên phản động đội lốt tôn giáo như linh mục Giáo ở nhà thờ Trí Bưu tìm mọi cách chống phá Việt Minh ở thôn, xã, làm nội ứng giúp tàn quân Pháp ở vùng biên giới hai tỉnh Quảng Trị và Savannakhet trở lại xâm lược.

Khó khăn, thách thức đè nặng lên vai chính quyền mới, nhưng nhân dân Quảng Trị cũng như nhân dân cả nước có một Đảng từ hoạt động bí mật trở thành Đảng cầm quyền, có uy tín cao, có lãnh tụ sáng suốt, được toàn dân tin tưởng, có hệ thống tổ chức trong toàn quốc, có đường lối và phương pháp đúng, vững tay chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam. Nhân dân Quảng Trị tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm bảo vệ nền độc lập và xây dựng chế độ mới.

II. ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG, ĐÁNH ĐỊCH Ở BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO

Tiếp theo Hội nghị toàn tỉnh ở Phước Lễ, để thống nhất sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh đã họp trong hai ngày 10 và 11/9/1945 tại xóm Rào, thôn An Tiêm, Triệu Phong, có trên 30 đại biểu của các huyện, thị đến dự. Hội nghị lần này có ý nghĩa quan trọng vừa để thống nhất sự lãnh đạo của Đảng bộ vừa quyết định các vấn đề về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng, tổ chức Việt Minh và các đoàn thể nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, vừa bàn các biện pháp thực hiện 6 nhiệm vụ đối nội cấp bách của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra ngày 03/9/1945:

Một là, phát động phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói trong khi chờ đợi thu hoạch hoa màu sẽ mở một đợt lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào nhin ăn một bữa, gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo.

Hai là, mở chiến dịch chống nạn mù chữ.

Ba là, tổ chức càng sớm càng tốt cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

Bốn là, mở phong trào giáo dục tinh thần cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ cũ để lại.

Năm là, bãi bỏ ngay thuế thân, thuế chợ, thuế dò và nghiêm cấm việc hút thuốc phiện.

Sáu là, tuyên bố quyền tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo.

Hội nghị đã cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 7 đồng chí: Đặng Thí, Hồ Ngọc Chiêu, Hoàng Thị Ái, Nguyễn Hoạch, Lê Vụ, Hồ Ngọc Tích, Bùi Trung Lập; cử đồng chí Đặng Thí làm Bí thư Tỉnh ủy.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ sau một thời gian ngắn thực hiện Nghị quyết Hội nghị toàn tỉnh, hệ thống chính quyền từ tỉnh đến các phủ, huyện và cơ sở nhanh chóng được thiết lập, kiện toàn và đi vào hoạt động. Đơn vị hành chính cấp tổng (cũ) bị bãi bỏ để thành lập đơn vị hành chính mới cấp xã (làng lớn thì mỗi làng là một xã, các làng nhỏ được hợp nhất hai hoặc ba làng thành một xã). Tháng 10/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng chuyển thành Ủy ban hành chính do đồng chí Nguyễn Xuân Luyện làm Chủ tịch, đồng chí Đặng Thí làm Phó Chủ tịch, đồng chí Trần Sâm - Ủy viên thư ký. Chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống cơ sở từng bước mở rộng thành phần, bao gồm cán bộ Việt Minh và những người nông dân, phụ nữ hăng hái tích cực. Về sau Tỉnh ủy chủ trương tranh thủ một số quan lại, công chức cũ, nhân sĩ trí thức tham gia vào bộ máy chính quyền, mặt trận nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân¹. Sau Hội nghị

1. Ông Lê Châm, Hàm Thị Lang của triều đình Huế được bố trí làm Chánh án tòa án Quảng Trị; ông Nguyễn Trí Kiệt, tri huyện cũ được đưa vào làm Chủ tịch Liên Việt tỉnh; ông Phan Giá, chủ trương lý Văn phòng triều đình Huế đưa vào Mặt trận Việt Minh huyện Hải Lăng; ông Phan Văn Hy, tỉnh trưởng tỉnh Quảng Trị dưới thời Trần Trọng Kim, được bố trí làm Bệnh viện trưởng Dân y tỉnh Quảng Trị.

cán bộ toàn tỉnh (10/9/1945), các ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, tổ chức Công đoàn lần lượt được thành lập, có hệ thống từ trên xuống dưới và tiến hành Đại hội Mặt trận, Đại hội các đoàn thể¹. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, một số cán bộ của Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể được cử lên miền núi Hướng Hóa công tác cùng với cán bộ tại chỗ vận động, tổ chức nhân dân các dân tộc Vân Kiều, Pa Cô khắc phục khó khăn, xây dựng chế độ mới, bảo vệ bản làng, biên giới.

Về lực lượng vũ trang, Chi đội giải phóng quân được thành lập trưa ngày 23/8/1945 do đồng chí Trương Linh phụ trách. Ngày 19/9/1945, Chi đội giải phóng quân chuyển thành Chi đội Thiện Thuật - là đơn vị chủ lực đầu tiên của tỉnh do đồng chí Quán Xuyên làm Chi đội trưởng. Ngày 21/9/1945 đồng chí Nguyễn Đăng Trình được Tỉnh ủy chỉ định làm Chi đội trưởng, thay đồng chí Quán Xuyên, đồng chí Trương Linh làm Chi đội phó. Chi đội Thiện Thuật là đơn vị bộ đội chủ lực đầu tiên của tỉnh, gồm 1.500 cán bộ, chiến sĩ, hầu hết được lựa chọn từ các đội tự vệ chiến đấu. Đa số cán bộ đại đội, tiểu đoàn là cai, đội, quân khố xanh, khố đỏ trước đây có tinh thần yêu nước, tự nguyện tham gia. Việc nuôi dưỡng, cung cấp

1. Lúc mới thành lập, Mặt trận Việt Minh do đồng chí Lê Vụ làm Chủ nhiệm; Hội Liên hiệp Phụ nữ cứu quốc do đồng chí Hoàng Thị Ái làm Bí thư; Đoàn Thanh niên cứu quốc do đồng chí Hà Xuân Mỹ làm Bí thư; Hội Nông dân cứu quốc do đồng chí Nguyễn Hoạch làm Chủ tịch.

lương thực, thực phẩm cho chi đội chủ yếu dựa vào sự đóng góp của nhân dân. Mọi hoạt động của chi đội đều đặt dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh.

Tháng 12/1945, các tổ chức quân sự ở địa phương được sắp xếp lại. Ở tỉnh, bỏ ủy viên quân sự trong Ủy ban hành chính để tổ chức Tỉnh đội do đồng chí Hồ Tri Tân (Hồ Ty) làm Tỉnh đội trưởng. Ở các huyện, thị cũng bỏ ủy viên quân sự trong Ủy ban hành chính huyện, thị để tổ chức Ban tự vệ chiến đấu của huyện.

Ở xã có Ban Dân quân tự vệ có nhiệm vụ điều hành các hoạt động và chỉ huy các lực lượng dân quân tự vệ ở xã, phối hợp với các lực lượng trinh sát, công an, cảnh vệ giữ gìn an ninh trật tự xã hội, bảo vệ cơ quan Đảng, chính quyền... của địa phương, bảo vệ các trục giao thông huyết mạch, các kho tàng của Nhà nước.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy đã cử một số đồng chí có khả năng sang làm cán bộ chỉ huy quân sự, cán bộ chính trị ở các đơn vị của chi đội giải phóng quân Thiện Thuật, từ cấp trung đội trở lên đều có chính trị viên. Sau khi Ủy ban hành chính tỉnh được thành lập, Tỉnh ủy đã cử đồng chí Trần Mạnh Quỳ làm Chính trị viên Chi đội Thiện Thuật; sau cử đồng chí Trần Sâm làm Chính trị viên thay đồng chí Trần Mạnh Quỳ đi nhận công tác khác¹. Tỉnh đã mở trường

1. Xem Ban Thường vụ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.45.

quân sự tại làng Nhan Biều (Triệu Phong) để đào tạo cán bộ tiểu đội kịp thời bổ sung cho các đơn vị. Một số địa phương như Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong cũng mở lớp đào tạo, mời võ sư về dạy võ thuật¹.

Việc luyện tập quân sự cho bộ đội và dân quân, tự vệ được đẩy mạnh trong toàn tỉnh. Phong trào học tập quân sự thu hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia, trong đó có nhiều thanh nữ cắt tóc ngắn, đội mũ ca lô, mặc quần soóc, được trang bị súng trường, giáo mác hoặc gậy tre, hăng hái học tập chính trị, 12 điều kỷ luật, cách ném lựu đạn, bắn súng, đâm lê, các bài võ dân tộc, học cách dàn trận, tiến lùi cấp tiểu đội, trung đội.

Để giải quyết khó khăn về vũ khí, thực hiện Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra ngày 15/9/1945, Tỉnh ủy quyết định thành lập xưởng sửa chữa vũ khí, lúc đầu mang tên Đội Quyên đặt ở làng Như Lệ (sau nay thuộc thị xã Quảng Trị) do ông Văn Tôn phụ trách. Đồng thời cử một số cán bộ đi giao thiệp với sĩ quan, binh lính Nhật để mua vũ khí, tiếp quản các loại vũ khí, quân trang, quân dụng chủ yếu là của quân đội Nhật ở dọc đường 9, chợ Phiên Cam Lộ, Đông Hà, thị xã Quảng Trị; đưa muối qua Lào để đổi súng kíp². Số vũ khí thu được đem trang bị cho các lực lượng vũ trang của tỉnh và giành một phần cung cấp cho mặt trận Thuận Hóa.

1. Xem Ban Thường vụ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Sdd, tr.46.

2. Ghi theo lời kể của đồng chí Trần Văn Mông (Xuyên Tâm).

Song song với việc xây dựng, củng cố lực lượng bộ đội chủ lực, lực lượng dân quân tự vệ, Tỉnh ủy đã thành lập Ban Tư pháp - Trinh sát (trực thuộc Ủy ban hành chính tỉnh) do đồng chí Lê Đình Thu phụ trách. Nhiệm vụ của Ban Tư pháp - Trinh sát là trấn áp các thế lực phản cách mạng, bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh và thiết lập trật tự xã hội ở các thị trấn, thị xã.

Cuối tháng 12/1945, Tỉnh ủy quyết định chuyển Ban Tư pháp - Trinh sát thành Ty Trinh sát và cử đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ty. Tháng 3/1946, Ty Trinh sát đổi tên thành Ty Công an Quảng Trị.

Các lớp tập huấn tổ trưởng Đảng, chi ủy, chi bộ, cán bộ đoàn, cán bộ phụ nữ, cán bộ quân sự được tổ chức ở nhiều nơi trong tỉnh thu hút hàng trăm học viên dự học, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân và các ngành quân sự, công an trong tỉnh.

Về kinh tế, thực hiện sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ lâm thời, từ đầu tháng 9, nhất là từ sau Hội nghị cán bộ toàn tỉnh (tháng 9/1945), khắp nơi trong tỉnh đã đẩy lên phong trào “sẻ cơm, nhường áo” và sản xuất chống đói. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi theo gương Người, tất cả các gia đình, cơ quan, xí nghiệp, doanh trại bộ đội đều tổ chức “hũ gạo cứu đói”, 7 ngày một lần “đồng tâm nhịn ăn, dành gạo cứu đói”. Mặt trận và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, phụ lão thành lập các đội quyên góp gạo. Gạo tiết kiệm, ngoài việc giúp đồng bào một số nơi trong tỉnh bị đói, còn gửi ra cứu trợ nhân dân một số tỉnh ở miền Bắc đang lâm vào nạn đói nặng.

Cùng với vận động đồng bào tương trợ giúp đỡ nhau đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi, các cấp vận động nông dân đóng góp hàng vạn ngày công làm thủy lợi như: đắp đập Lá Hẹ, Cánh Hòm, chợ Cầu, đào sông Ngô Xá - La Duy, đào hói Duân Kinh, đắp đê chống lũ ở các cánh đồng Cu Hoan, Diên Sanh, Trường Sanh.

Cùng thời gian trên, Quảng Trị đã thực hiện Sắc lệnh bãi bỏ thuế thân của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ban hành ngày 07/9/1945). Thuế thân là một thứ thuế vô lý và hết sức dã man do thực dân Pháp duy trì, hàng năm đánh vào mỗi người đàn ông từ 18 tuổi trở lên. Vì vậy, việc bãi bỏ thuế thân đã giải phóng nhân dân ta khỏi ách nô lệ, nhân phẩm của con người được tôn trọng, làm cho mọi người thấy được bản chất tốt đẹp của chế độ mới, ngày càng gắn bó với chính quyền cách mạng.

Đất ruộng của các đồn điền người Pháp vắng chủ, của Việt gian bán nước được trưng thu. Công điền công thổ được chia lại một cách công bằng cho mọi công dân không phân biệt nam nữ. Chính quyền dân chủ ban bố lệnh giảm tô 25%, vận động nhà giàu xoá nợ hoặc hoãn nợ cho người nghèo.

Thực hiện khẩu hiệu “tắc đất tắc vàng”, “không một tắc đất bỏ hoang”, khắp các địa bàn trong tỉnh chỗ nào còn đất có thể trồng trọt đều được trồng rau màu ngắn ngày.

Thắng lợi trên mặt trận sản xuất, chống giặc đói có ý nghĩa chính trị to lớn. Đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân lao động giảm bớt khó khăn, khối liên minh công nông - nền tảng của chế độ mới được củng cố.

Từ ngày 17/9 đến ngày 24/9/1945, hưởng ứng “Tuần lễ vàng” do Chính phủ chủ trương để lập “Quỹ độc lập”, một phong trào tự nguyện quyên góp của nhân dân Quảng Trị đã diễn ra sôi nổi. Từ những nông dân lao động, cuộc sống hằng ngày còn khó khăn, thiếu thốn đến những người giàu có đều hăng hái đem tiền của, vàng bạc, mâm thau, nồi đồng ủng hộ. Nhiều gia đình và chị em đã ủng hộ cả các bộ đồ thờ, tư trang và vật kỷ niệm riêng của mình như nhẫn vàng, hoa tai, kiềng vàng. Là một tỉnh nhỏ và nghèo nhưng chỉ sau một tuần phát động, tính riêng về vàng, Quảng Trị đã ủng hộ “Quỹ độc lập” của Chính phủ được 4 kg vàng mười.

Phong trào chống nạn mù chữ nhanh chóng lôi cuốn toàn dân trong tỉnh tham gia. Theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, làm dân một nước độc lập không thể mù chữ, thanh niên học sinh, công chức, trí thức hăng hái tham gia vào các “đội quân diệt giặc dốt”. Trong một thời gian ngắn, hầu khắp các khu phố, thôn xóm từ đồng bằng, miền biển đến rừng núi xa xôi hẻo lánh đã tổ chức những lớp bình dân học vụ cho những người chưa biết chữ đủ các tầng lớp xã hội, đủ các lứa tuổi, học vào bất kỳ giờ nào thuận tiện.

Đoàn thể phụ nữ có sáng kiến tổ chức một số chị em đã biết chữ luân phiên nhau đến giúp làm việc nhà thay cho những chị em chưa biết chữ đi học được đều đặn. Với tinh thần hiếu học, sau gần một năm, ở Quảng Trị đã thanh toán được nạn mù chữ cho hàng vạn người ở độ tuổi dưới 45. Các lớp học phổ thông tiểu học ở thị xã, thị trấn, ở

các làng xã được khai giảng đúng thời hạn, mặc dù Nhà nước thiếu tiền trả lương cho giáo viên.

Song song với cuộc vận động “diệt giặc dốt”, cuộc vận động xây dựng “đời sống mới” được tuyên truyền rộng rãi nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, yêu lao động, căm ghét bóc lột, xây dựng đạo đức cách mạng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra, tẩy sạch những thói hư, tật xấu do xã hội cũ để lại. Hệ thống văn hóa thông tin từ tỉnh xuống xã, thôn được xây dựng, xóm nào cũng có “chòi” thông tin tuyên truyền. Tỉnh đã lập Hội văn nghệ Quảng Trị, ra *Tờ tin Quảng Trị*. Một số huyện ra Tờ tin của huyện phát hành đến cơ sở. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh được chính quyền, đoàn thể các cấp chăm lo. Toàn tỉnh có một bệnh viện. Huyện lỵ và một số xã hoặc liên xã đã mở được bệnh xá để chữa bệnh cho nhân dân. Ngành y tế tỉnh đã mở lớp đào tạo cán bộ y tế, hộ sinh, sử dụng đội ngũ y tế của chế độ cũ, liên tục tổ chức các đợt tiêm phòng dịch bệnh cho nhân dân. Phong trào thể dục, thể thao “khỏe vì nước” có tính chất quần chúng phát triển sôi nổi.

Thắng lợi trên mặt trận “diệt giặc dốt” và xây dựng “đời sống mới” không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa, tinh thần mà còn là một thắng lợi có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị xã hội. Các tầng lớp nhân dân Quảng Trị được nâng cao lòng yêu nước, ý thức làm chủ xã hội và trình độ hiểu biết để góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 23/9/1945, được quân Anh giúp đỡ, thực dân Pháp nổ súng trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Nhân dân Nam Bộ một lần nữa đứng lên cầm súng chiến đấu. Trước tình hình đó, Chính phủ ra Lệnh kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ đồng bào Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp. Quân và dân Quảng Trị đã tỏ rõ thái độ căm thù giặc cao độ. Hưởng ứng Lệnh kêu gọi của Chính phủ, quân và dân Quảng Trị tổ chức nhiều cuộc mít-tinh, biểu tình rầm rộ ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Phong trào tình nguyện giết giặc được nhân dân hào hứng tham gia. Thiếu niên xung phong đi liên lạc. Phụ nữ xung phong đi tiếp tế, cứu thương. Thanh niên học sinh tình nguyện cầm súng chiến đấu. Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị còn tổ chức tốt việc hậu cần tiếp tế cho các đơn vị Nam tiến khi đi qua Quảng Trị. Ngay trong những ngày đầu, Quảng Trị đã tổ chức một đại đội gồm 115 chiến sĩ tình nguyện lên đường vào làm nhiệm vụ chiến đấu ở chiến trường cực Nam Trung Bộ.

Trên địa bàn tỉnh, sau ngày Nhật đảo chính Pháp (ngày 09/3/1945), một số tàn binh Pháp chạy khỏi tỉnh lỵ và các đồn binh lên ẩn náu ở vùng rừng núi biên giới Việt - Lào bám vào các trục đường giao thông quan trọng. Đặc biệt ở đường 9 có khoảng một tiểu đoàn bộ binh cơ giới thuộc lữ đoàn bộ binh thuộc địa Đông Dương¹ do tên đại tá Tuốccanh (Tourqium) chỉ huy đánh chiếm vùng ngoại vi Sê Pôn,

1. Xem Thường vụ Đảng uỷ - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Sđd, tr.53.

Mường Phìn, Pa Làn và kéo dài tới Cầm Cốt, Lạc Xao. Cuối tháng 10/1945, tàn binh này được sự chi viện của quân dù đã mở đợt tấn công vào miền tây - đường 9 Quảng Trị với ý đồ buộc các đơn vị quân đội Nhật đóng trên đường 9 phải giao các vị trí của Nhật cho Pháp.

Kịp thời ngăn chặn âm mưu của địch, Tỉnh uỷ Quảng Trị điều động một bộ phận lực lượng của chi đội giải phóng quân Thiện Thuật do đồng chí Nguyễn Đăng Trình chỉ huy tiến lên phía tây đường 9, được sự phối hợp của quân và dân Hướng Hoá, đã tập kích tước vũ khí quân Nhật trước khi quân Pháp chưa kịp kéo đến, phá tan âm mưu của thực dân Pháp dùng quân Nhật làm “bình phong” để tiến hành xâm lược nước ta. Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của quân và dân Quảng Trị ở đường 9 bắt đầu.

Trong thời gian chiến đấu ở mặt trận phía tây đường 9, bộ đội ta được các đoàn đại biểu thay mặt Đảng, chính quyền và Mặt trận từ hậu phương lên thăm hỏi, động viên, tặng quà cho cán bộ, chiến sĩ.

Tháng 11/1945, sau khi Bộ chỉ huy Chiến khu IV do Chính phủ thành lập, đã lập Ban chỉ huy mặt trận đường 9 do đồng chí Nguyễn Thụ chỉ huy, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính uỷ. Chi đội Thiện Thuật (Quảng Trị), cùng với một đơn vị của Chi đội Lê Trực (Quảng Bình) sát cánh với lực lượng yêu nước tỉnh Savannakhet do đồng chí Thao Ô U Hắc chỉ huy cùng chiến đấu đánh địch. Lần đầu tiên lực lượng vũ trang Khu IV nói chung, Quảng Trị nói riêng cùng với nước bạn Lào kết hợp tác chiến chống

thực dân Pháp góp phần hình thành liên minh chiến đấu Việt - Lào¹.

Đầu tháng 12/1945, quân và dân ta anh dũng đánh bật địch ra khỏi Khe Sanh, Lao Bảo. Tiếp đó, bộ đội ta phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Savannakhet tấn công địch ở Sê Pôn diệt và bắt sống 53 tên, thu toàn bộ vũ khí, khí tài của quân Pháp. Sau đó tiếp tục tiến công địch ở Mường Phìn, Phà Lan, Huội Cay, cầu Thà Khống, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Cũng trong thời gian này, theo chỉ thị của Trung ương, bộ đội đường 9 tổ chức đưa phái đoàn Hoàng thân Xuvanuvông về nước góp phần củng cố thêm tình đoàn kết chiến đấu giữa hai nước Việt - Lào.

Chiến thắng Sê Pôn và một số nơi khác ở đường 9 đã tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch, bước đầu đánh bại âm mưu: chiếm giữ hành lang Thái Phiên - Thuận Hoá - Đông Hà - Lao Bảo - Savannakhet, bám chặt đường 9 hòng chiếm Bình - Trị - Thiên, chia cắt Việt Nam, dùng nơi đây làm địa bàn cho bọn bù nhìn toàn quốc dựng lại ngai vàng mục nát của chúng.

Về sau, tuy có những tổn thất, hy sinh, nhưng quân và dân Quảng Trị vẫn tiếp tục phối hợp với bộ đội yêu nước Lào đánh địch, bảo vệ chính quyền ở các xã miền tây, vùng biên giới, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng ở đây tiếp tục phát triển.

1. Xem Thường vụ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Sđd, tr.53.

Những tháng cuối năm 1945, cuộc đấu tranh chống quân Tưởng và tay sai càng gay go, phức tạp. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định: quân Tưởng ra sức thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng song kẻ thù chính của nhân dân ta là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

Muốn tập trung lực lượng chống thực dân Pháp, cần phải nhân nhượng hòa hoãn với quân Tưởng để còn thời gian xây dựng lực lượng về mọi mặt và chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến toàn quốc có thể xảy ra. Ngày 11/11/1945, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng sự thật là rút vào hoạt động bí mật.

Thực hiện chủ trương đó, Tỉnh ủy đã Chỉ thị cho các cấp ủy trong tỉnh kịp thời giải thích trong cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên hiểu rõ sách lược của Đảng, đồng thời tăng cường lãnh đạo công tác mặt trận, đi sâu vận động quần chúng, vạch mặt bọn phản động đội lốt yêu nước và cách mạng.

Để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, ngày 08/9/1945, Chính phủ công bố Sắc lệnh Tổng tuyển cử và quyết định tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước vào ngày 06/01/1946.

Thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, từ tháng 12/1945, Ủy ban hành chính tỉnh đã xây dựng kế hoạch của chính quyền và mặt trận về việc bầu cử đại biểu Quốc hội và kế hoạch bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Mặt trận Việt Minh giới thiệu danh sách ứng cử viên để toàn dân trong tỉnh lựa chọn.

Ngày 05/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: "... ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình.

Ngày mai, dân ta sẽ tỏ cho các chiến sĩ ở miền Nam rằng: Về mặt trận quân sự, thì các chiến sĩ dùng súng đạn mà chống quân thù. Về mặt chính trị, thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu cũng có sức lực như một viên đạn"¹.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ sáng sớm ngày 06/01/1946, cuộc bầu cử đã diễn ra sôi nổi. Ngày bầu cử Quốc hội thật sự là ngày biểu dương lực lượng đoàn kết toàn dân, biểu dương ý chí làm chủ vận mệnh của cả dân tộc. Trên 98% cử tri toàn tỉnh đã đi bầu cử². Các đại biểu đắc cử đều là những người do Mặt trận Việt Minh giới thiệu như Lê Thế Hiếu, Đặng Thí, Trần Mạnh Quỳ.

Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội ở Quảng Trị cũng như cả nước thành công là một thắng lợi có ý nghĩa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân; đánh dấu một bước ngoặt đối với cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với bè lũ Mỹ - Tưởng; khẳng định sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng. Sức mạnh thống nhất ý chí, đoàn kết đấu tranh của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.166.

2. Lúc này, tỉnh Quảng Trị có trên 28 vạn dân và gần 15 vạn cử tri nên được bầu 3 đại biểu Quốc hội.

dân tộc Việt Nam đã giáng cho âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của Mỹ - Tưởng một thất bại nặng nề, dồn chúng đến chỗ không thể lập một chính quyền tay sai và phải tính chuyện rút khỏi nước ta.

Tiếp theo sau cuộc Tổng tuyển cử, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân xã được triển khai một cách khẩn trương, nghiêm túc. Hội đồng nhân dân Quảng Trị gồm 22 ủy viên¹. Hội đồng nhân dân các cấp đã bầu Ủy ban hành chính các cấp. Đồng chí Nguyễn Xuân Luyện được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu làm Trưởng Ty Công an, đồng chí Ngô Trọng Hy làm Trưởng Ty Giao thông - Bưu điện, đồng chí Nguyễn Đàm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân, đồng chí Nguyễn Duy Thước làm Trưởng Ty Tài chính, đồng chí Trương Quang Phiên phụ trách Giáo dục, đồng chí Nguyễn Tăng Mật làm Trưởng Ty Y tế và đồng chí Nguyễn Thụy phụ trách Ban Kiến thiết.

Cùng thời gian này, thực hiện chủ trương của Chính phủ, địa giới các xã trong tỉnh được mở rộng. Toàn tỉnh Quảng Trị có 66 xã: Hải Lăng 16 xã, Triệu Phong 14 xã, Cam Lộ 10 xã, Gio Linh 7 xã, Vĩnh Linh 15 xã, Hướng Hoá 4 xã (chưa kể một số bản làng xa xôi hẻo lánh chưa tổ chức lại thành xã được)².

1. Hải Lăng: 06, Triệu Phong 06, Cam Lộ 02, Gio Linh 02, Vĩnh Linh 02, Hướng Hoá 01, thị xã Quảng Trị 01, Đông Hà 02. Theo báo cáo của Ủy ban kháng chiến - hành chính Tỉnh ngày 20/4/1948.

2. Báo cáo của Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh Quảng Trị ngày 20/4/1948.

Đầu năm 1946, Chính phủ mới của Pháp đứng trước tình hình kinh tế kiệt quệ và chính trị không ổn định, ngả sang phe hữu, nhận viện trợ của Mỹ. Ở Việt Nam, vấp phải cuộc chiến đấu ngoan cường của nhân dân ta, Chính phủ Pháp mưu tính kế hoạch mua bán quyền lợi với Anh, Mỹ và Tưởng để được thay chân quân Anh ở miền Nam và đưa quân ra miền Bắc Việt Nam.

Ngày 03/3/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Tình hình và chủ trương*, nhấn mạnh lập trường của Đảng ta: Nếu Pháp chỉ thừa nhận quyền tự trị của Việt Nam thì nhất định đánh, nếu Pháp công nhận quyền tự chủ thì có thể hòa. Tiếp đó, ngày 09/3/1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Hòa để tiến*. Chỉ thị phân tích chủ trương hòa hoãn với Pháp là để đẩy mạnh xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng, đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng, củng cố phong trào quần chúng. Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* cùng Chỉ thị *Hòa để tiến* là sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược hết sức đúng đắn, nhạy bén, phù hợp với sự chuyển biến tình hình đất nước, ứng phó kịp thời và có hiệu quả với âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù.

Để quán triệt chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn tỉnh trong tháng 9/1945 và đề ra nhiệm vụ năm 1946, tháng 3/1946, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại trụ sở tự vệ chiến đấu ở thị xã Quảng Trị. Đồng chí Trần Tổng, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ dự Hội nghị.

Kiểm điểm tình hình vừa qua, Hội nghị nhất trí đánh giá: những cuộc vận động thực hiện ba nhiệm vụ trọng

tâm là “diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm” bước đầu đã mang lại cho Quảng Trị một sắc thái mới tốt đẹp. Qua các cuộc vận động lớn đó, Đảng bộ Quảng Trị đã huy động được lực lượng toàn dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền, tạo nên nền móng của chế độ mới, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của nhân dân, tổ chức được phong trào quần chúng rộng rãi với khí thế cách mạng sôi sục chưa từng có. Khối đoàn kết toàn dân chung quanh Đảng, Việt Minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày càng vững mạnh. Chính quyền cách mạng Quảng Trị đã góp phần cùng cả nước vượt qua những khó khăn, thử thách ban đầu tưởng như không thể vượt qua nổi.

Hội nghị quyết nghị phải tiếp tục củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, lực lượng công an, đẩy mạnh sản xuất, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường vận động quần chúng, củng cố Mặt trận, chú trọng công tác phát triển Đảng. Đồng thời, Hội nghị đã ra nghị quyết tích cực chuẩn bị để tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

Hội nghị nhất trí bổ sung các đồng chí: Nguyễn Xuân Luyện, Trần Sâm, Trần Văn Ngoạn, Trần Mạnh Quý vào Tỉnh ủy, vì các đồng chí Lê Vụ, Hoàng Thị Ái, Hà Xuân Mỹ, Bùi Trung Lập được cấp trên điều lên cơ quan Trung Bộ.

Sau Hội nghị, toàn tỉnh đã tổ chức đợt sinh hoạt chính trị nhằm giáo dục, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên hiểu rõ chủ trương của Trung ương Đảng về tạm thời hoà hoãn với Pháp. Đồng thời chỉ rõ việc chuyển hướng về sách lược và những nhiệm vụ cần kíp trong giai

đoạn mới. Đợt tuyên truyền đã làm cho mọi người hiểu rõ khó khăn, một lòng tin tuyệt đối với sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm mệnh lệnh của Chính phủ, không nghe theo những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động.

Thi hành Hiệp định Sơ bộ, Quảng Trị thành lập Ban liên kiểm Việt - Pháp và tổ chức lực lượng tiếp phòng quân. Lực lượng tiếp phòng quân gồm các chiến sĩ được lựa chọn kỹ (từ tiểu đoàn 15 chuyển qua) do đồng chí Đoàn La chỉ huy, đóng ở Đông Hà, làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ đường sắt và giám sát quân Tưởng rút lui. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Quảng Trị cử một phái đoàn do đồng chí Đặng Thí làm Trưởng đoàn cùng với phái đoàn của Chính phủ Lào tiến hành đàm phán với quân đội Pháp để thi hành Hiệp định Sơ bộ (06/3/1946). Trong cuộc đàm phán này, phái đoàn ta đã đồng ý để cho phía Pháp mượn đoạn đường 9 (Lao Bảo - Đông Hà) và đoạn đường quốc lộ 1 (Đông Hà - Huế) để quân đội chúng từ Hạ Lào về Huế. Thực dân Pháp, một mặt được chuyển một bộ phận quân đội về đóng ở Huế; mặt khác, chúng âm mưu ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta như đưa quân từ Đông Lào áp sát biên giới Thừa Thiên, Quảng Trị, các trục đường 9, số 8, số 7 và đưa quân từ Thượng Lào xuống uy hiếp miền tây tỉnh Thanh Hóa.

Cùng trong thời gian này, các tổ chức phòng nhì, gián điệp của thực dân Pháp tăng cường hoạt động. Chúng tung người, tiền của, móc nối bọn tay sai cũ của thực dân Pháp còn ẩn náu ở các nơi trở lại hoạt động chống phá cách mạng.

Mục tiêu, nội dung và phương pháp hoạt động của thực dân Pháp và tay sai rất thâm độc, xảo quyệt. Chúng tuyên truyền xuyên tạc “việc ta ký kết Hiệp định ngày 06/3 là bán nước” để gây chia rẽ giữa Đảng, Chính phủ với nhân dân. Ta đã tăng cường lực lượng an ninh, nắm tình hình bọn phản động một cách chặt chẽ nên đã kịp thời trấn áp, ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại của địch, phá tan các tổ chức Việt quốc và phản động đội lốt tôn giáo âm mưu bạo loạn ở Nam Đông, Nam Tây, Vạn Kim (Gio Linh), Nhan Biều (Triệu Phong).

Cuộc đấu tranh về quân sự chuyển thành cuộc chiến tranh về chính trị, kinh tế và văn hoá, nhưng phải cảnh giác đề phòng mọi bất trắc. Quán triệt tinh thần đó, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, lực lượng vũ trang cách mạng Quảng Trị không ngừng được củng cố, tăng cường. Thành lập đại đội tự vệ chiến đấu tập trung của tỉnh - Đại đội Lê Hồng Phong được giao nhiệm vụ xây dựng khu căn cứ của tỉnh. Phong trào gia tăng sản xuất được đẩy mạnh hơn trước. Nhiều tổ nông hội ở vùng đồng bằng trong tỉnh đã kéo nhau lên khai hoang, trồng rau màu ở các vùng gò đồi rừng núi, lưu vực các sông Ô Lâu, Nhùng, Thạch Hãn, Hiếu, Bến Hải nhằm tăng nhanh nguồn lương thực, thực phẩm cho gia đình, xã hội; đồng thời chủ động xây dựng các khu căn cứ cách mạng cho làng, xã khi thực dân Pháp bội ước, đánh chiếm nước ta.

Với Hiệp định Sơ bộ, cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi quan trọng. Thực dân Pháp buộc phải công

nhận quyền tự chủ và thống nhất đất nước Việt Nam, gạt bỏ được quân Tưởng Giới Thạch - một kẻ thù nguy hiểm ra khỏi nước ta. Quân và dân Quảng Trị tranh thủ thời gian hoà hoãn, ra sức xây dựng và bảo vệ chế độ mới, sẵn sàng tham gia kháng chiến chống lại kẻ thù.

III. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I

Sau hơn 4 tháng, Tỉnh ủy tập trung chuẩn bị dự thảo các báo cáo và cử cán bộ về các huyện trực tiếp nắm tình hình; giúp các Huyện ủy tổ chức học tập Điều lệ Đảng trong đảng viên và quần chúng trung kiên; chỉ đạo tổ chức Đại hội Đảng các huyện, cử các đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Ngày 28/6/1946, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ I tổ chức tại Thành Cổ Quảng Trị (thị xã Quảng Trị). Đến dự Đại hội có 120 đại biểu. Đồng chí Tố Hữu, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ về dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã thảo luận các báo cáo của Tỉnh ủy, tập trung vào việc đánh giá tình hình mọi mặt từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công đến lúc này, bàn kỹ các nhiệm vụ sắp tới, tăng cường và củng cố sự thống nhất trong Đảng bộ, phát triển các đoàn thể, thành lập Hội Liên Việt tỉnh, bàn các biện pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa...

Đại hội bầu 14 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I: Đặng Thái, Hồ Ngọc Chiêu, Nguyễn Xuân

Luyện, Trần Văn Ngoạn, Trần Sâm, Phan Trọng Tịnh, Lê Khoang, Hồ Ngọc Tích, Nguyễn Cáo, Nguyễn Hoạch, Nguyễn Hữu Khiếu, Hoàng Xuân, Nguyễn Bá Sam, Nguyễn Đàm; đồng chí Đặng Thái được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Hồ Ngọc Chiêu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ nhất (7/1946), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Tỉnh ủy đã tổ chức cho các Đảng bộ, chi bộ đảng trong tỉnh phân tích âm mưu thâm độc của thực dân Pháp trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, đồng thời khẳng định sự đúng đắn của những chính sách cơ bản của ta đang được tiến hành.

Qua đợt học tập, mọi người nhận rõ ta nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Sơ bộ. Trái lại thực dân Pháp với bản chất hiếu chiến và xâm lược, chúng chà đạp thô bạo những điều khoản đã ký với ta, tìm cách trì hoãn, kéo dài cuộc thương lượng ở Phôngtennôbolô và tiến hành chính sách đe dọa, đem quân áp sát biên giới, tăng cường lực lượng chốt giữ những vị trí quan trọng hai bên trục đường 9 ở phía Lào. Trong nội địa, gián điệp tay sai của thực dân Pháp tăng cường hoạt động, tuyên truyền xuyên tạc nội dung bản Hiệp định sơ bộ, chia rẽ giữa Đảng, Chính phủ với nhân dân.

Để nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, lực lượng vũ trang tỉnh được kiện toàn về tổ chức, Chi đội Thiện Thuật chuyển thành Trung đoàn Thiện Thuật có 3 tiểu đoàn (13, 14, 15) và một số đại đội trực thuộc (công binh, trợ chiến, thông tin, trinh sát). Dân quân tự vệ chia làm hai loại: tự vệ

chiến đấu thoát ly tập trung ở tỉnh một đại đội, mỗi huyện một trung đội; dân quân tự vệ không thoát ly hoạt động ở cơ sở, mỗi xã, phường lúc này đặt chỉ tiêu phấn đấu xây dựng một đại đội dân quân tự vệ trực chiến.

Tháng 8/1946, Trung đoàn Thiện Thuật được Bộ Quốc phòng và Chiến khu IV tăng cường một số cán bộ có kinh nghiệm chỉ huy chiến đấu. Đồng chí Hùng Việt¹ được điều về làm Trung đoàn trưởng thay đồng chí Nguyễn Đăng Trình.

Lực lượng Công an tỉnh được tăng cường và mở rộng phạm vi hoạt động về cơ sở nông thôn, đồng thời tiến hành thành lập các quận Công an, phát triển mạng lưới điệp báo viên, trinh sát viên ở các thôn, xã.

Để động viên con em nhân dân trong tỉnh tham gia quân đội đánh giặc, cứu nước, Tỉnh ủy chủ trương lập Hội mẹ chiến sĩ gồm những phụ nữ có tuổi đời trên 40. Tinh thần yêu nước và lòng nhân hậu của phụ nữ Quảng Trị được phát huy, mỗi bà mẹ nhận một chiến sĩ (có mẹ nhận 2 đến 3 chiến sĩ) làm con nuôi để chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về công tác Đảng, duy trì sinh hoạt chi bộ có nền nếp, công tác phát triển Đảng được coi trọng. Nhiều làng trước đây chưa có đảng viên, lúc này có đảng viên hoạt động và thành lập được chi bộ Đảng. Toàn Đảng bộ tỉnh có 1.670 đảng viên sinh hoạt trong 70 chi bộ. Cuộc đấu tranh đối mặt với kẻ thù hết sức gay go, phức tạp đã rèn luyện cho

1. Đồng chí Hùng Việt (Đình Huy Phan) đã tham gia giải phóng quân ở chiến khu Việt Bắc. Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, tham gia đội quân Nam tiến, trực tiếp chỉ huy một đơn vị chiến đấu ở Tây Nguyên.

toàn Đảng bộ Quảng Trị tinh thần đoàn kết nhất trí xung quanh Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên quyết chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, giữ vững ý thức tổ chức kỷ luật, luôn luôn gắn bó với quần chúng, dựa vào quần chúng và được quần chúng tin cậy. Qua thực tế đấu tranh, Đảng bộ Quảng Trị đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ cốt cán đông đảo, chẳng những đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở địa phương mà còn có một số đồng chí được điều động đi hoạt động ở nhiều tỉnh khác. Đồng chí Hồ Xuân Lưu được điều ra công tác ở Tổng Công hội. Đồng chí Trần Hữu Dực được điều lên làm Chủ tịch Ủy ban hành chính Trung Bộ. Đồng chí Trương Hoàn vào công tác ở Lâm Viên (Lâm Đồng). Đồng chí Bùi Trung Lập ra công tác ở Quảng Bình. Đồng chí Lê Thị Quế công tác ở Trung Bộ. Đồng chí Nguyễn Thị Tiển được điều vào làm công tác phụ nữ ở miền Nam Trung Bộ.

Công tác vận động quần chúng của Đảng được mở rộng. Nhằm tập hợp các lực lượng yêu nước và nhân sĩ trí thức ngoài Mặt trận Việt Minh, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, phát huy tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, Mặt trận Liên Việt (tức Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam) tỉnh được thành lập do ông Lê Thế Hiếu làm Chủ tịch.

Đoàn Thanh niên cứu quốc làm nòng cốt trong phong trào dân quân tự vệ, tòng quân giết giặc, xóa mù chữ, xây dựng nếp sống mới. Phụ nữ cứu quốc làm nòng cốt trong sản xuất, vận động nuôi quân, chăm sóc thương binh, tiết kiệm, cứu đói. Nông dân cứu quốc làm nòng cốt trong sản

xuất, đánh giặc giữ làng. Công đoàn làm nòng cốt trong công tác giao thông, vận tải, bưu điện, sản xuất vũ khí, in ấn tài liệu, tờ tin của tỉnh...

Công tác vận động đồng bào các dân tộc miền núi luôn được Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh, Mặt trận và các đoàn thể chăm lo như đã cử một số cán bộ ở đồng bằng lên công tác dài hạn ở miền núi, lập “Ban ủng hộ đồng bào các dân tộc thiểu số” của tỉnh để làm nhiệm vụ quyên góp lương thực, thực phẩm và công cụ sản xuất, giúp đồng bào miền núi khắc phục khó khăn, ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất. Mặt khác, tỉnh đã có chủ trương đưa các đoàn đại biểu nhân dân các dân tộc Hướng Hóa về đồng bằng học hỏi cách làm ăn, sinh sống của đồng bào Kinh ở một số nơi trong tỉnh.

Kỷ niệm một năm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (02/9/1945 - 02/9/1946), Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức một cuộc triển lãm tại thị xã Quảng Trị. Cuộc triển lãm giới thiệu thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã đạt được trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Thành tích nổi bật là 49.360 ha ruộng đất công (chiếm 53% trong tổng số diện tích canh tác của toàn tỉnh) đã được chính quyền cách mạng phân chia công bằng, hợp lý cho mọi công dân theo nguyên tắc dân chủ, không phân biệt nam, nữ. Việc làm đó được mọi tầng lớp nhân dân, nhất là bần, cố nông nhiệt liệt hoan nghênh, tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Nông dân hăng hái tham gia vào Nông hội.

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới, công tác thông tin tuyên truyền, phong trào văn hóa, văn nghệ của quần

chúng, phong trào thể dục - thể thao “khỏe vì nước” đã có tác động trực tiếp đến công cuộc xây dựng chế độ mới, con người mới có tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau, hăng say lao động, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và học tập công tác, có cuộc sống lành mạnh, vui tươi. Từ nông thôn đến thị trấn, thị xã không còn tệ nạn xã hội. Tòa án các cấp lập ra nhưng cũng ít xét xử. Đêm đêm các “chòi thông tin” ở từng xóm và các tổ tuyên truyền lưu động đến từng nhà loan tin, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Mặt trận và các đoàn thể. Các đội văn nghệ của thanh niên, học sinh, dân quân tự vệ... tự biên, tự diễn các vở kịch ngắn hoặc trình diễn những câu hò, bài hát cách mạng nhằm kêu gọi vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện “ba không”, “ba sạch”, “bốn diệt”, bài trừ mê tín dị đoan, xóa bỏ những hủ tục cưới xin đình đám ma chay tốn kém, lãng phí, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tòng quân đánh giặc.

Một năm sống trong độc lập, tự do, dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, người dân thực sự làm chủ vận mệnh đất nước. Thời gian không dài, nhưng đã để lại cho mỗi người dân ở Quảng Trị những ấn tượng sâu sắc về chính quyền cách mạng. Trước hết, các ngành kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục... từ chỗ hầu như chỉ có hai bàn tay trắng đã tiến bộ rõ rệt. An ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững. Đầu tháng 11/1946, nhân dân Quảng Trị cùng với nhân dân cả nước vui mừng đón Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhà nước dân chủ nhân dân đã có một thể chế vững vàng. Nhân dân Quảng Trị vô cùng tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, quyết tâm chiến đấu bảo vệ chế độ cách mạng.

Tình hình đất nước sau Hiệp định Sơ bộ còn nhiều phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải lãnh đạo nhân dân thống nhất ý chí, hành động trên hai phương diện: đấu tranh ngoại giao và đấu tranh chính trị đòi thực dân Pháp phải thi hành Hiệp định Sơ bộ, đồng thời sẵn sàng đối phó với mọi hành động của địch, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Cuối tháng 3/1946, Chính phủ Pháp phải thỏa thuận: Quốc hội Việt Nam cử một phái đoàn sang Pháp và Pháp cử một phái đoàn sang Việt Nam để chuẩn bị điều kiện cho việc ký Hiệp định chính thức ở Pari.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp Tạm ước ngày 14/9/1946 với thiện ý luôn cố gắng đẩy lùi và ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, mong muốn giải quyết với Pháp bằng con đường thương lượng, nhưng thực dân Pháp đã bội ước và ngày càng lấn tới.

Ngày 19/10/1946, Hội nghị quân sự toàn quốc họp về nhận định: nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp. Hội nghị đã vạch ra nhiệm vụ, kế hoạch cho cả nước sẵn sàng chiến đấu.

Triển khai thực hiện chủ trương của Trung ương, cuối tháng 10/1946, Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh Quảng Trị được triệu tập, họp tại thị xã Quảng Trị. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ dự và trực tiếp truyền đạt Nghị quyết hội nghị quân sự toàn quốc, phổ biến Nghị quyết Trung ương về việc giải thể cấp Xứ và thành lập các Liên khu cho phù hợp với tình hình mới. Hội nghị cán bộ làm việc hết sức khẩn trương với nội dung tập trung vào hai vấn đề chủ

yếu: chuẩn bị kháng chiến, củng cố các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh.

Sau khi quán triệt tình hình đất nước, thấy rõ nhiệm vụ trước mắt là phải khẩn trương chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hội nghị thống nhất đề ra các nhiệm vụ:

- Tăng cường Ban Chỉ huy tự vệ tỉnh (tỉnh đội) và các Ban chỉ huy tự vệ các huyện (huyện đội). Cử đồng chí Lê Thế Diễn làm Chính trị viên Tỉnh đội. Tổ chức cuộc diễn tập tự vệ chiến đấu trong toàn tỉnh.

- Tiến hành phá hoại các trục giao thông quốc lộ 1, quốc lộ 9, đường xe lửa, phá các ngôi nhà xây dựng kiên cố (chủ yếu ở thị xã tỉnh lỵ và các huyện lỵ), xây dựng các tuyến phòng ngự...

- Chuyển công binh xưởng từ Như Lệ (sau này thuộc xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị) ra Hảo Sơn (huyện Gio Linh).

- Tăng cường các cấp ủy đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới.

Sau Hội nghị cán bộ, Tỉnh ủy quyết nghị đưa một số đồng chí cán bộ cấp tỉnh bổ sung về các huyện, thị. Cơ quan Tỉnh ủy biên chế gọn nhẹ gồm một số đồng chí chủ chốt và một số người làm công tác Văn phòng. Đồng chí Nguyễn Hoạch phụ trách bộ phận xây dựng chiến khu của tỉnh và lập kế hoạch sơ tán cơ quan Tỉnh ủy khi cần thiết.

Giữa tháng 12/1946, sau khi làm việc với các đồng chí Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn, nhiệm vụ của bộ đội Quảng Trị trong thời gian này được xác định là ngăn chặn quân Pháp từ đường 9 tràn về giải vây cho Huế và phối hợp với bộ đội Thừa Thiên bao vây, tiêu diệt quân Pháp đóng ở

Huế. Ủy ban kháng chiến tỉnh Quảng Trị vừa thành lập gồm các đồng chí Đặng Thí, Nguyễn Xuân Luyện, Hùng Việt, Trần Sâm, Nguyễn Hữu Khiếu¹ đã họp, bàn kế hoạch cụ thể về việc bố trí lực lượng bộ đội chủ lực Trung đoàn 95 (tức Trung đoàn Thiện Thuật) bảo đảm hai nhiệm vụ:

- Chặn địch ở mặt trận đường 9, làm chậm bước tiến của chúng về Huế giải vây cho quân Pháp.

- Bố trí trận địa, chuẩn bị đối phó với địch khi địch đánh chiếm thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị.

Hội nghị thống nhất kế hoạch chặn đánh địch ở đường 9, bố trí lực lượng đánh địch ở phía nam tỉnh, bố trí trận đánh lớn ở thị xã tỉnh lỵ. Lực lượng Công an nắm tình hình và lập danh sách số đối tượng phản động nguy hiểm, phân loại để xử lý trong các tình huống bằng nhiều hình thức phù hợp. Bố trí lực lượng di chuyển hồ sơ, tài liệu, đưa phạm nhân ra vùng an toàn.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban kháng chiến tỉnh, cả Quảng Trị sôi nổi chuẩn bị kháng chiến. Nam, nữ thanh niên và trung niên đều tham gia dân quân tự vệ. Nhiều cụ già xung phong gia nhập đơn vị lão dân quân. Lực lượng dân quân tự vệ tập trung cùng với lực lượng dân quân, thanh niên phá đường, phá cầu trên quốc lộ 1, đường sắt, đường 9, cùng với các đơn vị bộ đội chủ lực lập các chiến hào, trận địa chờ đánh địch.

1. Đồng chí: Đặng Thí, Bí thư Tỉnh ủy; Nguyễn Xuân Luyện, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh; Trần Sâm, Chính trị viên Trung đoàn Thiện Thuật; Nguyễn Hữu Khiếu, Trưởng Ty Công an; Hùng Việt, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Thiện Thuật.

Trong lúc đó, thực dân Pháp liên tục khiêu khích ta ở Thủ đô Hà Nội và láo xược gửi tối hậu thư đòi nhân dân ta phải đầu hàng. Trước tình hình hết sức nghiêm trọng, ngày 18 và 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị đánh giá ý đồ chiến lược của thực dân Pháp và so sánh lực lượng giữa ta và địch, khẳng định cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sẽ lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi. Hội nghị vạch ra đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh.

Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

...

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

...

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.534.

CHƯƠNG VII

NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (19/12/1946 - 1948)

I. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN THỬ THÁCH, BẮM DÂN, BẮM ĐẤT HOẠT ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng và hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị cùng cả nước nhất tề đứng dậy, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Ủy ban quân sự tỉnh được thành lập để thống nhất chỉ huy lực lượng quân - dân - chính. Các cơ quan, kho tàng công binh xưởng đóng ở thị xã tỉnh lỵ và các huyện lỵ đều di chuyển lên phía tây Quảng Trị, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Cũng trong thời gian này, nhân dân Quảng Trị đã đóng góp hàng vạn ngày công cùng với dân quân tự vệ, bộ đội chủ lực khẩn trương đào hào, đắp ụ, dựng chướng ngại vật, phá cầu cống, gấp rút hoàn thành

các tuyến phòng ngự quanh thị xã tỉnh lỵ, thị trấn, dọc các tuyến quốc lộ 1 và quốc lộ 9, cấm cọc ngăn sông Hiếu (đoạn sông Cửa Việt - Gia Độ, Dương Xuân - Duy Phiên - Hà La), phá những nơi mà địch có thể lợi dụng để đóng đồn bốt, trú quân. Thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”; toàn bộ lương thực, thực phẩm, phương tiện sinh hoạt được nhân dân cất giấu hoặc phá bỏ, thực hiện triệt để “vườn không nhà trống”, sẵn sàng từ bỏ cuộc sống thành thị, ra đi kháng chiến. Tỉnh ủy chủ trương cho Ủy ban kháng chiến, Ủy ban hành chính tỉnh phải hết sức chăm lo việc đưa dân đi tản cư. Mỗi huyện, mỗi xã đều lập ban tản cư chịu trách nhiệm sơ tán dân.

Những việc làm tích cực đó đã có tác dụng ngăn chặn, hạn chế các mũi tiến công của địch bằng đường bộ, đường thủy hoặc gây khó khăn, thiếu thốn lương thực, thực phẩm cho địch trong những ngày đầu kháng chiến.

Đầu tháng 01/1947, trên đường chuyển cơ quan từ Huế ra Vinh, một số đồng chí trong Ủy ban kháng chiến Trung Bộ ghé lại Quảng Trị. Nhân dịp này, Huyện ủy Hải Lăng triệu tập Hội nghị cán bộ toàn huyện tại đình Diên Sanh để nghe đồng chí Trần Hữu Dực, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Trung Bộ phổ biến tình hình và nhiệm vụ mới.

Cùng trong thời gian này, cán bộ chủ chốt huyện và xã (chủ yếu là ở huyện Triệu Phong và Hải Lăng) dự Hội nghị tại Gia Đăng (Triệu Phong) để nghe đồng chí Đặng Thái, Bí thư Tỉnh ủy, phân tích tình hình thuận lợi và khó khăn trong nước, trong tỉnh từ khi cuộc kháng chiến toàn

quốc bùng nổ và quán triệt chủ trương kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính của Trung ương Đảng và Chính phủ. Đồng chí Bí thư đã xác định trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên dù trong tình huống nào cũng phải bám sát địa bàn hoạt động, vừa tác chiến, vừa đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm; kiên quyết đấu tranh không cho giặc Pháp bắt người, cướp của, phục vụ cuộc chiến tranh phi nghĩa của chúng.

Giữa lúc đó, quân Pháp ở vùng biên giới Việt - Lào bắt đầu mở đợt tấn công đánh chiếm đường 9 - Hướng Hóa với ý đồ là trong một thời gian ngắn chọc thủng mặt trận đường 9, đánh chiếm Đông Hà, thị xã Quảng Trị, tiến vào giải vây Huế, sau đó tập trung lực lượng đánh chiếm 3 tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình rồi dùng địa bàn Bình - Trị - Thiên làm nơi đứng chân tấn công ra Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Ngày 10/01/1947, khoảng 500 tên Pháp kéo đến làng Xiềng, định vượt sông Xêbăngphai đánh vào làng Tổng Thuận. Chúng đã bị một trung đội của Tiểu đoàn 13 thuộc Trung đoàn 95 (tức Trung đoàn Thiện Thuật) chặn đánh quyết liệt. Ngày hôm sau (11/01/1947), quân Pháp dùng trọng pháo và máy bay yểm trợ, cho bộ binh vượt sông. Bộ đội ta tuy lực lượng ít, vũ khí thô sơ, nhưng ngoan cường bám trụ từng ụ đá, bụi cây đánh địch quyết liệt. Để vượt được sông Xêbăngphai đánh chiếm Khe Sanh, quân Pháp mất 4 tiếng đồng hồ và phải bỏ mạng 30 tên.

Quân dân ta đã hạ cây lấp đường 9, quân Pháp phải xuyên rừng tiến đến làng Úp, làng Trầm, Húc Thượng,

Húc Ván rồi vòng ra phía sau đánh vào thị trấn Khe Sanh. Trung đội tự vệ của thị trấn vẫn bình tĩnh phối hợp với các chiến sĩ phục vụ tại trạm điều dưỡng và một số bệnh binh đang nằm điều trị tại trạm, kéo nhau ra bố trí tại Paca chặn đánh địch, tạo điều kiện cho đồng bào thị trấn thu giấu của cải, tài sản, đốt nhà cửa, tản cư đi nơi khác.

Quân Pháp đánh chiếm Khe Sanh ngày 12/01/1947. Bộ đội ta chiến đấu với quân Pháp trong các đồn điền cà phê nằm hai bên đường 9, vừa đánh vừa rút về chốt giữ Rào Quán.

Cùng với cánh quân đánh chiếm Khe Sanh, một cánh quân khác của quân Pháp tấn công Lao Bảo. Đại đội vệ quốc đoàn của Tiểu đoàn 13 và tự vệ chiến đấu của ta bố trí sẵn ở Lao Bảo đã chiến đấu kịch liệt với địch từ trưa đến tối, diệt nhiều tên. Khi chúng được cánh quân ở Khe Sanh kéo lên chi viện, quân ta thực hiện theo kế hoạch đã định, rút tản vào rừng tiếp tục hoạt động quấy rối phía sau lưng địch để bảo toàn lực lượng.

Ngày 15/01/1947, địch từ Khe Sanh tiến đánh Rào Quán¹. Do cầu Rào Quán bị ta phá sập nên địch phải tập trung lực lượng sửa chữa trước khi tiến quân. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Hùng Việt, Trung đoàn Trưởng Trung đoàn 95, lực lượng bộ đội được tập hợp lại để giữ Rào Quán. Các tổ giạt bom được bố trí trên khắp các con đường tắt hai bên Rào Quán đã chiến đấu quyết liệt với

1. Rào Quán nằm trên con đường 9, cách thị xã Đông Hà 55 km, ở cạnh một con sông, địa thế hiểm trở.

địch suốt cả buổi chiều, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Tối 16/01/1947, quân ta rút về Đầu Mầu, chỉ để lại một số tổ giạt bom, bố trí đánh địch trên đoạn đường Rào Quán - Đầu Mầu. Địch tiến về Vũng Kho - Mai Lãnh.

Để đề phòng địch bỏ đường 9, theo đường từ Mai Lãnh về tả ngạn sông Thạch Hãn, đánh thọc về thị xã tỉnh lỵ Quảng Trị, Bộ chỉ huy đã cử một đại đội vệ quốc đoàn lên Trừ chặn địch. Tình hình mặt trận diễn biến nhanh chóng, Tiểu đoàn 14 trước đóng ở thị xã Quảng Trị, phụ trách các mặt trận Cửa Việt, Mỹ Chánh, lúc này được điều động lên Cửa, phía nam đường 9. Tiểu đoàn 15 trước đóng ở Đông Hà, phụ trách các mặt trận Cửa Tùng, bắc Quảng Trị, được lệnh ra đóng ở vùng Gio Linh, phía bắc đường 9.

Ngày 25/01/1947, địch đánh chiếm đèo Vân Thúy rồi tràn vào chiếm vùng Cửa. Trước sự tấn công ào ạt của địch, phần lớn bộ đội Tiểu đoàn 14 rút về phía huyện lỵ Cam Lộ, một số ít rút về Sơn Nam (theo đường Cửa - Lai Phước).

Địch đánh chiếm vùng Cửa và chỉ để lại những dãy lán trại làm nghi binh, còn đại bộ phận lực lượng kéo lên Mai Lãnh, tập trung đánh chiếm Đầu Mầu.

Cuộc chiến đấu tại Đầu Mầu ngày 28/01/1947 diễn ra rất quyết liệt, quân ta đã gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 03/02/1947, sau hai ngày đi tắt đường núi, quân ta đánh vào sau lưng quân địch ở Mai Lãnh gây cho chúng một số thiệt hại rồi nhanh chóng rút lui.

Chiếm xong Đầu Mầu, địch phải dừng lại nửa tháng để sửa chữa đường, cầu cống, chỉnh đốn đội ngũ và chờ quân tiếp viện. Bộ đội ta lui về giữ phòng tuyến Đèo Đá và

Cam Lộ. Tiểu đoàn 13 mặc dù đã được nhiều lần bổ sung song cũng chỉ còn lại hai đại đội. Các chiến sĩ hầu hết đều bị sốt rét. Đại đội ở lại hoạt động vùng Khe Sanh - Lao Bảo, sau khi Lao Bảo bị mất cũng phải rút về Cam Lộ để giữ Đèo Đá.

Nhờ có kinh nghiệm đối phó với địch trên trục đường 9, nên nhiều nơi khác công tác chuẩn bị chu đáo hơn, thôn xóm nào cũng có “chiến khu” riêng trong núi. Mỗi gia đình có 2 đến 3 căn cứ kín đáo. Các căn cứ đều có hầm giấu lương thực, của cải. Mỗi thôn có một, hai tổ tự vệ canh gác, du kích thì tập trung tập luyện, chuẩn bị sẵn sàng khi có tin địch đến để bố trí chiến đấu.

Được chi viện thêm quân số và phương tiện chiến tranh, ngày 13/02/1947, cánh quân địch ở Đầu Mầu - đường 9 bắt đầu tấn công đánh chiếm Đèo Đá và tiến thẳng về chiếm huyện lỵ Cam Lộ. Tiểu đoàn 13 từ đường 9 rút ra phía bắc sông Cam Lộ. Địch tiến theo đường 9 đánh thẳng về Đông Hà. Một bộ phận tiến lên chiếm chợ Phiên, đánh qua phía bắc sông Cam Lộ. Biệt động đội của ta phối hợp với một đại đội vệ quốc đoàn chặn đánh ở cầu Đuôi suốt buổi chiều, diệt nhiều tên, địch không sang được sông. Sáng sớm hôm sau, địch mới sang được sông, chiếm làng Tân Đình - đầu mối của hai tỉnh lộ 76 và 74.

Phần lớn quân địch tiến về Đông Hà, đến km 9 thì vấp phải trận địa bom, mìn dài khoảng 2 cây số của ta (điều khiển bằng điện và dây giạt). Trận đánh này không đem lại kết quả mong muốn mà chỉ phá được một xe thiết giáp và diệt được một số tên địch trên xe. Tuy vậy, đoạn đường

do ta cài đặt bom mìn đã làm cho địch phải mất 3 ngày để đào, gỡ mìn và bom. Cuộc hành quân của chúng phải chậm lại. Ngày 17/02/1947, địch đến Đông Hà chỉ còn “vườn không nhà trống”.

Thực hiện chiến thuật du kích vận động chiến, bộ đội phân tán lực lượng về từng khu vực cùng dân quân tự vệ tập kích đánh địch ở nhiều nơi.

Như vậy, trên đoạn đường từ biên giới Việt - Lào về Đông Hà (dài 80 km), địch dùng lực lượng mạnh cả bộ binh, cơ giới, máy bay tấn công nhưng trước sự đánh trả quyết liệt của quân và dân ta, địch phải mất 38 ngày mới vượt qua. Ta đã thực hiện được chủ trương tiêu hao sinh lực địch, ngăn chặn địch từng bước làm cho chúng không thực hiện được âm mưu tiến nhanh về giải nguy cho quân Pháp đang bị bao vây ở Huế.

Ở mặt trận thị xã Quảng Trị: Để giải vây cho Huế, địch phải đổ bộ từ biển Phú Lộc lên. Sau khi giải vây được cho lực lượng bị kìm chân ở Thuận Hóa, quân Pháp thừa thắng tràn qua sông Hương, đánh thọc ra Bắc Thừa Thiên, Nam Quảng Trị với quân số khoảng 1.500 tên. Ngày 12/02/1947, chúng đánh chiếm Mỹ Chánh. Ngày 13/02/1947, chúng đánh chiếm Diên Sanh (huyện lỵ Hải Lăng). Ngày 15/02/1947, chúng tập trung lực lượng chia làm ba mũi vượt sông Nhùn đánh vào tuyến phòng ngự của ta ở phía nam thị xã tỉnh lỵ. Một đại đội của Trung đoàn 95 cùng lực lượng vũ trang xã Hải Long phục sẵn ở làng Thượng Xá, nên khi chúng vừa kéo đến Thượng Xá đã bị chặn đánh. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra

suốt ngày 15/02, trong đó trận đánh tại khu rừng thông (gần ga La Vang), quân và dân ta đã gây cho địch nhiều thiệt hại (khoảng 20 tên bị tiêu diệt).

Trước thế giặc quá mạnh (gồm hai tiểu đoàn bộ binh và một tiểu đoàn pháo binh), quân và dân ta vừa chống cự, ngăn cản bước tiến của địch, vừa rút lui vào Phường Sấn, Khe Khế. Sáng hôm sau, đại đội này đã cùng với một trung đội vệ binh của trung đoàn bố trí giữ nhà ga thị xã Quảng Trị.

Trước khi địch từ Huế đánh ra, Bộ chỉ huy đã điều Tiểu đoàn 14 ở Cửa về để phòng ngự thị xã Quảng Trị. Một đại đội vệ binh khu bộ Chiến khu IV được đưa vào củng cố tăng cường cho mặt trận phòng thủ tỉnh lỵ. Khắp nơi trong thị xã đều có lực lượng bộ đội, tự vệ bố trí trận địa, cài đặt bom giạt, bom treo, phá các nhà kiên cố. Cả thị xã như một cái bẫy khổng lồ chờ địch. Đồng chí Hùng Việt, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 95 trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu ở mặt trận thị xã Quảng Trị.

5 giờ 30 phút ngày 16/02/1947, trọng pháo địch bắn vào thị xã tỉnh lỵ. Sau đó, chúng cho bộ binh tiến vào thị xã. Các lực lượng vũ trang của ta đã anh dũng chiến đấu với địch, quyết liệt nhất là ở sân vận động, dọc quốc lộ 1 và ở các làng Trí Bư, Thạch Hãn.

Sau nửa ngày kịch chiến, địch phải bỏ mạng trên 200 tên, số bị thương chở đầy 15 xe, địch mới làm chủ được thị xã tỉnh lỵ. Bộ đội ta vừa rút, vừa đốt phá những ngôi nhà còn lại trong thị xã. Riêng đại đội bố trí ở Trí Bư chống cự với địch đến 16 giờ ngày 16/02/1947 mới vượt qua sông

Vĩnh Định rút về An Tiêm. Các tiểu tổ cảm tử quân với một chút lương khô, chui trong cống ngầm, tiếp tục ở lại mấy ngày trong thị xã giết bom đánh địch ở Ty Công an, ở khu vực vườn hoa bờ sông, ở ngã tư chợ tỉnh.

Trong những ngày đầu kháng chiến, quân và dân Quảng Trị đã làm tròn nhiệm vụ buộc địch không thực hiện được kế hoạch giải vây ở Huế. Thời gian giải vây ở Huế phải kéo dài và lực lượng của chúng bị tổn thất nặng. Chúng phải đổi kế hoạch từ Lao Bảo về Đông Hà, thị xã Quảng Trị rồi vào giải vây Huế bằng kế hoạch đổ bộ quân vào Nam Thừa Thiên, đánh ra Huế giải vây cho quân Pháp đang bị vây hãm ở đó.

Ngày 17/02/1947, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức họp mở rộng gồm các đồng chí Đặng Thí, Nguyễn Xuân Luyện, Nguyễn Hữu Khiếu, Trần Sâm, Lê Chuởng... tại làng Lại An (Gio Linh). Hội nghị nhận định: sau khi đánh chiếm được thị xã Quảng Trị và Đông Hà, địch cũng bị tiêu hao nặng, nên chắc chắn địch phải dừng lại một thời gian để củng cố lực lượng, tiến hành “bình định” vùng chúng mới chiếm đóng. Sau đó, địch sẽ mở đợt tấn công đánh chiếm Gio Linh, Vĩnh Linh... Qua kinh nghiệm bước đầu được rút ra ở địa bàn Triệu Phong, Thường vụ Tỉnh ủy nhận định và chủ trương: “địch có thể chiếm đất nhưng ta không để mất dân, địch cố chiếm đồng bằng, ta không phải chỉ giữ vững vùng rừng núi mà phải giành giật khu vực đồng bằng đông dân với địch. Địch sẽ ra sức tiêu diệt cơ sở kháng chiến, đánh bật cán bộ, đảng viên, bộ đội lên núi để lập hội tề, nhưng cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang

ta quyết không rời quần chúng, giữ vững các căn cứ đồng bằng, phá tề trừ gian. Cấp ủy các cấp một mặt phải nhanh chóng chuyển sang chỉ đạo đấu tranh vũ trang, bám đất, bám dân giữ vững cơ sở, khôi phục lực lượng kháng chiến, lãnh đạo chiến tranh du kích ở địa phương, mặt khác phải kiên quyết đập tan kế hoạch lập ngục quyền, ngục quân của địch”¹.

Hội nghị còn đề ra các biện pháp cụ thể như bảo toàn lực lượng bộ đội chủ lực, tăng cường lực lượng tự vệ chiến đấu, củng cố các huyện đội, lập các đội tự vệ chiến đấu của huyện, lập đội du kích đường 9 (về sau gọi là đội biệt động đường 9), lập các đội trừ gian; phát động toàn dân bao vây kinh tế địch; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, củng cố, xây dựng lại các chi bộ đảng ở các huyện phía nam tỉnh; củng cố mạng lưới giao thông và liên lạc, bảo đảm thông suốt từ trên xuống cơ sở và ngược lại.

Về quân sự, Hội nghị Thường vụ quyết định điều toàn bộ Tiểu đoàn 14 quay lại vùng đồng bằng Triệu Hải cùng với lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu của hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng và các đơn vị chủ lực đã trở lại từ trước bảo vệ dân, bảo vệ mùa màng và phải đánh mạnh vào các lực lượng chiếm đóng của địch. Thành lập Ban chỉ huy bắc sông Hiếu để đánh chặn địch khi chúng mở đợt tấn công ra các huyện phía bắc tỉnh. Tiểu đoàn 15 là lực lượng dự bị, cùng với lực lượng vũ trang hai huyện Gio

1. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1990, tr.116.

Linh, Vĩnh Linh bảo vệ các cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính tỉnh đóng trên địa bàn; phòng giữ tuyến Hà Trung, Hà Thanh (Gio Linh), bố trí trận địa sẵn sàng đánh chặn địch dọc quốc lộ 1 (đoạn Đông Hà - Gio Linh). Tiểu đoàn 13 bám địa bàn Bắc Cam Lộ, giữ đường 76.

Một tổn thất lớn cho Trung đoàn 95, lực lượng vũ trang nhân dân và Đảng bộ Quảng Trị lúc này là sáng ngày 08/3/1947, Trung đoàn trưởng Hùng Việt hy sinh vì tai nạn trong lúc hướng dẫn bộ đội sử dụng bom. Tổn thất này được giữ bí mật. Tối ngày 08/3/1947, thực hiện chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy và kế hoạch của Trung đoàn 95, Tiểu đoàn 14 vẫn hành quân quay lại vùng đồng bằng Triệu - Hải. Huyện ủy Triệu Phong và Huyện ủy Hải Lăng đã cùng với Ban chỉ huy Tiểu đoàn phân tán lực lượng, phối hợp với dân quân tự vệ xã, các đội trừ gian, tổ chức quấy rối địch, không cho địch ăn ngon, ngủ yên, phá chính sách “bình định” của chúng, cương quyết phá tề trừ gian, giữ vững lòng tin của đồng bào: Đảng vẫn còn, bộ đội vẫn còn và nhân dân vẫn tiến tục kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Các cấp ủy chăm lo tổ chức nhân dân sản xuất, thu hoạch cất giấu lúa gạo, tổ chức canh gác để làm ăn, đề phòng nạn đói và quyết không để lúa gạo, của cải rơi vào tay giặc.

Nắm vững phương châm chỉ đạo kháng chiến của Đảng, các chiến sĩ Tiểu đoàn 14, Trung đoàn Thiện Thuật đã biết lượng sức mình để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Đêm 20/02/1947, sau ngày huyện lỵ Triệu Phong bị thực

dân Pháp chiếm, dân quân và bộ đội ở Triệu Phong đột nhập trường phủ, ném lựu đạn vào nơi tập trung của địch, diệt một số tên. Cùng trong đêm đó, quân ta tấn công nhà Thương Chánh ở chợ Sãi (Triệu Phong) giết 6 tên Pháp, phá một xe Jeep. Ngày 21/02/1947, biệt động đội tự vệ hoạt động ở vùng Phú Long (Hải Lăng) phục kích địch tiêu diệt 3 tên Pháp. Ngày 12/3/1947, một chiếc xe địch từ Thuận Hóa ra đến làng Đại Nại (Hải Lăng) bị dân quân tự vệ xã Hải Long phối hợp với một số chiến sĩ biệt động đội dùng hai chiếc vò bằng gốm (giả bom) đào chôn giữa đường, chờ khi chiếc xe chở mấy tên sĩ quan và binh lính Pháp vừa đến nơi, anh em giật dây làm chiếc vò tung lên, tên lái xe giật mình khiếp sợ, hãm xe lại, lập tức anh em ta vừa hô xung phong, vừa xông đến đánh giáp lá cà với địch, phá xe, tiêu diệt hai tên Pháp và một tên ngụy. Ở Hải Châu (Hải Lăng) được sự giúp đỡ, nuôi dưỡng của nhân dân, Đại đội 5 Tiểu đoàn 14 đã tổ chức đánh địch ở xóm Kênh (gần nhà thờ Hội Yên) tiêu diệt nhiều tên dân vệ làm tay sai đắc lực của Pháp.

Những ngày cuối tháng 3/1947, địch chia nhiều mũi tiến đánh Triệu Phong, bộ đội Tiểu đoàn 14 và dân quân tự vệ chiến đấu ở địa phương đã tổ chức một trận địa lôi chiến rộng lớn, chôn bom rải rác khắp các thôn Bích La, Thượng Trạch và An Trạch, Long Quang và chặn đánh địch khắp các ngã, diệt được 80 tên và làm bị thương 20 tên khác.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân Triệu - Hải, nhất là Triệu Phong đấu tranh theo phương châm bám địch để đánh, bám dân giữ vững cơ sở,

dần dần hình thành khu căn cứ đồng bằng Triệu Phong mà trung tâm là chợ Cạn. Sau đó, khu căn cứ được mở rộng ra cả vùng đồng bằng Triệu - Hải - Phong - Quảng. Dựa vào căn cứ chợ Cạn, ta kiểm soát được phần lớn vùng đồng bằng Triệu Phong, Hải Lăng - nơi cung cấp nhân lực, vật lực cho cuộc kháng chiến.

Hạ tuần tháng 3/1947, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị họp tại Thủy Ba (Vĩnh Linh) quyết định cơ quan Tỉnh ủy chia thành ba bộ phận: một bộ phận vào Triệu - Hải, một bộ phận ở địa bàn Cam - Gio - Vĩnh, một bộ phận lên vùng núi phía tây Triệu - Hải chuẩn bị các khu căn cứ của tỉnh.

Mặt trận Bắc Quảng Trị, sau khi chiếm thị xã Quảng Trị và Đông Hà, thực dân Pháp nhanh chóng củng cố các vị trí vừa chiếm được; đồng thời, lấn dần ra phía bắc, chiếm tả ngạn sông Cam Lộ từ Tân Đình, Cam Vũ đến Cam Lộ Hạ (Cam Lộ), kiểm soát tỉnh lộ 74, hỗ trợ cho quân lính đóng ở dọc đường 9, chuẩn bị bàn đạp tấn công hai huyện Gio Linh, Vĩnh Linh.

Lực lượng vũ trang của ta lúc này hoạt động tích cực, đã chống cự với địch một cách ngoan cường và chủ động tổ chức đánh địch ở An Bình, đột kích vào các vị trí Tân Đình, Chợ Phiên, nhà thương Cam Lộ. Đồng thời bố trí một trung đội bộ đội chủ lực lên vùng Đầu Mầu hoạt động quấy rối phía sau lưng địch. Đặc biệt trong đó có trận đánh địch tại nhà Cừu Cầu (Cam Lộ Hạ), bộ đội ta đã tiêu diệt gọn một trung đội địch.

Ngày 25/3/1947, thực dân Pháp cho quân đánh chiếm ngã tư Sòng và tập trung phi cơ, pháo binh bắn phá dữ dội

vào các vùng gò đồi, đồng bằng ven biển - những nơi chúng nghi có cơ quan lãnh đạo của tỉnh, của huyện đóng và chỗ trú quân của Trung đoàn 95.

Ngày 27/3/1947, thực dân Pháp chia làm hai cánh tấn công Gio Linh. Cánh thứ nhất từ Đông Hà theo quốc lộ 1 đánh chiếm Đập Huyện. Vì đoạn đường từ Quán Ngang đến Hà Trung đã bị ta phá, nên địch phải phân ra hai mũi: một mũi xuống Phúc Sa, vòng lại chiếm huyện lỵ; mũi khác xuống Lan Đình, đánh ra Gia Môn, chiếm Ba Dốc. Nhân cơ hội đó, bọn phản động ở làng An Xá chủ trương vũ trang cho nhân dân bằng “dao sào” nổi dậy cướp kho thóc của ta nhưng chúng đã bị tiểu đội tự vệ do đồng chí Nguyễn Đức Dũng¹ chỉ huy phục kích tiêu diệt 2 tên, số còn lại bỏ chạy. Cán bộ và dân quân tự vệ xã tổ chức họp dân nói rõ âm mưu của địch, kêu gọi quần chúng nộp vũ khí và trả lại thóc cho cách mạng. Cánh thứ hai của thực dân Pháp (là lực lượng chính yếu) tiến theo đường 76, có thiết giáp yểm trợ và Việt gian ở các thôn Vạn Thiện, Vạn Kim làm nội ứng, dẫn đường; chúng tràn qua Bòng, tấn công vùng Trầm Sấn, Phú An, Nam Đông rồi đánh thẳng ra Gia Bình, Kinh Môn. Cánh quân thứ hai của thực dân Pháp cũng bị lực lượng bộ đội Tiểu đoàn 13 (Trung đoàn 95) bố trí sẵn trận địa dọc đường 76, giật bom phá tan một chiếc xe tăng, tiêu diệt trên 20 tên địch ở làng An Nha. Đêm 28/3, thừa lúc địch tiến quân ra phía trước,

1. Sau này, đồng chí Nguyễn Đức Dũng là Phó Bí thư Tỉnh ủy trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

phía sau của địch sơ hở, Tiểu đoàn 13 cho một đơn vị bộ đội đánh vào chợ Phiên (Cam Lộ) tiêu diệt và làm bị thương một số địch, trong đó có một tên quan tư Pháp (về đến Đông Hà thì chết).

Ngày 30/3/1947, Pháp đánh chiếm Vĩnh Linh bằng hai cánh quân dưới sự yểm trợ của 4 chiếc máy bay, 2 tàu chiến ở biển và hàng chục xe thiết giáp, xe cơ giới dội bom bắn phá dọn đường. Một cánh quân theo đường sắt băng qua sông Hiền Lương, cầu Tiên An, di chuyển đến đò Phúc Lâm để chiếm phủ lý Vĩnh Linh; đồng thời cho những bộ phận nhỏ đi quấy phá, xả súng bắn vào các vùng Bến Tắt, Bến Than, Phước Sơn nhằm che chở mặt sườn phía tây của chúng.

Một cánh quân khác ở phía đông, vượt qua đồng ruộng và bãi cát phía bờ biển, vòng xuống Võ Xá, Hải Chử ra Thụy Khê, Cương Gián, tràn qua Tân Trại đánh chiếm Cửa Tùng. Sau đó đánh lên phủ lý Vĩnh Linh. Hai cánh quân của chúng gặp nhau ở vùng Ba Bình, Đơn Thầm, Hồ Xá (phủ lý) đánh chiếm Quảng Xá, Phúc Lâm.

Dọc đường tiến quân, ở đâu quân Pháp cũng vấp phải sự đánh trả quyết liệt của bộ đội chủ lực. Tiểu đoàn 15 và các đội tự vệ thường trực, đã tiêu diệt được 30 tên Pháp và làm bị thương một số tên khác. Để bảo toàn lực lượng, Tiểu đoàn 15 sau trận chiến đấu ở cầu Tiên An, bến đò Hiền Lương, được lệnh của Ban chỉ huy Trung đoàn vừa đánh địch vừa rút lui theo đường Sa Lung - Bến Quan lên vùng căn cứ Ba Buôi - Cơn Tằm (tây Vĩnh Linh) gấp rút củng cố, chỉnh đốn lại hàng ngũ, tiếp tục hoạt động.

Sau một thời gian ngắn ổn định lực lượng, Chính ủy kiêm Trung đoàn trưởng Trần Sâm cùng một số cán bộ theo đường đồng bằng Gio Linh - Triệu Phong lên vùng Hải Đạo (Hải Lăng) liên lạc với tỉnh đẩy mạnh việc chuẩn bị lương thực. Khoảng tháng 4, đầu tháng 5/1947, toàn bộ Tiểu đoàn 15, lực lượng trợ chiến và Trung đoàn 95 do đồng chí Trương Linh chỉ huy đã trở vào Hải Đạo tiếp tục hoạt động.

Về phía địch, sau khi chiếm được huyện lỵ Vĩnh Linh, chúng để lại một số đơn vị chốt giữ các vị trí quan trọng như Hồ Xá, Hiền Lương, tiểu chủng viện An Ninh, Ba Bình..., còn lại chúng tập trung đánh chiếm Quảng Bình. Đến trung tuần tháng 4/1947, quân Pháp hoàn toàn kiểm soát phía nam và phía trung tỉnh Quảng Bình.

Như vậy, kể từ ngày có viện binh để giải vây Thuận Hóa đến ngày chiếm gần hết Bình - Trị - Thiên, trong thời gian hơn 3 tháng, địch phải huy động gần một vạn thủy, lục, không quân mở hai chiến dịch liên tiếp, tổn thất nhiều sĩ quan, binh lính và thiệt hại nhiều phương tiện chiến tranh mới kiểm soát được dải đất dài trên 300 km từ đèo Hải Vân đến bờ nam sông Gianh.

Trong cuộc tấn công đánh chiếm Quảng Trị nói riêng, Bình - Trị - Thiên nói chung, quân Pháp đã dùng lối đánh bao vây với những cánh quân mạnh, bao bọc quân ta rồi dùng nhiều mũi chia cắt bộ binh ta ra từng khúc, từng mảnh hòng tiêu diệt cho kỳ được lực lượng bộ đội chủ lực. Địch phối hợp thủy, lục, không quân tận dụng triệt để ưu thế về kỹ thuật, dùng chiến thuật vận động, chính diện

công kích và cho từng cánh quân tràn qua cứ điểm của ta hòng chiếm cứ địa bàn, bao vây tiêu diệt ta hay ít ra làm tiêu hao lực lượng và buộc ta phải rút.

Về phía ta, bộ đội mới xây dựng, chưa có kinh nghiệm, vũ khí thô sơ, thiếu thốn. Về mặt chiến thuật, quân ta chỉ biết bố trí trận địa đánh địch trước mặt, chưa quen vận động đánh địch sau lưng, nặng về phòng ngự, nhẹ về tấn công. Cán bộ quân sự của tỉnh có lòng yêu nước cao, căm thù giặc nhưng chưa được học tập tư tưởng chiến lược, chiến thuật, chưa có kinh nghiệm tổ chức, chỉ huy bộ đội tác chiến, chưa biết làm công tác động viên chính trị trong quân đội... Sau một thời gian chiến đấu cầm cự với địch, lực lượng vũ trang của ta vừa chiến đấu, vừa rút lui để bảo toàn lực lượng; và tạo điều kiện cho đồng bào ta thực hiện “vườn không nhà trống” trước khi quân Pháp kéo đến chiếm đóng.

Những ngày đầu kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Quảng Trị đã nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng; Đảng bộ các cấp đã kiên cường đấu tranh bám đất, bám dân; cuộc kháng chiến dần phát triển khắp nơi và kết hợp nhiều mặt, giữ vững phong trào và tạo điều kiện đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới. Vì thế Khu ủy và Quân khu 4 đã đánh giá: “Công tác chuẩn bị lâu dài được tiến hành khẩn trương, tích cực (trước khi mặt trận vỡ). Kế hoạch bố phòng, kế hoạch xây dựng và tác chiến của bộ đội chủ lực, dân quân tự vệ được chuẩn bị tương đối đầy đủ. Công tác giáo dục tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân

về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện được chú trọng, nên khi chiến sự xảy ra quân và dân Quảng Trị nhìn chung bình tĩnh, vững vàng”¹.

II. Củng cố và xây dựng thực lực cách mạng, phát động chiến tranh du kích

Sau khi đánh chiếm được ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên, Bộ tư lệnh miền Trung Trung Bộ của thực dân Pháp đóng ở Huế “do tướng Lobreit cầm đầu và đại tá Đola Rôccơ giúp việc; trực thuộc Bộ tư lệnh của lực lượng Pháp ở miền Trung Trung Bộ có Bộ tham mưu do đại tá Cốttxơ làm tham mưu trưởng”². “Thực dân Pháp chia Bình - Trị - Thiên làm ba phân khu: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Phân khu Quảng Trị do một đại tá chỉ huy gồm bốn tiểu khu: Đông Hà, Quảng Trị, Gio Linh, Khe Sanh”³. Trong từng tiểu khu, chúng xây dựng hệ thống đồn bốt, vị trí, căn cứ khá dày đặc. Khoảng cách giữa các đồn xa nhất là 5 km, gần nhất là 1 km. Quảng Trị có đường 9 - con đường chiến lược của miền Trung Đông Dương xuất phát từ Đông Hà lên Lao Bảo, qua Lào, Thái Lan. Vì vậy, ngay từ những ngày đầu đánh chiếm Bình - Trị - Thiên, quân Pháp đã tập trung lực lượng tuần tra,

1, 3. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Sđd, tr.116.

2. *Chiến trường Bắc Trung Bộ*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957, tr.63-64.

kiểm soát và chiếm đóng dọc con đường này rất chặt chẽ.

Quân Pháp dựa vào Việt gian lập danh sách cán bộ, đảng viên chủ chốt ở từng thôn, xã và cho tay sai tập kích vây bắt, thẳng tay chém giết cán bộ, đảng viên. Chúng đặt giải thưởng: nếu ai chỉ điểm cho chúng biết rõ chỗ ở của bộ đội, cán bộ hoặc tự tay giết được một Việt Minh thì được thưởng từ 1.000 đến 5.000 đồng bạc Đông Dương. Chúng tập trung lực lượng đủ các sắc lính về lùng sục suốt ngày đêm tìm bắt cán bộ, tự vệ, du kích. Khi bắt được người nào chúng nghi là Việt Minh thì cho binh lính chặt đầu cắm vào cọc, đem bêu trước cổng chợ, ở các ngã ba, ngã tư đường cái, nơi có nhiều người qua lại. Chúng dựa vào một số tay sai đắc lực, bọn phản động đội lốt Thiên Chúa giáo, mua chuộc số công chức cũ, võ về lý hương cũ, lập lại ngụy quyền các cấp. Chúng đưa những phần tử địa chủ, phú nông phản động, một số người bất mãn với chế độ ra lập hội tề. Có nơi như ở làng Thủy Trung (Vĩnh Linh) chúng dùng tre rào làng, tổ chức lực lượng canh gác, trưng biển “nội bất xuất, ngoại bất nhập” nhằm tách quần chúng khỏi cán bộ cách mạng. Chúng dùng thủ đoạn vừa mua chuộc, vừa hăm dọa để tuyển dụng tay sai; thành lập các tổ chức mật thám như an ninh, phòng nhì..., lực lượng vũ trang và bán vũ trang hoạt động ở cơ sở, như “Bảo vệ quân”, “Việt binh đoàn”, “Hương vệ”, “Hương binh”. Ngoài các công cụ trên, thực dân Pháp đặc biệt chú trọng xây dựng các tổ chức phản động như “Việt kiến”, “Quốc dân đảng”. “Đại Việt”, “Liên đoàn công giáo”, “Quốc gia liên hiệp”, “Tập đoàn dân chúng” tạo chỗ dựa về xã hội.

Trong tháng 3 và tháng 4/1947, chúng quyết tâm thực hiện kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”. Thực hiện âm mưu đó, quân Pháp liên tục mở các trận càn quét, khủng bố, thực hiện “tam sạch” (phá sạch, giết sạch, đốt sạch). Ở Hải Lăng, chỉ trong một buổi chiều (tháng 4/1947) quân Pháp đi càn đã cho lính xả súng bắn chết 115 người dân ở xóm Đò, làng Quy Thiện. Ở Vĩnh Linh, quân Pháp càn vào xã Vĩnh Hoàng, bắn chết 150 đồng bào ta trong một buổi sáng. Ở Gio Linh, quân Pháp dùng một tiểu đoàn lê dương tập kích vào làng Tân Minh, giết chết 131 người (trong tổng số dân của làng là 173 người). Nhà cửa bị đốt cháy, nhân dân ta giúp nhau dựng lại, trận càn sau dịch lại đốt phá; nhân dân ta phải làm đi làm lại năm, bảy lần, có nơi hàng chục lần. Âm mưu độc ác của thực dân Pháp không chỉ bắn giết, đốt phá bằng bom đạn mà chúng còn muốn làm cho nhân dân ta chết dần chết mòn vì đói rét, bệnh tật. Tên tướng thực dân cáo già Lơbrít đã từng tuyên bố: làm cho dân chúng chết đói để dễ bề cai trị. Thực hiện âm mưu đó, chúng ra sức phá hoại mùa màng làm cho nhân dân ta đói khổ, buộc nhân dân ta phải theo chúng. Chúng coi đây là “chiến tranh thóc gạo”. Chúng lấy việc kiểm soát lúa gạo, kiểm soát việc làm ăn để làm lung lay tư tưởng chính trị của nhân dân. Chúng dùng các biện pháp trắng trợn như huy động tay sai đi gặt cướp lúa của nhân dân, cho xe thiết giáp chạy giữa các cánh đồng lúa đang chín để phá lúa. Tàn bạo dã man hơn, chúng cho lính xả súng bắn vào nông dân giữa đồng, bắn trâu bò, phá nông cụ, bắt nông dân phải tập trung lúa vào đồn...

Vụ lúa tháng 4/1947 bị đại hạn, mất mùa. Tiếp đến, lụt tiểu mãn (tháng 5/1947) nước ngập đồng ruộng, làng xóm, lúa cất giấu dưới đất bị thối, khoai sắn bị hư hỏng. Sau trận lụt tiểu mãn, bà con nông dân đưa lúa ở các hầm lên phơi lại bị quân Pháp về cướp phá.

Tình hình kinh tế - tài chính, hậu cần gặp nhiều khó khăn. Ở vùng ta kiểm soát, sản xuất nông nghiệp bị giảm sút do địch họa và thiên tai. Trong vùng tạm chiếm, quân Pháp còn bắt nhân dân phải đóng các loại thuế, thuế đinh, thuế điền thổ... bắt tiêu bạc Đông Dương và cấm lưu hành đồng bạc tài chính của ta.

Đời sống nhân dân cũng như cán bộ, bộ đội lúc này vô cùng thiếu thốn. Nhân dân ở một số vùng nông thôn đồng bằng nhà cửa bị đốt nhiều lần đều lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Bệnh dịch xảy ra, thuốc chữa bệnh lại rất hiếm. Bộ đội bị sốt rét nhiều phải hòa thuốc ký ninh vào nước để cho nhiều người cùng uống... Lợi dụng tình hình khó khăn của ta, giặc Pháp lại tập trung lực lượng đến càn quét, đánh phá, mở rộng vùng chiếm đóng.

Đầu tháng 4/1947, các cơ quan lãnh đạo của tỉnh từ miền núi Vĩnh Linh băng rừng, vượt đường 9 vào phía nam tỉnh. Ngày 14/4/1947, Tỉnh ủy mở cuộc họp tại Teng Teng (vùng núi Triệu Phong). Tỉnh ủy đã nhận định tình hình địch, ta từ sau khi địch chiếm toàn tỉnh, bàn các biện pháp đối phó, củng cố phong trào, xây dựng cơ sở, phát triển cuộc đấu tranh toàn diện với địch. Tỉnh ủy chú trọng việc rút kinh nghiệm về cách bám dân, bám đất hoạt động, phát động phong trào trừ gian, phá hội tề, quyết

định thiết lập chiến khu để ổn định và tập trung địa điểm của cơ quan lãnh đạo tỉnh. Vùng chiến khu nằm ở phía tây hai huyện Triệu Phong, Hải Lăng, từ Hòn Linh, Bọc Lở qua Khe Su, Khe Cau; phía Ba Lòng kéo dài xuống Bơng; phía Hòn Linh kéo dài xuống Hải Đạo - gọi là Chiến khu Ba Lòng. Đây là một địa thế hết sức lợi hại, quân ta ở đây tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Vùng Trám, Bơng là căn cứ của Trung đoàn 95.

Về tổ chức, thực hiện Sắc lệnh số 91-SL ngày 01/10/1947 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính, tỉnh Quảng Trị đã thống nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính, thành Ủy ban kháng chiến hành chính, lập Ban tài chính và tiếp vận của tỉnh, tăng cường củng cố mạng lưới giao thông và liên lạc.

Từ tháng 5/1947, cuộc kháng chiến ở Quảng Trị có bước phát triển mới. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính, cán bộ, đảng viên các cơ quan dân, chính, đảng cùng với cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thiện Thuật, dân quân tự vệ cơ sở tăng cường bám đất, bám dân, đẩy mạnh việc phục hồi, củng cố lực lượng kháng chiến, phát động quần chúng thực hiện “ba không” (không nghe, không biết, không thấy). Ty Công an đã cử cán bộ theo dõi, nắm tình hình địch, phối hợp với lực lượng bộ đội ngày đêm tuần tra, kiểm soát đề phòng địch tập kích và tung gián điệp vào chiến khu.

Giữa vòng vây của quân thù, việc trở về đồng bằng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ ở một số vùng gặp nhiều nguy

hiểm, khó khăn; ban ngày phải nằm bờ, nằm bụi ở ngoài đồng hoặc ẩn nấp giữa các bãi cát nóng, ban đêm mới len lỏi vào thôn xóm, tuyên truyền giác ngộ nhân dân, bắt mỗi gia đình cơ sở, củng cố tổ chức dân quân tự vệ.

Ở Vĩnh Linh, Hải Lăng, thực dân Pháp liên tục mở các đợt càn quét, bắt bớ, khủng bố. Nhân dân cũng như cán bộ thôn xã, dân quân tự vệ chưa quen chiến đấu, chưa có kinh nghiệm hoạt động trong vùng địch tạm chiếm nên có một số cán bộ xã bỏ địa bàn chạy lên vùng tiền chiến khu hoặc tránh qua vùng khác ít ác liệt hơn. Song cũng có một số xã mất liên lạc với huyện nhiều tháng liền, nhưng cán bộ, đảng viên ở đây vẫn kiên trì, bám trụ hoạt động, giữ vững sự lãnh đạo của chi bộ đảng trong quần chúng, chủ động tìm cách tháo gỡ khó khăn, phát động nhân dân đánh địch, xây dựng thực lực cách mạng. Chi bộ Hải Châu (Hải Lăng) trong lúc mất liên lạc với trên đã dựa vào lực lượng phụ nữ xây dựng được 15 tổ trung kiên làm nòng cốt cho phong trào cách mạng của địa phương; chi bộ Hải Long (Hải Lăng) chủ động công tác, phát triển thêm đảng viên. Ở Vĩnh Linh, tổ “Công an danh dự” của huyện, cùng với lực lượng du kích vùng Tiên An - Hiền Lương cải trang trà trộn trong nhân dân diệt tên Lê Hữu Hiến - một tên Việt gian lợi dụng Thiên Chúa giáo đang tuyên truyền kích động giáo dân chống lại cách mạng, thu một súng ngắn, một cặp tài liệu có danh sách những tên phản động trong tổ chức “Liên đoàn Công giáo”.

Cùng thời gian này, tổ “Công an danh dự” và du kích xã Vĩnh Giang trong một đêm đã tổ chức bắt gọn 5 ban tề ở 5

thôn và một số tên phản động, chỉ điểm trong xã, làm cho ngụy quyền, ngụy quân trong vùng hoang mang khiếp sợ.

Ở Gio Linh, khi bị địch chiếm đóng, Huyện ủy đã kịp thời chủ trương: phải nắm lấy dân, dựa vào dân để xây dựng thực lực kháng chiến, xây dựng lực lượng cốt cán ở từng cơ sở, kể cả xây dựng chính quyền cách mạng ở những vùng bị địch tạm chiếm. Thực hiện chủ trương đó, cán bộ, đảng viên bám dân, dân quân tự vệ bám địch để đánh địch, nông dân bám làng, bám đồng ruộng để sản xuất; thực hiện “vườn không nhà trống” quyết không để của cải, lương thực, thực phẩm lọt vào tay địch; đồng thời tiến hành xây dựng vùng căn cứ của huyện tại Linh Thượng.

Ở Hướng Hóa, thực hiện chủ trương “bám trụ địa bàn” của Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan lãnh đạo của huyện từ Húc Thượng rút vào nguồn Rào (Hướng Linh) là vùng căn cứ để tiếp tục lãnh đạo và chỉ đạo nhân dân các dân tộc ở Hướng Hóa kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng chí Hồ Văn Xích được Ban cán sự Đảng phân công vào bám trụ hoạt động khu vực nam đường 9; đồng chí Phan Du được phân công phụ trách khu vực bắc đường 9.

Đội biệt động đường 9, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Trần Hồng Chương, Tỉnh ủy viên phụ trách miền núi, vừa làm nhiệm vụ vũ trang, tuyên truyền phát động quần chúng vùng sau lưng địch, vừa làm nòng cốt, tổ chức hướng dẫn dân quân tự vệ các xã đánh địch trên trục đường 9 - trục đường có tính chiến lược của miền Trung Đông Dương.

Từ các hoạt động có hiệu quả của “đội biệt động đường 9”, Tỉnh ủy chủ trương thành lập “Biệt động đội” hoạt động ở thị xã Quảng Trị. “Biệt động đội” là đơn vị chiến đấu nhỏ có tinh thần độc lập tác chiến, gồm một số bộ đội, tự vệ chiến đấu, đoàn viên thanh niên cứu quốc, đội viên thiếu niên tiên phong hăng hái dũng cảm chiến đấu. “Biệt động đội” bám chặt cơ sở, chống địch càn quét, bảo vệ nhân dân, tiêu diệt những toán địch nhỏ lẻ, cướp vũ khí để trang bị cho mình, gây dựng cơ sở dân quân tiến hành chiến tranh du kích”¹.

“Biệt động đội” là những “đội quân đặc biệt tích cực và linh hoạt, khi có thời cơ, tiến thật nhanh và sâu vào vùng địch kiểm soát, đánh chớp nhoáng tiêu diệt địch rồi rút lui thật nhanh ra khỏi vùng kiểm soát của địch”². Hoạt động “Biệt động đội” của tỉnh đã tạo được ảnh hưởng tốt trong nhân dân và có một tác dụng quan trọng trong việc khôi phục nhanh chóng lực lượng cách mạng trong năm đầu kháng chiến. Sau khi lực lượng kháng chiến đã lớn mạnh, hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang đã được khôi phục, hình thức tổ chức “biệt động đội” không còn thích hợp, một số chiến sĩ của “biệt động đội” được bổ sung về Trung đoàn Thiện Thuật, số còn lại biên chế thành những đơn vị dân quân thường trực ở các địa phương hoặc chuyển sang công an.

1. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Sđd, 1990, tr.120.

2. *Văn kiện Đảng 1945-1954*, t.II, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương.

Từ tháng 5/1947, thực hiện chủ trương của Bộ chỉ huy khu 4, lực lượng vũ trang của tỉnh đã tổ chức học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh *Gửi nam nữ chiến sĩ dân quân, tự vệ và du kích toàn quốc*. Đợt sinh hoạt chính trị đã nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang về vai trò của dân quân, tự vệ và du kích xứng đáng là lực lượng như trong thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã”¹.

Nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt và vai trò chiến lược của dân quân, tự vệ, cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân các cấp trong tỉnh càng chăm lo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, làm nòng cốt cho phong trào “toàn dân đánh giặc”.

Từ giữa năm 1947, các vùng trước đây khi mới vỡ, mặt trận vắng bóng dân quân, tự vệ, lúc này đã có tự vệ, du kích hoạt động. Đồn bót địch thường xuyên bị dân quân du kích xã quấy rối, cầu cống trên quốc lộ 1, quốc lộ 9 bị đánh phá liên tục làm cản bước tiến quân, tiếp tế của địch, nhất là đoạn đường từ thị xã Quảng Trị đến Mỹ Chánh. Một tổ dân quân tự vệ của huyện Cam Lộ đã có sáng kiến “dùng vỏ chai, giả làm mìn đặt giữa đường 9. Khi chiếc xe Jeep

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.158.

đi qua thấy hiện tượng khả nghi dừng lại, tên sĩ quan và hai tên lính bước ra khỏi xe, tổ dân quân, tự vệ bí mật phục kích sẵn bên đường lập tức vác “đại đao” xông ra giết cả 3 tên, đốt xe lấy được một súng ngắn, hai súng trường”¹.

Lập thành tích kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (năm 1947), Trung đội 1 của Đại đội 149 và Trung đội 12 của Đại đội 150 chặn đánh địch ở Nhĩ Hạ, chợ Cầu đang cần quét làng Cẩm Phổ (Gio Linh), diệt 14 tên (trong đó có một thiếu úy, một chuẩn úy), nhiều tên khác bị thương. Quân ta thu được 01 trung liên, 08 súng trường. Chị Nguyễn Thị Út ở làng An Xá (Gio Linh) đã chỉ huy tiểu đội du kích chặn đánh lính lê dương trên đường 73, bắt sống địch, thu vũ khí.

Ngoài lực lượng bộ đội tập trung, lực lượng dân quân, tự vệ, du kích phát triển đều khắp, toàn tỉnh có 3.778 chiến sĩ được trang bị các loại vũ khí khá hơn trước, trong đó có 218 khẩu súng trường, 9 khẩu tiểu liên, 28 quả bom các loại, 2.073 quả lựu đạn. Hoạt động của dân quân, du kích mạnh lên, buộc địch lo sợ đối phó, tạo điều kiện cho bộ đội tập trung tranh thủ thời gian để củng cố chỉnh đốn lại đội ngũ, tăng cường huấn luyện chính trị, quân sự. Cuối năm 1947, Trung đoàn 95 được phiên chế đủ 3 tiểu đoàn: Tiểu đoàn 301 (trước đây là Tiểu đoàn 13), Tiểu đoàn 302 (trước đây là Tiểu đoàn 14), Tiểu đoàn 310 (trước

1. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Sđd, 1990, tr.121-122.

đây là Tiểu đoàn 15). Tổng số bộ đội tập trung của tỉnh có 1.818 chiến sĩ, được trang bị 575 súng (trong đó có 544 súng trường, 31 tiểu liên). Việc huấn luyện quân sự, chính trị được coi trọng. Bộ đội thường xuyên rèn luyện kỹ thuật tác chiến, quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, học thuộc “10 lời thề danh dự”, “12 điều kỷ luật”. Dân quân học kỹ thuật cá nhân chiến đấu, những quy định về phòng gian bảo mật và vai trò nòng cốt xung kích trong chiến đấu, sản xuất. Cơ quan lãnh đạo các huyện tiến hành củng cố và xây dựng chiến khu tại địa phương: Chiến khu Phong An của huyện Triệu Phong, Hải Đạo của huyện Hải Lăng, Cửa của huyện Cam Lộ, Linh An của huyện Gio Linh, Thủy Ba của huyện Vĩnh Linh, Trại Cá của huyện Hướng Hóa.

Công an các huyện đã chăm lo công tác bảo vệ các cơ quan lãnh đạo tại địa phương. Mỗi huyện có một đồn công an để kiểm soát người đi lại và bảo vệ các chợ kháng chiến ở các chiến khu, đồng thời bảo vệ giao thông của huyện, của tỉnh và liên tỉnh xuyên qua.

Vừa đẩy mạnh tác chiến, các lực lượng vũ trang Quảng Trị vừa tuyên truyền, giúp đỡ nhân dân lập làng chiến đấu, phát động phong trào học tập làng chiến đấu kiểu mẫu Cự Năm (Quảng Bình) do Bộ chỉ huy khu 4 chủ trương. Ban giao thông liên lạc tỉnh đã tổ chức được các đường thư luân sâu vào vùng địch tạm chiếm, đưa đón cán bộ đi lại hoạt động.

Đi đôi với đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, Ủy ban kháng chiến

hành chính các cấp, công tác trừ gian, phá tề được đặt ra một cách cấp bách. Dân quân du kích, bộ đội phối hợp với các “đội danh dự trừ gian” của công an phá âm mưu lập chính quyền bù nhìn của địch.

Công tác trừ gian, phá hội tề, phá nguy quyền cơ sở đã trở thành phong trào quần chúng mạnh mẽ, làm cho nhiều tên Việt gian hoang mang sợ hãi. Các vụ trừ gian, phá tề do “đội danh dự” trực tiếp thực hiện đều được điều tra, nắm chính xác đối tượng. Công an huyện Hải Lăng là một trong các đơn vị “bám sát địa bàn, giữ vững chính quyền huyện và xã, trừ gian diệt tề đúng người, đúng tội”¹ nên đã được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tặng Bằng khen.

Tuy vậy, phong trào trừ gian phá hội tề có phạm một số sai lầm, nhất là ở các huyện Vĩnh Linh, Triệu Phong. Những sai lầm đó đã gây căng thẳng một thời gian trong nhân dân, không phân hóa được tề nguy, ảnh hưởng đến chính sách mặt trận của Đảng, đẩy những người lưỡng chùng chạy về phía địch. Sai lầm này có nhiều nguyên nhân. Trước hết, trong trừ gian phá hội tề chưa được phân công, phân cấp chặt chẽ nên không chỉ ngành công an mà bộ đội, tự vệ du kích xã, thôn cũng thực hiện. Hai là, do chính sách trừ gian phá hội tề chưa được phổ biến rộng rãi tới các cấp trong Đảng bộ, quân, dân trong tỉnh nên việc bắt giữ còn tùy tiện, không đúng với Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Trị (tháng 3/1947) là “kiên quyết trừ gian phá

1. Công an nhân dân Quảng Trị: *Những chặng đường lịch sử (1945-1954)*, tr.57-58.

hội tề nhưng không làm bữa bãi”. Ba là, một số cán bộ, du kích và quần chúng vì căm thù thực dân Pháp và bọn tay sai, nên thiếu tỉnh táo cảnh giác, dẫn đến nghi ngờ không căn cứ... Có làng vì có lập hội tề mà nhân dân trong làng không cho cán bộ vào làng, thậm chí có nơi có lúc nhân dân tự vũ trang chống lại cán bộ của ta. Ta đối phó bằng cách cho bộ đội tấn công vào các làng có hội tề. Lợi dụng sơ hở đó, địch ra sức tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ. Có nơi do bị địch kích động, đồng bào Thiên Chúa giáo bỏ làng lên sống tập trung cạnh vị trí địch.

Quán triệt chủ trương, chính sách của Liên khu ủy là trừ gian, phá hội tề không phải chỉ có xử phạt mà còn phải cảm hoá, lôi kéo họ trở về với dân tộc, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã kịp thời sửa chữa khuyết điểm, tích cực tuyên truyền, giáo dục số tề, nguy, Việt gian thấy rõ sức mạnh chính nghĩa thuộc về nhân dân, sức mạnh “toàn dân đánh giặc” là vô địch, thấy rõ chính sách khoan hồng của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh để họ từ bỏ hàng ngũ kẻ thù, quay về với gia đình, quê hương.

Kết hợp với phong trào trừ gian, phá hội tề, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, cấp ủy và chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp trong tỉnh đã phát động quần chúng “không đi phu đi lính cho địch, không tiếp tế cho địch, không dẫn đường cho địch”. Khẩu hiệu đó đã trở thành mệnh lệnh kháng chiến chống thực dân Pháp. Qua khẩu hiệu đó, cán bộ, đảng viên Quảng Trị đã khơi sâu lòng căm thù giặc trong quần chúng.

Để bảo đảm nguồn hậu cần tại chỗ của cuộc kháng chiến, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh phát động phong trào tăng gia sản xuất trong nhân dân và các lực lượng vũ trang. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất thúc đẩy nhau cùng phát triển. Chiến đấu để đẩy mạnh sản xuất bảo đảm đời sống của nhân dân; đẩy mạnh sản xuất để phục vụ công cuộc kháng chiến lâu dài. Dân quân du kích xã không thoát ly địa phương, nòng cốt xung kích cả trong chiến đấu và sản xuất. Hưởng ứng phong trào đó, lực lượng dân quân du kích đã cùng với lực lượng nông dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Một số vùng như xã Hải Long (Hải Lăng), địch thường xuyên bao vây khủng bố, nhân dân dưới sự lãnh đạo của chi bộ, một mặt kiên trì đấu tranh với địch; mặt khác tìm cách đưa người vào hội tề, sống hợp pháp để làm ăn. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở những vùng giáp ranh - tiền chiến khu và chiến khu mở các cuộc vận động nông dân bằng hình thức đổi công, làm vắn, nên đã cấy hết diện tích trồng lúa và phát triển hoa màu. Nhờ phát huy tinh thần tự lực tự cường, quân và dân trong tỉnh đã vượt qua được nạn đói trong Thu - Đông 1947 và dự trữ được lúa gạo tiếp tế cho bộ đội, cán bộ ở chiến khu.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Quảng Trị đã tổ chức tuyến vận tải đường biển để đưa hàng từ Thanh - Nghệ - Tĩnh vào, từ Khu 5 ra, góp phần tiếp tế cho nhân dân và quân đội. Các đội thuyền vận tải đã tích cực tham gia các chiến dịch vận chuyển. Giữa năm 1947, tỉnh Quảng Trị thành lập ban tiếp vận để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh

và vận tải, do đồng chí Bùi Khôn phụ trách. Ban tiếp vận được sự giúp đỡ tích cực và có hiệu quả của Đảng bộ, nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Liên Khu ủy và Bộ chỉ huy Khu 4 rất quan tâm tăng cường việc vận chuyển lương thực, thực phẩm, thuốc men, vũ khí cho Bình - Trị - Thiên cả đường bộ và đường biển. Mặc dù quân Pháp phong tỏa gay gắt, các đội vận tải thuyền buồm vẫn cập bến Cương Gián, Thái Lai, Mịch Nước (Vĩnh Linh), Gia Đăng (Triệu Phong), kịp thời bổ sung cho tỉnh hàng trăm tấn gạo và muối, hàng nghìn mét vải và viên thuốc sốt rét, hàng triệu đồng bạc tài chính¹. Riêng xưởng quân giới Hùng Việt được Quân khu chi viện 20 cán bộ, công nhân, 2 máy tiện, 5 tấn nguyên, vật liệu.

Ngoài ra, Liên khu ủy Khu 4 còn thực hiện việc thay đổi cán bộ từ hai vùng tự do và kháng chiến nên đã lựa chọn điều động một số cán bộ ở Thanh - Nghệ - Tĩnh tăng cường cho Quảng Trị, trong đó có nhiều đồng chí đã đảm đương các nhiệm vụ chủ chốt do Tỉnh ủy Quảng Trị phân công. Các cán bộ lãnh đạo được điều động đã sống, hoạt động, chiến đấu dũng cảm, kiên cường, đồng cam cộng khổ với Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị trong nhiều năm kháng chiến chống thực dân Pháp...

1. Chỉ tính 3 tháng cuối năm 1947, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh đã chuyển vào Bình - Trị - Thiên trên 100 tấn gạo, 320 tấn muối, 21.000 m vải, 10.000 viên thuốc sốt rét, 300 súng trường, 35.000 quả lựu đạn, 200 đạn bazôka. Thanh Hoá còn ủng hộ 1.500.000 đồng, Hà Tĩnh và Nghệ An ủng hộ 2.700.000 đồng.

Về văn hoá, giáo dục, được sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền các cấp, Quảng Trị vừa kháng chiến, vừa chú trọng xây dựng đời sống mới, nền văn hóa mới phù hợp với tinh thần dân tộc, phù hợp với tình hình và trình độ quần chúng. Ngoài việc xuất bản và phát hành tờ tin của tỉnh, của Trung ương và của một số tỉnh bạn, một số huyện trong tỉnh như Hải Lăng đã xuất bản tờ *Tia Sáng*, một tháng ra một kỳ, là tiếng nói của Đảng bộ và nhân dân trong huyện được phát hành đến tận cơ sở. Hầu hết các xã trong tỉnh đều thành lập được Ban Tuyên truyền kháng chiến xã. Anh chị em trong Ban Tuyên truyền kháng chiến xã hoạt động rất tích cực, ngày đêm lăn lộn trong nhân dân (ngay cả trong vùng địch tạm chiếm) để thông tin tình hình địch, tình hình ta cho mọi người được biết; đồng thời làm tham mưu cho chi ủy xã, huyện ủy, tỉnh ủy kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân để có chủ trương chỉ đạo kịp thời. Những bài hát ca ngợi cuộc kháng chiến thần thánh, tinh thần chiến đấu anh dũng phi thường của quân và dân Việt Nam như bài *Bài ca Hùng Binh, Chiến sĩ Việt Nam...* được đông đảo nhân dân Quảng Trị và từ già chí trẻ học thuộc, nhất là các chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, trong Thanh niên cứu quốc, thiếu niên rất yêu thích. Các lớp bình dân học vụ vẫn được duy trì, kể cả các lớp ở sát nách địch. Giữa tiếng đạn nổ, bom rền, lời động viên cổ vũ *Thi đua ái quốc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đường lối kháng chiến cứu nước của Trung ương Đảng và Chính phủ; chủ trương của Khu ủy, Tỉnh ủy, sự

chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và các ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện vẫn được truyền đạt đến từng chiến hào, thôn xóm, làng bản.

Về công tác xây dựng Đảng, thực hiện khẩu hiệu “làm cho đoàn thể thành một đoàn thể quần chúng”¹, các chi bộ Đảng ở Quảng Trị đã chú ý phát triển đảng viên, nhất là trong các lực lượng vũ trang, các cơ quan nhà nước và vùng sau lưng địch. Về công tác tư tưởng, Tỉnh ủy đã tổ chức học tập thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho các “đồng chí Trung Bộ” (ngày 01/3/1947) trong toàn thể cán bộ, đảng viên, nhằm tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ, nêu cao quyết tâm vượt qua gian khổ ác liệt, hy sinh, đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến lên một bước.

Sau đợt học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lực lượng kháng chiến từng bước được củng cố, phát triển. Để chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định Đại hội các cấp (huyện, xã) trong thu đông năm 1947.

Tình hình đồng bằng Quảng Trị từ tháng 5/1947 đã hình thành thế trận cài răng lược giữa ta và địch. Địch từ thị xã tỉnh lỵ, thị trấn và các vị trí đồn bốt liên tục mở các trận càn quét, bình định, mở rộng vùng chiếm đóng. Quân và dân Quảng Trị đã bằng đủ mọi cách đánh địch, chống

1. Theo nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương tháng 4/1947, đoàn thể đây là Đảng Cộng sản Đông Dương (tức Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay). Khi ấy Đảng Cộng sản Đông Dương đã rút vào bí mật nên có lúc gọi là đoàn thể, có lúc gọi là Cứu quốc hội.

cần hết trận này đến trận khác. Địch kết hợp hoạt động quân sự để lập hội tề, phá hoại mùa màng, sát hại những người dân yêu nước. Ta kiên quyết đánh địch, kết hợp trừ gian phá hội tề, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân.

Trong năm đầu kháng chiến, quân và dân Quảng Trị đã gặp biết bao khó khăn, thử thách nghiêm trọng, tưởng chừng khó vượt qua. Nhưng nhờ sớm biết phát huy tinh thần bám dân, bám đất, bám cơ sở; cán bộ, đảng viên và các chiến sĩ lực lượng vũ trang vẫn ở trong dân, tổ chức và lãnh đạo, xây dựng căn cứ lõm giữa đồng bằng, đặc biệt là căn cứ chợ Cạn được củng cố và mở rộng ra cả vùng Triệu - Hải.

Ở Hướng Hoá, tranh thủ thời gian thực dân Pháp đang tập trung lực lượng đánh chiếm, bình định nông thôn đồng bằng, Ban cán sự Đảng miền núi đã chỉ đạo Ủy ban kháng chiến hành chính huyện tập trung xây dựng thực lực cách mạng, tăng cường công tác phòng gian bảo mật, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, phấn đấu đủ ăn, có dự trữ, ra sức phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xây dựng mạng lưới giao thông liên lạc của huyện chủ yếu dựa vào cơ sở. Cơ quan của huyện chuyển vào đóng tại xã Tà Long (gần xã Triệu Nguyên - nơi cơ quan lãnh đạo của tỉnh đóng).

Thành tích của hè - thu năm 1947, không những có tác dụng lấy lại niềm tin cho cán bộ, các chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân Quảng Trị, nhất là nhân dân trong vùng bị địch chiếm đóng, mà còn góp phần tích cực cùng với quân và dân cả nước đánh bại chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp. Tháng 9/1947, Thường vụ

Tỉnh ủy họp. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo về Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn Liên khu 4 họp tại Nghệ An (8/1947), kết quả học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tình hình Đảng bộ và phong trào kháng chiến trong tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định triệu tập Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

III. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ II

Tháng 11/1947, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II khai mạc tại Khe Su, xã Triệu Nguyên. Đại hội có 90 đại biểu chính thức và dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Phân khu ủy Bình - Trị - Thiên về dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá tình hình một năm lãnh đạo kháng chiến của Đảng bộ, Đại hội chỉ rõ: Trong thế giằng co của chiến trường địch hậu, thực dân Pháp tập trung lực lượng đánh phá hết đợt này đến đợt khác, chúng đã thiết lập được hệ thống chiếm đóng thị xã, thị trấn, dọc các đường giao thông chiến lược quan trọng, một số vị trí ở nông thôn đồng bằng, lập được ngụy quyền ở nhiều nơi. Thực dân Pháp đã cố gắng cao độ, song thực tế diễn biến ở chiến trường chứng tỏ sức mạnh của thực dân Pháp có hạn. Mặc dù chúng đang có ưu thế về quân sự, nhưng ngày càng bộc lộ nhiều mâu thuẫn, nhiều chỗ yếu, nhiều sơ hở... Với thủ đoạn thâm độc và xảo quyệt, thực dân Pháp muốn dập tắt phong trào kháng chiến của nhân dân ta ngay từ đầu, dùng Bình - Trị - Thiên làm bàn đạp tiến công vùng tự do

Thanh - Nghệ - Tĩnh, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, Đông Dương.

Qua một năm đối đầu với thực dân Pháp và bè lũ tay sai, quân và dân Quảng Trị vẫn vững vàng, với thái độ không chịu khuất phục, cúi đầu trở lại cuộc đời nô lệ, tất cả đều đứng lên đấu tranh chống giặc bằng sức lực, vũ khí trong tay. Kết quả quân và dân Quảng Trị đã giữ vững vùng đồi núi và một phần nông thôn đồng bằng, bảo đảm liên hoàn giữa các vùng đồng bằng, miền biển với miền núi, nối liền chiến khu Quảng Trị với các chiến khu của các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Bình...

Thành công bước đầu khẳng định Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã tiếp thu và vận dụng được đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng và Chính phủ vào hoàn cảnh địa phương một cách đúng đắn, sáng tạo. Các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã nêu cao ý chí quyết tâm, tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của Tổ quốc, vận mệnh của nhân dân. Tỉnh ủy tổ chức học tập và phê bình, tự phê bình theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các đồng chí Trung Bộ một cách nghiêm túc, thành khẩn. Các đợt sinh hoạt nội bộ đảng luôn luôn giáo dục cán bộ, đảng viên, chiến sĩ tác phong chủ động, linh hoạt, tích cực, thiết thực, sát quần chúng, chịu đựng gian khổ..., nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất gắn liền với công tác chống địch càn quét bảo vệ mùa màng cho nhân dân; tổ chức tốt việc tiếp nhận sự chi viện sức người, sức của từ vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh. Nhờ vậy, trong năm đầu kháng chiến quân và dân Quảng

Trị không những đã cơ bản vượt qua được nạn đói mà còn bảo đảm đủ lương thực cho quân đội.

Trong khó khăn gian khổ, ác liệt chưa từng có, nhân dân Quảng Trị, nhất là nông dân đã “thắt lưng buộc bụng” đóng góp từng lon gạo, bát muối, quần áo cho bộ đội, cán bộ; phong trào “mỗi xóm một bộ quân phục”, “mỗi thôn một áo trấn thủ” được nhân dân khắp nơi hưởng ứng. Bộ đội đi chân đất, đội mũ lá, mặc áo quần vải to, xita¹, tự sắm “ống lồ ô đựng nước uống”, “ba lô mây”, “giỏ lựu đạn tre”...

Với tinh thần tự lực tự cường và được sự chi viện của Liên khu 4, bộ đội Quảng Trị được chỉnh đốn, bổ sung một cách nhanh chóng. Việc phân tán một bộ phận bộ đội chủ lực trở lại vùng địch vừa tạm chiếm hoạt động; chủ trương tăng cường tự vệ chiến đấu ở cơ sở; tổ chức “biệt động đội đường 9” là những sáng kiến kịp thời và có tác dụng tốt trong việc phục hồi, gây dựng lại cơ sở kháng chiến ngay cả trong vùng bị địch tạm chiếm. Việc trừ gian phá hội tế bước đầu thu được một số kết quả.

Thắng lợi của quân và dân ta trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế trong năm đầu kháng chiến có ý nghĩa góp phần cùng quân và dân hai tỉnh Thừa Thiên, Quảng Bình giữ chân thực dân Pháp, không cho chúng tấn công ra vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh, cùng với cả nước đưa cuộc kháng chiến phát triển thêm một bước, buộc thực dân Pháp phải chuyển hướng chiến lược chiến tranh từ “đánh

1. Áo quần bằng vải xita do các tỉnh Khu 5 (Quảng Ngãi, Bình Định...) chi viện.

nhANH THẮNG NHANH” chuyển sang đánh lâu dài; thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Trong những ngày đầu kháng chiến, đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng cách mạng ở cơ sở đã quyết tâm bám đất, bám dân hoạt động, trừ một số ít ở vùng đồng bằng sau các trận càn lớn tạm thời phải lánh sang địa phương khác.

Vì chưa hiểu rõ quan điểm chiến tranh nhân dân, nên trong thời gian đầu các cơ quan lãnh đạo của tỉnh chưa chú ý phát triển dân quân xã, thôn một cách đúng mức, mà nặng về xây dựng lực lượng tự vệ thường trực chiến đấu. Từ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đến chiến sĩ trong các lực lượng bộ đội tập trung có tư tưởng muốn “đánh lớn, ăn to” ít chú ý các trận đánh nhỏ. Kết quả việc nuôi quân còn gặp nhiều khó khăn, thiếu sót. Có đơn vị chưa coi trọng công tác huấn luyện chính trị. Đại hội phê phán công tác trừ gian, phá hội tề có nơi có lúc làm chưa đúng chủ trương của Đảng, gây ảnh hưởng không tốt trong các tầng lớp nhân dân.

Trong phần phương hướng nhiệm vụ, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II vạch rõ: thủ đoạn chủ yếu của địch để bình định vùng đồng bằng nông thôn là càn quét, chà đi xát lại quyết liệt. Vấn đề đặt ra trước mắt của Đảng bộ là phải lãnh đạo nhân dân vừa biết đánh giặc để sản xuất, xây dựng cuộc sống, vừa biết kiên quyết đánh giặc, phối hợp với các lực lượng vũ trang đánh bại các cuộc càn quét của chúng.

Phong trào đi từ tích cực chống càn để bảo vệ dân, bảo vệ mùa màng, tiến lên kết hợp trừ gian, phá hội tề, đánh địch để chủ động phá càn.

Đại hội đề ra các biện pháp cốt yếu để chống lại mọi âm mưu thủ đoạn mới của địch là: củng cố khối đoàn kết toàn dân, coi trọng công tác mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng cơ sở quần chúng, củng cố, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, du kích; kiên quyết trừng trị Việt gian, giải tán các ban hội tề do địch lập ra, vận động ngụy quân; tổ chức lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, vận động quần chúng trực tiếp tham gia đánh địch giữ làng, tổ chức canh gác bảo vệ nhân dân làm ăn sinh sống, đẩy mạnh sản xuất, lập ban vận tải; chú trọng công tác văn hóa, giáo dục, y tế, mở các trường tiểu học ở những nơi có điều kiện như ở chiến khu Ba Lòng, Cửa... ở các vùng tiền chiến khu: Phong An, Hải Đạo... đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ, xuất bản và phát hành tờ báo *Tiếng Vang*.

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội Đảng bộ chủ trương: Tích cực xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở những nơi còn yếu ngay cả trong thị trấn, thị xã. Các cấp ủy đảng phải coi trọng việc nâng cao lý luận chính trị cho đảng viên, theo phương châm lý luận đi đôi thực hành, kiên trì kháng chiến lâu dài, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, xây dựng chi bộ tự động lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương, chú ý đào tạo cán bộ phụ nữ, cán bộ dân tộc ở các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II gồm 13 đồng chí ủy viên chính thức: Đặng Thí, Trần Văn Ngoạn, Lê Chuởng, Nguyễn Xuân Luyện, Trần Sâm, Nguyễn Quang Xá, Nguyễn Cáo, Hoàng Xuân, Văn Viết Tùy, Hồ Ngọc Tích, Trần Hồng Chương, Vĩnh Mai, Nguyễn Đàm; và 2 đồng chí ủy viên dự khuyết là Trần Trọng Hoãn, Phạm Ngọc Cẩn. Đồng chí Đặng Thí được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Văn Ngoạn được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đầu năm 1948, đồng chí Trần Trọng Hoãn, ủy viên dự khuyết được chuyển thành ủy viên chính thức.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II và hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 19/12/1946, các hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế - xã hội đều có sự chuyển biến tiến bộ tạo ra bầu không khí hổi, phấn khởi kháng chiến trong nhân dân, nhất là ở các vùng chiến khu, tiền chiến khu, căn cứ chợ Cạn.

Tuy vậy, từ cuối năm 1947, việc xây dựng bộ đội chủ lực và tổ chức chỉ đạo bộ đội chủ lực tác chiến chưa tiến kịp yêu cầu chung của chiến trường. Đời sống của bộ đội còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, trang bị vũ khí còn kém, nên bộ đội chủ lực Trung đoàn 95 chưa tạo ra được thế cho chiến tranh du kích phát triển.

Về phía địch, sau thất bại ở chiến trường Việt Bắc trong Thu - Đông 1947, thực dân Pháp tập trung lực lượng càn quét dữ dội vùng Bình - Trị - Thiên nói chung, ở Quảng Trị nói riêng. Thực dân Pháp cho rằng muốn bình định được Bình - Trị - Thiên trước hết “phải dập tắt các đốm lửa du

kích”, “phải tiêu diệt các căn cứ Việt Minh trên núi”¹. Thực hiện âm mưu đó, đầu năm 1948, thực dân Pháp liên tục mở các đợt tiến công vào các chiến khu: Thủy Ba Thượng (Vĩnh Linh), Cẩm Phô (Gio Linh), Cù (Cam Lộ), Hòn Linh - Khe Mương (Hải Lăng), Hướng Linh (Hướng Hóa).

Lúc đầu, địch dùng lực lượng khoảng một đại đội hoặc trung đội, lợi dụng yếu tố bí mật, bất ngờ, áp dụng chiến thuật cuốn chiếu, nhảy cóc, đánh nhanh, rút nhanh. Về sau địch dùng lực lượng lớn hơn và có sức cơ động nhanh hòng tiêu diệt cho được cơ quan đầu não của kháng chiến. Ngoài lực lượng bộ binh, địch dùng từng trung đội hoặc đại đội nhảy dù xuống chiến khu như trận càn vào chiến khu Hòn Linh đầu tháng 3/1948 nơi Phân khu ủy và Bộ chỉ huy Phân khu đóng.

Trận càn của địch đã gây cho quân và dân ta một số thiệt hại. Cơ quan Huyện ủy Hải Lăng bị đốt phá. Huyện ủy Hải Lăng bị mất sổ Đảng tịch. Song so với mục tiêu của chúng đặt ra là tiêu diệt cơ quan đầu não và bộ đội chủ lực của ta thì không đạt được. Trái lại, lực lượng tham gia trận càn của chúng đã bị tiêu diệt một bộ phận quan trọng. Bọn chỉ huy phải thừa nhận: “Chiến thuật cổ điển từ trước đến nay - chiến thuật gọng kìm đánh chớp nhoáng ô ạt không có hiệu quả ở nơi rừng núi hiểm trở, với chiến thuật du kích vận động, với tinh thần cảm tử của đối phương”².

1. Lời của tên tướng Lơbrít chỉ huy mặt trận miền Trung.

2. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Sđd, tr.137.

Song song với việc mở các cuộc càn quét lên miền núi, thực dân Pháp đóng ở vị trí vùng đồng bằng tổ chức các cuộc càn quét khốc liệt kéo dài trong hàng tuần lễ, như chúng đã mở “tuần lễ Hải Lăng”. Trong “tuần lễ Hải Lăng”, thực dân Pháp đã gây ra các vụ tàn sát rừng rợn ở các xã Hải Châu, Hải Trình (Hải Lăng) và vùng chợ Cạn (Triệu Phong). Ở chợ Cạn, ngày 13/3/1948, thực dân Pháp kéo về, vây bắt, xả súng bắn vào dân, giết trên 600 người, phần lớn là người già, phụ nữ, trẻ em và đốt hơn 400 nóc nhà¹. Trong ba ngày 17, 18, 19/3/1948, thực dân Pháp đã giết 1.333 người vùng Triệu - Hải².

Sau các trận càn ác liệt, thực dân Pháp đóng đồn chợ Cạn. Chúng tiến hành đánh phá căn cứ chợ Cạn, hòng xóa vùng căn cứ đồng bằng và đưa quân đóng thêm một số vị trí ở đây. Tháng 5/1948, toàn tỉnh Quảng Trị có 69 đồn bốt, vị trí của địch, với 2.800 tên lính chiếm đóng (655 tên lính Pháp, 910 tên lính Maroc, 46 tên lính Đức, 1.189 tên lính ngụy quân) chưa kể hương vệ, hương binh ở địa phương.

Để trả thù cho hàng ngàn đồng bào yêu nước của ta bị địch giết hại ở Mỹ Thủy (Hải Lăng), chợ Cạn (Triệu Phong),... được sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Trần Văn Quang, Chính trị viên Quân khu 4, ngày 07/4/1948, Đại đội 87 phối hợp với một đại đội của Trung đoàn 95, vận động phục kích đánh địch càn quét ở làng Đồng Dương (Hải Lăng). Sau 1 giờ 30 phút, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 87

1, 2. Trích báo *Quân du kích*, số 6, ngày 15/8/1948.

đã mưu trí dũng cảm chiến đấu, diệt gọn 2 trung đội địch, bắt 8 tù binh Pháp, 5 lính ngụy và 16 hương vệ.

Chiến thắng Đồng Dương đã tạo niềm tin tưởng trong nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng địch tạm chiếm với kháng chiến và cách mạng. Chiến thắng Đồng Dương là một thành công về cách đánh du kích vận động chiến lừa địch ra ngoài đồn bốt để tiêu diệt, bắt tù binh, thu vũ khí. Thắng lợi này chứng tỏ khi địch có ưu thế về quân sự, lực lượng ta có hạn, nhưng nếu ta biết nắm quy luật hoạt động của địch và có cách đánh thích hợp thì quân và dân ta có thể chiến đấu và chiến thắng. Đặc biệt, sau chiến thắng Đồng Dương, Trung đoàn 95 được củng cố, tăng cường và hoạt động có kết quả hơn.

Phát huy chiến thắng Đồng Dương, quân và dân Quảng Trị đã mở đợt tác chiến phối hợp với mặt trận bắc Quảng Bình và mặt trận Trung Lào. Ở Hướng Hóa, bộ đội địa phương huyện đã chặn đánh một đại đội địch do một sĩ quan Pháp chỉ huy càn vào vùng căn cứ Hướng Linh, tiêu diệt 8 tên ngay giữa dòng sông Làng Miệt. Số binh lính còn lại hoảng sợ rút lui, bỏ dở trận càn.

Sau trận chống càn đầu tiên ở miền núi Hướng Hoá thắng lợi, theo yêu cầu của “Liên minh chiến đấu Việt - Lào”, tỉnh đội Quảng Trị đã biệt phái một tiểu đội bộ đội địa phương Hướng Hoá do đồng chí Trần Văn Mông (Xuyên Tâm) chỉ huy, lên giúp bạn Lào xây dựng vùng Nậm Xà Lô (Sê Pôn) làm căn cứ đứng chân của các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Lào.

Phát huy chiến thắng Hướng Linh, lực lượng vũ trang phối hợp với cán bộ chính trị trong Ban Thượng du vận, mặt trận và các đoàn thể nhân dân của huyện Hướng Hoá tỏa về các bản làng phát động quần chúng, xây dựng cơ sở ở những nơi còn yếu, tổ chức du kích và liên tiếp chống địch càn quét thắng lợi ở Nguồn Rào, A Rông, A Doa, dốc Mai Lan, Bãi Lọ, Phaoraviêng.

Kết quả các cuộc phục kích đánh địch, chống càn của quân và dân Hướng Hóa đã gây cho địch nhiều thiệt hại, buộc chúng phải co lại, không dám càn quét, cướp phá của cải, lương thực, thực phẩm của nhân dân các dân tộc Hướng Hoá như trước. Binh lính địch, nhất là bọn Commăngđô vừa bị điều từ đồng bằng lên đóng chốt ở rừng núi vốn đã hoang mang sau thất bại ở Bãi Lọ, Phaoraviêng càng hoang mang dao động hơn.

Đầu năm 1948, theo quyết định của Liên khu ủy 4, Phân khu ủy được tăng cường và thay mặt Liên khu ủy chỉ đạo trực tiếp ba tỉnh Bình - Trị - Thiên. Hội nghị Phân khu ủy tháng 4/1948 nhận định âm mưu của địch trên chiến trường Bình - Trị - Thiên và phân tích các khó khăn mới của ta. Trên cơ sở đó đã đề ra phương hướng hoạt động của các tỉnh, với phương châm, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, phối hợp các lực lượng quân đội, công an, tự vệ đánh địch, phá hội tề, trừ gian, bảo vệ mùa màng, bảo vệ nhân dân.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy Quảng Trị vạch kế hoạch hoạt động mùa hè năm 1948 để phá càn, bảo vệ mùa màng, mở đầu bằng cuộc vận động tổng phá tề.

Trong thời gian này ở đồng bằng, “hội tề” của địch mọc ra khắp nơi, phạm vi vùng tự do của ta bị thu hẹp, vùng kiểm soát chiếm đóng của địch mở rộng thêm, do đó việc tổng phá tề trở nên khẩn trương, cấp bách. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, bộ đội và dân quân du kích phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an nhân dân, dựa vào cơ sở quần chúng, một mặt kiên quyết trừng trị những tên ngụy quyền phản động, mặt khác tuyên truyền giáo dục lôi kéo những người mắc mưu địch từ bỏ con đường tay sai, trở về với cách mạng.

Nhân ngày lễ Quốc khánh Pháp (14/7/1948), ở đồn Đập Huyện (Gio Linh) ta bố trí hai cô gái đẹp mang rượu thịt vào mở tiệc khao quan và lính trong đồn. Chờ khi bọn địch ăn uống no say, Tiểu đoàn 302 dưới sự chỉ huy của đồng chí Lê Đại Hành, đã ập vào đồn bắt gọn cả đại đội địch, trong đó có một quan ba Pháp, thu toàn bộ vũ khí. Ngày 08/9/1948, tại km 16 (đường 9), Đại đội dân quân Lê Hồng Phong phối hợp với bộ đội chủ lực phục kích đoàn xe của địch đang làm nhiệm vụ tiếp tế cho mặt trận Trung Lào, phá hủy và phá hỏng 13 xe, diệt 25 tên, thu 30 súng các loại. Tiếp đến ngày 20/8/1948, Trung đoàn 95 vận động phục kích một đoàn xe của địch tại đèo Tân Lâm, phá 16 xe, diệt và bắt sống 30 tên Pháp, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng¹.

1. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Sđd, 1990, tr.164-166.

Cùng lúc đó, để bảo vệ đội hình chiến đấu của Trung đoàn, một tiểu đội bí mật đưa 2 khẩu trung liên áp sát sân bay Đông Hà bất ngờ bắn rơi tại chỗ 1 máy bay trinh sát khi rời khỏi đường băng. Chiến thắng này đã cổ vũ bộ đội ta trong vận động phục kích giao thông quy mô cấp trung đoàn đầu tiên ở chiến trường đường 9, Bình - Trị - Thiên.

Sau trận Tân Lâm, địch phải dừng lại để tìm cách đối phó với chiến thuật phục kích giao thông của ta; việc tiếp tế của địch cho mặt trận Trung Lào bị gián đoạn trong một thời gian.

Ngày 31/8/1948, dân quân du kích Vĩnh Linh đột nhập vị trí Cao Xá (Gio Linh), thu được 4 súng. Ngày 15/9, Tiểu đoàn 302 phối hợp với Đại đội Lê Hồng Phong chống càn ở chiến khu Ba Lòng thắng lợi. Trước những hoạt động tích cực của quân và dân Quảng Trị, quân và dân miền Trung Trung Bộ, tên Nguyễn Ngọc Lễ - Tổng chỉ huy bảo vệ quân Trung phần Việt Nam trong báo cáo gửi cấp trên có đoạn viết: “Hai tháng nay, tình hình bốn tỉnh (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam) rất nghiêm trọng. Việt Minh hoạt động ráo riết, lấy đồn này đến đồn khác và hoạt động cả ban ngày giữa tỉnh lỵ mà quân đội ta không đủ quân số và vũ khí để đối phó”. Y kêu cứu: “Cho một ngàn súng tay và súng máy, đóng thêm đồn để giữ đất đã chiếm được, để “bảo vệ quân” khỏi bị thiệt hại. Nếu không giải quyết gấp thì an ninh và trật tự không giữ nổi, nhiều làng mạc sẽ rơi vào tay Việt Minh”.

Hoạt động liên tục và có hiệu quả của lực lượng vũ trang Quảng Trị, chủ yếu là Trung đoàn 95 do đồng chí Lê

Nam Thắng làm Trung đoàn trưởng và Đại đội dân quân Lê Hồng Phong đã tạo điều kiện để quân và dân địa phương đẩy mạnh chiến tranh du kích, chặn đứng âm mưu của địch dùng Trung Lào làm bàn đạp tấn công Bình - Trị - Thiên và cả Trung Lào¹.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng (tháng 5/1948) “đưa các đại đội độc lập về hoạt động ở các huyện”, Trung đoàn 95 phiên chế thành 5 đại đội: 1 đại đội hoạt động ở Hướng Hóa và Lào, 2 đại đội hoạt động ở vùng đồng bằng Cam - Gio - Vĩnh, 2 đại đội hoạt động ở vùng đồng bằng Triệu - Hải.

Cán bộ, chiến sĩ trong các đại đội độc lập đã vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, nguy hiểm, cùng với cán bộ, đảng viên ở từng địa phương xung yếu, đêm đêm lần vào thôn xóm bắt liên lạc với cơ sở cũ, nắm tình hình, gây dựng cơ sở mới, phục hồi các tổ chức quần chúng, tổ chức các đội du kích, “thực hiện chiến tranh cài răng lược giữa ta và địch đã thu được nhiều thành tích khả quan, có ảnh hưởng tốt trong dân chúng”².

Bước vào hè - thu năm 1948, kết quả của cuộc tổng phá tề, cùng với kết quả của các hoạt động quân sự, nhất là các “đại đội độc lập”, cơ sở cách mạng ở các vùng tạm bị địch chiếm được củng cố và phát triển ngay cả trong vùng tập trung đồng bào theo đạo Thiên Chúa.

1. Thường vụ Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Sdd, tr.89.

2. Báo cáo tình hình Quảng Trị năm 1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Trị.

Đi đôi với việc phục hồi cơ sở quần chúng, nhiều cơ sở đảng được gây dựng lại, các đội du kích tập trung ngày càng trưởng thành. Vùng du kích ngày càng mở rộng.

Xưởng quân giới Hùng Việt được Khu IV tích cực giúp đỡ chi viện về cán bộ, công nhân, nguyên vật liệu, và với sự nỗ lực vượt bậc của cán bộ, công nhân ở xưởng: “Kết quả trong hai năm 1947 và 1948, đã sửa chữa được hàng trăm súng trường, 130 khẩu trung, đại liên, sản xuất được trên 200 quả bom (bom ba càng, bom cầu vồng) và mìn (mìn làm bằng vỏ hộp sữa bò và mảnh chai), trên một vạn quả lựu đạn (lựu đạn treo, lựu đạn chày...). Với thành tích đó, cuối năm 1948, Xưởng quân giới Hùng Việt được Công đoàn sản xuất vũ khí Khu IV tặng cờ “Tiên phong”. Phân khu cấp Bằng khen về thành tích “giữ vững cơ sở” qua trận càn lớn của địch vào tháng 9/1948”¹.

Về thành tích chiến đấu trong năm 1948, bộ đội địa phương và dân quân du kích Quảng Trị đã đánh 92 trận trong đó có 12 trận phối hợp với bộ đội chủ lực Trung đoàn 95, 77 trận độc lập tác chiến (55 trận phục kích, 10 trận đột kích, 9 trận địa lôi chiến, 2 trận du kích chiến, 1 trận tiêu diệt vị trí hương vệ), tiêu diệt, làm bị thương, bắt sống và ra hàng 1.005 tên, thu và phá hủy 32 súng các loại, phá hủy 30 xe vận tải, đánh chìm 4 thuyền...².

1. Tư liệu do đồng chí Văn Viết Tùy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa II (năm 1947) công tác ở Xưởng quân giới Hùng Việt cung cấp.

2. Báo cáo tình hình Quảng Trị năm 1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Trị.

Tháng 5/1948, Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 4 được tổ chức. Đại hội đã phân tích các mặt ưu, khuyết điểm về sự lãnh đạo của Phân khu ủy, các đảng bộ tỉnh và phong trào Bình - Trị - Thiên. Đại hội đã đánh giá và khen ngợi Đảng bộ, quân và dân Quảng Trị đã bám sát nhân dân, giữ vững cơ sở, chiến đấu dũng cảm¹.

Đồng thời, các đại biểu tham dự Đại hội được tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho Đại hội. Đại hội đã xác định rõ trách nhiệm của các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh đối với các tỉnh ở Bình - Trị - Thiên; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu 4 đối với Bình - Trị - Thiên; chủ trương cho vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh giúp đỡ chi viện sức người, sức của cho Bình - Trị - Thiên nhiều hơn nữa. Từ đó, sự ủng hộ của Thanh - Nghệ - Tĩnh cũng như sự lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu ủy 4 đối với Bình - Trị - Thiên được kịp thời và chặt chẽ. Cơ quan chỉ đạo ở Bình - Trị - Thiên chuyển thành Ban đại diện của Liên khu ủy ở Bình - Trị - Thiên. Về lĩnh vực quân sự, thành lập mặt trận Bình - Trị - Thiên.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Liên khu ủy 4, phong trào ở Quảng Trị từ cuối năm 1948 bắt đầu có chuyển biến mới so với thời gian trước và đã thành lập được Ban đại diện, Ban Tài chính - Vận tải, trường Quảng Sinh ở Nghệ - Tĩnh.

1. Tư liệu do đồng chí Đặng Thái, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị cung cấp.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ty Công an Quảng Trị chủ trương xây dựng một số cơ sở là phụ nữ, thông thạo địa bàn, quen biết nội thị, có nhiệm vụ quan hệ giao dịch với những người làm việc trong Ty an ninh nguy để khai thác tình hình. Mặt khác, lợi dụng người hồi cư để đưa cơ sở của ta vào vùng địch tạm chiếm. Công an các huyện đã xây dựng được nhiều cơ sở trong hàng ngũ tiểu thương, học sinh học ở thị xã Quảng Trị và thị trấn Đông Hà. Công an huyện Gio Linh đã phối hợp với Tiểu đoàn 302 (Trung đoàn 95) tiêu diệt đồn Lạc Sơn, mở ra một địa bàn đứng chân cho bộ đội, cán bộ, du kích hoạt động. Tháng 7/1948, Công an Triệu Phong đã xây dựng và chỉ đạo cơ sở bên trong ở thị trấn Đông Hà dùng lựu đạn và xăng thiêu hủy 20 trại lính nguy, một trại lính lê dương, một kho quân trang và một số xe vận tải. Với chiến công này, công an Triệu Phong được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối của Tỉnh ủy, được sự giúp đỡ của các lực lượng vũ trang cách mạng, nhân dân vùng tạm chiếm đã cùng với các chiến sĩ công an thực hiện liên tiếp “6 lần tổng giải tán hội tề”¹. Tính riêng trong năm 1948, quân và dân Quảng Trị đã bắt gọn 17 ban hội tề, 116 tên Việt gian, gián điệp. Phong trào trừ gian, phá tề diễn ra sôi nổi đều khắp². Trước tình hình đó, tên

1, 2. Báo cáo tình hình Quảng Trị năm 1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Trị.

Nguyễn Hoài, tỉnh trưởng Quảng Trị, báo cáo gửi Thống đốc phủ bù nhìn có đoạn viết: “Chúng tôi thấy không còn ngần ngại mà nói ra rằng tình hình hết sức nguy ngập, bị chặt cả tay, nhất cử nhất động của chúng ta, bọn hán (tức Việt Minh) đều biết. “Việt Bình đoàn” của chúng ta không làm nên trò trống gì”.

Tình hình phá hội tề, trừ gian ở Quảng Trị phát triển mạnh, làm cho nhiều tên tay sai của thực dân Pháp thấy tính mạng không bảo đảm, một số thoái thác xin thôi việc, một số khác tìm bắt liên lạc với Việt Minh.

Những đợt phá tề, nắm tề trong năm 1948 ở Quảng Trị đã thu được kết quả tốt, có tác dụng bảo vệ và nâng cao uy tín của chính quyền cách mạng. Vì vậy, trong báo cáo của Công an Liên khu 4 đánh giá: “Công an Quảng Trị có nhiều nhân viên có năng lực, có thành tích khả quan trong việc trừ gian và đánh đổ hội tề”¹.

Cuối năm 1948, Hội nghị dân quân du kích toàn tỉnh được tổ chức tại chiến khu Ba Lòng, có hơn 100 đại biểu dự. Hội nghị đã tổng kết, rút kinh nghiệm về các phong trào diệt giặc, trừ gian, phá hội tề; phong trào phá giao thông tiếp tế của địch; phong trào dân quân du kích sản xuất tự túc và phong trào học tập bổ túc văn hoá. Trong phần kiểm điểm tình hình một năm qua, Hội nghị đánh giá cao thành tích của Đại đội dân quân Lê Hồng Phong là

1. Báo cáo tình hình Liên khu 4 trong 18 tháng kháng chiến từ 19/12/1946 đến cuối tháng 5/1948.

“đã biết phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực, chiến đấu dũng cảm, bảo vệ cơ sở, bảo vệ nhân dân và tiêu diệt được nhiều sinh lực địch”, xứng đáng với danh hiệu cao quý “đơn vị kiểu mẫu của Liên khu 4” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khen tặng.

Triển khai thực hiện Chỉ thị về việc vận động thân binh của Trung ương Đảng (ngày 14/02/1948), dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ủy ban Mặt trận, các đoàn thể cứu quốc tỉnh đã phối hợp mở đợt tuyên truyền trong nhân dân để quần chúng thấy rõ nhiệm vụ của toàn quân và toàn dân trong tỉnh. Đó là việc phải đẩy mạnh công tác vận động thanh niên không đi lính cho địch, cử cán bộ thâm nhập vào hàng ngũ quân nguy để tuyên truyền, giải thích, làm cho họ hiểu rõ âm mưu thâm độc của địch và lôi kéo họ trở về với nhân dân, với cách mạng. Kết quả thực hiện chủ trương của Trung ương, nhân dân khắp nơi, nhất là ở vùng địch tạm chiếm đã triển khai công tác vận động binh lính địch với nhiều hình thức phong phú như: các mẹ, các chị đấu tranh đòi chồng con bị địch bắt đi lính, phát động nhân dân chống địch càn quét, bắt lính. Đặc biệt “hầu hết các đồn bốt địch đều có cơ sở của ta”¹.

Ở xã Linh An (Gio Linh), trong dịp Tết Nguyên đán, cán bộ du kích đã lập mưu bắt gọn bọn tề vệ, gián điệp. Từ đó, xã Linh An trở thành khu căn cứ cách mạng.

1. *Những sự kiện lịch sử Đảng (1945-1954)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, t.II, tr.153.

Đường hành lang từ Hải Cự (Vĩnh Linh) đi ngang qua Linh An (sau này thuộc xã Gio An) vào Cam Lộ, Ba Lòng thông suốt¹.

Sự quét khỏi của phong trào cách mạng Quảng Trị từ cuối năm 1947 và năm 1948 gây cho địch nhiều thiệt hại; góp phần cùng quân và dân tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên làm thất bại một bước âm mưu của thực dân Pháp hòng bình định vùng tạm bị chiếm, vơ vét sức người, sức của của nhân dân phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Thắng lợi đó có tác dụng trực tiếp buộc địch giảm bớt việc tuần tiễu trên trục đường 9; vùng giải phóng Nam - Bắc đường 9 được củng cố và mở rộng, hàng vạn đồng bào ở các vùng đồng bằng Triệu - Hải, Cam - Gio - Vĩnh thoát khỏi ách kìm kẹp của địch, tạo điều kiện cho ta huy động được sức người, sức của vào cuộc kháng chiến ngày càng nhiều. Đánh giá của Phân khu ủy Phân khu Bình - Trị - Thiên về hoạt động quân sự của Quảng Trị trong năm 1948 có đoạn viết: Bộ đội Quảng Trị đã lập được nhiều chiến công đáng kể, thu được nhiều vũ khí và bắt được một số tù binh. Mùa hè và thu - đông năm 1948, chỉ tính trong một tuần lễ phối hợp với Quảng Bình, bộ đội Quảng Trị đã phá hủy trên 30 xe và tiêu diệt trên 100 tên địch (trong đó có một đại tá), chủ yếu bằng địa lôi chiến. Trong trận thực dân Pháp tấn công vào chiến khu Quảng Trị, du kích thường trực và du kích xã đã đánh địch một cách có

1. Hải Cự ngày nay thuộc xã Trung Sơn, huyện Gio Linh.

hiệu quả, du kích đã đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu hao, tiêu diệt địch.

Trên mặt trận kinh tế, “chủ trương tăng gia sản xuất, không bỏ một tấc đất” được thấm nhuần trong nhân dân. Ở đồng bằng, mặc dù bị địch càn quét, khủng bố, nông dân Quảng Trị vẫn bám đồng ruộng, tìm cách cày cấy, trồng trọt, làm ngày không được thì làm đêm.

Ở miền núi, tình hình sản xuất ngày càng ổn định và được đẩy mạnh hơn trước, đồng bào ở đồng bằng tản cư lên cùng với đồng bào thượng du trồng các loại rau màu, nhất là sắn, tiêu thụ tại chỗ không hết. Ngoài việc nương rẫy, đồng bào các dân tộc đã chú ý khai thác lâm thổ sản, làm hàng hóa trao đổi với đồng bào miền xuôi.

Trung đoàn 95 có trung đội nông binh phụ trách tăng gia sản xuất ở vùng Tân Trà, Trinh - Thạch, nhưng chưa đưa lại hiệu quả. Một mặt, vì anh em bộ đội hay bị ốm đau, sốt rét; mặt khác, bị địch ném bom, đánh phá. Tỉnh đội, cũng như dân quân du kích ở các xã đều có trại tăng gia sản xuất, trong đó có trại sản xuất ở làng An của Đại đội Lê Hồng Phong là khá hơn cả.

Nhìn chung, tình hình kinh tế của tỉnh trong năm 1948 còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn vì ở đồng bằng 2 vụ đều bị mất mùa (vụ tháng 4 mất 50%, vụ tháng 10 mất 80%)¹.

1. Báo cáo tình hình Quảng Trị năm 1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Trị.

Để khắc phục khó khăn về lương thực, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã trích 20 vạn đồng ở quỹ ủng hộ Bình - Trị - Thiên giúp những vùng bị đói; đồng thời chủ trương cho Ủy ban kháng chiến hành chính các huyện, xã huy động dân công lên thu hoạch sắn do đồng bào ở đồng bằng Hải Lăng tản cư lên cùng với đồng bào các dân tộc Vân Kiều, Pa Cô trồng ở Trâu Trần, Bọc Lở. Sắn thu được giải quyết kịp thời cho các gia đình bị đói ở một số nơi trong đồng - xuân 1948-1949.

Với tinh thần “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, nhân dân Quảng Trị không những vượt qua được nạn đói trong năm 1948, mà còn hưởng ứng chủ trương của Chính phủ, mua được 2,5 triệu đồng công phiếu.

Về tiểu thủ công nghiệp, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp đã vận động tổ chức nhân dân trồng bông dệt vải, trồng dâu nuôi tằm. Tuy vậy, vải to và thao lụa của ta dệt ra bán không chạy vì bị hàng vải ngoại (của Pháp) cạnh tranh. Lệnh cấm dùng hàng xa xỉ phẩm chỉ thi hành được ở vùng chiến khu...

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, y tế, do thiếu cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, thiếu phương tiện ấn loát, máy thu thanh, một số nhân viên bị đau ốm, nên việc thông tin tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và chính quyền xuống xã, thôn còn chậm so với trước. Tờ báo *Tiếng Vang* xuất bản trong hoàn cảnh khó khăn nên chưa phản ánh đầy đủ các lĩnh vực hoạt động của Đảng bộ và nhân dân, các chiến sĩ lực lượng vũ trang. Báo của Trung ương và của Liên khu 4 về chậm, không

đều, có khi bị thất lạc dọc đường. Trong khó khăn ác liệt, không có nơi an toàn để mở trường, đội ngũ giáo viên thiếu nên “toàn tỉnh chỉ mở được 24 trường tiểu học, trong đó có 4 trường đủ 4 lớp (lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4) với 33 giáo viên và kiểm soát viên, 1.032 học sinh. Trong năm 1948, Ty Tiểu học vụ đã mở kỳ thi tốt nghiệp tiểu học ở các huyện Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong và Phong Nguyên (chiến khu Ba Lòng), 120 học sinh dự thi đã trúng tuyển 82 em. Ngoài các trường lớp do ta mở, ở thị xã Quảng Trị và Đông Hà, địch có mở 4 lớp¹.

Phong trào bình dân học vụ từ tháng 01 đến tháng 8/1948 phát triển chủ yếu ở các vùng chiến khu, tiền chiến khu và miền núi, các huyện Triệu Phong và Cam Lộ, còn các huyện khác phong trào yếu. Sau đợt phát động thi đua từ tháng 8/1948 trở đi, phong trào bình dân học vụ phát triển đều trong toàn tỉnh. Số học viên bình dân học vụ đầu năm 1948 có 2.002 người, cuối năm 1948 có 5.123 người. Tổng số giáo viên bình dân học vụ 884 người, kể cả có 72 người hy sinh hoặc bị bắt.

Về công tác y tế: sau vụ địch tràn vào chiến khu, “bệnh viện tỉnh không có bác sĩ, chỉ có một y tá phụ trách; thuốc chữa bệnh thiếu. Trong năm 1948, chỉ nhận được thuốc của Liên khu chuyển vào một lần”. Vì thế, việc thu nhận bệnh nhân rất hạn chế, “trung bình ở bệnh viện tỉnh hàng ngày có từ 35 đến 50 bệnh nhân nằm điều trị”².

1, 2. Báo cáo tình hình Quảng Trị năm 1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Trị.

Về giao thông liên lạc - bưu điện, toàn tỉnh có 146 cán bộ nhân viên, trong đó có khoảng 1/3 bị đau ốm, số còn lại đi công tác qua các tuyến quốc lộ 1, quốc lộ 9, đường Cửa - Trám, đường Hòn Linh - Dương Hòa (Thừa Thiên) thường bị địch phục kích uy hiếp. Tuy nhiên, anh em giao thông liên lạc vẫn vững vàng và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ngoài các công việc chuyên môn, anh em còn mở đường liên lạc dự bị liên tỉnh dài 60 km, tu sửa các tuyến đường cũ dài khoảng 85 km.

Về công tác xây dựng Đảng, toàn tỉnh “có 64 chi bộ (49 chi bộ xã, 6 chi bộ công sở, 7 chi bộ dân quân, một chi bộ chiến khu, một chi bộ công binh xưởng), với số lượng 2.600 đảng viên (không kể số đảng viên trong Trung đoàn 95), trong đó có 60 nữ, 2 công giáo, 2 phật giáo”¹. Nội bộ đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động. Công tác phát triển Đảng so với trước có tiến bộ, nhưng so với yêu cầu còn chậm; một số đảng viên chưa coi trọng công tác phát triển Đảng, có chi bộ chưa phát triển thêm đảng viên. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do quan niệm cho rằng người nhiều tuổi nặng bệnh cầu an, phụ nữ vào Đảng cũng không làm được việc. Ở vùng tạm bị địch chiếm nhiều thôn chưa có đảng viên, nên công tác phát triển Đảng gặp nhiều khó khăn.

Về tổ chức, đầu năm 1949, đồng chí Đặng Thái - Bí thư Tỉnh ủy được Trung ương điều lên Liên khu ủy Khu 4,

1. Báo cáo của Tỉnh ủy, số 316, ngày 05/5/1948.

đồng chí Trần Văn Ngoạn - Phó Bí thư Tỉnh ủy đi học; đồng chí Lê Chuông - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chính ủy Trung đoàn 95 được cử kiêm Thường trực Tỉnh ủy.

Sau khi mặt trận vỡ, một số đồng chí Ủy viên Hội đồng nhân dân cấp xã bị hy sinh, một số mất tinh thần sao lãng công việc. Đến năm 1948, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, Hội đồng nhân dân xã được củng cố (trừ một số xã phải ly hương), một hay hai tháng sinh hoạt một lần. Hội đồng nhân dân xã đã giúp Ủy ban kháng chiến hành chính xã trong công việc điều hành hằng ngày, sát dân, hiểu được nguyện vọng của quần chúng. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, một số ủy viên được cấp trên điều đi công tác ở tỉnh khác, có một, hai người theo địch, nên không bảo đảm sinh hoạt thường kỳ, nhưng được củng cố lại vào cuối năm 1948.

Bộ máy Ủy ban kháng chiến hành chính từ tỉnh đến xã, trong hai năm (1947-1948) mặc dù nhiều lần thay đổi ủy viên (vì một số bị địch bắt, hy sinh, một số khác bị ốm đau chết), song công tác vẫn được tiến hành bình thường.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân không ngừng được củng cố, tăng cường. Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Quang Xá làm Chủ nhiệm Việt Minh và điều một số cán bộ chủ chốt ở các huyện lên bổ sung vào Ban Chấp hành của các đoàn thể quần chúng cấp tỉnh.

Hưởng ứng phong trào Thi đua Ái quốc của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phối hợp với Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã phát động

phong trào thi đua bắt đầu từ ngày 10/8/1948. Không khí thi đua trong toàn quân, toàn dân trở nên sôi nổi rầm rộ. Bộ đội, dân quân du kích, công an đã lập được nhiều thành tích về công tác trừ gian, phá hội tề, giết giặc, cướp vũ khí của địch. Trong nông dân đẩy mạnh thi đua sản xuất. Đánh giá phong trào cách mạng năm 1948, Tỉnh ủy đã chọn Gio Linh là “huyện kháng chiến kiểu mẫu”.

Thắng lợi đã giành được trong hai năm 1947-1948 ở Quảng Trị trước hết là do tinh thần chiến đấu bất khuất của quân và dân trong tỉnh. Trong hoàn cảnh bị thực dân Pháp khủng bố tàn sát cực kỳ dã man và bị đói rét thiếu thốn, bộ đội ta vẫn bám sát nhân dân, được nhân dân che chở và hết lòng giúp đỡ, nên đã đánh thắng nhiều trận, tiêu diệt được nhiều địch, thu được nhiều vũ khí của chúng để tự trang bị cho mình và ngày càng có thêm kinh nghiệm trong chiến đấu. Mặt khác, phong trào dân quân du kích ngày một phát triển. Bộ đội, cán bộ, dân quân du kích cũng như toàn thể đồng bào trong tỉnh mỗi ngày một trưởng thành trong lò lửa chiến tranh, dốc sức cùng quân và dân cả nước đưa cuộc kháng chiến tiến lên bước phát triển mới.

CHƯƠNG VIII

ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN. CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHUYỂN SANG TỔNG PHẢN CÔNG (1949-1951)

I. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ III

Thắng lợi của quân và dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế trong những năm đầu kháng chiến đã làm cho địa vị thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương lung lay. Trái lại, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam ngày càng trưởng thành, lớn mạnh. Tuy nhiên, quân và dân ta lại phải đối phó gay gắt với những âm mưu mới của địch.

Tháng 3/1949, Hiệp ước Êlidiê (Élysée) được ký kết. Nghị quyết Trung ương đã được thành lập do Bảo Đại làm quốc trưởng kiêm tổng Tư lệnh quân đội. Với Hiệp ước này, thực dân Pháp tiến thêm một bước trong âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt đánh người Việt”.

Mặt khác, thấy trước sự thất bại không thể cứu vãn được ở Trung Quốc, đế quốc Mỹ đẩy nhanh quá trình can thiệp vào Việt Nam, tăng cường viện trợ cho quân đội Pháp tiếp tục bình định vùng nông thôn đồng bằng, trực tiếp trang bị, huấn luyện và nuôi dưỡng quân nguy.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới của địch, Hội nghị cán bộ Trung ương họp vào đầu năm 1949, khẳng định: so sánh lực lượng đã thay đổi có lợi cho ta, âm mưu can thiệp của đế quốc Mỹ vào Đông Dương cũng sẽ phải chia sự thất bại đau đớn và nhục nhã với thực dân Pháp. Để giành được độc lập, phải động viên mọi lực lượng tinh thần và vật chất của toàn dân vào cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh quân khu, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã phát động cuộc “luyện quân lập công” trong các lực lượng vũ trang.

Để thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ Liên khu 4 và để đáp ứng những yêu cầu và nhiệm vụ của cuộc kháng chiến trong thời kỳ mới, từ ngày 20 đến ngày 25/3/1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III được triệu tập tại chiến khu Ba Lòng. Đến dự Đại hội có 82 đại biểu chính thức.

Đại hội nghiêm túc kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, của Tỉnh ủy trong nhiệm kỳ khóa II như sau: “Đảng bộ nhân dân trong tỉnh ngày càng thấy rõ đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ là đúng đắn, nội bộ đoàn kết nhất trí, lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời, sát

thực tế. Cán bộ, bộ đội thi đua trở về đồng bằng. Phong trào dân quân bất nổi. Nhiều khu du kích được hình thành và các vùng căn cứ cách mạng của tỉnh, của huyện được củng cố, xây dựng vững chắc hơn trước”¹.

Đại hội chỉ rõ những sai lầm, thiếu sót trong thời gian qua, nhất là để mất căn cứ chợ Cạn và việc đối phó với hội tề. Trong nội bộ còn bộc lộ khuyết điểm về “bệnh cô độc, dân chủ cục đoan, cục bộ địa phương”².

Đại hội đề ra nhiệm vụ trung tâm trong thời gian tới và công tác trong năm 1949 là: Phát triển chiến tranh nhân dân; huấn luyện trang bị lực lượng bộ đội tập trung đủ sức đánh những trận lớn trong tổng phản công; củng cố kiên toàn chính quyền của ta, bóp chết chính quyền địch, tổ chức bao vây kinh tế địch, xây dựng nền kinh tế của ta; vừa đối phó với địch, gây lòng căm thù địch, vừa xây dựng nếp sống văn hóa mới, chú trọng bình dân học vụ và phát triển phong trào văn nghệ quần chúng, lãnh đạo và vận động nhân dân đấu tranh với địch giữ làng, lập làng chiến đấu, xây dựng Đảng theo phương châm của Khu ủy, trọng tâm là huấn luyện cán bộ, đảng viên.

Đại hội quyết định tăng cường củng cố địa bàn Hướng Hóa, mở mặt trận đường 9, bắt đầu đánh mạnh ở đường 9; tiếp tục xuất bản và phát hành tờ báo *Tiếng Vang* (tiếng nói của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị) xuống tận cơ sở, đảng viên.

1, 2. Tỉnh ủy Quảng Trị điện Liên khu ủy Liên khu 4.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III gồm 14 đồng chí: Nguyễn Quang Xá, Đặng Đình Giáp, Trần Trọng Hoãn, Nguyễn Đức Kỳ, Võ Trí Hựu, Nguyễn Cáo, Phạm Ngọc Cân, Nguyễn Long, Lê Nam Thắng, Hoàng Đức Sản, Bùi Tá Bằng, Lê Bá Năm, Lê Thanh Liêm, Hồ Sĩ Thản. Đồng chí Nguyễn Quang Xá được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Đến tháng 9/1949, Tỉnh ủy được bổ sung thêm 3 đồng chí: Phan Trọng Tịnh, Phan Văn Khánh, Nguyễn Hoạt.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Hội đồng nhân dân tỉnh họp vào đầu tháng 4/1949 đề ra các chủ trương, biện pháp nhằm kiên toàn bộ máy chính quyền cách mạng cấp huyện, các xã; ra sức phá tan hội tề của địch; tích cực phát triển lực lượng vũ trang kịp thời đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới; chú trọng cải thiện dân sinh, vận động nhân dân xây dựng và thực hiện nếp sống mới; chống địch bắt lính và chống địch tập trung lúa của dân vào căn cứ vị trí của chúng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh (tháng 4/1949), quân và dân Quảng Trị được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực đã tổ chức trận địa đánh địch nhiều nơi. Mặc dù trận tập kích căn cứ Đông Hà¹ không thành công so với mục tiêu đề ra, nhưng đã gây ảnh hưởng tốt về mặt chính trị. Bộ chỉ

1. Diệt 20 lính, phần lớn là lính Lê Dương; bắt sống nhiều tên (trong đó có Phó Trưởng Ty an ninh); phá hủy 1 thiết giáp, 1 pháo 12 mm, 1 đại liên 12,7 mm và thu 50 súng các loại.

huy kịp thời rút kinh nghiệm và tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quân sự có hiệu quả trong thời gian tới.

Ngày 06/6/1949, quân và dân Hải Lăng đã phá rã 2 trung đội hộ tống đoàn biểu tình ủng hộ Bảo Đại do tay sai Pháp tổ chức tại Hải Điền. Tiếp đó, lại chặn đánh một tiểu đoàn địch đến tiếp viện, biến nó thành cuộc biểu tình phản đối Bảo Đại. Sự kiện này chứng tỏ nhân dân vùng tạm bị chiếm Quảng Trị trước sau vẫn một lòng tin tưởng tuyệt đối vào cách mạng và kháng chiến.

Giữa tháng 7/1949, Phân khu mở đợt tác chiến lần thứ nhất (gọi tắt là kế hoạch ABC) tại khu vực đường 9 và tây Hướng Hóa nhằm xây dựng cơ sở, tạo bàn đạp cho Tiểu đoàn 364 (Trung đoàn 9 của Phân khu) phát triển lên hướng bắc đường 9 và Trung Lào.

Ngày 18/7/1949, tại làng Miệt, Tiểu đoàn 302 (Trung đoàn 95) phối hợp với nhân dân và du kích địa phương đánh trận mở đầu diệt một trung đội địch từ Khe Sanh đi Nguồn Rào, phục kích đánh địch tiếp viện tại km 46, diệt gần 2 trung đội địch, phá hủy 3 xe vận tải, thu nhiều vũ khí. Cuối tháng 8/1949, quân ta bao vây Khe Sanh, tiêu diệt đồn Nguồn Rào, giải phóng khu vực bắc Hướng Hóa. Chiến thắng này đã “Ấn nhện với phong trào chung, đồng bào Thượng du cũng trỗi dậy. Họ tham gia kháng chiến mạnh hơn trước. Đồng bào đã tích cực bao vây địch, bằng cách bắt hợp tác, triệt để tản cư, ráp các đường liên lạc, làm cho địch khiếp sợ và rút lui 5 đồn: Xuôi Muôi, Lao, Ra Lô, Bải Lọ, Ba Du. Họ lại hăng hái tham gia phá hoại đường 9, cản trở vận chuyển của địch. Mức sống của nhân

dân các dân tộc được cải thiện hơn trước, phong trào bình dân học vụ phát triển đều”¹.

Sau khi kế hoạch ABC kết thúc thắng lợi, Tiểu đoàn 227 và 364 bí mật cơ động về đồng bằng Triệu - Hải phối hợp với Tiểu đoàn 310 và Tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh, bộ đội địa phương các huyện Hải Lăng, Triệu Phong và dân quân du kích xã mở đợt tác chiến thứ hai (gọi tắt là kế hoạch GMC), nhằm tiêu diệt đội quân ứng chiến của địch đi càn, đồng thời rèn luyện khả năng chỉ huy, tác chiến của cán bộ, chiến sĩ.

Để giải vây cho lính ở đồn Ưu Đàm (Phong Điền, Thừa Thiên), ngày 18/8/1949, địch huy động lực lượng lớn từ Huế ra, từ Quảng Trị vào gồm một tiểu đoàn ứng chiến Bắc - Phi cùng hai đại đội ngự binh, 6 xe bọc thép lợi nước có máy bay yểm trợ, mở trận càn quét quy mô lớn từ Mỹ Chánh đánh xuống Ưu Đàm. Do làm tốt công tác trinh sát, đặc biệt đón bắt được thư của Pháp hẹn ngày đem quân đến giải vây đồn Ưu Đàm, nên ta chủ động triển khai lực lượng đánh viện. Dưới sự chỉ huy của Trung đoàn trưởng Trung đoàn 95 Lê Bá Vạn, Tiểu đoàn 227, 310 (Trung đoàn 95) phối hợp với Tiểu đoàn 120 của Thừa Thiên, Tiểu đoàn 230 bộ đội địa phương tỉnh Quảng Trị chặn đánh². Sau hơn một giờ chiến đấu, quân ta đã diệt gọn một đại đội địch, đánh

1. Đánh giá tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (4/1950).

2. Xem Thường vụ Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Sđd, tr.98 - 99.

tan hai đại đội khác, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ Ban chỉ huy cuộc càn của địch, phá hủy 3 xe lội nước, thu 3 xe và một máy bộ đàm, một súng cối, 6 trọng liên và trung liên... Tiểu đoàn Lê Hồng Phong và lực lượng dân quân du kích xã Hải Tân sau trận chống càn đã thu được nhiều súng của địch để trang bị cho mình.

Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Bình - Trị - Thiên, quân ta tiêu diệt được xe bọc thép lội nước của địch, một loại phương tiện chiến tranh hiện đại mà thực dân Pháp vừa đưa vào để cơ động càn quét trên địa hình đồng bằng có nhiều sông rạch, đầm phá.

Thời gian này, thực hiện chủ trương của Phân khu Bình - Trị - Thiên, Tỉnh đội Quảng Trị do đồng chí Nguyễn Long làm Tỉnh đội trưởng đã phát động phong trào “rèn cán chỉnh quân” kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ tác chiến. Trong tháng 9 và tháng 10/1949, các đơn vị lực lượng vũ trang Quảng Trị sôi nổi thi đua nâng cao kỹ thuật chiến đấu cá nhân và trình độ hiệp đồng tác chiến, đánh địch, chống càn ở nhiều nơi.

Ngày 13/9/1949, Bộ Tư lệnh Liên khu quyết định chọn Trung đoàn 95 làm trung đoàn chủ lực đầu tiên của Phân khu Bình - Trị - Thiên (trung đoàn chủ lực thứ 2 của Quân khu 4) có nhiệm vụ cơ động tác chiến trên chiến trường Bình - Trị - Thiên.

Tháng 11/1949, Trung ương Đảng và Bộ Tư lệnh Liên khu 3 chủ trương mở chiến dịch Lê Lợi ở đồng bằng Bắc Bộ. Phối hợp với chiến dịch Lê Lợi, Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu 4 chủ trương mở chiến dịch Lê Lai nhằm

tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, xây dựng và mở rộng căn cứ đồng bằng.

Thực hiện chủ trương đó, trong tuần lễ cuối năm 1949, quân và dân Quảng Trị khẩn trương làm công tác nắm địch, chuẩn bị chiến trường, huấn luyện bộ đội và dân quân, du kích, lập kế hoạch đánh phá giao thông, đẩy mạnh công tác trừ gian, phá hội tề, công tác binh vận, bao vây kinh tế, chuẩn bị lương thực, vũ khí, xây dựng các vùng căn cứ ở đồng bằng...

Trước khi chiến dịch mở màn, quân và dân khắp nơi trong tỉnh tích cực chống càn, quấy rối các đồn lẻ, phá hoại giao thông. Dân quân, du kích Thủy Càn (Vĩnh Linh) vừa bao vây đồn vừa kết hợp làm công tác binh địch vận trong suốt hai tháng, buộc chúng phải rút chạy khỏi đồn. Dân quân Hải Dương (Hải Lăng) bao vây, quấy rối buộc địch phải tháo chạy khỏi Diên Khánh. Trên trục đường 9 - Hướng Hóa, bộ đội địa phương phối hợp lực lượng dân quân du kích hai huyện Cam Lộ, Hướng Hóa đánh phá giao thông, bao vây quấy rối các đồn bốt ở km 7, km 41, km 47, ở Đầu Mầu, Đèo Đá, Tân Lâm làm cho địch luôn ở trong tình trạng đối phó, căng thẳng.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, tỉnh đội Quảng Trị phát động “tuần lễ địa lôi”, “tuần lễ rào làng”, “tuần lễ phá hoại” trong toàn tỉnh. Đêm đêm hàng ngàn dân công và nhân dân địa phương ra đường dựng vật chướng ngại, cản tiếp tế của địch. Đoạn quốc lộ 1 (từ Lệ Thủy, Quảng Bình) đến thị xã Quảng Trị bị phá nặng, làm tê liệt giao thông địch trong nhiều tuần lễ.

Bộ đội địa phương và dân quân du kích phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực tiến công vị trí Thanh Lê, Nhu Lý, Dốc Miếu, Cửa Tùng, Nhan Biều, An Đôn; phá đoạn quốc lộ 1 ngang qua Vĩnh Linh và các tỉnh lộ. Dân quân du kích Hướng Hóa bám đường 9, phục kích địch phá hủy 4 xe, chặt cây to chắn đường làm tắc nghẽn giao thông trên đường 9 dài khoảng 50 km, buộc địch phải huy động lực lượng lớn để giải tỏa. Dân quân còn góp 40.000 ngày công rào 41 thôn, bao vây 8 vị trí địch.

Sau một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu (tháng 01/1949), Sắc lệnh nghĩa vụ quân sự của Chính phủ, ba thứ quân của tỉnh đã hình thành rõ rệt, số lượng cũng như chất lượng được nâng lên gấp bội. Từ hơn 5.000 cán bộ chiến sĩ, lúc bắt đầu kháng chiến, đến cuối năm 1949, toàn tỉnh có trên 16.000 cán bộ, chiến sĩ phiên chế trong 7 đại đội và 2 trung đội bộ đội địa phương huyện, tỉnh; 40 trung đội du kích tập trung xã. Lực lượng dân quân từ 2 vạn (cuối tháng 4/1949) tăng lên 4 vạn (cuối tháng 8/1949). Một số xã như Phong Hội, Phong Thanh (Triệu Phong) công dân từ 18 tuổi đến 45 tuổi đều vào dân quân. Các chi bộ Phong Hội (Triệu Phong), Cam Lộ (Cam Lộ), tất cả đảng viên trong chi bộ đều vào dân quân du kích. Các đại đội, trung đội bộ đội địa phương huyện, thị tích cực hoạt động, giúp đỡ dân quân du kích xã đánh địch, bảo vệ mùa màng, bao vây đồn bốt địch, thường xuyên đánh phá các trục đường quốc lộ 1, quốc lộ 9.

Trong năm 1949, địch bị đánh ở thị xã Quảng Trị, thị trấn Đông Hà, các đồn Hạ Cờ, Cháp Lễ (Vĩnh Linh), Dốc Miếu (Gio Linh), Đầu Mầu (Cam Lộ), Bến Đá (Hải Lăng), Dương Lộc, Đại Lộc và dọc đường 64 (Triệu Phong). Ngoài ra, ta còn 6 lần tổng quấy rối đồn bốt địch trên toàn tỉnh, 8 lần tổng quấy rối địch trên địa bàn huyện, 102 lần đánh địch bằng địa lôi chiến, 1.007 lần quấy rối lẻ, buộc địch phải rút bỏ 5 đồn dọc đường 9 - Hướng Hoá, 2 đồn ở Vĩnh Linh, 2 đồn ở Gio Linh, một đồn ở Hải Lăng, cô lập hoàn toàn các đồn Mỹ Tá, Tân Trại, bao vây đồn Cửa Tùng. Lương thực, đạn dược của địch ngày càng cạn kiệt, bọn chỉ huy ở Cửa Tùng phải kêu cứu tàu thủy ở ngoài biển tiếp tế. Các hoạt động quân sự đã hỗ trợ đắc lực cho phong trào “tổng phá tề” phát triển mạnh. Phong trào tổng phá tề diễn ra quyết liệt từ năm 1947 đã trở thành một cuộc nổi dậy đồng loạt vào cuối năm 1949, phát triển lên đỉnh cao, phá nát hệ thống kìm kẹp của địch ở cơ sở. Trong tháng 7/1949, hai huyện Hải Lăng và Triệu Phong đã bắt 250 tên hương lý, hương vệ, 37 gián điệp. Đến tháng 9/1949, Vĩnh Linh đã triệt phá hầu hết các ban tề (trừ một số chạy vào các vị trí địch). Các vụ trừ gian, phá hội tề diễn ra liên tục đẩy địch vào tình trạng không kịp đối phó. Ngụy quyền, ngụy quân ở cơ sở hoang mang dao động mạnh. Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính xã của ta được chấn chỉnh, củng cố thêm một bước. Ở những nơi như thị xã, thị trấn, vùng sát căn cứ vị trí địch, ta lợi dụng hội tề hoặc đưa người vào trong các ban tề để làm việc cho kháng chiến, đấu tranh hợp pháp với địch, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân.

Chính quyền bù nhìn cơ sở lúc này còn khoảng 5% trong toàn tỉnh, hoạt động kém hiệu lực.

Quân ta đánh mạnh trên khắp chiến trường Bình - Trị - Thiên nói chung và Quảng Trị nói riêng, nên dù trên địa bàn Quảng Trị có 52 vị trí, quân số của địch tăng hơn trước, được trang bị đầy đủ vũ khí tối tân hiện đại nhưng chúng phải lo tập trung củng cố thị xã, thị trấn và hệ thống tháp canh dọc quốc lộ 1, quốc lộ 9, không đủ lực lượng để đối phó. Phong trào hai huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh trước đây có nhiều khó khăn đã trở dậy, tiến kịp phong trào chung¹. Ở Hướng Hoá, các cơ sở cách mạng được củng cố và phát triển, lực lượng vũ trang có điều kiện mở rộng phạm vi hoạt động, giúp bạn đánh địch, giải phóng Hạ Lào.

Song song với các hoạt động quân sự, Đảng bộ Quảng Trị còn chú trọng đến việc tăng cường và củng cố chính quyền cách mạng ngày một vững mạnh. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã tiến hành trong tháng 8/1949 thu được kết quả tốt đẹp. Nhiều cử tri trong vùng tạm chiếm đã bí mật ra vùng căn cứ du kích thực hiện nghĩa vụ bầu cử của người công dân.

Về kinh tế, căn cứ chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ngày 20/01/1948, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, thực hiện khẩu hiệu: “tự cấp

1. Ở Vĩnh Linh, phụ nữ đã làm tốt công tác bình địch vận, giúp cho lực lượng vũ trang chiếm được đồn Hiền Lương, bắt sống đồn trưởng, thu 6 súng. Ngoài ra, lực lượng hương vệ ở đồn Cháp Lễ còn mang theo vũ khí trở về với nhân dân. Xã Vĩnh Giang (Vĩnh Linh) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

tự túc”, “cải thiện đời sống nhân dân”. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chính quyền cách mạng tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian chia cho nông dân thiếu ruộng, dân quân du kích và tập đoàn sản xuất cây cấy. Chính quyền cách mạng các cấp tích cực triển khai thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức; vận động người nhiều ruộng hiến ruộng, hiến đất để tạm cấp cho các gia đình nông dân ít ruộng. Nhờ vậy, nông dân phấn khởi đẩy mạnh tăng gia sản xuất và tiết kiệm, tích cực đóng góp sức người, sức của vào cuộc kháng chiến. Niềm tin đối với chính quyền cách mạng ngày càng cao.

Các biện pháp tích cực và hiệu quả đó đã giúp cho Quảng Trị vượt qua được thiên tai địch họa, tự túc được lương thực, góp phần cùng với hai tỉnh Thừa Thiên, Quảng Bình ổn định đời sống cho quân, dân trong vùng, tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Cuộc bao vây kinh tế cắt đứt đường tiếp tế của địch thu được nhiều kết quả. Khắp các ngã đường đi vào thị xã, thị trấn, đi vào căn cứ, vị trí chiếm đóng của địch đều được bố trí các vọng gác do dân quân, công an kiểm soát, không cho nhân dân mang lương thực, thực phẩm vào bán tại các chợ thuộc vùng tạm bị địch chiếm. Chợ kháng chiến được tổ chức ở nhiều nơi, nhất là ở chiến khu, vùng tiền chiến khu, vùng căn cứ du kích. Đồng bạc Việt Nam lưu hành rộng rãi và ngày càng có giá trị. Toàn tỉnh có 10 chợ do địch kiểm soát, trong thời gian bị bao vây kinh tế số người đến họp chợ thưa thớt, lương thực, thực phẩm khan hiếm. Hàng ngoại do địch tung ra bán bị ế ẩm. Kết quả bao vây

kinh tế của ta đã gây cho địch nhiều khó khăn về lương thực, thực phẩm, hàng lâm sản...

Tuy vậy, công tác đấu tranh kinh tế với địch còn có thiếu sót vì chưa phân biệt cụ thể những mặt hàng cần và không cần bao vây để có chính sách thích hợp, không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và có lợi cho kháng chiến.

Công tác văn hóa, giáo dục tiếp tục phát triển. Được sự chăm lo của cấp ủy và chính quyền các cấp, các phòng thông tin huyện và ban thông tin xã sau một thời gian gặp khó khăn đã kịp thời củng cố, bổ sung thêm cán bộ. Các phòng thông tin huyện đã tổ chức các cuộc tuyên truyền xung phong và võ trang tuyên truyền vào các vùng xung yếu, tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 5 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 ở một số nơi tiền chiến khu, vùng căn cứ du kích. Hầu hết các huyện trong tỉnh đã mở trường, lớp phổ thông cấp tiểu học với quy mô lớn, nhỏ khác nhau. Xã Triệu Nguyên (chiến khu Ba Lòng) có trên 100 học sinh. Xã Cam Lộ (Cam Lộ) có khoảng 200 học sinh. Các lớp học phổ thông ở vùng giáp ranh tiền chiến khu, khu du kích trong khó khăn ác liệt vẫn được duy trì. Nhiều nơi không có bàn ghế, không có nhà, thầy trò tự làm để dạy và học. Những lúc bị phi pháo địch bắn phá, thầy trò xuống giao thông hào ngồi học. Phong trào bình dân học vụ vẫn tiếp tục duy trì ngay cả trong vùng tạm bị địch chiếm. Hội nghị tổng kết phong trào bình dân học vụ toàn tỉnh vào tháng 8/1949, xã Phong Thanh (Triệu Phong) được đánh giá là nơi có phong trào phát triển mạnh nhất (đứng thứ hai toàn quốc).

Về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy chủ trương cho các Huyện ủy, Chi ủy mở các lớp lý luận chính trị cho đảng viên, đoàn viên. Tổ chức học tập tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho anh chị em chi ủy viên và tổ trưởng Đảng. Kết quả qua các lớp học chính trị “các căn bệnh cầu an, thoả hiệp, hữu khuynh, hẹp hòi” được anh em học viên liên hệ kiểm điểm giúp nhau sửa chữa. Phương thức lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cách mạng các cấp ngày càng sâu sát với thực tế chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất.

II. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IV

Từ ngày 25/4 đến ngày 06/5/1950, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV được tổ chức ở chiến khu Ba Lòng. Đến dự Đại hội có 119 đại biểu chính thức. Đồng chí Hoàng Anh, Thường vụ Khu ủy, Bí thư Ban cán sự Bình - Trị - Thiên chỉ đạo Đại hội và đồng chí Võ Thuần Nho, Khu ủy viên về dự.

Trong 12 ngày làm việc, Đại hội quán triệt Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ ba, tập trung kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua và bàn phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới.

Về phần đánh giá tình hình, Đại hội nhất trí cho rằng: “Trong năm qua, quân và dân trong tỉnh đã cố gắng lập được nhiều thành tích trên các mặt quân sự, trừ gian, phá hội tề, huy động được sức người, sức của phục vụ kháng chiến. Ta càng kháng chiến, chính quyền cách mạng càng thêm vững chắc. Cán bộ, đảng viên và nhân dân ta có

thêm kinh nghiệm, biết chủ động công việc, đối phó kịp thời với mọi âm mưu, thủ đoạn mới của địch”¹.

Đại hội đã chỉ ra phong trào chưa đều giữa các vùng. Do nhận thức chưa đầy đủ khẩu hiệu tích cực hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công, nên một số địa phương, đơn vị chỉ nhấn mạnh khâu chuyển sang tổng phản công mà sao lãng khâu tích cực hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị.

Để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn dân kháng chiến ở các địa bàn, Đại hội quyết nghị đảng viên phải nêu cao tinh thần chiến đấu, bám đất, bám dân, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ, trước mắt đẩy mạnh phong trào học tập lý luận chính trị, chấn chỉnh lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới gồm 15 đồng chí Ủy viên chính thức: Trần Trọng Hoãn (Trần Trọng Tân), Lê Thanh Liêm, Võ Trí Hựu, Nguyễn Đức Kỳ, Đặng Đình Giáp, Hồ Sĩ Thản, Nguyễn Tào, Trần Thị Thí, Nguyễn Tương, Phan Trọng Tịnh, Phan Văn Khánh, Nguyễn Hoạt, Phạm Ngọc Cân, Nguyễn Long, Hoàng Tiết và 6 đồng chí Ủy viên dự khuyết: Nguyễn Bình, Hoàng Đức Luật, Hoàng Ca, Đào Xuân Thu, Trần Tuyền, Nguyễn Đàm; bầu đồng chí Trần Trọng Hoãn làm Bí thư Tỉnh ủy. Sau một thời gian, Liên khu ủy 4 cử đồng chí Nguyễn Cáo, Khu ủy viên về làm Bí

1. Trích báo cáo của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Trị, cuối năm 1950.

thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Trọng Hoãn đi nhận công tác khác. Tháng 5/1951, đồng chí Trương Quang Phiên được bổ sung vào Tỉnh ủy.

Trước khi bế mạc, Đại hội ra lời kêu gọi toàn thể đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Nội dung lời kêu gọi viết:

“Các cấp bộ!

Toàn thể nam nữ đồng chí!

Thời cơ diệt địch sắp đến! Các nước dân chủ nhân dân đã thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chủ tịch lãnh đạo.

Quân ta đánh mạnh!

Dân ta đoàn kết!

Thêm vào đó, nước Pháp chia rẽ về chính trị, kiệt quệ về kinh tế, phong trào phản chiến sôi nổi có lợi cho ta, ở Đông Dương tinh thần địch càng hoang mang.

Nhưng trước sự lớn mạnh của ta, địch tăng cường củng cố lực lượng để phá hoại công cuộc chuẩn bị tổng phản công của ta. Chúng không quên bán rẻ xương máu của nhân dân Pháp để cầu xin sự giúp đỡ của Mỹ. Vì vậy, chúng ta phải tranh thủ thời gian, xây dựng thực lực cách mạng đủ mạnh để cùng với cả nước chuyển mạnh sang tổng phản công kịp trong năm 1950.

Về quân sự, xây dựng bộ đội địa phương, phát triển dân quân làm tròn nhiệm vụ bảo vệ địa phương, sửa soạn chiến trường và phối hợp với chủ lực. Tăng gia địch vận, nhất là ngụy vận.

Về chính trị, kiện toàn chính quyền nhân dân dân chủ chuyên chính và Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở công nông liên hợp.

Về kinh tế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng nền móng kinh tế dân chủ nhân dân.

Về văn hoá xã hội, củng cố tuyên truyền cổ động; đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, phát triển văn nghệ và vận động đời sống mới.

Về Đảng, động viên tinh thần cải tạo, xây dựng đức tính dũng cảm hy sinh, giữ vững kỷ luật sắt, mở rộng dân chủ. Tích cực giáo dục cho đảng viên về lý luận, tư tưởng, đạo đức và công tác. Thực hiện lãnh đạo thông suốt từ cấp trên xuống dưới, từ Đảng ra các ngành để đảm bảo việc thi hành Nghị quyết của Đảng. Tất cả những nhiệm vụ trên để nhằm thực hiện khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”.

Các cấp bộ!

Toàn thể đồng chí!

Nếu Quảng Trị đã anh dũng chiến đấu thì Quảng Trị cũng kịp thời vùng dậy, phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, chuyển sang tổng phản công. Mỗi đồng chí như một người lính xung trận của giai cấp và của dân tộc, muôn người như một, phải gấp rút, táo bạo, thấu suốt và triệt để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và của Khu ủy, Tỉnh ủy, toàn Đảng toàn dân dũng cảm tiến lên chiến đấu cho hoà bình lâu dài và dân chủ nhân dân. Tổng động viên toàn Đảng, toàn dân chuyển mạnh sang tổng phản công...”¹.

1. Tài liệu Lưu trữ tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh do đồng chí Nguyễn Đức Kỳ làm Chủ tịch đã mở Hội nghị bao gồm cán bộ chủ trì ở xã để học tập, quán triệt tình hình nhiệm vụ mới theo nội dung Lời kêu gọi của Đại hội gửi cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh.

Về tổ chức, thực hiện chỉ thị của cấp trên, Quảng Trị chủ trương thành lập các xã với quy mô lớn hơn trước. Từ 55 xã ở vùng đồng bằng trong tỉnh sáp nhập lại thành 27 xã. Cùng với việc lập lại quy mô xã, tỉnh còn chủ trương “đơn giản huyện, tăng cường tỉnh và xã”. Thực hiện chủ trương đó, bộ máy cấp huyện rất gọn, nhưng bộ máy cấp xã phình ra. Sau một thời gian thấy không hợp lý và gặp nhiều khó khăn trong điều hành công việc kháng chiến nên tỉnh thay đổi tổ chức lại với quy mô xã nhỏ hơn.

Mặc dù thực dân Pháp gặp nhiều khó khăn trong nước cũng như trên chiến trường, mâu thuẫn nội bộ của chỉ huy quân sự Pháp trong việc thực hiện kế hoạch Rove, nhưng chúng vẫn ngoan cố tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh xâm lược với mức độ ngày càng cao.

Tại Quảng Trị, sau chiến dịch Lê Lai, địch tăng cường phòng thủ, tích cực đánh phá ta về nhiều mặt, nhằm giữ vững vùng đã chiếm đóng, vơ vét sức người, sức của và ngăn chặn sự phát triển của ta. Ở vùng đồng bằng và dọc quốc lộ 1 từ thành phố Huế đến thị xã Đông Hà, địch đóng thêm các cứ điểm, cứ 500 - 1.000 m lại có lô cốt, tháp canh. Ở các vùng có người theo đạo Thiên Chúa, chúng lập thêm các đồn hương vệ. Địch ra sức bắt lính, đồn quân,

xây dựng Việt binh đoàn, lấy thanh niên theo Thiên Chúa giáo làm nòng cốt, xây dựng các đội ứng chiến mạnh, mở nhiều cuộc càn quét, dồn dân vào các khu chiêu an, dùng máy bay, pháo binh, tàu chiến đánh phá dữ dội vùng căn cứ, chiến khu của ta.

Mặt khác, địch ra sức củng cố nguy quyền, cách chức và thay đổi những tên chúng cho là bất lực, đưa những tên gian ác lên cầm quyền, bày trò bầu cử Quốc hội bù nhìn, rêu rao trả lại “độc lập cho Việt Nam”, đề cao vai trò nguy quyền Bảo Đại hòng lừa bịp nhân dân ta và dư luận thế giới; mua chuộc thanh thiếu niên và thương nhân để tổ chức mạng lưới gián điệp, chỉ điểm, tung tiền nắm chắc bọn phản động đội lốt tôn giáo, ráo riết thúc đẩy số này khống chế giáo dân, dùng bức thư luân lưu của giám mục Đôlây cho giáo dân học tập, nhằm chia rẽ tôn giáo, dùng Công giáo làm công cụ chiến tranh, biến nhà thờ thành công sự, linh mục thành gián điệp, con chiên thành vệ sĩ.

Về Phật giáo, tên tỉnh trưởng Nguyễn Hoài cùng tên quan ba Pháp và những tên phản động trong Phật giáo ra sức xây dựng, củng cố Hội Phật học Quảng Trị, duy trì các hoạt động của Phật giáo ở cơ sở nhằm mục đích đầu độc nhân dân bằng con đường hành đạo, quên nghĩa vụ của người dân mất nước là chống giặc ngoại xâm. Bọn phản động lợi dụng Thiên Chúa giáo tập hợp lực lượng nhằm liên minh tôn giáo “chống cộng”, nhưng hầu hết phật tử ở Quảng Trị đều không bị mắc mưu chúng.

Đầu tháng 4/1950, Bộ chỉ huy quân sự Pháp điều Tiểu đoàn 8 Spahi, tiểu đoàn nhảy dù (B.E.P) và Tiểu đoàn

Bắc Phi từ Đà Nẵng ra mở nhiều cuộc hành quân càn quét cướp phá mùa màng. Nguy quyền tay sai phát động “Chiến dịch Phan Văn Giáo” đánh vào vùng trọng điểm lúa.

Để đối phó với âm mưu địch, thực hiện “kế hoạch bảo vệ mùa” do Thường vụ Liên khu ủy 4 đề ra, ngày 10/4/1950, Trung đoàn 95 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương Triệu Phong đánh địch hành quân cướp lúa ở Hà My - Đầu Kênh, diệt 3 đại đội địch, đập tan cuộc càn của địch, nhân dân hồ hởi phấn khởi yên tâm gặt lúa.

Ngày 14/4/1950, Hội nghị quân - dân - chính Bình - Trị - Thiên họp bàn kế hoạch thực hiện chủ trương mở chiến dịch đông - xuân, nhằm “phát triển chiến tranh du kích đến cực độ, đẩy vận động chiến dịch lên địa vị chủ yếu”. Hội nghị quyết nghị: “Huy động tất cả khả năng của quân và dân 3 tỉnh Bình - Trị - Thiên mở “Chiến dịch Phan Đình Phùng”, lấy chiến thắng của chiến dịch thúc đẩy cuộc chiến tranh du kích ở Bình - Trị - Thiên tiến lên”.

Lực lượng tham gia chủ yếu có Trung đoàn 18 (gồm Tiểu đoàn 436, 274) và Trung đoàn 95 (gồm Tiểu đoàn 227, 302 và 310, Tiểu đoàn 888 pháo binh). Lực lượng phối hợp có Trung đoàn 101, Tiểu đoàn 436 và bộ đội địa phương, dân quân du kích ba tỉnh.

Chỉ huy chiến dịch là đồng chí Trần Quý Hai (chỉ huy trưởng mặt trận Bình - Trị - Thiên). Chiến dịch Phan Đình Phùng mở màn từ ngày 17/5/1950.

Sự hoạt động của quân và dân Quảng Trị tham gia chiến dịch đã gây khí thế sôi nổi, rầm rộ trong toàn quân và dân, nhất là từ khi bộ phận “ban liên tỉnh Hạ Cờ -

Chấp Lễ” của địch bị tiêu diệt (ngày 27/6/1950), buộc địch phải bị động theo chiến dịch của ta. Trận Hạ Cờ - Chấp Lễ có ý nghĩa giam chân chủ lực của địch tại Bình - Trị - Thiên, thể hiện sự trưởng thành của các lực lượng vũ trang ta mở đầu các trận đánh đã tiêu diệt được quân ứng chiến của địch, mở rộng vùng căn cứ ở nam Quảng Bình, bắc Quảng Trị.

Đại hội Đảng bộ Liên khu 4 diễn ra từ ngày 28 đến ngày 31/7/1950, trong phần đánh giá tình hình, đã biểu dương thành tích của Đảng bộ các tỉnh trong Liên khu; đồng thời chỉ rõ các khuyết điểm, thiếu sót ở các chiến trường, nêu rõ phương án tác chiến ở vùng địch hậu là lấy du kích chiến làm chính, luôn luôn kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự để tiêu diệt địch. Coi trọng việc giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, phát triển cơ sở...

Sau Đại hội, Hội nghị Liên Khu ủy mở rộng (có đại diện lãnh đạo Quảng Trị tham dự), bàn các biện pháp thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu 4, phong trào cách mạng ở Quảng Trị cũng như ở chiến trường Bình - Trị - Thiên quật khởi.

Để ngăn cản sự phát triển của phong trào cách mạng ở Bình - Trị - Thiên, tên bù nhìn Phan Văn Giáo, thủ hiến Trung Việt ra thông tri kêu gọi thanh niên trí thức tòng quân, dự lớp huấn luyện quân sự của chúng mở để sung vào “quân đội quốc gia”. Chúng đưa tiền của mua chuộc dân, dùng chính trị dụ dỗ tuyên truyền cho Mỹ, tuyên

truyền chống Cộng. Đặt hương vệ thành hệ thống, thi hành chính sách dồn dân, tăng cường hoạt động gián điệp, thổ phỉ vào vùng căn cứ, chiến khu của ta.

Từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 9/1950, chúng đã ra lệnh bọn tay sai mở các cuộc càn liên tiếp vào miền núi Hướng Hóa để cướp của, tổ chức lực lượng “tài xén”, “phó bản”, hương vệ và trang bị vũ khí cho họ.

Từ ngày 01/9 đến ngày 05/9/1950, thực dân Pháp huy động khoảng 3.000 quân các loại, đổ bộ bằng 8 máy bay Đacôta và 10 canô, càn vào chiến khu Ba Lòng; mặt khác chúng tập trung lực lượng bảo vệ trục đường 9, chủ trương cải lương, mỵ dân, dùng bọn lưu manh, thổ phỉ hoạt động sâu vào các căn cứ với âm mưu là bắt cóc, dọa dẫm, lôi kéo đồng bào thượng du, đồng bào theo đạo Thiên Chúa. Khi địch càn lên Ba Lòng, quân và dân đồng bằng Triệu - Hải, Cam - Gio - Vĩnh đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích để phối hợp với quân và dân chiến khu chống càn, buộc địch phải quay về đồng bằng đối phó với ta.

Tháng 8/1950, Tỉnh ủy họp mở rộng bàn kế hoạch hoạt động chống địch ở mặt trận đường 9, nhiệm vụ trọng tâm lúc này là: đánh địch, gây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân và các dân tộc ở hai bên đường 9.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy mặt trận Bình - Trị - Thiên và chủ trương của Tỉnh ủy, trường đào tạo cán bộ sơ cấp quân đội mở tại Cù. Mỗi khóa trường đào tạo được 200 người, đáp ứng kịp thời về cán bộ tiểu đội, trung đội, đại đội cho các lực lượng vũ trang trong tỉnh. Công tác tuyển quân, huấn luyện tân binh, bổ sung biên chế được

khẩn trương tiến hành. Lúc này mỗi huyện đều có một đại đội bộ đội địa phương huyện; thị xã Quảng Trị, thị trấn Đông Hà mỗi nơi có một trung đội bộ đội địa phương; mỗi xã trong tỉnh có một trung đội du kích tập trung. Tính riêng Hướng Hoá có 1.559 chiến sĩ du kích. Trung đoàn 95 được ưu tiên trang bị pháo và khí tài thông tin.

Bộ đội địa phương phát triển mạnh, dân quân du kích được tổ chức lại thống nhất từ tỉnh đến xã. Nhiều đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư chỉ bộ xã được cử làm chính trị viên xã đội. Các đoàn thể nhân dân cử các đoàn viên, hội viên hăng hái vào dân quân.

Từ ngày 12 đến ngày 14/9/1950, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh triệu tập Hội nghị với thành phần gồm đại biểu các ty chuyên môn để xây dựng kế hoạch hoạt động, lấy tên là “tuần lễ giết giặc lập công” bằng biện pháp “xây dựng đại đội vùng và thôn chiến thắng” nhằm đập tan âm mưu địch trong đông - xuân 1950-1951; củng cố, bảo vệ trục đường Cửa Việt - Đông Hà - đường 9; đẩy mạnh bao vây kinh tế địch.

Cuối tháng 10/1950, ở Bình - Trị - Thiên nói chung, ở Quảng Trị nói riêng bị lũ lớn chưa từng có, nên lương thực, thực phẩm phục vụ bộ đội và nhân dân thiếu nghiêm trọng.

Lợi dụng khó khăn của quân và dân ta, thực dân Pháp tăng cường càn quét, đánh phá khủng bố, bắt lính, lập hội tề.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu 4, Đảng ủy mặt trận triệu tập Bộ chỉ huy và Bí thư Tỉnh ủy ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên bàn biện pháp khắc phục khẩn cấp. Hội nghị chủ trương động viên

toàn thể quân và dân nhanh chóng ổn định đời sống, tích cực trồng rau màu để cứu đói, phòng, chống dịch bệnh phát sinh, phát triển, tổ chức vận động nhân dân vùng tạm chiếm đấu tranh buộc địch phải cứu tế. Kêu gọi đồng bào đô thị tổ chức quyên góp lương thực, thực phẩm, thuốc men chuyển ra vùng căn cứ du kích giúp nhân dân và bộ đội.

Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu 4 phát động phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm để ủng hộ Bình - Trị - Thiên với khẩu hiệu “tiết kiệm lương thực chi viện cho Bình - Trị - Thiên”, “tiết kiệm thì giờ để sản xuất”. Ủy ban còn yêu cầu mỗi người vào công tác ở Bình - Trị - Thiên mang theo 1 kg gạo và 1/2 kg hạt giống (ngô, đậu...) để giúp đồng bào Bình - Trị - Thiên.

Với sự nỗ lực chủ quan, cùng với sự giúp đỡ chi viện của các cơ quan đoàn thể và nhân dân ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh¹, chỉ sau một thời gian ngắn, quân và dân Quảng Trị đã đẩy lùi được nạn đói, nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất, tiếp tục đưa phong trào kháng chiến đi lên.

Vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, bộ đội địa phương và dân quân du kích Quảng Trị trong năm 1950 đã đánh 202 trận lớn nhỏ, trong đó có một số trận gây cho địch nhiều thiệt hại về người và phương tiện chiến tranh như trận đột nhập vào thị xã Quảng Trị diệt 309 tên địch, phá 36 xe cơ giới... Ngày 24/10/1950, bộ đội địa phương và

1. Ba tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh đã gửi vào cho tỉnh Bình - Trị - Thiên 4.500 tấn lương thực, 1.000 con trâu, bò.

dân quân du kích đã phối hợp với bộ đội chủ lực (Trung đoàn 95 và Trung đoàn 101) và bộ đội địa phương, dân quân du kích Phong Điền (Thừa Thiên) tiến công đoàn tàu bọc thép của thực dân Pháp trên đường từ Mỹ Chánh ra Diên Sanh do đồng chí Trung đoàn trưởng Trung đoàn 95 Lê Bá Vận chỉ huy¹, phá hỏng một đầu máy, 10 toa xe, thu một khẩu pháo 40 ly, một đại liên... diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, bắt 9 tên (có một quan hai, một ty trưởng an ninh Quảng Trị, một chi trưởng an ninh Hải Lăng, 6 lính Âu - Phi).

Thực hiện sắc lệnh tổng động viên của Chính phủ ban hành ngày 12/3/1950, quần chúng khắp nơi sôi nổi hưởng ứng. Tính riêng trong đợt phát động từ 19/5 đến 02/9/1950, toàn tỉnh đã có 6.524 thanh niên ghi tên tòng quân và kết quả đã có trên 1.500 người được tuyển chọn tân binh; 14.857 người đi dân công vận tải phục vụ ở các mặt trận.

Về kinh tế, trong năm 1950, toàn tỉnh đã huy động đóng góp quỹ kháng chiến được 5,5 triệu đồng, quỹ công lương được 312 tấn lúa, thu thuế điền thổ được 768 tấn lúa.

Năm 1950, toàn tỉnh đã củng cố và xây dựng được 28 trường phổ thông cấp I, trong đó có 4 trường hoàn chỉnh từ lớp một đến lớp 4 (Ba Lòng, Cù, Phong An...) mở trường cấp II Lê Thế Hiếu ở Cù. Mặc dù bị địch thường xuyên càn quét đánh phá phải chuyển địa điểm hoặc thay đổi giờ

1. Thường vụ Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị: *Lịch sử Đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Trị (1945-2010)*, Sđd, tr.109.

lên lớp để tránh bị địch oanh tạc, nhưng các thầy cô giáo vẫn bám trường, bám học sinh để giảng dạy. Vì vậy, số học sinh năm sau tăng hơn năm trước. Niên khoá 1950-1951, các trường phổ thông đã thu hút được 6.345 con em nhân dân đến học (kể cả những em ở trong vùng địch tạm chiếm). Các lớp bình dân học vụ vẫn tiếp tục duy trì. Một số nơi ở các khu du kích mạnh và chiến khu Ba Lòng đã thanh toán được nạn mù chữ. Trường đào tạo cán bộ quân sự của tỉnh, các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cán bộ chính trị; cán bộ chuyên môn nghiệp vụ được tiếp tục mở ở Cù, chiến khu Ba Lòng... Ngoài các lớp do tỉnh mở, được sự đồng ý của cấp trên, tỉnh đã cử một số cán bộ quân sự, cán bộ các ban, ngành trong tỉnh đi học chính trị, quân sự, văn hoá do Trung ương, Liên khu 4, Liên khu 5 mở...

Các đơn vị bộ đội, cơ quan hành chính sự nghiệp, trường học, bệnh viện và nhiều thôn, xã trong tỉnh đều có ban thông tin văn hóa văn nghệ hoạt động. Các loại sách lý luận chính trị như cuốn *Sửa đổi lề lối làm việc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng... được lưu hành rộng rãi trong cán bộ, đảng viên.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh, xây dựng nếp sống mới như vận động nhân dân ăn chín, uống sôi, làm hố xí, hố rác công cộng; việc tổ chức ma chay, cưới hỏi đơn giản, tiết kiệm, lành mạnh đã trở thành phong trào quần chúng. Toàn tỉnh có một bệnh viện dân y đóng ở Đá Nổi, một bệnh viện quân y đóng ở Hà Vụng (chiến khu Ba Lòng), các huyện đều có bệnh xá.

Lực lượng của Đảng bộ tỉnh được tăng cường về chất lượng cũng như số lượng. Toàn tỉnh có 8.160 đảng viên¹ (trong đó có 1.950 nữ, 108 công nhân, 153 dân tộc Vân Kiều, Pa Cô), nền nếp sinh hoạt của các cấp ủy và chi bộ duy trì đều đặn, chặt chẽ. Các đoàn thể nhân dân như thanh niên, phụ nữ, nông dân, công đoàn... được chú trọng củng cố và xây dựng vững mạnh. Đoàn viên thanh niên, hội viên của các hội phụ nữ, nông dân... đều có tinh thần tận tụy công tác, có quan điểm quần chúng đúng đắn, vừa làm công tác xây dựng hội, vừa làm công tác vận động các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc đơn giản tổ chức và thống nhất lực lượng phụ nữ, Quảng Trị đã tiến hành hợp nhất Đoàn Phụ nữ cứu quốc và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh. Đại hội hợp nhất của Hội Liên hiệp Phụ nữ đã tạo ra một chuyển biến mới trong phong trào phụ nữ ở tỉnh Quảng Trị.

Chấp hành chỉ thị của cấp trên về việc trao đổi một số cán bộ lãnh đạo giữa các vùng tạm chiếm của Liên khu 3 và Bình - Trị - Thiên, Tỉnh ủy đã cử nhiều cán bộ của tỉnh ra công tác ở Liên khu 3, trong đó có các đồng chí Võ Hữu Kim (Vũ Soạn) làm Bí thư Huyện ủy Quỳnh Côi, được bổ sung vào Tỉnh ủy Thái Bình (năm 1952), đồng chí Đạt tham gia Thường vụ Huyện ủy Kiến Xương, làm huyện đội trưởng Kiến Xương; đồng chí Nguyễn Sĩ Hoạt

1. Số liệu do đồng chí Nguyễn Quang Xá - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị năm 1949 cung cấp.

tham gia Tỉnh ủy Hà Đông, đồng chí Lê Bá Nấm bổ sung vào Khu ủy Khu 3...

Sau chiến dịch Biên giới (Thu - Đông 1950), thực dân Pháp lún sâu vào thế bị động, lúng túng. Chính phủ Pháp cử tướng Đờlát - Đờátxinhi, Tư lệnh lục quân khối Bắc Đại Tây Dương sang làm Tổng chỉ huy kiêm Cao ủy Pháp tại Đông Dương. Chúng tăng thêm quân và được Mỹ tăng cường viện trợ, hòng cứu vãn tình hình ngày càng xấu đi.

Hoà nhịp với chiến thắng của quân và dân ta ở biên giới, lực lượng kháng chiến phát triển rộng khắp, các đại đoàn chủ lực của ta lần lượt ra đời, góp phần đẩy mạnh hoạt động cả chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy trên các chiến trường.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng khai mạc ngày 11/02/1951 tại xã Vinh Quang (tỉnh Tuyên Quang).

Căn cứ vào sự phân tích tình hình quốc tế, trong nước, Đại hội đề ra nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ là: tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại can thiệp Mỹ, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn đất nước, bảo vệ hòa bình thế giới. Để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, cần phải đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân về mọi mặt, củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất; phát huy tinh thần yêu nước và đẩy mạnh thi đua ái quốc, triệt để giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân và Việt gian chia cho dân cày nghèo, bảo vệ nền tảng kinh tế, tài chính của ta, đấu tranh kinh tế với địch, thực hiện công bằng hợp lý về

thuế khóa, thành lập Mặt trận đoàn kết Việt Nam, Lào, Campuchia, tăng cường đoàn kết quốc tế.

Muốn làm tròn nhiệm vụ trên, cần phải có một đảng hoạt động công khai, tổ chức phải phù hợp với tình hình thế giới và trong nước để lãnh đạo toàn dân kháng chiến đến thắng lợi, Đại hội quyết định đưa Đảng Cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai và tổ chức lại cho thích hợp với tình hình mỗi nước. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Đứng trước những diễn biến tình hình trong nước và địa phương, ngày 06/01/1951, Tỉnh ủy Quảng Trị đã mở hội nghị bàn việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương và chiến tranh du kích. Tiếp đó, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều thông tri, chỉ thị nhằm quán triệt và cụ thể hóa các văn kiện của Đại hội lần thứ II của Đảng như: Chỉ thị về “Xây dựng và tác chiến trong đông xuân” (20/02/1951); Thông tri về việc đối phó với âm mưu của địch lôi kéo cán bộ nhân dân ra đầu thú, đầu hàng (24/3/1951); Chỉ thị về vấn đề Đảng ra công khai (30/4/1951); Chỉ thị về bao vây kinh tế địch (03/9/1951); Chỉ thị về việc đẩy mạnh sản xuất (07/9/1951); Chỉ thị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác kinh tế, tài chính (12/9/1951). Trong tất cả các chỉ thị, thông tri trên, Tỉnh ủy Quảng Trị đặc biệt nhấn mạnh đến công tác xây dựng Đảng, củng cố chi bộ, nâng cao tinh thần và trình độ giác ngộ cho đảng viên.

Thời gian này, Quảng Trị đang tập trung khắc phục hậu quả do trận lụt tháng 10/1950 gây ra. Địch lợi dụng

tình hình đó mở những đợt tấn công, càn quét vào các vùng du kích Vĩnh Hoàng (Vĩnh Linh), Hải Trung, Hải Phong, Hải Đạo (Hải Lăng), Cam An (Cam Lộ), Triệu Cơ, Triệu Bình (Triệu Phong). Chúng ra sức phát triển nguy quân, lấy thêm Việt binh đoàn để bổ sung vào khối đồ, đóng thêm vị trí và tháp canh dọc quốc lộ 1, quanh thị xã tỉnh lỵ và các thị trấn, tăng cường “bình định”, “chiêu an”, lôi kéo đồng bào Thiên Chúa giáo lập lại hội tề, kêu gọi cán bộ, chiến sĩ, dân quân ra đầu thú, đầu hàng.

Để đối phó với âm mưu thủ đoạn mới của địch, các cấp các ngành đã tập trung thực hiện kế hoạch quân sự. Bộ đội địa phương nghiên cứu đánh tiêu diệt các toán quân địch đi lòng lẻ tẻ, phục kích trên các trục giao thông, giúp đỡ dân quân du kích chống càn; gây dựng cơ sở bí mật, xây dựng lực lượng cách mạng ở các vùng tạm chiếm. Du kích tập trung của xã phân tán về các thôn, làm nhiệm vụ trực tiếp giúp đỡ dân quân canh gác bảo vệ xóm làng, hướng dẫn cách gài mìn, đặt bom, bao vây quấy rối đồn bốt, phối hợp với công an trừ gian, phá hội tề, bao vây kinh tế, huy động lực lượng nhân dân phá hoại đường sắt và quốc lộ 1, đường 9, tỉnh lộ.

Nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường, theo kế hoạch của tướng Đờlát Đờátxinhi (De Lattre de Tassigny), Bộ chỉ huy Pháp mở trận càn lớn vào vùng Thanh Hương - Mỹ Xuyên (huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên), huy động trên 2.200 quân ứng chiến tinh nhuệ có pháo binh, công binh, cơ giới và máy bay yểm trợ. Lần đầu tiên trên chiến trường Bình - Trị - Thiên địch đã tổ chức

một cuộc càn quy mô lớn và được chuẩn bị chu đáo với hy vọng sẽ nghiền nát căn cứ đồng bằng Phong Điền (Thừa Thiên) và Hải Lăng (Quảng Trị), buộc các trung đoàn chủ lực của ta phải bị động đối phó.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy mặt trận cùng quân và dân Phong Điền, Hải Lăng đã bám địch chống càn, làm chậm bước tiến quân của chúng, nhanh chóng tổ chức cho nhân dân vùng đồng bằng Hải Lăng cất giấu của cải, tản cư vào các khu căn cứ.

Trong 3 ngày (10/3 đến 12/3/1951), quân và dân địa phương đã chủ động đánh địch từ Phường Lang, Cổ Lũy đến Diên Khánh (Hải Lăng), phối hợp với Trung đoàn 101 (Thừa Thiên) tiêu diệt tháp canh Thanh Hương. Trận càn của địch đã bị bẻ gãy. Binh đoàn Bútín bị dập nát, tên trung tá chỉ huy trưởng bị tử trận¹.

Trận chống càn vùng đồng bằng Hải Lăng - Phong Điền là trận vận động chiến lớn nhất từ trước tới thời điểm này ở chiến trường Bình - Trị - Thiên. Với chiến thuật cơ động nhanh, kết hợp chặt chẽ giữa phản kích, đột kích, tập kích với tinh thần làm chủ trận địa, quân ta đã bẻ gãy từng cánh quân của địch. Ta đã biết phối hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích), giữa đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận tạo thành sức mạnh to lớn, liên tục tấn công làm

1. Trong chiến dịch càn quét này, địch bị thiệt hại 1.200 tên, cả chết và bị thương, 52 tên bị bắt. Ta thu 100 súng các loại, giải thoát 250 người dân bị địch cưỡng bức đi càn.

cho địch có lực lượng ứng chiến lớn và phương tiện chiến tranh hiện đại vẫn bị thất bại. Âm mưu của Đờlát Đờtátxinhi nhằm tiêu diệt chủ lực ta và giao chiến trường Bình - Trị - Thiên cho quân nguy hiểm nhiệm để rút quân ứng chiến tăng cường cho chiến trường Bắc Bộ bị phá sản.

Với bước trưởng thành của quân và dân địa phương, Bác Hồ đã gửi thư khen ngợi:

“... thân ái gửi lời khen ngợi cán bộ và chiến sĩ....

Thắng lợi ấy chứng tỏ quân đội ta dũng cảm và tiến bộ nhiều.

Thắng lợi ấy một phần là nhờ sức đoàn kết và ủng hộ của nhân dân

... các chú phải nhớ hai điều:

1... phải luôn luôn cẩn thận và cố gắng để tranh thủ thắng lợi to hơn nữa.

2. Phải luôn luôn nhớ: Du kích chiến tranh là chính...”¹.

Sau thất bại ở đồng bằng Hải Lăng, Phong Điền, thực dân Pháp buộc phải bổ sung quân vào chiến trường Bình - Trị - Thiên, nhanh chóng khôi phục lực lượng ứng chiến, chúng đưa Tiểu đoàn 1 Bắc Phi từ Đà Nẵng ra thay thế Tiểu đoàn 4 Bắc Phi, lấy đại đội ứng chiến ở Quảng Bình bổ sung cho Tiểu đoàn 6 Spahi, tăng thêm lính khố đỏ cho Tiểu đoàn 27 Âu - Phi, đưa thêm hai tiểu đoàn từ Bắc Bộ vào.

Thất bại về quân sự của địch kéo theo sự lúng túng, phân hoá về chính trị, mâu thuẫn giữa quân nguy với quân Pháp thêm gay gắt. Nội bộ nguy quân, nguy quyền

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.168.

xâu xé, thanh trừ lẫn nhau, xu hướng bỏ Pháp theo Mỹ bắt đầu xuất hiện trong hàng ngũ địch. Tuy nhiên cả Pháp lẫn Mỹ đều muốn sử dụng bọn đội lột tôn giáo làm tay sai, rút bỏ các vị trí cô lập, ra sức củng cố hành lang, chia thành từng ô để dễ kiểm soát, tập trung giữ các trục giao thông quan trọng.

Về phía ta, sau trận chống càn thắng lợi ở đồng bằng Hải Lăng, Phong Điền, vùng du kích của ta được mở rộng và củng cố, một số căn cứ lồi lõm ở vùng đồng bằng Triệu - Hải được hình thành. Phong trào du kích chiến tranh phát triển. Lực lượng vũ trang ba thứ quân trưởng thành, có kinh nghiệm chiến đấu, thế trận chiến tranh nhân dân có bước phát triển mới. Tuy nhiên, lực lượng ta cũng bị tổn thất, nhất là Trung đoàn 95.

Trước tình hình ấy, Đảng ủy và Bộ chỉ huy mặt trận chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích, hoạt động nhỏ lẻ, tạo điều kiện cho nhân dân yên tâm sản xuất; đồng thời tranh thủ bổ sung quân số và vũ khí, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện chiến sĩ, củng cố bộ đội địa phương và du kích.

Thực hiện chủ trương đó, lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích Quảng Trị bám đồng ruộng, bám dân, chống càn quét, tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch. Ngày 21/3/1951, bộ đội địa phương huyện Hải Lăng tập kích đồn Hải Thái, diệt 40 tên địch; ngày 25/3/1951, dân quân du kích xã Hải Thái diệt 7 tên địch; ngày 08/4/1951, dân quân du kích xã Hải Thái phục kích bọn Việt binh đoàn đi tuần diệt một số tên, thu vũ khí; ngày 15/4/1951, dân quân du kích xã Hải Trường phối hợp

với bộ đội địa phương (Tiểu đoàn 230) phục kích lật đổ 7 toa tàu của địch ở phía bắc cầu Mỹ Chánh. Tiếp đó, giữa năm 1951, quân và dân Quảng Trị phối hợp với bộ đội chủ lực Trung đoàn 95 đánh đồn Ba Dốc trên quốc lộ 1. Trước khi nổ ra trận đánh 4 ngày, dân quân du kích Cam Lộ và Tiểu đoàn 310 (Trung đoàn 95) đã phá hoại đoạn đường từ Đập Huyện vào Đông Hà. Dân quân du kích Vĩnh Linh và Tiểu đoàn 302 (Trung đoàn 95) phá hoại đoạn đường quốc lộ 1 từ Hiền Lương ra Hồ Xá. Dân quân du kích Gio Linh và bộ đội địa phương huyện phá đoạn đường từ Đập Huyện ra Hà Thanh nhằm cô lập đồn Ba Dốc tạo điều kiện thuận lợi cho ta đánh chiếm.

Cùng trong thời gian này, Ủy ban kháng chiến hành chính các huyện đồng bằng trong tỉnh đã có kế hoạch phân công cho từng xã chịu trách nhiệm huy động lực lượng phá hoại từng đoạn đường sắt và quốc lộ 1. Đoạn đường quốc lộ 1 (Mỹ Chánh - Trường Sanh) bị ta phá nặng, giao thông vận tải của địch bị tắc nghẽn trong một thời gian dài. Phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh, tạo điều kiện cho nhân dân các địa phương vùng đồng bằng tranh thủ thu hoạch và cất giấu lương thực. Nhân dân ở các chiến khu Thủy Ba Thượng, Cẩm Phổ, Cửa, Hòn Linh, Khe Mương... tăng cường công tác trị an. Trong từng chiến khu, nhân dân đẩy mạnh sản xuất, tự túc lương thực, đời sống được cải thiện rõ rệt.

Sau một thời gian hoạt động tập trung, cuối tháng 6/1951, Đảng ủy mặt trận Bình - Trị - Thiên quyết định phân tán Trung đoàn 95 về phối hợp với lực lượng vũ trang các địa phương trong tỉnh, đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Địch nhiều lần tập trung lực lượng cơ động mạnh, liên tiếp càn quét tiêu diệt chủ lực ta, nhưng vẫn không thực hiện được. Để gỡ thế bị động, Bộ chỉ huy Pháp tiếp tục đưa các tiểu đoàn ứng chiến càn quét vùng đồng bằng Triệu - Hải, mỗi trận càn kéo dài từ 5 đến 7 ngày với lực lượng từ 1.000 đến 1.500 quân, có phi cơ, pháo binh yểm trợ. Ở các vị trí quan trọng, chúng chủ trương xây dựng thêm hầm ngầm kiên cố để chống lại hỏa lực SKZ và các cuộc tấn công của ta. Tàn bạo hơn, bắt đầu từ mùa hè năm 1951, địch dùng máy bay thả bom napan, gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của. Chúng chủ trương cho lính tự do bắn giết trâu bò của nông dân để phá hoại sản xuất; đẩy mạnh chiến tranh gián điệp; liên kết quân Pháp với quân ngụy dưới hình thức “quân đội liên hiệp Pháp”; tung bạc Đông Dương, bạc Bảo Đại ra mua lúa của nhân dân với giá cao hơn giá thị trường và đặt đại lý thu mua lúa tại các thị trấn, các chợ do chúng kiểm soát... hồng bao vây, lũng đoạn nền kinh tế - tài chính của ta. Mặt khác, chúng tổ chức phát gạo, vải cho người nghèo, lập thêm trường học, cấp học bổng cho học sinh; tổ chức mítting, mở hội chợ, chiếu bóng để mua chuộc dụ dỗ nhân dân. Đồng thời tuyên truyền xuyên tạc đường lối kháng chiến của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phao tin thất thiệt để đánh lừa quần chúng.

Sau thất bại lớn ở Thanh Lam Bồ (Thừa Thiên), địch thấy không thể tập trung lực lượng Âu - Phi tinh nhuệ mở những cuộc càn quét lớn, nên buộc phải thay đổi thủ đoạn hoạt động. Chúng ráo riết bắt lính, xây dựng các đơn vị chủ lực. Tính riêng tháng 9 và 10 năm 1951, địch đã bắt

gần 3.000 thanh niên vào lính. Đi đôi với bắt lính, đơn quân, chúng củng cố bộ máy hành chính các cấp nhằm gây thanh thế chính trị cho ngụy quyền. Ở miền núi Hướng Hóa, chúng đã khai thác triệt để những sai lầm khuyết điểm của ta trong cuộc tổng động viên đợt một, kết hợp chiến tranh tâm lý với việc đánh phá, càn quét, lập hội tề ở một số xã.

Để đối phó với mọi âm mưu, thủ đoạn mới của địch, ngày 24/9/1951, Tỉnh ủy ra Chỉ thị về “kế hoạch tác chiến mùa Đông” (từ ngày 3/10 đến hết tháng 12/1951). Trong phần đánh giá tình hình, Chỉ thị chỉ rõ: nhìn chung về mọi mặt, quân và dân Quảng Trị đã có nhiều tiến bộ hơn so với năm 1950. Mặc dù địch tập trung lực lượng càn quét, đánh phá, quân và dân Quảng Trị đã kiên quyết đánh trả. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng, chính quyền và Mặt trận Liên - Việt đều được các tầng lớp nhân dân tích cực thi hành, hưởng ứng.

Về địch, Chỉ thị nhận định: sau chiến thắng Thanh Lam Bồ (huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên), việc tăng quân số địch làm rất nhanh, từ chỗ ở Bình - Trị - Thiên có 4 tiểu đoàn ứng chiến đã tăng lên 6 tiểu đoàn ứng chiến, hoạt động tập trung, có phi cơ, trọng pháo yểm trợ. Chúng đã mở được các trận càn lớn vào vùng Đại Hào, Bồ Bản (Triệu Phong), Cu Hoan (Hải Lăng), Xuân Hòa (Vĩnh Linh)... Về phía ta, lúc này hoạt động của bộ đội địa phương và dân quân du kích ở đó có phần sút kém. Nguyên nhân chủ yếu là do các cấp ủy đảng chỉ đạo mặt trận quân sự thiếu kế hoạch, biện pháp cụ thể; chưa động viên được tư tưởng, ý chí của cán bộ, chiến sĩ; chưa áp

dụng triệt để “chiến tranh du kích” trong việc xây dựng lực lượng và tác chiến của các lực lượng vũ trang.

Về phương hướng hoạt động sắp tới, Chỉ thị vạch rõ: về tác chiến, đối tượng chính của ta là quân chiếm đóng (bảo vệ và hương vệ); tác chiến trong vùng địch hậu, cần nắm vững nguyên tắc phân tán và tập trung một cách linh hoạt. Hình thức hoạt động của bộ đội địa phương là tổ chức phục kích, dùng địa lôi chiến là chính. Lưu động tác chiến trong vùng xung yếu cần chú ý bảo đảm bí mật, đánh nhanh rút nhanh. Chỉ thị của Tỉnh ủy một lần nữa nhắc các cấp, các ngành trong tỉnh phải đẩy mạnh phong trào thi đua “giết giặc lập công”, “sản xuất lập công”.

Triển khai chỉ thị kế hoạch tác chiến mùa đông, lực lượng vũ trang trong tỉnh được sự phối hợp giúp đỡ của các trung đoàn chủ lực liên tục mở các trận phục kích đánh địch trên các trục đường quan trọng (quốc lộ 1, quốc lộ 9), diệt các toán địch đi sửa đường (Đông Hà - Hồ Xá), bức địch phải rút một số vị trí lô cốt: Ái Tử, chợ Cạn (Triệu Phong), Lại An (Gio Linh), Tân Điền (Hải Lăng), Võ Xá (Vĩnh Linh), các lô cốt số 6, số 7 (đường 9 - Cam Lộ). Lực lượng vũ trang Vĩnh Linh tiếp tục vây áp đồn Mỹ Tá - một căn cứ lợi hại của địch, án ngữ cửa ngõ chiến khu Thủy Ba; bố trí lực lượng giết tên Gioàng - tay sai đắc lực của thực dân Pháp ngay tại nhà thờ Hòa Lý; bộ đội địa phương tỉnh phối hợp với dân quân du kích Triệu Phong chống càn ở Bích La Đông; tiêu diệt từng tốp địch đi tuần tiễu ở vùng Cửa Việt... Nhờ vậy, ta đã giam chân lực lượng ứng chiến của địch ở địa bàn bắc Thừa Thiên và Quảng Trị, góp phần phối hợp với chiến trường Bắc Bộ.

Thắng lợi về quân sự của ta trong Thu - Đông 1951, buộc địch phải co lại, vùng căn cứ của ta được mở rộng. Các đoàn cán bộ của các đồng chí Sơn Ngọc Minh, Phạm Văn Đồng... từ Liên khu 5 ra Việt Bắc, khi ngang qua Quảng Trị đã được Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh chăm sóc chu đáo, được Ban Giao thông liên lạc - Bưu điện đưa đón, bảo vệ an toàn.

Để khuyến khích nông dân sản xuất, bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu kháng chiến, ngày 01/5/1951, Chính phủ ra sắc lệnh bãi bỏ các thứ thuế cũ như thuế công lương, bãi bỏ việc mua thóc định giá và định ra 7 thứ thuế mới, trong đó có thuế nông nghiệp thu bằng thóc.

Triển khai sắc lệnh thuế nông nghiệp, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã huy động trên 100 cán bộ về phối hợp với cán bộ các huyện tổ chức phổ biến, giải thích trong quần chúng nhân dân. Kết quả trong đợt đầu toàn tỉnh thu được 1.342 tấn thóc thuế nông nghiệp, do đó cơ bản giải quyết được lương thực cho các lực lượng vũ trang và cơ quan nhà nước trong đông - xuân 1951-1952. Vừa làm nhiệm vụ đóng thuế nông nghiệp, nông dân Quảng Trị vừa lo tranh thủ thu hoạch lúa mùa, đồng thời huy động được 35 ngàn dân công tham gia chiến dịch vận tải lương thực từ đồng bằng lên chiến khu trong suốt 20 ngày liên. Mặt khác, Ủy ban kháng chiến hành chính các xã còn huy động được 30 triệu đồng trong nhân dân cho Nhà nước vay.

Cùng trong thời gian này, chấp hành chủ trương của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy quyết định thành lập Chi nhánh ngân hàng quốc gia và chi điểm mậu dịch Quảng

Trị, phát hành giấy bạc ngân hàng, thu hồi giấy bạc tài chính. Sử dụng ngân hàng và mậu dịch phục vụ sản xuất, thúc đẩy giao lưu hàng hóa giữa các vùng trong tỉnh. Nhờ vậy, trên mặt trận kinh tế, tài chính của Quảng Trị lúc này đã có 4 cơ quan ngang ty cùng phối hợp hoạt động gồm: ty tài chính, chi sở thuế vụ, chi điểm mậu dịch, chi nhánh ngân hàng quốc gia.

Phong trào chống địch bắt thanh niên đi lính diễn ra ở nhiều nơi, ngay cả trong thị xã, thị trấn. Hàng ngàn gia đình có con em đi lính cho địch đã kéo đến tỉnh lỵ, quận lỵ, vị trí địch đòi chồng con. Các đoàn thể nhân dân như thanh niên, phụ nữ, nông dân... tích cực vận động binh lính địch bỏ ngũ, không đi lính đánh thuê, không đi càn quét bắn giết nhân dân. Hàng vạn truyền đơn kêu gọi anh em binh lính trong hàng ngũ địch trở về với nhân dân, với cách mạng, được phát đến tận hàng ngũ binh sĩ địch.

Thắng lợi quân sự, chính trị, binh vận của ta đã tác động sâu sắc đến hàng ngũ địch. Tinh thần ngụy quân, ngụy quyền hoang mang sa sút. Sau vụ binh biến ở đồn Hà Thanh, 21 lính Âu - Phi ở Đông Hà đòi hồi hương, đã làm cho bọn chỉ huy của địch ở Quảng Trị lúng túng trong cách đối phó.

Trong khi cuộc chiến đấu ở Quảng Trị đang diễn ra quyết liệt thì ở Bắc Bộ, Đờlát Đờátxinhi tập trung lực lượng mở cuộc tiến công lớn lên Hòa Bình vào tháng 11/1951.

Tổng Quân ủy nhận định: “Địch đã mang lực lượng cơ động tinh nhuệ phân tán trên một tuyến dài đột xuất, công sự chưa vững chắc, địa hình không thuận lợi, tạo cho ta một thời cơ tốt để tiêu diệt sinh lực chúng”. Trung ương

quyết định mở chiến dịch Hòa Bình nhằm vây diệt quân cơ động của địch. Các chiến trường khác trên toàn quốc phải hoạt động phối hợp tích cực.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương, Liên khu ủy Liên khu 4 họp bất thường phân tích tình hình và đề ra chủ trương: “Trong lúc lo đối phó với chủ lực ta ở Hòa Bình, địch sẽ sơ hở ở các chiến trường và sẽ bị hạn chế khả năng tiếp viện vào Bình - Trị - Thiên. Do vậy, Bình - Trị - Thiên phải đẩy mạnh hoạt động phối hợp, tranh thủ tiêu diệt địch, củng cố và mở rộng căn cứ du kích, giải phóng đất, giành dân, củng cố thế đứng trên chiến trường”¹.

Bộ chỉ huy phân khu Bình - Trị - Thiên xác định: nơi địch sơ hở lúc này là bắc Quảng Bình. Mục tiêu tiến công là hệ thống chiếm đóng của địch ở Bố Trạch. Bộ chỉ huy điều Trung đoàn 95 nhanh chóng cơ động ra bắc Quảng Bình đánh địch.

Ngày 10/11/1951, Tiểu đoàn 227 tiêu diệt tháp canh Phúc Tự, Tiểu đoàn 302 đánh Hoàn Lão. Phối hợp với hoạt động của bộ đội chủ lực, Tiểu đoàn bộ đội địa phương Quảng Trị tiến hành phá càn ở Bích La (Triệu Phong). Đại đội bộ đội địa phương huyện Cam Lộ tập kích quân ứng chiến của địch tại Đập Huyện (Gio Linh)...

Bước trưởng thành của Đảng bộ và quân dân Quảng Trị đã tạo ra sức mạnh to lớn để chuẩn bị bước sang giai đoạn mới vô cùng ác liệt nhưng cũng hết sức vẻ vang.

1. Quân khu 4: *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954*, Sđd, tr.270-271.

CHƯƠNG IX

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG TRỊ CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1952-1954)

I. GIÀNH LẠI THẾ CHỦ ĐỘNG, CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN

Năm 1952, năm bản lề đối với sự nghiệp kháng chiến của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung. Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng đó, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo công tác củng cố chính quyền, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng cho quần chúng, tăng cường công tác công giáo vận. Ngoài việc triển khai học tập tài liệu bầu cử Hội đồng nhân dân xã, chính sách thuế nông nghiệp, nhiều cán bộ còn được cử đến các vùng giáo dân Vạn Kim, Bái Sơn, Quảng Xá, An Lộc, Tân Lập, Xuân Lập, Phước Tuyên để giải thích chính sách, đọc thư

của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều giáo dân và cha xứ đã tỏ ra có cảm tình với kháng chiến¹.

Các lực lượng vũ trang địa phương và đội ngũ công an xã, thôn đã có những bước trưởng thành. Hàng trăm công an viên được đào tạo qua trường lớp.

Đây cũng là thời kỳ địch ra sức vơ vét binh lực bằng các cuộc tổng động viên hoặc tổng động binh, lập ra nhiều tổ chức và đảng phái phản động để chống phá cách mạng và lôi kéo quần chúng. Các hoạt động về do thám, mua chuộc và ám sát cán bộ, mật phục, dùng phi cơ và phi pháo phá hoại mùa màng và đường giao thông ngày một gia tăng. Đi đôi với việc dựng thêm đồn bốt, địch còn tìm mọi cách vực dậy các hội tề, đặt ra chính sách hậu đãi các gia đình nguy binh và lôi kéo các tổ chức Phật giáo.

Ở miền núi, một tổ chức phản động do tay sai của Pháp từ đất Lào qua xã Ruộng (bắc đường 9 thuộc huyện Hướng Hóa) dựa vào một số người thuộc tầng lớp trên lập ra cái gọi là “Đảng Lào Thương” với mục đích “đánh Tây, đuổi Việt Minh, đất Thượng tự do, người Thượng tự cai quản”.

Ta đã kịp thời trấn áp và giải thích cho nhân dân hiểu rõ âm mưu của địch, nên những tên cầm đầu bọn phản động này lánh sang vùng núi của các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh lập ra các tổ chức phản động khác như “Đảng

1. Cán bộ Công giáo vận đã vận động giáo dân Vạn Kim, Tân Thiện (Linh Bình) đòi xét lại việc quân cấp công điền, công thổ, tranh thủ được giới phụ lão ở Bái Sơn, tranh thủ được tình cảm của cha xứ Linh Bình.

Cu Xun”, “Đảng Cu Núi” để mê hoặc đồng bào các dân tộc với luận điệu “Thần Trời” xuất hiện, “ai theo Việt Minh sẽ bị cọp ăn”. Các chiến sĩ Công an Quảng Trị đã bắt được các tên giả thần trời, vạch mặt chúng trước nhân dân, từng bước ổn định tư tưởng cho đồng bào các dân tộc ở các bản làng...

Đặc biệt, ngay từ đầu năm 1952, địch đã tập trung vào các hoạt động quân sự nhằm phá vỡ các cơ sở du kích, triệt phá mùa màng và tìm diệt các lực lượng kháng chiến.

Ngày 23/01/1952, Tiểu đoàn 27 Bắc Phi, Tiểu đoàn 6 Spahi và Tiểu đoàn 7 ngự có máy bay và pháo binh yểm trợ, chia làm nhiều mũi tấn công vào xã Vĩnh Hoàng (Vĩnh Linh). Hai đại đội của Tiểu đoàn 230 và du kích xã Vĩnh Hoàng triển khai lực lượng chống càn. Vận dụng chiến thuật phục kích, quân ta phân tán thành từng bộ phận nhỏ, dựa vào hệ thống “làng xã chiến đấu” được xây dựng từ trước đánh quần lộn, đẩy lùi từng đợt tiến công của địch. Sau hơn 2 ngày đêm liên tiếp bị tập kích, phục kích, đến ngày 25/01, địch buộc phải rút lui sau khi bị tiêu diệt gần 50 tên, phá hủy 2 xe quân sự. Mục tiêu khủng bố dân chúng và triệt phá vùng du kích của địch bị thất bại.

Sau chiến thắng Vĩnh Hoàng, tiếng súng phối hợp với chiến dịch Hoà Bình của quân và dân Quảng Trị nổ ra ở hầu hết các địa bàn trong tỉnh, góp phần loại ra ngoài vòng chiến hàng trăm tên địch, san bằng nhiều lô cốt và tháp canh, mở rộng vùng giải phóng.

Địch tìm mọi cách để tập trung binh lực cho các đơn vị ứng chiến, rút khỏi các vị trí bị cô lập để cùng các cánh

quân khác liên tiếp mở các cuộc càn quét trên diện hẹp - chủ yếu là vào các căn cứ du kích hoặc vùng bộ đội chủ lực thường đứng chân hoạt động, đã làm cho ta gặp nhiều khó khăn. Lợi dụng tình hình đó, địch đã nhanh chóng rút được tiểu đoàn ứng chiến ra khỏi chiến trường Quảng Trị tiếp viện cho Hòa Bình.

Trước những diễn biến mới, Đảng ủy mặt trận hợp, nghiên cứu, phân tích những sai sót, nhược điểm của địch để tìm ra phương thức tác chiến thích hợp. Đảng ủy quyết định ba thứ quân cùng đẩy mạnh hoạt động, tập trung đánh giao thông và quấy rối vùng đô thị, để phân tán lực lượng cơ động, đồng thời trung đoàn chủ lực đánh vào một cứ điểm trọng yếu của địch, nhằm tiêu diệt sinh lực, phối hợp với chiến trường chính có hiệu quả. Phải tổ chức lại chiến trường, phân công lại nhiệm vụ cho các trung đoàn chủ lực.

Triển khai quyết định trên, Trung đoàn 95 cùng tiểu đoàn bộ đội địa phương của tỉnh và đại đội bộ đội địa phương huyện Gio Linh tiến đánh vị trí Nam Đông nằm ở vùng giao điểm của các con đường 74, 75, 76 (Gio Linh) do một đại đội lính ngự đóng chốt. Biết được tin quân chủ lực của ta chuẩn bị đánh Nam Đông, cha bề trên của dòng Phước Sơn Bécna và linh mục Chu Kim Tuyến cùng với Đỗ Khắc Mỹ (linh mục phản động ở Nam Đông) đã cho tay chân báo với quân Pháp. Ta biết trước nên đã bố trí lực lượng phục kích bắt gọn bọn này.

Đêm ngày mồng 3/3/1952, Trung đoàn 95 và Tiểu đoàn 230 bộ đội địa phương tỉnh tiến công hệ thống phòng

thủ của địch. Sau hơn 2 giờ chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch đóng ở Vạn Kim, Nam Tây, tiền Nam Đông. Đêm 17/3, một bộ phận của Tiểu đoàn 230 cùng với một tiểu đội bộ đội địa phương và một trung đội du kích xã bao vây vị trí Nam Đông và các đồn lẻ, phá các cầu cống trên đường 75, 76. Gio Linh bị uy hiếp.

Để cứu viện cho Nam Đông, địch đã huy động 80 xe cơ giới, 1.200 quân, một đại đội pháo 75 mm, 2 chiếc máy bay L19, 4 chiếc máy bay Hencat ném bom bắn phá đập Cồn Tiên là những nơi chúng nghi ngờ. Bốn khẩu canông ở vị trí Phổ Lại bắn cấp tập xung quanh vị trí Nam Đông và hai bên đường 74.

Sau 5 giờ chiến đấu quyết liệt trên đường 74, cách Nam Đông 3 km, quân ta tiêu diệt được gần 800 tên địch, bắt 24 tên, phá hủy 17 xe quân sự (trong đó có 2 xe bọc thép), thu nhiều vũ khí đạn dược. Tiểu đoàn 27 Âu - Phi bị thiệt hại nặng, Tiểu đoàn 7 ngụy bị xóa sổ. Đêm 18/3/1952, quân ta tấn công đồn Nam Đông. Địch ở trong đồn vô cùng hoảng sợ, lục tục mang vũ khí ra hàng.

Chiến thắng Nam Đông - đường 74 là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân, đồng thời là kết quả của nghệ thuật và trình độ chỉ huy “vây đồn, diệt viện” của quân và dân Quảng Trị, tạo ra sự sụp đổ hàng loạt hệ thống kìm kẹp của địch ở địa bàn Gio Linh và tạo điều kiện cho chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, góp phần xóa bỏ một chướng ngại lớn trên đường hành lang Bắc - Nam. Trung đoàn 95, huyện đội Vĩnh Linh, huyện đội Gio Linh vinh dự đón nhận thư khen của Đại tướng Võ

Nguyên Giáp. Ngoài ra, Trung đoàn 95 còn được Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu 4 tặng Cờ danh dự.

Hòa nhịp với chiến thắng trên, những ngày cuối tháng 3/1952, dân quân du kích huyện Cam Lộ diệt 2 tháp canh, dân quân du kích xã Hải Thái (huyện Hải Lăng) phối hợp với dân quân du kích xã Phong Nhiêu (Phong Điền) gài mìn diệt 7 tên lính Âu - Phi, dân quân du kích xã Triệu Sơn (Triệu Phong) phá hoại đường sắt làm 6 toa xe lửa của địch bị đổ.

Trước những thất bại mới, Bộ chỉ huy quân đội Pháp buộc phải điều 4 tiểu đoàn ứng chiến và 1.000 quân Bắc Phi từ Bắc Bộ vào chiến trường Bình - Trị - Thiên, đưa tổng số quân lên đến 9 tiểu đoàn ứng chiến, 15 tiểu đoàn quân chiếm đóng, 18 đại đội bộ binh và 2 đại đội pháo binh. Chúng ráo riết bắt lính, thực hiện tổng động binh và huấn luyện quân hậu bị, xây dựng hai tiểu đoàn chủ lực ngụy số 27 và 29, đưa 4.000 thanh niên vào Mang Cá huấn luyện để xây dựng Tiểu đoàn 30; trang bị thêm 135 xe GMC và 10 khẩu pháo nhằm mở các cuộc càn quét vào các khu du kích, vùng giáp ranh, vùng tạm chiếm để cướp phá mùa màng, lập hội tề, chuẩn bị đối phó với các cuộc tiến công của ta.

Bộ chỉ huy mặt trận Bình - Trị - Thiên, từ tháng 4/1952 đã đưa các Trung đoàn 18, 95, 101 phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân du kích tập kích, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy các vị trí, tháp canh.

Bên cạnh hoạt động mạnh mẽ về quân sự, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị tổ chức đoàn cán bộ do đồng chí Trần

Đồng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn¹ làm thí điểm về sự phối hợp giữa ba vùng (vùng tạm bị địch chiếm, vùng du kích, vùng căn cứ du kích) ở huyện Triệu Phong. Đợt làm thí điểm bước đầu đưa lại kết quả và rút ra được một số kinh nghiệm hay trong công tác đấu tranh chống địch bắt lính (chợ Sãi, An Mô, Bích Khê (huyện Triệu Phong), Tân Định (huyện Cam Lộ)...); trong việc đưa cán bộ, đảng viên trở lại bám trụ địa bàn hoạt động (Đậu Kênh, Phường Ngạn, Phú Lưu (huyện Triệu phong)...); trong việc thu thuế nông nghiệp...

Từ giữa năm 1952, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức cho các đồng chí Tỉnh ủy viên và đội ngũ cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch các huyện, thị xã học tập quán triệt mục đích, yêu cầu của đợt “Chỉnh Đảng và Chỉnh quân”. Tỉnh ủy coi đây là đợt công tác trung tâm về xây dựng Đảng và xây dựng lực lượng vũ trang, với phương châm lấy nâng cao trình độ tư tưởng chính trị làm chính; về phương pháp, lấy giáo dục làm chính, học phải liên hệ với việc đã và đang làm, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình.

Cuộc chỉnh Đảng và chỉnh quân ở địa phương được các cấp, các ngành tiến hành một cách khẩn trương, nghiêm túc. Toàn thể cán bộ, đảng viên, các chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, thầy cô giáo và học sinh cấp II ở các

1. Sau khi đồng chí Trần Đồng đi chỉnh huấn, Thường vụ Tỉnh ủy cử đồng chí Trần Kim Hồ làm Trưởng đoàn.

trường Lê Thế Hiếu, Triệu Cơ, Triệu Sơn đều tham dự các lớp chỉnh huấn.

Đợt học tập quan trọng này đã có tác dụng củng cố lập trường giai cấp vô sản cho cán bộ, đảng viên, thống nhất tư tưởng và hành động cách mạng theo đúng đường lối của Đảng và Nhà nước, chống các biểu hiện sai trái, không phân biệt rõ bạn thù, ỷ lại, ngại kháng chiến lâu dài, kém ý thức tổ chức và kỷ luật, quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế.

Vừa tiến hành chỉnh huấn, vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích, thực hành cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm, quân và dân Quảng Trị đã giành được nhiều thành tích về quân sự, chính trị, kinh tế - xã hội trong đông - xuân 1952-1953.

Sự phối hợp giữa ba thứ quân trên chiến trường Bình - Trị - Thiên trở nên nhịp nhàng, chiến tranh du kích được đẩy mạnh, nên trong vòng 4 tháng cuối năm 1952, trên chiến trường, quân và dân ta đã loại ra ngoài vòng chiến đấu trên 6.000 tên địch, tiêu diệt 17 vị trí và 60 lô cốt, tháp canh, giải phóng được phía bắc tỉnh Quảng Bình. Các vùng căn cứ du kích được mở rộng. Vụ lúa tháng 8 và tháng 10 được bảo vệ¹. Nông dân phấn khởi, hăng hái đóng thuế nông nghiệp, phục vụ kịp thời nhu cầu kháng chiến.

Thực dân Pháp vẫn ngoan cố, ngày càng thực hiện âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” một cách quyết liệt hơn.

1. Địch chỉ cướp được 10% số lúa thu hoạch 2 vụ của ta.

Chúng đẩy mạnh hoạt động về quân sự, thực hiện lệnh “tổng động binh” một cách ráo riết. Chỉ trong một thời gian ngắn chúng đã bắt gần 600 thanh niên ở địa phương đi lính, thành lập “nghĩa dũng đoàn” - một tổ chức bán vũ trang làm công cụ bảo vệ nguy quyền, tăng cường củng cố xây dựng đủ 7 tiểu đoàn ứng chiến cơ động, 15 tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm đóng, trang bị thêm xe bọc thép và đại bác các cỡ. Chúng bắt dân góp công, góp của xây dựng thêm 5 đồn ở các thôn Thượng Xá, Trà Trì, Quy Thiện (Hải Lăng), chợ Sòng (Cam Lộ), Tân Trại Hạ (Vĩnh Linh).

Tên tướng Lơ Blăng dùng nhiều thủ đoạn chính trị, tiến hành cải tổ bộ máy nguy quyền như đưa Lê Quang Thiết lên làm Thủ hiến Trung phần thay Trần Văn Lý; cách chức tỉnh trưởng Thừa Thiên Tôn Thất Đàn, đưa Nguyễn Đức Duyên tỉnh trưởng Quảng Trị vào thay; chuyển Nguyễn Hữu Hiệp, tỉnh trưởng Quảng Nam, ra làm tỉnh trưởng Quảng Trị.

Có lực lượng và vũ khí mới, địch liên tiếp mở các cuộc càn quét quy mô lớn, thời gian dài vào các khu vực đông dân và căn cứ du kích nhằm vơ vét sức người, sức của, tìm diệt bộ đội chủ lực và các cơ quan đầu não của ta.

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động quân sự, gấp rút củng cố bộ đội địa phương, phát triển dân quân du kích để sẵn sàng thay thế lực lượng chủ lực, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp khẩn trương hoàn thành việc phân bổ lại địa bàn xã (từ quy mô lớn thành quy mô vừa), tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, trên cơ sở đó, củng

cố lại Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp (tỉnh, huyện, xã), chăm lo xây dựng Đảng, nhất là ở các vùng xung yếu.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh, đã thực hiện tốt chức năng vận động nhân dân thi đua sản xuất, đóng thuế nông nghiệp, đi dân công phục vụ chiến dịch; giác ngộ nhân dân vùng tạm chiếm không cho con em đi lính nguy, không bán lương thực cho địch và vận động nhân dân tiêu bạc Việt Nam, hưởng ứng mua công trái quốc gia.

Trong thời gian này, các đồng chí Phan Văn Khánh (phụ trách công tác dân vận), Nguyễn Tào (Bí thư Nông hội tỉnh) được cử ra Trung ương tiếp thu chủ trương cải cách ruộng đất. Sau khi trở về, đồng chí Nguyễn Tào báo cáo chủ trương cải cách ruộng đất trong kháng chiến của Đảng tại hội nghị cán bộ do Tỉnh ủy triệu tập. Qua hội nghị, cán bộ cốt cán đã thấy rõ “giảm tô, giảm tức là vấn đề trọng yếu nhất trong chính sách ruộng đất của Chính phủ trong giai đoạn hiện tại. Mục đích của cải cách ruộng đất là đem lại quyền lợi thiết thực, cải thiện đời sống cho nông dân lao động, làm cho họ hăng hái tham gia kháng chiến”¹.

Thi hành chính sách ruộng đất của Đảng, các chi bộ Đảng ở nông thôn đã lãnh đạo cuộc vận động giảm tô, giảm tức, kết quả bước đầu đã làm cho giai cấp nông dân

1. Trích biên bản Hội nghị Ban kinh tế tỉnh do đồng chí Trương Quang Phiên - Trưởng Ban kinh tế Tỉnh ủy chủ tọa.

phấn khởi, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thi đua hoàn thành đợt 3 thuế nông nghiệp.

Nhờ chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, nhờ tinh thần đấu tranh dũng cảm của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhờ lòng yêu nước vô hạn của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, phong trào kháng chiến ở Quảng Trị đã vượt qua muôn vàn khó khăn, từng bước khôi phục và phát triển.

Tuy vậy, phong trào trừ gian phá tề lúc này có chiều hướng chững lại. Theo báo cáo của Hội nghị cán bộ phân khu Bình - Trị - Thiên (23/6/1952): Đến nay việc phá tề trừ gian không còn là phong trào quần chúng như trước nữa, do lãnh đạo coi nhẹ việc phá hội tề nên địch lại tiếp tục bắt người cướp của. Có tình trạng này là do hữu khuynh không thường xuyên giáo dục nhân dân phá hội tề. Trong tình hình đó, địch lại lợi dụng những khó khăn do thiên tai gây ra¹, tập trung lực lượng “càn quét khủng bố nhân dân vùng tạm chiếm và vùng du kích non để tiếp tục bắt lính, cướp của, gặt cơ sở cách mạng ra ngoài, hòng củng cố hậu phương của chúng; ở vùng du kích chúng dùng mọi lực lượng (do chúng tổ chức, chỉ huy) hoạt động hợp pháp để tấn công ta về chính trị, quấy rối hậu phương của ta”². Chúng sử dụng bọn tay sai chỉ điểm để tiến hành càn quét, bắn pháo, dội bom, tập kích vào các

1. Tháng 10/1952, Quảng Trị bị bão lụt lớn.

2. Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1953 của Ban Nội chính, Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Trị, số 1992/NC.

cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo của ta. Chúng tìm cách mua chuộc lôi kéo một số phần tử có thái độ dây dưa trong việc giảm tô, nộp thuế nông nghiệp làm tay sai, bố trí một số phản động, cơ hội chui vào nội bộ Đảng như ở Hải Dương, Hải Lộc (Hải Lăng), Linh Hòa (Gio Linh)¹, đồng thời đóng thêm lô cốt xung quanh thị xã tỉnh lỵ, dọc quốc lộ 1, quốc lộ 9 nhằm bảo vệ các trục giao thông huyết mạch, củng cố vững chắc hệ thống phòng ngự của chúng.

Thời gian cuối năm 1951, đầu năm 1952, phong trào cách mạng ở Quảng Trị cũng như trên chiến trường Bình - Trị - Thiên gặp nhiều khó khăn. Một mặt do địch tăng cường hoạt động cả quân sự lẫn chính trị, kinh tế, với quyết tâm của chúng lúc này là thực hiện cho kỳ được âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh...”. Mặt khác, do chưa nắm vững phương châm chỉ đạo chiến tranh, công tác xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng tạm bị địch chiếm; việc huy động lực lượng tại chỗ cũng như việc tiếp thu sự chi viện của hậu phương Thanh - Nghệ - Tĩnh không bảo đảm kịp yêu cầu.

Trước tình hình đó, Liên khu ủy 4 họp vào tháng 9/1952. Kiểm điểm phê phán khuyết điểm, thiếu sót trong việc lãnh đạo, chỉ đạo chiến trường Bình - Trị - Thiên, Liên khu ủy 4 tiếp tục khẳng định Bình - Trị - Thiên là chiến trường phụ. Vì vậy, phương hướng hoạt động ở vùng

1. Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1953 của Ban Nội chính, Ủy ban kháng chiến hành chính Quảng Trị, số 1992/NC.

địch hậu (Bình - Trị - Thiên) là quân sự phải gắn với chính trị; hết sức coi trọng công tác xây dựng cơ sở cách mạng, bảo vệ dân, bảo vệ mùa màng.

Về tổ chức, Hội nghị quyết nghị từ nay các tỉnh ủy ở Bình - Trị - Thiên chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy 4.

Về quân sự, thực hiện chủ trương của Quân ủy Trung ương, Liên khu ủy quyết định tập trung các Trung đoàn chủ lực của Bình - Trị - Thiên để xây dựng Đại đoàn 325. Việc rút các trung đoàn chủ lực 18, 101, 95 ra khỏi chiến trường Bình - Trị - Thiên phải tiến hành từng bước. Trung đoàn 95 tạm thời ở lại hoạt động ở vùng đồng bằng Triệu Phong, Hải Lăng, Phong Điền, Quảng Điền đến tháng 3 năm 1953. Giải thể Bộ Chỉ huy mặt trận Bình - Trị - Thiên; Bộ Tư lệnh Liên khu 4 phụ trách toàn bộ chiến trường và có trách nhiệm giúp các tỉnh ủy xây dựng các tiểu đoàn bộ đội địa phương tập trung của tỉnh, đại đội bộ đội địa phương tập trung của huyện. Bộ đội địa phương phải làm tốt nhiệm vụ bảo vệ và chiến đấu ở địa phương mình.

Bước vào năm 1953, địch kết hợp chặt chẽ các mặt hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế với quyết tâm thực hiện cho kỳ được âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Đây là thử thách mới vì đúng vào lúc Trung đoàn 95 - đơn vị bộ đội chủ lực của Phân khu Bình - Trị - Thiên đứng chân hoạt động trên địa bàn Quảng Trị rút ra vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh để củng cố, xây dựng; một bộ

phận lực lượng bộ đội địa phương tỉnh và hàng ngàn dân công được điều đi chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở các mặt trận Trung - Hạ Lào. Lực lượng còn ít, lại thiếu thốn về lương thực, vũ khí đạn dược.

Trước tình hình đó, thực hiện Nghị quyết của Liên khu ủy, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang thực hiện phương châm “...tạm thời “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu” để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do”¹. Nhờ có sự chuyển hướng mau lẹ đó, những tháng đầu năm 1953, quân dân Quảng Trị giành được nhiều thành tích quan trọng: Đại đội 340 bộ đội địa phương huyện Cam Lộ phối hợp với dân quân du kích các xã Cam Giang, Cam Thanh chống càn thắng lợi; Đại đội 354 bộ đội địa phương huyện Vĩnh Linh và dân quân du kích phục đánh địch trên các đoạn đường quốc lộ 1 (Đốc Miếu - Hiền Lương, Cháp Lễ - Hạ Cờ); Đại đội 348 bộ đội địa phương huyện Gio Linh cùng dân quân du kích các xã phục kích đánh địch trên đoạn đường quốc lộ 1 (Ba Đốc - Quán Ngang); bộ đội địa phương và dân quân du kích huyện Hải Lăng phá đường ray, đánh tàu hỏa trên đoạn đường sắt (Diên Sanh - Mỹ Chánh)... Quân và dân Triệu Phong phá lô cốt Bích La, tập kích vị trí Bồ Bản, vận động đánh địch ở Bích Khê và truy kích bọn này đến gần chợ Sãi. Dân quân du kích Đông Hà được sự hỗ trợ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.14, tr.130.

của một tổ biệt động đột kích phá kho vũ khí ở thị xã. Trung đội đạo lộ đường 9 phối hợp với bộ đội địa phương Cam Lộ tập kích tiêu diệt lô cốt địch ở cây số 7 (đường 9), bao vây và chặn đánh quân tiếp viện của chúng ở đồn An Lạc. Ở vùng du kích và vùng chiến khu, cán bộ thông tin tuyên truyền phối hợp với các chiến sĩ công an, tổ chức các cuộc diễn thuyết ở các chợ kháng chiến, tổ chức những buổi liên hoan văn nghệ, đốt lửa trại vừa phát động phong trào văn nghệ quần chúng, vừa phát động phong trào phòng gian bảo mật, huy động sức người, sức của vào cuộc kháng chiến.

Qua đó, hình thành các tổ “lân gia liên bảo”, tổ sơn tràng, tổ các em chăn trâu cắt cỏ nhằm phát hiện những hiện tượng nghi vấn và nhắc nhở nhau giữ bí mật. Trong sinh hoạt của các đoàn thể nhân dân như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sĩ... đều lấy nội dung phòng gian bảo mật để kiểm điểm và bình bầu những cá nhân xuất sắc, tích cực, gương mẫu... Ở huyện Hướng Hóa, sau Đại hội du kích chiến tranh của huyện, phong trào thi đua “đánh Tây, tiểu phi, trừ gian, diệt tề” phát triển mạnh mẽ. Một số tên gián điệp lén lút hoạt động phá hoại cách mạng, gây hoang mang lo sợ trong đồng bào các dân tộc đã bị trừng trị. Lực lượng bộ đội địa phương huyện phối hợp với dân quân du kích xã tập kích đồn Ra Ô (tháng 02/1953). Lực lượng vũ trang huyện phục kích tại Còpolong, gây cho toán dân vệ Động Cho và tổng vệ làng Miệt nhiều thiệt hại. Du kích làng Miệt phục kích đánh bọn phản động “Đảng Cu Xun” đang kéo ra đồn Tà Cơn,

khiến chúng không kịp trở tay và tháo chạy tán loạn, bị truy bắt nhiều tên. Đảng Cu Xun tan rã.

Phát huy thắng lợi của mùa xuân, quân và dân Quảng Trị tiếp tục đánh nhỏ, đánh liên tục trong mùa hè năm 1953. Quân và dân Gio Linh đã đánh một tiểu đoàn địch đi càn ở Tân Lịch, diệt tại chỗ 17 tên, bắt sống một lính Maroc. Quân và dân huyện Vĩnh Linh chặn đánh, diệt gọn một đại đội địch đi càn cách thị trấn Hồ Xá khoảng 1 km. Lực lượng vũ trang Hải Lăng đánh địa lôi tại cầu Bến Đá, cầu Dài, phá một đoàn tàu chở hàng, trong đó có một toa chở lính, diệt 50 tên. Dân quân du kích xã Hải Lộc (Hải Lăng) hoạt động phá hoại quốc lộ 1 (đoạn từ Phò Trạch đi km 38) làm cho việc giao thông tiếp tế của địch giữa Huế và thị xã Quảng Trị bị gián đoạn. Tháng 6/1953, một tiểu đội lính bảo an từ Phà Bàng lên vùng Hướng Việt, đã bị lực lượng du kích phục kích tại thôn Bà Nai diệt một số tên, trong đó có Pả Ta Bùng, chỉ huy tiểu đội. Phối hợp với Hướng Hóa, bộ đội Quảng Trị hoạt động ở Hạ Lào đã tập kích các đồn Phà Bàng, Ba Ngàn (Tà Hoác), tiêu diệt phần lớn trung đội bảo an, trong đó có tên ác ôn Tà Tê, làm cho tổng vệ, dân vệ cũng như nguy quyền ở thị trấn Khe Sanh và các vùng lân cận hoang mang, dao động.

Hưởng ứng cuộc đại vận động phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm của Đảng và Chính phủ, đi đôi với đánh địch, quân và dân địa phương đã hăng hái thi đua chăm bón lúa và hoa màu, nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả do bão lụt gây ra. Bộ đội, cán bộ, công nhân viên trong các lực lượng vũ trang và cơ quan nhà nước; giáo

viên, học sinh trong tỉnh đều tổ chức sản xuất để góp phần cùng cả tỉnh tự túc lương thực.

Cũng trong thời gian này, tỉnh đã tổ chức các đoàn cán bộ về những xã có nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa gây ra giải quyết các vấn đề còn ách tắc, kịp thời ổn định tình hình tư tưởng, vận động nhân dân giúp đỡ nhau theo tinh thần “lá lành đùm lá rách”, phục hồi lại cuộc sống cho mọi gia đình. Ngành y tế tiến hành các đợt tiêm chủng để phòng dịch bệnh, nhất là đối với nhân dân ở các vùng đang có nhiều thiếu thốn, đói kém.

Sáu tháng đầu năm 1953, tuy còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm trong việc thực hiện các chính sách ruộng đất, giảm tô, giảm tức; công tác xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở; công tác mặt trận và các đoàn thể nhân dân... song nhìn chung, quân và dân Quảng Trị dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nêu cao quyết tâm vượt qua khó khăn, trở ngại, anh dũng đánh thắng các trận càn, tiêu diệt, bao vây một số lô cốt và cứ điểm, phá hoại các đường giao thông, gây cho địch nhiều thiệt hại, khó khăn, lúng túng ở chiến trường Bình - Trị - Thiên và Trung, Hạ Lào. Vùng căn cứ địa của Quảng Trị được mở rộng, nối liền với các vùng căn cứ địa của các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Bình, Savannakhet và Salavan (Lào).

Với cố gắng cao độ trên mọi lĩnh vực quân sự, kinh tế - xã hội, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị từng bước vượt qua khó khăn về thiên tai, địch họa, đẩy mạnh kháng chiến, chuẩn bị thực lực chiến đấu và phục vụ chiến đấu, phối hợp tích cực với chiến trường chính trong cả nước.

II. PHỐI HỢP CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH, QUÂN VÀ DÂN QUẢNG TRỊ GIÀNH THẮNG LỢI TRONG ĐÔNG - XUÂN 1953-1954

Qua 8 năm kháng chiến, so sánh lực lượng giữa ta và địch có sự thay đổi lớn. Ở Bắc Bộ, vùng tự do của ta bao gồm các tỉnh miền núi rộng lớn ở Việt Bắc, Tây Bắc và tỉnh Hòa Bình. Vùng địch tạm chiếm bị thu hẹp lại. Tại Trung Bộ, hai vùng tự do rộng lớn Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh (Liên khu 4) và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (Liên khu 5) được củng cố. Tại Nam Bộ, các căn cứ địa kháng chiến, căn cứ du kích đứng vững, cơ sở kháng chiến được xây dựng ở cả nông thôn và thành thị. Lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Lực lượng cơ động chiến lược của ta hơn hẳn lực lượng cơ động chiến lược của địch.

Trước thất bại cận kề, Chính phủ Pháp một mặt tích cực tranh thủ viện trợ tối đa của Mỹ, mặt khác cố gắng tập trung tiềm lực của nước Pháp nhằm xoay chuyển tình thế. Giữa năm 1953, Chính phủ Pháp cử tướng Nava (Henri Navarre), một nhân vật quân sự bậc nhất của nước Pháp sang thay Xalăng, làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương, Nava muốn làm rạng danh nước Pháp bằng một thắng lợi quân sự để kết thúc chiến tranh “trong danh dự”.

Theo Kế hoạch Nava, đông - xuân 1953-1954, Pháp giữ thế phòng ngự chiến lược, tránh quyết chiến ở mặt trận Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược ở Nam Việt

Nam, sau đó tập trung lực lượng và khối chủ lực tác chiến mạnh, chuyển sang tiến công chiến lược ở chiến trường Bắc Bộ, giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh.

Với Kế hoạch Nava, âm mưu của thực dân Pháp “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” được thực hiện với quy mô vượt xa Kế hoạch Rove (Revers) và Kế hoạch Đờlát Đờlátxinhi trước đây.

Bước vào đông - xuân 1953-1954, lực lượng địch ở Bình - Trị - Thiên có trên 80.000 tên, trong đó quân nguy hiểm 91%, lính Âu - Phi chiếm 9%, được tổ chức thành 24 tiểu đoàn. Với lực lượng đó, địch ra sức càn quét, bình định vùng đồng bằng, đồn làng, tập trung dân, lập vành đai trắng, củng cố các tuyến phòng ngự, phá mùa màng của nhân dân và tăng cường bắt lính, phát triển nguy quân.

Mở đầu Kế hoạch Nava ở Bình - Trị - Thiên, ngày 28/7/1953, địch mở trận càn với quy mô lớn mang tên “Cuộc hành binh Camargo” (Opera Caemarge) đánh vào căn cứ du kích đồng bằng bốn huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Phong Điền, Quảng Điền (Triệu - Hải - Phong - Quảng) với lực lượng gồm 13 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn dù, 400 xe cơ giới, 16 xe lội nước, 4 tàu thủy, 14 canon, 48 máy bay các loại và 2 trung đoàn pháo binh do tên tướng Lơ Blăng, Tư lệnh quân Pháp ở Trung Bộ trực tiếp chỉ huy. Để yểm trợ cho cuộc hành binh, đồng thời cũng để đề phòng bộ đội chủ lực của ta ở các nơi khác chỉ viện đến đồng bằng Triệu - Hải - Phong - Quảng, chúng cho quân chốt chặn các ngã đường về đồng bằng các huyện; huy động máy bay, pháo binh từ các căn cứ ở Huế, thị trấn

Đông Hà, thị xã Quảng Trị oanh kích dữ dội xuống các khu căn cứ lân cận như: Trám, Hòn Linh, Bọc Lở, Hòa Mỹ. Ngày 01/8/1953, tên tướng Nava đến trực tiếp đốc chiến.

Mục đích trận càn của địch nhằm đánh chiếm vùng căn cứ đồng bằng, tiến hành bình định vùng đông dân, nhiều lúa, bắt lính, phá hoại kinh tế, tiêu diệt bộ đội chủ lực - Trung đoàn 95.

Tình hình hết sức nóng bỏng. Ban chỉ huy Trung đoàn 95 cùng với các cấp ủy đảng ở địa phương bàn kế hoạch khẩn cấp phối hợp tác chiến. Theo kế hoạch hợp đồng, Trung đoàn 95 để Tiểu đoàn 310 ở lại phối hợp với các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích xã bám địch, phục kích làm chậm bước tiến quân của chúng. Đại bộ phận Trung đoàn 95 vượt ra ngoài vòng vây, sau đó nhanh chóng quay lại tập kích vào những nơi sơ hở để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Một số cán bộ lãnh đạo của huyện, các xã cùng với một số cán bộ thôn, được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tổ chức nhân dân cất giấu của cải, kịp thời sơ tán phụ nữ, trẻ em lên các vùng tiền chiến khu, chiến khu Hải Đạo.

Khi địch ồ ạt tấn công vào khu căn cứ đồng bằng Triệu - Hải - Phong - Quảng cũng là lúc các lực lượng vũ trang của ta dần xong thế trận. Các hướng tiến công của chúng đều vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân ta.

Sau một ngày, địch vẫn không khép kín được vòng vây và bị thiệt hại nặng. Tên tướng Lơ Blăng điên cuồng, lồng lộn, hạ lệnh thúc cánh quân đường thủy tiến theo bờ sông Vân Trình, huy động quân dù đổ bộ hợp vây, nhưng Lơ Blăng vẫn không đạt được kết quả mong muốn. Các cánh

quân địch đều bị quân ta chặn đứng. Đến tối, địch buộc phải ngừng tiến quân. Trung đoàn 95 và các cơ quan của tỉnh, của huyện đóng ở vùng Đơn Quế - Đồng Dương, sau khi bố trí bom mìn, cạm bẫy và nghi binh cẩn thận, đã bí mật rút ra ngoài vòng vây.

Sáng hôm sau, địch dốc toàn bộ lực lượng tiếp tục tiến quân, bao vây khu căn cứ. Thấy không vấp phải sự chống cự, cho rằng lực lượng ta đã bị tê liệt, Lơ Blăng thúc quân để hòng khép chặt vòng vây, nhưng khi ấy bộ đội chủ lực Trung đoàn 95 đã rút ra khỏi khu căn cứ từ trước.

Cay cú trước thất bại này, Lơ Blăng thúc quân càn đi, quét lại vùng căn cứ du kích Triệu - Hải - Phong - Quảng, cho quân chốt lại Văn Quỳ, Phú Kinh, Diên Khánh (Hải Lăng) và lập lại hội tề. Ngày 05/8/1953, Bộ chỉ huy Pháp ra lệnh rút quân, kết thúc cuộc càn.

“Cuộc hành binh Camagor” vào vùng căn cứ đồng bằng Triệu - Hải - Phong - Quảng là một cuộc càn lớn nhất, với thời gian dài ngày nhất của địch từ trước tới nay ở chiến trường Bình - Trị - Thiên, với hy vọng tiêu diệt bộ đội chủ lực, đè bẹp phong trào kháng chiến đang lên mạnh ở vùng Triệu - Hải - Phong - Quảng. Nhưng Kế hoạch Nava mở đầu chiến trường Bình - Trị - Thiên đã bị thất bại¹. Hơn

1. Besnaphôn - ký giả người Pháp, tác giả cuốn sách *Con đường không vui* viết: Là một trong những cuộc hành binh lớn nhất Đông Dương và cũng tương đương với lực lượng dùng trong cuộc đổ bộ trên các chiến trường Thái Bình Dương và Địa Trung Hải trong Chiến tranh thế giới thứ hai, rõ ràng Trung đoàn 95 và dân quân du kích ít có hy vọng thoát khỏi cuộc bao vây này.

450 binh lính và sĩ quan địch bị tiêu diệt và bắt sống. Nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh bị phá hủy. Tuy nhiên địch cũng gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của. Chúng đã quật phá, đốt cháy 10 hầm lúa, càn quét, đánh phá buộc gần 7.000 người ở vùng đồng bằng Hải Lăng phải tạm bỏ nhà cửa, ruộng vườn sơ tán đi nơi khác, dồn một bộ phận nhân dân vào ở sát vách các vị trí đóng quân của chúng và xung quanh thị xã tỉnh lỵ.

Cùng với cuộc hành quân càn quét, thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, tăng cường về cả quy mô lẫn tính chất. Chúng tổ chức ra nhiều đội biệt động để phối hợp với bọn gián điệp, chỉ điểm cho binh lính truy lùng tiêu diệt cơ sở chính trị và quân sự của ta. Chúng đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, gieo rắc tư tưởng ảo tưởng hòa bình trong cán bộ và nhân dân ta, hòng gây tư tưởng ngại kháng chiến lâu dài.

Đánh giá về ưu điểm trong trận chống càn của quân và dân Quảng Trị, Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy bất thường (ngày 16 và 17/9/1953) viết: trong trận chống càn này, quân và dân tỉnh Quảng Trị đã biểu hiện được tinh thần đấu tranh, hy sinh anh dũng. Không những nhân dân ở vùng bị địch càn đấu tranh chống địch hiếp dâm, chống địch bắt lính, cướp lúa, tìm mọi cách tránh địch... mà ngay cả nhân dân sống trong đô thị, vùng du kích non cũng đoàn kết, kiên quyết đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu phục vụ cuộc càn của chúng.

Về mặt khuyết điểm, Hội nghị Tỉnh ủy bất thường chỉ rõ: có nơi, có lúc việc phối hợp giữa các địa phương, việc

kết hợp ba thứ quân trong cuộc chống càn còn thiếu chặt chẽ, liên tục. Khuyết điểm đó dẫn đến hạn chế thắng lợi, làm cho lực lượng ta có khi phải bị động đối phó hơn là chủ động phá càn của địch.

Hội nghị Tỉnh ủy cũng nêu lên một số mặt khó khăn, tồn tại cần được chú trọng giải quyết. Đó là: sau cuộc càn lớn của địch, nhân dân ở các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, nhất là ở Hải Lăng bị xáo trộn, mất ổn định, trong lúc địch đang ra sức mở rộng phạm vi chiếm đóng vùng đông dân, nhiều lúa thì phạm vi hoạt động của ta ở đó bị thu hẹp. Vấn đề huy động sức người, sức của cung cấp cho nhu cầu kháng chiến sẽ gặp khó khăn gay gắt. Đồng thời, Hội nghị cũng nêu lên những thuận lợi căn bản là: các tầng lớp nhân dân ta có tinh thần yêu nước cao, được thử thách qua 8 năm kháng chiến dưới sự lãnh đạo giáo dục của Đảng. Đông đảo nhân dân đã nhận thức được cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa, luôn luôn hướng về cách mạng, hướng về kháng chiến và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng bào ở vùng tạm bị địch chiếm với lòng căm thù thực dân Pháp cao độ, sẽ đoàn kết, đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch để giành thắng lợi cuối cùng.

Từ sự phân tích trên, Hội nghị Tỉnh ủy bất thường đề ra phương hướng hoạt động của Đảng bộ trong thời gian tới: “Giữ vững và phát triển cơ sở, tích cực tranh chấp quần chúng với địch, dùng mọi hình thức đấu tranh hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh vũ trang để chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn mới của địch như chống càn quét, chống bắt lính, chống cướp lúa, chống áp bức bóc lột,

chống chiến tranh gián điệp và các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch”.

Sau trận chống càn ở vùng đồng bằng Triệu Phong, Hải Lăng, Trung đoàn 95 rời khỏi chiến trường Bình - Trị - Thiên trở về trong đội hình Sư đoàn 325. Cũng trong thời gian này, dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy 4 và Tỉnh ủy Quảng Trị, cơ quan Tỉnh đội được củng cố kiện toàn thêm một bước. Đồng chí Hồ Sĩ Thản, Tỉnh ủy viên, được giao phụ trách Tỉnh đội.

Thực hiện chủ trương “chỉnh Đảng, chỉnh quân” của Trung ương Đảng, các đồng chí trong Tỉnh ủy lần lượt đi dự các lớp chỉnh huấn (1, 2, 3) do Trung ương mở. Lúc này đồng chí Trương Công Kính, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chung (từ tháng 5/1953; Bí thư Tỉnh ủy từ tháng 12/1953¹), kiêm phụ trách công tác tuyên huấn và công tác phát động quần chúng; đồng chí Hồ Ngọc Chiêu, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh thay đồng chí Trương Quang Phiến, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh; đồng chí Lê Thanh Liêm, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh².

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, các lực lượng vũ trang cùng

1. Biên bản cuộc họp Tỉnh ủy ngày 31/12/1953.

2. Trích Biên bản Hội nghị Tỉnh ủy (ngày 01/5) và Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy (ngày 18 và 19/5/1953).

với toàn dân trong tỉnh sôi nổi chuẩn bị mọi mặt, cùng với quân và dân cả nước tiến hành cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953-1954 do Bộ Chính trị vạch ra. Tỉnh ủy chủ trương phát triển chiến tranh du kích, tiêu diệt, tiêu hao quân chiếm đóng của địch, kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân, du kích về cả số lượng, chất lượng.

Tỉnh ủy nêu rõ: ở những nơi địch đang mở rộng chiếm đóng cũng như các vùng tạm bị chiếm, du kích non, nếu địch dùng các lực lượng trong các đồn bốt nòng ra càn quét để bắt thanh niên vào lính, cướp lương thực, bắt cán bộ, lập hội tề, tổ chức gián điệp... thì nhiệm vụ của bộ đội địa phương phải phối hợp với dân quân du kích canh gác, bám sát địch, kịp thời chặn đánh tiêu diệt, tiêu hao các bộ phận nhỏ, uy hiếp địch, hạn chế phạm vi hoạt động của chúng, tiến tới bao vây đồn, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng của ta.

Hoạt động vũ trang phải nhằm vào mục đích tranh chấp quần chúng, bảo vệ cơ sở, hỗ trợ đắc lực các cuộc đấu tranh của quần chúng, chống địch càn quét, bắt người, cướp của, dồn dân, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh phát triển từ thấp đến cao, từ hình thức đấu tranh kinh tế, chính trị tiến tới tổ chức đấu tranh vũ trang trong đô thị, vùng tạm bị chiếm. Thông qua các cuộc đấu tranh kinh tế, chính trị của quần chúng để phát triển thêm lực lượng dân quân du kích, đưa phong trào chiến tranh du kích phát triển lên đỉnh cao. Cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, nhất là công an, bộ đội địa phương

phải phấn đấu trở thành các cán bộ làm công tác dân vận, địch vận giỏi ở vùng địch hậu.

Ở các vùng căn cứ du kích, vùng tiền chiến khu và chiến khu, hoạt động của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang của ta, công việc chủ yếu lúc này là nghiên cứu bố trí trận địa, sẵn sàng đập tan các cuộc càn quét tiếp theo của địch, đề phòng các đợt tập kích bằng phi pháo, nêu cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ nhân dân, bảo vệ các cơ quan của Đảng và chính quyền cách mạng, bảo vệ các kho tàng của Nhà nước và hành lang chiến lược Bắc - Nam.

Tỉnh ủy quyết định rút một số cán bộ ở các ban của Đảng và ở Tỉnh đội bổ sung, tăng cường về làm công tác chính trị ở huyện đội Triệu Phong, Hải Lăng; tổ chức một số cán bộ, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang (lập được nhiều chiến công xuất sắc, được bầu là chiến sĩ thi đua) đi phổ biến kinh nghiệm tác chiến cho các đơn vị vũ trang ở các địa bàn trong tỉnh.

Về cơ xưởng sản xuất vũ khí, đạn dược, Tỉnh đội phải nhanh chóng củng cố, chấn chỉnh lại chi ủy, chi bộ, soát xét lại số vũ khí, nguyên liệu tồn kho của tỉnh và ở các huyện, xã, tổ chức thu nhặt sắt, thép, vũ khí hỏng tập trung về xưởng để đổi lấy vũ khí mới; cán bộ, công nhân trong xưởng phải đẩy mạnh phong trào cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, sản xuất và sửa chữa các loại vũ khí kịp thời phục vụ chiến cuộc đông - xuân 1953-1954.

Về kinh tế - tài chính, trước tình hình mùa màng bị thất bát do thiên tai và địch họa, Tỉnh ủy quyết định phát động phong trào toàn tỉnh thi đua sản xuất, tích cực bảo

vệ mùa tháng 8 và tháng 10, bảo vệ gia súc, gia cầm; chống địch càn quét cướp phá; bảo đảm lưu thông hàng hóa, đấu tranh kinh tế với địch; tiến hành chỉnh lý, thu thuế nông nghiệp năm 1953, vừa thu vừa huy động lực lượng chuyển lên chiến khu trước mùa mưa lũ.

Về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy đặt ra ba công tác trọng tâm cấp bách mà mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức cơ sở đảng phải tập trung lãnh đạo:

Đối với công tác tư tưởng, mở đợt tuyên truyền phổ biến làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng thống nhất nhận định tình hình địch, ta; khó khăn, thuận lợi; thấy rõ âm mưu thâm độc của thực dân Pháp; chống tư tưởng chủ quan khinh địch (ở vùng an toàn); đề cao tinh thần kiên quyết đấu tranh, đả phá tư tưởng cầu an, dao động (ở các vùng vừa bị địch càn quét, chiếm đóng).

Đối với việc chỉnh đốn tổ chức, phải nhanh chóng khắc phục tình trạng yếu kém của bộ máy lãnh đạo (tỉnh, huyện) không còn phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến; hợp nhất Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện thành một cơ quan, trong đó có một số huyện ủy viên phụ trách công tác dân vận, một số cán bộ cấp huyện trở thành cán bộ truyền đạt và kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết của Đảng và chủ trương của Chính phủ ở cơ sở; thống nhất các văn phòng ở Huyện ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lại làm một để giảm đầu mối, giảm bớt giấy tờ; tăng cường bộ phận kiểm tra và công tác kiểm tra của Đảng.

Ở cấp tỉnh thì nhập cán bộ tổ chức chính quyền tỉnh sang Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Việc báo cáo tình hình địch, ta trong tháng gửi lên Liên khu ủy 4 do Tỉnh ủy đảm nhiệm. Sau khi sắp xếp lại, Tỉnh ủy tập hợp số cán bộ dời ra lập thành đoàn cán bộ kiểm tra lưu động, bồi dưỡng thêm trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ để trở thành các cán bộ cốt cán của Đảng. Khi cần thì bổ sung cho các ngành, các địa phương.

Ở xã chỉ có ba chi ủy viên thường trực. Để kịp thời giải quyết mọi công việc hằng ngày, chi ủy viên của chi bộ xã phụ trách thôn kiêm tổ trưởng đảng, kết hợp với tổ phó phụ trách thôn đội, chính quyền, nông hội thôn. Những thôn không có chi ủy viên thì cử tổ trưởng, tổ phó, xã ủy cử một chi ủy viên phụ trách, giúp đỡ, theo dõi việc thực hiện nghị quyết của chi bộ xã và chủ trương, biện pháp của Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Về giao thông liên lạc, phải tổ chức thống nhất từ trên xuống dưới, giữa các địa phương với nhau. Một cơ quan có nhiều địa điểm phải tiếp xúc, do đó phải có người của cơ sở, có mật hiệu liên lạc để khỏi nhầm lẫn. Tổ chức liên lạc dây chuyền giữa các thôn với nhau, các thôn với các xã thuộc vùng tạm chiếm do tổ trưởng phụ trách và có cơ sở liên lạc bí mật khi cần thiết. Cán bộ giao thông liên lạc phải là những người trung kiên và đã được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cao.

Để kịp thời rút kinh nghiệm giúp cho việc chỉ đạo trên toàn tỉnh được tốt, Tỉnh ủy quyết định chọn huyện Triệu Phong và Hải Lăng để làm thí điểm, do một đồng chí Ủy

viên Thường vụ Tỉnh ủy và một đồng chí Tỉnh ủy viên trực tiếp chỉ đạo.

Ngay sau Hội nghị Tỉnh ủy bất thường, các Huyện ủy Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh đều mở hội nghị cán bộ học tập, quán triệt nội dung chiến lược của cuộc tiến công đồng - xuân 1953-1954 *là giữ vững quyền chủ động, đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng, phối hợp trên phạm vi cả nước và trên toàn Đông Dương*. Đối với địa phương, sau khi học tập, hiểu rõ tình hình, nhiệm vụ, đều nhất trí chủ trương: xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích. Tích cực củng cố căn cứ du kích và phát triển khu du kích, đẩy mạnh hoạt động ở vùng tạm bị chiếm. Đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích ở đồng bằng và đánh mạnh trên các tuyến giao thông đường 9, quốc lộ 1, đường xe lửa, phối hợp chặt chẽ với chiến trường chính. Tăng cường xây dựng và phát triển các đơn vị tình nguyện, phối hợp giúp đỡ bạn về mọi mặt ở Trung Lào... Xây dựng căn cứ kháng chiến và cơ sở nhân dân, chuẩn bị cùng lực lượng của bạn mở chiến dịch Trung Lào. Ra sức phục vụ tiền tuyến.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Hội nghị đại biểu nhân dân Thượng du khai mạc ngày 03/10/1953 tại Hướng Hóa có trên 250 đại biểu các dân tộc ở khắp các địa bàn trong tỉnh về dự. Hội nghị tập trung học tập chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, chỉ rõ âm mưu chia rẽ giữa đồng bào miền núi và đồng bào miền xuôi của địch, phát động phong trào thi đua

sản xuất và du kích chiến tranh, động viên sức người, sức của phục vụ giai đoạn tổng phản công. Trước mắt đối với Hướng Hóa là phục vụ mặt trận Hạ Lào và mặt trận đường 9 với nhiệm vụ tham gia dân công vận tải, tham gia lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương; kêu gọi, lôi kéo con em trong hàng ngũ nguy quân, nguy quyền trở về với cách mạng.

Về phía địch, lúc này chúng đang ráo riết mở các trận càn nhằm tiếp tục thực hiện Kế hoạch Nava vạch ra ở chiến trường Bình - Trị - Thiên.

Tháng 10/1953, hai đại đội địch càn vào xã Linh Quang (Gio Linh). Dân quân du kích các thôn Tân Lộc, Xuân Bách đã phối hợp với bộ đội địa phương huyện đẩy lùi 7 đợt tấn công của địch, buộc chúng phải rút lui.

Bộ đội địa phương và dân quân du kích các huyện Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng cũng hoạt động mạnh, tổ chức chống càn, đánh địch ở các xã Cam Giang, Cam Thanh, Hải Lệ, An Tiêm gây cho địch nhiều thiệt hại, giữ vững cơ sở, bảo vệ cán bộ và nhân dân, phá tan âm mưu lấn chiếm, mở rộng vùng chiếm đóng của chúng.

Bị thất bại nặng ở các chiến trường Bắc Bộ, Trung Lào, thực dân Pháp buộc phải rút bớt tiểu đoàn ứng chiến số 27/BTA ở Quảng Trị đưa ra Bắc Bộ và một tiểu đoàn ứng chiến khác sang Hạ Lào. Vì vậy, lực lượng còn lại chỉ làm được nhiệm vụ mở các trận càn nhỏ, lẻ tẻ. Chớp thời cơ đó, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích, tăng cường quấy rối, tiêu hao, tiêu diệt, bao vây đồn bốt địch; đồng thời phát động phong trào đấu tranh của quần

chúng trong vùng tạm chiếm chống bắt lính, thu thuế, lập hội tề và tuyên truyền vận động binh lính bỏ ngũ.

Được sự hỗ trợ của Trung đoàn 18 bộ đội chủ lực phân khu, lực lượng vũ trang Quảng Trị đã mở đợt hoạt động phối hợp với mặt trận Trung Lào, đồng loạt nổ súng tấn công tiêu diệt các vị trí Sen Hạ, chợ Do, Hà Tây, Đàng Đàng, Dốc Miếu.

Ngày 28/12/1953, dân quân du kích xã Vĩnh Liêm (Vĩnh Linh) phục kích bắn chìm 4 canô địch trên sông Bến Hải. Trong các ngày 28 và 30/12/1953, bộ đội địa phương Vĩnh Linh phối hợp với dân quân du kích xã Vĩnh An anh dũng đánh tan trận càn của địch vào các thôn Liêm Hóa, Quang Hóa, diệt trên 150 tên, phá hủy 4 canô, thu nhiều súng đạn.

Bộ đội địa phương và dân quân du kích các huyện Cam Lộ, Hướng Hóa phối hợp với Trung đoàn 18 đánh địch ở đường 9 - Hướng Hóa, cắt đứt đường tiếp viện Trung Lào của địch, cô lập quân địch ở mặt trận Trung Lào, tạo điều kiện cho Liên quân Việt - Lào giành thắng lợi to lớn ở Khăm He, Kha Ma. Tiếp đó, lực lượng vũ trang Quảng Trị cùng với Trung đoàn 18 theo đường 9 đánh địch ở Sê Pôn, Mường Phìn.

Tính riêng trong 20 ngày đầu tháng 01/1954, quân và dân địa phương trên mặt trận đường 9 đã phá sập 17 cầu cống (đoạn từ Đông Hà đi Rào Quán), làm giao thông, vận chuyển của địch phục vụ mặt trận Trung Lào bị tê liệt dài ngày.

Những hoạt động quân sự của ta đã khiến Bộ chỉ huy Pháp phải vội vàng điều 4 tiểu đoàn quân cơ động ứng

chiến đến Quảng Trị, cố khai thông đường 9, quốc lộ 1 và đường sắt. Đến giữa tháng 01/1954, địch dùng một tiểu đoàn quân cơ động ứng chiến càn quét vùng Cửa, hòng ngăn chặn lực lượng vũ trang ta đang đánh mạnh ở đường 9 và uy hiếp vùng chiến khu Ba Lòng, nhưng đã bị ta diệt hàng trăm tên. Âm mưu của địch bị thất bại hoàn toàn.

Tiếp đó, địch lại tập trung lực lượng mở các trận càn vào khu căn cứ du kích ở đồng bằng Triệu - Hải - Cam - Gio - Vĩnh¹. Đi đôi với việc mở các trận càn với quy mô cấp tiểu đoàn, chúng tổ chức các đơn vị nhỏ thọc sâu phục kích, tập kích các thôn Trà Trì, Lam Thủy, Đại Nại, Thượng Xá, Trâm Lý (huyện Hải Lăng) nhằm bắt cóc cán bộ, ngăn chặn hành lang lên chiến khu, xuống đồng bằng của ta. Ở vùng tạm chiếm, địch ra lệnh cho tề vệ cung cấp danh sách phụ nữ chưa chồng (từ 18 đến 25 tuổi) để sung vào lính²; khủng bố các gia đình có chồng con đi lính đã trở về với cách mạng; bắt các gia đình ngụy binh phải làm giấy cam kết không đào rã ngũ, lập vành đai trắng dọc quốc lộ 1, đồng thời dồn dân các thôn Mỹ Chánh, Tân Trường, Thôn Đông lên ở cạnh các vị trí Mỹ Chánh, Bến Đá (Hải Lăng).

1. Ngày 22/01, địch dùng 5 đại đội có xe tăng yểm trợ càn vào Hải Bình (Hải Lăng). Ngày 28/01, 2 tiểu đoàn có xe tăng, thiết giáp đi kèm càn vào vùng chợ Cạn - Gia Đăng (Triệu Phong). Ngày 19/02, địch đưa 3 tiểu đoàn có 75 xe cơ giới càn vào Hải Thái, Hải Bình và đem Tiểu đoàn 252 chiếm đóng Hải Lăng.

2. Ở Lam Thủy có 12 chị em bị bắt vào lính.

Song song với các cuộc càn quét, đánh phá, bình định đồn dân, địch ráo riết tuyên truyền xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận Liên - Việt, tăng cường kiểm soát, bóc lột nhân dân.

Sau Tết nguyên đán Giáp Ngọ (tháng 02/1954), địch cho bọn tâm lý chiến mở đợt tuyên truyền xuyên tạc tháng hữu nghị Việt - Trung - Xô của Đảng và Chính phủ ta. Chúng tổ chức một số tay sai lén lút vào các cổng làng xé hết băng cờ, khẩu hiệu, biểu ngữ cổ động; cho máy bay rải truyền đơn xuyên tạc nội dung thư chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước nhân dịp năm mới (1954); đồng thời đề cao Ngô Đình Diệm và việc đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh cho Pháp.

Sau khi quân Pháp nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ, chúng lại càng ra sức thực hiện Kế hoạch Nava, ráo riết bắt lính, đôn quân; tăng cường phòng thủ thị xã Quảng Trị và thành phố Huế.

Lúc này, Quảng Trị đang ra sức khắc phục hậu quả nặng nề do các trận lũ lớn vào cuối năm 1953 gây ra. Lực lượng chiến đấu chủ yếu do bộ đội địa phương và dân quân du kích đảm trách. Trong khi đó, trang bị vũ khí còn rất thiếu thốn, nhất là các loại vũ khí mạnh.

Mặc dù còn gặp khó khăn chồng chất, nhưng tinh thần quật khởi của quân và dân ta vẫn được giữ vững. Qua hơn 8 năm chiến đấu và xây dựng, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang đã được tôi luyện, trưởng thành, nên có tinh thần chịu đựng gian khổ, hy sinh, chiến đấu dũng cảm. Hơn nữa, được sự lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của

các cấp ủy một cách chặt chẽ, trực tiếp và toàn diện, được thắng lợi của các chiến trường trong cả nước, thắng lợi bước đầu của cuộc cải cách ruộng đất của Đảng động viên cổ vũ nên đã tạo khí thế mới cho quân và dân Quảng Trị chuẩn bị bước vào đợt “phối hợp chiến dịch Điện Biên Phủ” do Bộ Tư lệnh Liên khu 4 đề ra (ngày 15/3/1954).

Kết quả thực hiện chủ trương của Bộ Tư lệnh Liên khu 4, quân và dân ta ở mặt trận đường 9 - Hướng Hóa đã đánh mạnh vào giao thông của địch, phá sập cầu Rào Quán, tập kích tiêu diệt vị trí Cà Lu và đồn Đầu Mầu, bao vây địch ở vị trí Cù Bách và thị trấn Khe Sanh, buộc địch phải rút về Đầu Mầu, Rào Quán, Mai Lĩnh, Vũng Kho và co cụm lại tại Khe Sanh.

Cuối tháng 3/1954, trên đường hành quân lên mặt trận Trung Lào, Trung đoàn 18 (bộ đội chủ lực phân khu) đã hỗ trợ đặc lực cho quân và dân huyện Hướng Hoá tiếp tục truy quét các vị trí đồn bốt còn lại trên đường 9, buộc địch rút bỏ các vị trí Khe Sanh, Lao Bảo lên đóng chốt tại Côtachangan.

Giữa tháng 4/1954, Đại đội 8 của tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang Hướng Hóa vây ép vị trí Xuôi Muồi. Đại đội Patidăng đóng ở Xuôi Muồi do Palơ chỉ huy, buộc phải đầu hàng và nộp cho quân ta 106 khẩu súng.

Cán bộ binh vận về các xã Húc Thượng, Húc Hạ vận động hương vệ nộp cho ta hàng trăm khẩu súng và đạn dược. Ở đồng bằng, lực lượng bộ đội địa phương bí mật luồn sâu vào các tuyến chiếm đóng của địch ở vùng đồng bằng Triệu - Hải, tiêu diệt vị trí Kim Giao, hỗ trợ dân quân du

kích xā tập kích tiêu diệt lô cốt Diên Khánh. Trung đội bộ đội địa phương huyện Hải Lăng và dân quân du kích xā Hải Bình chống càn thắng lợi, diệt 52 tên địch, giải thoát cho khoảng 200 thanh niên vừa bị địch bắt lính. Đội trinh sát công an Vĩnh Linh và dân quân du kích diệt 13 tên tề điệp, ác ôn. Quân và dân Gio Linh đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tiêu hao tiêu diệt địch và phá tan âm mưu bình định của địch ở các vùng Cửa Việt, Cửa Tùng.

Phong trào chống địch bắt lính phát triển mạnh. Không có cuộc càn quét, bắt lính nào của địch mà không vấp phải sự đấu tranh của nhân dân ta. Ở Vĩnh Linh, từ cuối năm 1953, trước phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, địch buộc phải thả 458 người bị bắt lính. Ở Đông Hà, ngày 08/5/1954, địch phải thả 80 thanh niên. Các vùng tạm bị chiếm, mỗi lần địch vây ráp bắt lính, thanh niên tìm cách tránh, nhiều thanh niên đã thoát ly gia đình tham gia kháng chiến.

Phong trào phản chiến, đào ngũ trong binh lính địch ngày một tăng. Tính riêng trong mùa xuân 1954 ở Quảng Trị đã có 230 binh sĩ địch đào ngũ và 118 binh sĩ khác phản chiến, mang súng trở về với cách mạng. Nhiều tên tề, điệp tự giác ra đầu thú với nhân dân, với cách mạng, được chính quyền cách mạng khoan hồng. Tinh thần binh lính địch sa sút, tư tưởng sợ ra trận, sợ chết lan tràn.

Ngày 07/5/1954, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, chiến thắng lịch sử vĩ đại này đã làm cho tình hình chiến trường Đông Dương hoàn toàn thay đổi có lợi cho ta, đẩy thực dân Pháp vào thế bất lợi và đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn.

Quảng Trị bước vào thời kỳ chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ. Các lực lượng vũ trang trong tỉnh tiếp tục chủ động đánh địch, khôi phục và mở rộng vùng du kích, phát triển cơ sở cách mạng. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh hoạt động, vận động đông đảo các tầng lớp nhân dân, ngay cả trong vùng tạm bị địch chiếm đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp vẫn tiếp tục đưa quân bổ sung sang Việt Nam, ra sức bắt lính, xây dựng quân nguy, tập trung quân cơ động, tranh thủ thêm viện trợ Mỹ để mong cứu vãn tình thế và âm mưu tiếp tục kéo dài chiến tranh.

Ở mặt trận Bình - Trị - Thiên, chúng thực hiện ý đồ chiếm lại đường 9, ngăn cản giao thông Bắc - Nam, mở các cuộc càn quét khốc liệt hơn, nhất là ở nam Quảng Trị, bắc Thừa Thiên, ra sức bắt lính, đồn quân. Chúng đưa thêm quân tinh nhuệ đến Bình - Trị - Thiên, đặc biệt là ở thị trấn Đông Hà, thành phố Huế. Ngày 25/5/1954, chúng đưa đến Bình - Trị - Thiên hai binh đoàn cơ động số 10 và 21. Trong hai ngày 28 và 30/5/1954, chúng lại đưa thêm 400 xe cơ giới, 2.000 lính Âu - Phi, 2 đại đội cơ giới, 10 khẩu pháo 105 mm từ Đà Nẵng ra Huế và Đông Hà.

Với 17 tiểu đoàn cơ động mạnh, địch liên tiếp mở những trận càn lớn nhằm bình định vùng Triệu - Hải - Phong - Quảng, chiếm lại đường 9, nhưng đều bị lực lượng vũ trang địa phương ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên liên tiếp chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ngày 31/5 và ngày 06/6/1954, địch tập trung lực lượng mở hai trận càn lớn vào ba huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh

Linh, bị bộ đội địa phương và dân quân du kích ba huyện đánh trả quyết liệt, tiêu diệt hơn 350 tên. Trong các ngày 16 và 19/6/1954, địch lại cho 6 tiểu đoàn và 200 xe cơ giới mở cuộc càn lớn vào Triệu Phong, Hải Lăng, bộ đội địa phương và dân quân du kích hai huyện đã bẻ gãy các đợt tiến công của chúng, loại khỏi vòng chiến đấu 500 tên.

Phong trào quần chúng đấu tranh đòi địch phải bồi thường thiệt hại do chúng gây ra phát triển mạnh, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nhân dân Phe Thượng, thôn Thượng Xá, xã Hải Quang (Hải Lăng). Cuộc đấu tranh kéo dài trong 8 ngày liên đã gây được ảnh hưởng chính trị lớn trong vùng, làm cho ngục quyền, ngục quân từ cấp tỉnh đến cấp huyện lúng túng, từng bước nhượng bộ, bồi thường về thiệt hại cho nhân dân. Cuộc đấu tranh còn làm cho nhân dân ở nhiều nơi, kể cả đông đảo nhân dân thị xã Quảng Trị đồng tình ủng hộ, lên án tội ác của thực dân và tay sai. Đồng bào các xã Hải Thanh, Hải Lộc (huyện Hải Lăng) quyên góp tiền của, đến giúp đồng bào Thượng Xá dựng lại nhà cửa, kịp thời thu hoạch mùa màng¹.

Ở Hướng Hoá, sau một thời gian chuẩn bị, lực lượng vũ trang huyện đã bao vây, tiêu diệt vị trí Côtachangan - vị trí độc nhất còn lại trên địa bàn Sêpôn, giải phóng hoàn toàn huyện vào cuối tháng 4/1954. Giữa tháng 5/1954, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ủy ban Mặt trận Liên - Việt huyện đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại Tà Cơn để chào mừng chiến thắng lịch sử vĩ đại

1. Báo cáo chuyên đề cuộc đấu tranh của nhân dân thôn Thượng Xá của Thường vụ Tỉnh ủy gửi lên Liên khu ủy (4/1954).

Điện Biên Phủ và chào mừng quê hương đã sạch bóng quân thù. Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ủy ban Mặt trận Liên - Việt huyện cử một đoàn đại biểu do đồng chí Võ Phụng (tức Hồ Phong) dẫn đầu đến thăm và tặng quà vùng đồng bào các dân tộc vừa mới được giải phóng¹. Việc làm tình nghĩa này đã xóa đi những ngờ vực giữa đồng bào các dân tộc ở hai vùng căn cứ cách mạng và vùng tạm bị địch chiếm do thực dân Pháp và tay sai gây nên trong những năm dưới sự thống trị của chúng.

Trên đà chiến thắng, các đơn vị bộ đội địa phương Quảng Trị đưa lực lượng áp sát thị xã tỉnh lỵ và các thị trấn ở đồng bằng đánh địch, hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân trong vùng địch tạm chiếm.

Với các trận càn có quy mô không đạt được mục tiêu, địch tổ chức bọn nghĩa dũng đoàn, commăngđô kết hợp với tay sai chỉ điểm bất ngờ thọc sâu vào khu du kích, vùng tiền chiến khu phục kích các đoàn dân công vận tải của ta, tập kích vào một số cơ quan hành chính bắt cóc cán bộ. Ngoài ra, chúng còn ra sức tuyên truyền tổ chức mít tinh, biểu tình đề cao Ngô Đình Diệm, xuyên tạc Hội nghị Giơnevơ (Genève). Tại các đô thị và vùng tạm chiếm, mặc dù địch cho tay sai về từng nhà tuyên truyền cho Diệm, tổ chức thảo kiến nghị và buộc nhân dân phải ký vào bản kiến nghị “ủng hộ Ngô Đình Diệm”, song ai cũng nhận thức được rằng “dù Bảo Đại, Bửu Lộc hay một người nào

1. Quà tặng gồm lương thực, giống (ngô, đậu), thuốc chữa bệnh.

khác như Ngô Đình Diệm... mà do thực dân Pháp, đế quốc Mỹ nặn ra thì chúng đều là một loài bán nước hại dân”.

Để chống lại âm mưu và thủ đoạn mới của địch, cấp ủy, chính quyền cách mạng các cấp trong tỉnh tổ chức cho các lực lượng vũ trang và nhân dân ở địa phương quán triệt và nêu cao quyết tâm thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng về “Đẩy mạnh công tác vùng tạm chiếm” và “phát động phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi làm hậu thuẫn cho đấu tranh quân sự và ngoại giao”.

Thực hiện chỉ thị, bộ đội địa phương và dân quân du kích, công an ở các huyện đồng bằng trong tỉnh đẩy mạnh chiến tranh du kích, trừ gian, phá các ban hội tề còn lại. Phong trào làm bàn chông, hầm chông đánh địch ở các vùng tạm bị địch chiếm phát triển mạnh. Chỉ sau mấy ngày phát động, ở Hải Lăng đã làm được 787 hầm chông, ở Gio Linh làm được 479 hầm chông và 415 hầm đạn đập...

Hoà nhịp với hoạt động vũ trang, các phong trào khác trong tỉnh phát triển mạnh mẽ. Đó là phong trào thanh niên tình nguyện tòng quân giết giặc, phong trào đi dân công hỏa tuyến, phong trào thi đua tăng gia sản xuất của nông dân... Vì vậy, năm 1954 số thanh niên ghi tên nhập ngũ vượt kế hoạch đề ra. Hàng vạn dân công lên đường làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược phục vụ các chiến dịch đường 9, chiến dịch Trung, Hạ Lào; phối hợp với dân quân du kích phá hoại đường sá, cầu cống, ngăn cản các cuộc tiến quân của địch. Bà con nông dân ra sức thi đua tăng gia sản xuất. Vụ đông - xuân 1953-1954 toàn tỉnh đã gieo cấy được 23.000 mẫu lúa, trồng được 9.596 mẫu màu. Kết quả đã thu được 2.393 tấn

lúa, trên 3.000 tấn màu kịp thời chu cấp đủ nhu cầu lương thực cho quân và dân trong tỉnh. Ngoài ra, Quảng Trị còn huy động, quyên góp lương thực giúp nhân dân Thừa Thiên vượt qua nạn đói lúc giáp hạt.

Thời gian từ cuối năm 1953 đến tháng 7/1954, địch cố sức mở các trận càn lớn nhỏ một cách liên tục vào các khu căn cứ, khu du kích, vùng tạm chiếm để tiêu diệt thực lực cách mạng, cướp của, bắt lính, nhưng tất cả các cuộc càn của địch đều bị quân và dân Quảng Trị anh dũng chống trả quyết liệt.

Phối hợp chặt chẽ với quân và dân tỉnh Thừa Thiên, Quảng Bình, quân và dân Quảng Trị trong đông - xuân 1953-1954 đã liên tiếp tiến đánh địch, buộc chúng phải lúng túng đối phó. Mặc dù đang trong hoàn cảnh khó khăn chồng chất, thiên tai, địch hoạ, đói kém, nhưng quân và dân Quảng Trị vẫn một lòng đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, hăng hái chiến đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ của một chiến trường phụ do Trung ương giao phó, đóng góp sức người, sức của phục vụ chiến dịch Hạ Lào (12/1953), phục vụ chiến dịch Trung Lào (đầu năm 1954), phối hợp đặc lực với chiến trường chính - chiến trường Bắc Bộ - Điện Biên Phủ.

Về chính trị, chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã có chủ trương cho các cấp, các ngành trong tỉnh mở đợt vận động nhân dân, kể cả nhân dân trong các thị xã, thị trấn đấu tranh mạnh mẽ chống chiến tranh xâm lược, ủng hộ lập trường của phái đoàn ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu ở Hội nghị Giơnevơ, đã tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình khắp nơi trong tỉnh đòi lập lại

hòa bình, đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Giữa tháng 7/1954, để phối hợp với cuộc đấu tranh ngoại giao trong Hội nghị Giơnevơ, gây sức ép với thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bè lũ bù nhìn tay sai, tỉnh Quảng Trị đã tổ chức một cuộc biểu tình lớn kéo vào thị xã Quảng Trị đòi Chính phủ Pháp phải ra lệnh cho quân đội viễn chinh Pháp ngừng chiến ở Đông Dương, tìm kiếm một giải pháp hòa bình có lợi cho cả hai dân tộc Việt - Pháp.

Từ ngày 15 đến ngày 17/7/1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã họp Hội nghị lần thứ sáu mở rộng (ở tỉnh Quảng Trị có đồng chí Trương Chí Công, tức Trương Công Kinh - Bí thư Tỉnh ủy, tham dự). Hội nghị nhận định: Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Hội nghị vạch ra nhiệm vụ của nhân dân ta trong giai đoạn mới là chĩa mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc Mỹ và bọn hiếu chiến Pháp, củng cố hoà bình và thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Hội nghị nhận định: cuộc đấu tranh của ta ở Hội nghị Giơnevơ có khả năng đi đến hiệp định đình chiến.

Để phối hợp với cuộc đấu tranh ngoại giao trong Hội nghị Giơnevơ, gây sức ép với thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bù nhìn tay sai, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị chủ trương tổ chức một cuộc biểu tình lớn do đồng chí Lê Thanh Liêm - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy và đồng chí Phan Văn Khánh - Tỉnh ủy viên, trực tiếp chỉ đạo kéo vào thị xã Quảng Trị đòi Chính phủ Pháp phải ra lệnh cho quân đội viễn chinh ngừng chiến để tiến tới một giải pháp hoà bình có lợi cho hai dân

tộc Việt - Pháp... Khi đoàn biểu tình đang trên đường kéo vào thị xã thì Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết (21/7/1954). Đoàn biểu tình đã chuyển nội dung đấu tranh đòi Chính phủ Pháp ký hiệp định sang khẩu hiệu hoan hô Hiệp định Giơnevơ. Giải pháp mà Hội nghị Giơnevơ quy định chưa phản ánh đầy đủ thắng lợi của nhân dân ta trên chiến trường và xu thế của cuộc đấu tranh giữa ta với Pháp. Tuy vậy, cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ đã góp phần chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp, lập lại hoà bình ở Đông Dương. Được tin Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nhân dân vô cùng vui mừng phấn khởi.

Để cứu vớt tình hình nguy quân, nguy quyền đang rệu rã hoang mang, được đế quốc Mỹ tiếp sức (trong những ngày Hiệp định chưa có hiệu lực), thực dân Pháp đã mở hai trận càn vào vùng Bích La (ven thị xã Quảng Trị), nhưng cả hai lần đều bị quân và dân Quảng Trị bẻ gãy. Bị thất bại liên tiếp trong những ngày cuối tháng 7/1954, thực dân Pháp và bè lũ tay sai buộc phải chấp nhận lệnh ngừng bắn theo Hiệp định Giơnevơ bắt đầu từ ngày 01/8/1954.

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Nhân dân ta bước sang một thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp đã tạo tiền đề mọi mặt cho Đảng bộ, quân và dân Quảng Trị bước vào giai đoạn cách mạng mới - kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

KẾT LUẬN

Vùng đất và con người Quảng Trị đã trải qua hàng ngàn năm gắn bó với tiến trình lịch sử chinh phục tự nhiên, tạo giang sơn Việt Nam và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc. Trên chặng đường đó, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã liên tục đấu tranh kiên cường, bất khuất, năng động và sáng tạo, lập nên nhiều công tích vẻ vang, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước và đấu tranh cách mạng vĩ đại của toàn Đảng và toàn dân ta.

Vùng đất Quảng Trị thể hiện rõ nét tính đa dạng của một tỉnh miền Trung bao gồm vùng rừng đồi phía tây tiếp nối với nhiều cánh đồng trải dài tới ven biển do sức lao động bền bỉ của con người khai phá tạo nên. Cuộc sống lao động đầy gian khổ ở một miền quê khó khăn nhiều, thuận lợi ít, và biết bao trận chiến quyết liệt chống ngoại xâm mà nhân dân tiến hành đã tạo cho người Quảng Trị những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người Việt Nam, trong đó nổi bật là tính cần, kiệm, kiên cường trong lao động và dũng cảm đấu tranh vì độc lập, tự do. Những phẩm chất đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến

tiến trình lịch sử Quảng Trị nói chung và lịch sử Đảng bộ tỉnh nói riêng.

Đứng trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, nhân dân Quảng Trị lập nên nhiều kỳ tích anh hùng chống ngoại xâm. Từ chỗ đảm trách vai trò trấn giữ phía Nam Tổ quốc thời phong kiến, đến thời cận đại chống thực dân Pháp xâm lược, Quảng Trị cùng với kinh đô Huế trở thành nơi khởi phát của phong trào Cần Vương vào tháng 7 năm 1885, làm nổ rộ một phong trào khởi nghĩa trên quy mô rộng lớn khắp miền Trung và miền Bắc, kéo dài 10 năm liền. Kế tiếp phong trào Cần Vương, tại Quảng Trị, hàng loạt phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của các nhà yêu nước liên tục diễn ra. Đó là các phong trào Duy Tân, phong trào đấu tranh vũ trang do Việt Nam Quang Phục hội lãnh đạo, phong trào đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh.

Mảnh đất bùng nổ nhiều hình thức đấu tranh đó cũng là nơi sớm tiếp nhận ánh sáng cách mạng vô sản. Trên cơ sở đó, ở Quảng Trị xuất hiện nhiều tổ chức yêu nước, hướng theo con đường cách mạng vô sản và trở thành những tổ chức tiên thân của Đảng Cộng sản Việt Nam như Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt. Phong trào yêu nước đã sản sinh ra một thế hệ chiến sĩ yêu nước - Cộng sản suốt đời đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Trị phát triển theo con đường cách mạng vô sản đã tạo nên nền tảng vững chắc cho sự thành lập Đảng bộ Cộng sản vào

năm 1930 và các bước phát triển nối tiếp với vai trò là người lãnh đạo.

Song song với quá trình xây dựng, phát triển Đảng về mặt tổ chức, Đảng bộ Quảng Trị đã lãnh đạo nhân dân liên tục đấu tranh chống áp bức, bóc lột, đàn áp của chính quyền thực dân và các thế lực phong kiến tay sai của chúng. Phong trào đấu tranh ở đây luôn hoà nhịp với phong trào chung của cả nước, đồng thời còn in đậm nhiều nét đặc trưng, bổ sung làm tăng thêm tính phong phú, đa dạng của phong trào toàn quốc.

Kế thừa, phát huy truyền thống và kinh nghiệm đấu tranh của các giai đoạn trước, ngay từ khi mới thành lập, Đảng bộ Quảng Trị đã lãnh đạo nhân dân tiến hành đấu tranh chống chế độ thuộc địa rất quyết liệt. Nhịp độ bùng lan của phong trào diễn ra khá nhanh chóng, sâu rộng, huy động đông đảo nhân dân đứng dậy tiến công kẻ thù bằng bạo lực cách mạng. Hàng vạn quần chúng anh dũng, quật khởi tham gia mítting, biểu tình, sử dụng sức mạnh đấu tranh của mình trực diện đương đầu với bộ máy đàn áp của chính quyền thực dân và đòi chúng phải thực hiện yêu sách. Uy thế và áp lực mạnh mẽ của cao trào đấu tranh trong những năm 1930-1931 làm tê liệt chính quyền thực dân ở rất nhiều làng, xã. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, nhân dân đã nắm quyền điều hành ở nhiều địa phương. Tuy chưa đạt tới mức độ và quy mô rộng lớn như các Xôviết ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhưng ở Quảng Trị, nhân dân cũng đã tự thể nghiệm được nhiều biện pháp quản lý xã hội.

Mặc dù bị địch khủng bố, đàn áp rất nặng nề, lực lượng cán bộ, đảng viên bị hao tổn nhiều, Đảng bộ Quảng Trị vẫn nhanh chóng khôi phục tổ chức, khẩn trương phát động một cao trào cách mạng mới trong thời kỳ 1936-1939. Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương của Trung ương Đảng về đấu tranh chống chiến tranh phát xít, đòi nhà cầm quyền thực hiện quyền dân sinh, dân chủ, triệt để sử dụng hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, Đảng bộ Quảng Trị đã kịp thời vận động nhân dân đấu tranh trên quy mô rộng lớn, thu hút đông đảo quần chúng với nhiều khẩu hiệu thiết thực, sát hợp với tình hình địa phương. Có thể khẳng định, Quảng Trị là một trong những tỉnh đạt tới tầm mức điển hình của cao trào 1936-1939. Qua đó, Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm cách mạng và rèn luyện bản lĩnh, ý chí trong đợt tập dượt lần thứ hai này.

Sau một chặng đường dài đấu tranh ác liệt, Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị bước vào thời kỳ đấu tranh trực tiếp giành chính quyền. Để đạt được mục tiêu cao cả đó, công tác chuẩn bị đã được tiến hành lâu dài với tinh thần chủ động xây dựng lực lượng cách mạng, mở rộng và tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống các thủ đoạn lừa bịp của chính quyền thực dân hòng đánh lạc hướng con đường đấu tranh giành độc lập thực sự và hoàn toàn cho dân tộc, hạnh phúc, tự do cho nhân dân mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác lập. Khi thời cơ đến, nhân dân Quảng Trị dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đứng lên đánh đổ chính quyền thuộc địa, thành lập chính quyền

cách mạng, cùng nhân dân cả nước đưa cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 giành toàn thắng. Sự kiện đó đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, ghi nhận một thành tựu rực rỡ mà Đảng bộ đã hiến dâng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng bộ Quảng Trị khẩn trương xây dựng chính quyền các cấp, tổ chức lực lượng vũ trang và an ninh, đồng thời lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiều biện pháp cấp bách về kinh tế - xã hội nhằm giải quyết những khó khăn về đời sống. Cùng với giặc đói, giặc dốt - hậu quả của chế độ thực dân, là giặc ngoại xâm từ nhiều phía lấn le xâm lược nước ta. Chúng câu kết với các thế lực phản động trong nước hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn trong trứng nước, đặt lại ách đô hộ lên nhân dân ta một lần nữa.

Đứng trước tình thế hiểm nghèo, Đảng bộ Quảng Trị đã quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, vận động và tổ chức nhân dân nhanh chóng vượt lên những khó khăn, thử thách, góp phần cùng cả nước làm thất bại mọi âm mưu khiêu khích của kẻ thù, xây dựng và bảo vệ chế độ mới, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trong những tháng đầu năm 1947, để đánh chiếm Bình - Trị - Thiên, một vùng có vị trí chiến lược rất quan trọng trên chiến trường miền Trung, thực dân Pháp đã tập trung lực lượng lớn, từ nhiều phía tiến công chớp nhoáng đánh chiếm hành lang chiến lược Đà Nẵng - Huế -

Đông Hà - Savannakhet, chiếm vùng đồng bằng của Quảng Trị. Tại đây, chúng bố trí một hệ thống đồn bốt dày đặc, kết hợp thực hiện các thủ đoạn quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa hòng đè bẹp lực lượng kháng chiến, tiêu diệt ý chí chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân ta trong thời gian ngắn. Trước tình hình đó, Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời chủ trương “bám trụ địa bàn hoạt động”.

Thực hiện chủ trương đó, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, nhất là các Tiểu đoàn 13, 14, 15 của bộ đội Trung đoàn 95 đã bám dân, bám đất đánh địch, gây cho địch nhiều thiệt hại. Nhờ vậy, những năm đầu chống thực dân Pháp xâm lược lần hai, Quảng Trị đã nhanh chóng khôi phục phong trào cách mạng, phát triển chiến tranh du kích, đưa cuộc kháng chiến của địa phương tiến kịp với phong trào chung của cả nước và bắt đầu phát triển mạnh từ các năm 1949, 1950.

Trong những năm 1951-1954, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, quân và dân Quảng Trị đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, không trông chờ, ỷ lại, nhất là trong thời gian bộ đội chủ lực (Trung đoàn 95) đứng chân trụ cột trên địa bàn được điều đi phục vụ chiến trường chính. Với khẩu hiệu “Tất cả để chiến thắng”, quân và dân Quảng Trị đã nêu cao quyết tâm vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách do thiên tai, địch họa liên tiếp gây ra, lực lượng vũ trang đảm đương được nhiệm vụ bảo vệ nhân dân, bảo vệ mùa màng, bảo vệ các vùng du kích và các khu căn cứ cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân

Quảng Trị đã anh dũng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất và giành được nhiều thắng lợi trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế - xã hội; phối hợp đắc lực với chiến trường Trung, Hạ Lào, chiến trường chính Điện Biên Phủ, góp phần cùng cả nước làm nên một Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp xâm lược, can thiệp Mỹ và bù nhìn tay sai phải ký kết Hiệp định Giơnevơ, thừa nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia, quy định quân đội nước ngoài phải rút khỏi Đông Dương và ở mỗi nước Đông Dương sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do để thực hiện thống nhất đất nước.

Từ thực tế hoạt động từ năm 1930 đến năm 1954, Đảng bộ Quảng Trị đã đúc rút những bài học quý báu:

Thứ nhất, tuyệt đối tin tưởng, quán triệt sâu sắc và chủ động, sáng tạo thực hiện đường lối, chủ trương cách mạng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo trong mọi hoàn cảnh.

Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Trị được thành lập sớm, là kết quả của phong trào yêu nước và cách mạng diễn ra tại địa phương phù hợp với quy luật vận động của cách mạng Việt Nam. Ngay từ khi ra đời, Đảng bộ và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã vạch ra. Sự lãnh đạo đó chính là nhân tố quyết định chiều hướng

phát triển và những thành tựu của phong trào cách mạng trong tỉnh.

Giai đoạn 1930-1945, đội ngũ đảng viên ít, hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin còn sơ khai, hoạt động trong điều kiện kẻ thù thường xuyên khủng bố, đàn áp khốc liệt nhưng cán bộ, đảng viên của Đảng bộ luôn giữ vững niềm tin sắt đá về thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, quyết chí hy sinh, dũng cảm lao vào cuộc đấu tranh mặt đối mặt với thực dân và phong kiến, nhằm thắng mục tiêu đánh đổ ách thống trị của chúng, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giành chính quyền về tay nhân dân. Từ đó, Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt và chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ ủy, đồng thời chủ động đề ra những nhiệm vụ sát hợp, nên tiến trình đấu tranh cách mạng ở Quảng Trị giành được nhiều thắng lợi.

Trước những thử thách nghiêm trọng, nhiều lần tổ chức đảng bị vỡ do sự khủng bố hết sức ác liệt của thực dân Pháp và phát xít Nhật, Đảng bộ vẫn giữ vững vai trò là người lãnh đạo thông qua hoạt động của cán bộ, đảng viên và lòng tin tưởng tuyệt đối của quần chúng yêu nước, cơ sở cách mạng trung kiên, từng bước khôi phục và xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho quần chúng cả về tư tưởng và tổ chức, khi thời cơ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh khởi nghĩa thành công, cùng cả nước lập nên kỳ tích trong Cách mạng Tháng Tám.

Các đế quốc trên thế giới câu kết với nhau âm mưu tiêu diệt Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam, giúp thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Trong tình thế hiểm

nghèo, mất còn của độc lập dân tộc và thành quả cách mạng, Đảng bộ luôn luôn giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, chấp hành nghiêm chỉnh, chủ động, sáng tạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng phù hợp đặc điểm tình hình và hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Nổi bật là chủ trương bám dân, bám đất, bám địa bàn hoạt động; xây dựng căn cứ địa vững mạnh; vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất; xây dựng lực lượng vũ trang; củng cố tổ chức đảng, chính quyền; giữ vững liên minh chiến đấu Việt - Lào trên mặt trận chống kẻ thù chung... Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ càng được khẳng định trong lòng nhân dân.

Trải qua tiến trình lãnh đạo nhân dân trong tỉnh sát cánh cùng nhân dân cả nước tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bản lĩnh cách mạng, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ đã được nâng lên tầm cao mới.

Cuộc kháng chiến càng gặp nhiều khó khăn, gay gắt, Đảng bộ Quảng Trị càng nêu cao ý chí kiên cường, bám sát quần chúng, bám sát địa bàn hoạt động, coi đó là điều kiện cốt yếu để hoàn thành nhiệm vụ. Cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng luôn được chăm lo giáo dục chính trị, giáo dục tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân. Nhờ đó đã nêu cao tinh thần phấn đấu vì Đảng, vì dân, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Các tổ chức cơ sở đảng đều được quần chúng tin cậy, nuôi dưỡng, bảo vệ. Đảng gắn chặt với quần chúng tạo điều kiện biến các chủ trương, nghị quyết của Đảng sớm trở thành hiện thực, làm nên sức mạnh vật chất và tinh thần

chiến thắng mọi kẻ thù. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ Quảng Trị đã vận động nhân dân thực hiện triệt để lệnh tản cư, tiêu thổ kháng chiến, không hợp tác với địch. Hàng vạn thanh niên hăng hái đi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong. Hàng vạn người từ già chí trẻ tham gia dân quân. Nhân dân Quảng Trị đã dốc lòng dốc sức phục vụ tiền tuyến và nếu cần “dốc bờ, đổ thúng” cung cấp lương thực, thực phẩm và các vật phẩm khác cho cán bộ, bộ đội đủ sức kháng chiến ở địa phương và làm nghĩa vụ quốc tế ở các mặt trận Hạ Lào, Trung Lào... Biết bao tấm gương hy sinh oanh liệt và vẻ vang của tập thể, cá nhân để giành thắng lợi trên đất Quảng Trị, góp phần cùng nhân dân cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. Đảng bộ và nhân dân được rèn luyện qua thử thách, hy sinh, vững vàng cùng cả nước giành chiến thắng.

Thứ hai, chăm lo công tác xây dựng Đảng, phát triển, giáo dục, rèn luyện, đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên tuyệt đối trung thành, kiên cường, dũng cảm, chủ động, sáng tạo, làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước.

Đảng bộ Quảng Trị ra đời khi trên địa bàn tỉnh đã có hàng chục làng, xã có chi bộ hoặc có đảng viên và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ nhanh chóng phát triển ở nhiều địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, hệ thống tổ chức đảng phát triển khá nhanh và phân bố rộng trên địa bàn phủ, huyện, tổng, làng, tạo nên những điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ tỉnh triển khai đường lối, chủ

trường cách mạng của Trung ương Đảng và các nghị quyết của Tỉnh ủy, huy động đông đảo quần chúng trong tỉnh tiến hành đấu tranh chống chính quyền thực dân. Công tác tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng được thường xuyên tiến hành và kết hợp với nhiều hình thức rèn luyện, thử thách bằng công tác thực tế, Đảng bộ đã kết nạp được nhiều đảng viên. Đồng thời, việc giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng được chú trọng. Nhờ vậy, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các cấp bộ đảng từng bước được nâng cao; bản lĩnh chính trị, năng lực huy động và tổ chức quần chúng đấu tranh của cán bộ, đảng viên được gia tăng. Hầu hết đảng viên đã giữ vững vai trò tiên phong trong các phong trào đấu tranh, kiên định trước những thủ đoạn đàn áp, lừa mị của kẻ thù khi bị chúng giam cầm, tra tấn. Trong tình hình địch khủng bố ác liệt, đảng viên đã được giáo dục không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, bồi dưỡng lập trường giai cấp công nhân vững vàng, tinh thần yêu nước chân chính, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với lý tưởng Cộng sản, hy sinh, tận tụy, bền bỉ gan góc, giữ vững ý thức tổ chức kỷ luật trong công tác, giữ vững tinh thần chiến đấu bất khuất trước khó khăn nguy hiểm, giữ vững khí tiết cách mạng khi chẳng may sa vào tay địch. Bên cạnh đó, dù hoàn cảnh khó khăn đến đâu, Đảng bộ cũng luôn chú ý giáo dục cho đảng viên nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, đặc biệt trong những thời kỳ Đảng chuyển hướng hoạt động, làm cho Đảng bộ thống nhất ý chí và hành động, có tinh thần chiến đấu và tự động công tác cao. Vì vậy, khi bị xa cách và mất liên lạc

với cấp trên, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ vẫn không mất phương hướng lãnh đạo và tổ chức phong trào cách mạng. Quảng Trị là một trong những trọng điểm bị địch tiến hành khủng bố khốc liệt, rất nhiều đảng viên, quần chúng tích cực của Đảng bị địch bắt, tra tấn, kết án giam cầm tại nhà lao tỉnh, nhà đày Lao Bảo, nhà đày Buôn Ma Thuột. Trong cảnh tù đày, xuất hiện nhiều tấm gương kiên cường, bất khuất, giữ vững lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc.

Đảng bộ Quảng Trị đã góp phần đào tạo, rèn luyện được nhiều cán bộ xuất sắc, giữ vai trò cốt cán của Đảng bộ, của Xứ ủy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong số đó, tiêu biểu là đồng chí Lê Duẩn, Trần Hữu Dực, Hoàng Thị Ái và nhiều đồng chí khác. Lớp cán bộ tiêu biểu này đã có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc trên nhiều lĩnh vực trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền và những giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Thành tích nổi bật của Quảng Trị trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc là Đảng bộ vừa tiến hành nhiệm vụ xây dựng tổ chức của mình, vừa góp phần tích cực vào việc tạo dựng Đảng bộ của nhiều địa phương ngoài tỉnh và Đảng bộ của Việt kiều sống trên đất Lào. Từ đó, cán bộ, đảng viên của Đảng bộ phát triển địa bàn hoạt động, phát huy năng lực lãnh đạo nhân dân đấu tranh ở nhiều địa phương, góp phần vào việc chuẩn bị lực lượng và đón nhận thời cơ phát động khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, công tác xây dựng Đảng càng được quan tâm đẩy mạnh.

Công tác xây dựng Đảng không chỉ được chú trọng ở vùng tự do, phát triển đảng viên trong các thành phần, giai cấp, trong lực lượng vũ trang mà Đảng bộ còn chỉ đạo phát triển Đảng ở vùng xung yếu, thị trấn, thị xã - vùng địch tạm chiếm để vận động, tập hợp mọi lực lượng yêu nước tham gia kháng chiến. Đảng bộ đặc biệt chú trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, đào tạo đội ngũ đảng viên dũng cảm, kiên cường, nêu cao tinh thần chiến đấu, bám đất, bám dân, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Lời nói đi đôi với việc làm, cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng được quần chúng tin cậy, lời cuốn quần chúng đấu tranh, biến các nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành hiện thực, tạo sức mạnh vật chất đánh thắng kẻ thù xâm lược.

Thứ ba, xây dựng và tăng cường khối đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và nhân dân, phấn đấu vì thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Đảng bộ Quảng Trị đã thường xuyên chăm lo xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng, đấu tranh chống các tư tưởng và hành động gây ảnh hưởng bất lợi đối với sự đoàn kết của các cấp bộ đảng. Cán bộ, đảng viên gắn bó với nhau, giúp nhau phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, tạo nên sức mạnh của tập thể để lãnh đạo nhân dân chiến đấu, càng gian khổ, hiểm nguy càng siết chặt hàng ngũ đoàn kết thống nhất. Nhờ đó Đảng bộ Quảng Trị đã vượt qua khó khăn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi cho cách mạng. Sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng bộ đã tác động trực tiếp đến sự đoàn kết, thống nhất trong nhân dân. Điều này được thể hiện ở sự nhất trí thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, bất chấp sự đàn áp, khủng bố của

chính quyền thực dân. Khối đoàn kết, nhất trí đó tạo ra sức mạnh vĩ đại, đưa cách mạng vượt qua nhiều thác ghềnh, giành lại quyền độc lập, tự do cho nhân dân.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, trên cơ sở đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu ủy, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã chung sức, chung lòng, vì sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc, ngày càng gắn bó mật thiết với nhau, giúp đỡ lẫn nhau tạo nên sức mạnh tập thể ở từng cơ sở, từng cấp ủy đảng, để làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân, lãnh đạo quân đội sản xuất, chiến đấu.

Đảng bộ luôn luôn coi trọng việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên, chống tư tưởng cơ hội đầu hàng, không sờn lòng nhụt chí trước mọi gian khổ hy sinh. Trải qua những năm kháng chiến, Đảng bộ đã bước tiếp một chặng đường mới đầy gian khổ, hy sinh và sáng tạo, tô thắm thêm truyền thống cách mạng tốt đẹp của Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị.

Song song với việc tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, Đảng bộ không ngừng xây dựng và phát triển mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân. Mối quan hệ đó vừa là nguồn sức mạnh của Đảng bộ, vừa là yếu tố, là điều kiện tiên quyết để các cấp bộ đảng phát huy vai trò lãnh đạo đối với quần chúng nhân dân. Mối quan hệ đó được xác lập và phát triển bằng nhiều hoạt động trên lĩnh vực tuyên truyền, giáo dục quần chúng, tổ chức quần chúng đấu tranh, xây dựng các đoàn thể nhân dân. Thực tế lịch sử đã chứng minh, Đảng bộ Quảng Trị bị địch đàn áp dữ dội, liên tục, nhưng vẫn đứng

vững và hoạt động, thậm chí vẫn gây dựng được phong trào trên địa bàn tỉnh. Có được thành tích đó chính là nhờ có nhân dân ủng hộ, bảo vệ. Thắng lợi to lớn trong Cách mạng Tháng Tám của cả nước nói chung, của Quảng Trị nói riêng là minh chứng hùng hồn về sức mạnh vĩ đại của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, cũng là thành quả của mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhờ luôn luôn gắn bó chặt chẽ với quần chúng, bám sát quần chúng, coi trọng việc tổ chức vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cách mạng và kháng chiến trong mọi hoàn cảnh, nên Đảng bộ vừa hiểu rõ nguyện vọng của quần chúng, vừa phát huy được tinh thần cách mạng, trí tuệ tập thể quần chúng tạo thành sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Do vậy, trong hoàn cảnh đất hẹp, dân nghèo, hết sức thiếu thốn, lại thường xuyên gặp thiên tai, nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị đã tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để duy trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đi tới thắng lợi.

15 năm lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, 8 năm kháng chiến chống cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, từng bước đặt nền móng xây dựng chế độ mới, Đảng bộ Quảng Trị đã tỏ rõ là một tổ chức đảng vững vàng, kiên định, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, không ngừng phấn đấu và trưởng thành; lập nên những thành tích oanh liệt, tô thắm “pho lịch sử bằng vàng” của toàn Đảng, xứng đáng với sự gắn bó, tin yêu của các tầng lớp nhân dân; dày dặn thêm kinh nghiệm bước trên con đường đấu tranh oanh liệt phía trước.

PHỤ LỤC

I. CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ, QUYỀN BÍ THƯ TỈNH ỦY
TỪ NĂM 1930 ĐẾN THÁNG 7/1954

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thế Tiết	Bí thư Tỉnh ủy lâm thời	Từ 4/1930 đến 10/1930	
2	Trần Hữu Dực	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 11/1930 đến 3/1931	
3	Đoàn Bá Thừa	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 4/1931 đến 7/1935	Từ 7/1935, Tỉnh ủy bị vỡ; một số đồng chí chuyển vùng hoạt động.
4	Hoàng Hữu Cháp	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 6/1937 đến 9/1937	
5	Trần Mạnh Quỳ	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 9/1937 đến 8/1939	
6	Nguyễn Vực	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 8/1939 đến 11/1939	
7	Hồ Xuân Lưu	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 12/1939 đến 4/1940	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
8	Trần Xuân Miên	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 4/1940 đến 5/1940	
9	Trần Văn Ngoạn	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 6/1940 đến 7/1941	
10	Trương Hoàn	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 8/1941 đến 10/1941	Tháng 10/1941, cơ quan Tỉnh ủy bị lộ; đồng chí Trương Hoàn chuyển vùng hoạt động.
11	Nguyễn Đức Thường	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 02/1942 đến 7/1942	
12	Lê Thị Diệu Muội	Quyền Bí thư Tỉnh ủy	Từ 8/1942 đến 11/1942	Từ cuối năm 1942, Tỉnh ủy bị vỡ. Nhiều đồng chí chuyển vùng hoạt động.
13	Bùi Trung Lập	Bí thư Tỉnh ủy lâm thời	Từ 4/1945 đến 6/1945	Từ 6/1945-8/1945: đổi thành Ban Vận động thống nhất Đảng bộ tỉnh.
14	Đặng Thí	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 9/1945 đến năm 1948	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
15	Nguyễn Quang Xá	Bí thư Tỉnh ủy	Từ năm 1949 đến 4/1950	
16	Trần Trọng Hoãn (Trần Trọng Tân)	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 4/1950 đến 5/1950	
17	Nguyễn Cáo	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 5/1950 đến 9/1953	
18	Trương Công Kính (Trương Chí Công)	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 12/1953 đến 7/1954	

II. CÁC ĐỒNG CHÍ
ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
TỪ NĂM 1930 ĐẾN 6/1946

1	Lê Thế Tiết
2	Trần Hữu Dục
3	Nguyễn Hữu Mão
4	Đoàn Bá Thừa
5	Trần Ngọc Hoành
6	Lê Hoạch
7	Trương Sĩ Đản
8	Hồ Chơn Nhơn
9	Hoàng Thị Ái
10	Hoàng Hữu Cháp
11	Hồ Xuân Lưu
12	Trần Mạnh Quỳ

13	Nguyễn Mục
14	Nguyễn Vức
15	Dương Đậu
16	Lê Chưởng
17	Trương Hoàn
18	Hồ Ty
19	Trần Xuân Miên
20	Trần Văn Ngoạn
21	Đoàn Thí
22	Bùi Trung Lập
23	Lê Thị Diệu Muội
24	Cổ Văn Em
25	Thao
26	Hồ Văn Xích
27	Nguyễn Đức Thường
28	Nguyễn Đàm
29	Nguyễn Hữu Khiếu
30	Hồ Ngọc Chiểu
31	Hà Xuân Mỹ
32	Đặng Thí
33	Hồ Ngọc Tích
34	Nguyễn Hoạch
35	Lê Vự
36	Nguyễn Xuân Luyện
37	Trần Sâm

III. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

(6/1946 - 7/1954)

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I (6/1946 - 11/1947)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
1	Đặng Thí	Bí thư Tỉnh ủy		
2	Hồ Ngọc Chiểu	Phó Bí thư Tỉnh ủy		
3	Hồ Ngọc Tích	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy	Năm 1946	
4	Nguyễn Hoạch	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy	Năm 1946	
5	Nguyễn Hữu Khiếu	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy	Năm 1946	
6	Nguyễn Xuân Luyện	Ủy viên		
7	Trần Văn Ngoạn	Ủy viên		
8	Trần Sâm	Ủy viên		
9	Phan Trọng Tịnh	Ủy viên		
10	Lê Khoang	Ủy viên		
11	Nguyễn Cáo	Ủy viên		
12	Hoàng Xuân	Ủy viên		
13	Nguyễn Bá Sam	Ủy viên		
14	Nguyễn Đàm	Ủy viên		

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II (11/1947 - 3/1949)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
1	Đặng Thí	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 11/1947 đến cuối năm 1948	
2	Trần Văn Ngoạn	Phó Bí thư Tỉnh ủy	Từ 11/1947 đến cuối năm 1948	
3	Nguyễn Xuân Luyện	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
4	Lê Chưởng	Ủy viên	Từ 11/1947 đến 12/1947	
		Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy	Năm 1948	
		Chính ủy Trung đoàn 95 kiêm Thường trực Tỉnh ủy	Đầu năm 1949	
5	Trần Sâm	Ủy viên	Từ 11/1947 đến 12/1947	
		Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy	Năm 1948	
6	Nguyễn Quang Xá	Ủy viên		
7	Nguyễn Cáo	Ủy viên		
8	Hoàng Xuân	Ủy viên		
9	Văn Viết Tuyền	Ủy viên		
10	Hồ Ngọc Tích	Ủy viên		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
11	Trần Hồng Chương	Ủy viên		
12	Vĩnh Mai (Nguyễn Hoàng)	Ủy viên		
13	Nguyễn Đàm	Ủy viên		
14	Trần Trọng Hoãn (Trần Trọng Tân)	Ủy viên dự khuyết	Từ 11/1947 đến 12/1947	
		Ủy viên chính thức	Từ tháng 01/1948	
15	Phạm Ngọc Cân	Ủy viên dự khuyết		

3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III (3/1949- 4/1950)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Xá	Bí thư Tỉnh ủy		
2	Lê Bá Nắm	Phó Bí thư Tỉnh ủy		
3	Lê Nam Thắng	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
4	Nguyễn Long	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
5	Nguyễn Đức Kỳ	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
6	Đặng Đình Giáp	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
7	Trần Trọng Hoãn	Ủy viên		
8	Võ Trí Hựu	Ủy viên		
9	Nguyễn Cáo	Ủy viên		
10	Phạm Ngọc Cẩn	Ủy viên		
11	Hoàng Đức Sản	Ủy viên		
12	Bùi Tá Bằng	Ủy viên		
13	Lê Thanh Liêm	Ủy viên		
14	Hồ Sĩ Thản	Ủy viên		
15	Phan Trọng Tịnh	Ủy viên	Từ tháng 9/1949	
16	Phan Văn Khánh	Ủy viên	Từ tháng 9/1949	
17	Nguyễn Hoạt	Ủy viên	Từ tháng 9/1949	

4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV (5/1950 - 7/1954)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
1	Trần Trọng Hoãn (Trần Trọng Tân)	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 4/1950 đến 5/1950	
2	Nguyễn Cáo	Bí thư Tỉnh ủy	Từ 5/1950 đến 9/1953	Trung ương chỉ định
3	Trương Công Kính	Phó Bí thư Tỉnh ủy	Từ 5/1950 đến 5/1953	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
	(Trương Chí Công)	Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách chung	Từ 5/1953 đến 12/1953	
		Bí thư Tỉnh ủy	Từ tháng 12/1953 đến tháng 7/1954	
4	Nguyễn Đức Kỳ	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh	Từ 4/1950 đến 1951	
5	Trương Quang Phiến	Tỉnh ủy viên	Tháng 5/1951	
		Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh	Từ cuối năm 1951	
6	Hồ Ngọc Chiêu	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy - Chủ tịch UBND tỉnh	Từ tháng 9/1953	
7	Đặng Đình Giáp	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
8	Võ Trí Hựu	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
9	Nguyễn Long	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
10	Lê Thanh Liêm	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
11	Trần Đồng	Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy		
12	Hồ Sĩ Thản	Ủy viên		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian	Ghi chú
13	Nguyễn Tào	Ủy viên		
14	Trần Thị Thí	Ủy viên		
15	Nguyễn Tương	Ủy viên		
16	Phan Trọng Tịnh	Ủy viên		
17	Phan Văn Khánh	Ủy viên		
18	Nguyễn Hoạt	Ủy viên		
19	Phạm Ngọc Cân	Ủy viên		
20	Hoàng Tiết	Ủy viên		
21	Lê San	Ủy viên	Đến tháng 5/1953	
22	Nguyễn Bình	Ủy viên dự khuyết		
23	Hoàng Đức Luật	Ủy viên dự khuyết		
24	Hoàng Ca	Ủy viên dự khuyết		
25	Đào Xuân Thu	Ủy viên dự khuyết		
26	Trần Tuyển	Ủy viên dự khuyết		
27	Nguyễn Đàm	Ủy viên dự khuyết		

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời giới thiệu</i>	9
<i>Phần mở đầu</i>	
QUẢNG TRỊ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI, VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG	13
I. Đặc điểm tự nhiên	14
II. Địa lý hành chính, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội và truyền thống yêu nước, cách mạng	20
<i>Phần thứ nhất</i>	
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐƯỢC THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	47
<i>Chương I</i>	
THÀNH LẬP ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ	49
I. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trước năm 1930	49
II. Phong trào đấu tranh yêu nước ở Quảng Trị từ khi thực dân Pháp xâm lược đến trước năm 1930	61
III. Các tổ chức tiền thân của Đảng ở tỉnh Quảng Trị	70
IV. Thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Trị	81

Chương II

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ
LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG
(1930-1935)**

- | | |
|--|-----|
| I. Đảng bộ lãnh đạo cao trào cách mạng 1930-1931 | 94 |
| II. Phong trào cách mạng ở Quảng Trị trong những năm 1932-1935 | 113 |

Chương III

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO
ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ,
CHỐNG NGUY CƠ PHÁT XÍT VÀ CHIẾN TRANH
(1936-1939)**

- | | |
|---|-----|
| I. Bối cảnh thế giới, tình hình Đông Dương và chủ trương của Đảng | 121 |
| II. Phong trào Đông Dương đại hội và đón Gôđa tại Quảng Trị | 125 |
| III. Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ | 140 |

Chương IV

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ
LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG,
CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN
(1939-3/1945)**

- | | |
|---|-----|
| I. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Trung ương Đảng | 167 |
| II. Chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, duy trì, phát triển tổ chức Đảng và phong trào cách mạng | 170 |

Chương V

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO
TOÀN DÂN KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC,
TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN
THẮNG LỢI (3/1945 - 8/1945)**

- | | |
|---|-----|
| I. Gấp rút chuẩn bị lực lượng | 198 |
| II. Khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ và các phủ, huyện lỵ | 217 |

Phần thứ hai

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ
LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)**

Chương VI

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ LÃNH ĐẠO
ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN,
XÂY DỰNG THỰC LỰC CÁCH MẠNG, ĐÁNH ĐỊCH
BẢO VỆ VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT - LÀO,
CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN LÂU DÀI
(23/8/1945 ĐẾN 19/12/1946)**

- | | |
|--|-----|
| I. Quảng Trị sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 | 235 |
| II. Ổn định đời sống nhân dân, xây dựng thực lực cách mạng, đánh địch ở biên giới Việt - Lào | 239 |
| III. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I | 258 |

Chương VII

**NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (19/12/1946 - 1948)**

- | | |
|--|-----|
| I. Vượt qua khó khăn thử thách, bám dân, bám đất hoạt động | 268 |
|--|-----|

II. Củng cố và xây dựng thực lực cách mạng, phát động chiến tranh du kích	285
---	-----

III. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II	303
---	-----

Chương VIII

ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN.

CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHUYỂN SANG

TỔNG PHẢN CÔNG (1949-1951)	328
----------------------------	-----

I. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III	328
--	-----

II. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV	341
--	-----

Chương IX

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG TRỊ

CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG

THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1952-1954)	368
------------------------------------	-----

I. Giành lại thế chủ động, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến	368
--	-----

II. Phối hợp chiến trường chính, quân và dân Quảng Trị giành thắng lợi trong đông - xuân 1953-1954	385
--	-----

Kết luận	411
----------	-----

Phụ lục	427
---------	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN

TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ

ThS. NGUYỄN MINH HUỆ

Trình bày bìa: ĐUỜNG MAI PHƯƠNG

Chế bản vi tính: NGUYỄN THANH HẢI

Sửa bản in: NGUYỄN THANH THÚY

Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

In 1.145 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Xí nghiệp in FAHASA.

Địa chỉ: 774 Trường Chinh - P.15 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh.

Giấy đăng ký xuất bản số: 511-2022/CXBIPH/14-76/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 1258-QĐ/NXBCTQG.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2022.

Mã số ISBN: 978-604-57-7533-2.